(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 01

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

... Cơ hội chỉ tồn tại ở những chỗ mà người ta kêu ca. Khi người ta kêu ca, đó chính là cơ hội của bạn. Hãy giải quyết vấn đề và những lời than vãn đó đi, bạn sẽ nắm bắt được cơ hội.

Chúng ta nên từ những thất bại mà người khác mắc phải, không cần thiết học từ những câu chuyện thành công của họ. Rất nhiều trường MBA hiện nay tập trung vào những câu chuyện thành công. Chúng ta có nhiều lý do để thành công nhưng chỉ có một lý do thất bại. Hãy học hỏi từ lý do thất bại của người khác.

Trong 18 năm qua, cùng với đội ngũ của mình, chủng tôi thu nhập những câu chuyện thất bại của người khác để nghiên cứu, học hỏi và cố gắng tránh nó.

Nếu muốn làm gì đó, các bạn phải có ý tưởng và ước mơ. Ý tưởng là điều bạn có thể làm khi người khác không thể, điều bạn có thể làm tốt hơn những người khác, điều bạn có thể làm khác với số đông. Khi tất cả đều nói phải thế này, các bạn hãy nghĩ sao không phải thế kia. Khi người ta nói phải thế kia, các bạn hãy nghĩ sao không phải là thế này. Các bạn cần phải khác biệt. Nếu các bạn cũng như những người khác thì làm sao có cơ hội?

Tôi được biết ở Việt Nam có một số cuốn sách về tôi, về Alibaba. Có vẻ câu chuyện rất nổi tiếng. Tôi không đọc chúng bởi vì trong tương lai, tôi muốn tự viết một cuốn sách về Alibaba - 1.001 sai lầm.

Nếu bạn học hỏi được từ những sai lầm, bạn sẽ trở nên mạnh mẽ hơn, bạn sẽ thực tế hơn. Khi nhìn thấy tất cả những thất bại, khi vẫn muốn chiến đấu cho tương lai, bạn sẽ có cơ hội.

Không ai là siêu nhân. Nếu muốn thành công, bạn phải thực tế, phải tập trung, phải làm việc theo nhóm, phải lạc quan vào tương lai. Đó là tất cả những gì tôi muốn chia sẻ với các bạn và tôi sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi...

(Bài phát biểu của tỉ phú Jack Ma tại Hà Nội ngày 06/11/2017 - vnexpress.net)

** MBA:là tên viết tắt của chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.*

Câu 1: Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn văn bản trên?

Câu 2: Theo anh/ chị, vì sao tác giả lại khẳng định: *Cơ hội chỉ tồn tại ở những chỗ mà người ta kêu ca?*

Câu 3: Phân tích tác dụng của biện pháp điệp cấu trúc cú pháp trong hai câu văn: *"Khi tất cả đều nói phải thế này, các bạn hãy nghĩ sao không phải thế kia. Khi người ta nói phải thế kia, các bạn hãy nghĩ sao không phải là thế này."*

Câu 4: Hãy rút ra những bài học thiết thực nhất cho anh/ chị từ nội dung văn bản trên?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/ chị bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về lời khuyên của tỉ phú Jack Ma: *Không ai là siêu nhân. Nếu muốn thành công, bạn phải thực tế.*

Câu 2 (5,0 điểm):

Viết về cảm xúc trong thơ, nhà phê bình Hoài Thanh từng cho rằng: *Dòng cảm xúc quá chừng sôi nổi khiến cho câu chữ không thể đi theo những đường viền có sẵn, ý thơ xô đẩy làm cho khuôn khổ câu thơ cũng phải lung lay.*

Anh/ chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ sau:

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

Dẫu xuôi về phương bắc
Dầu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh – một phương

(*Sóng* - Xuân Quỳnh, SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục, 2008, Tr.155 - 156)

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC - HIỂU

Câu 1:

Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn văn bản: Thao tác lập luận bình luận/ Thao tác bình luận.

Câu 2:

Có thể đưa ra nhiều cách lí giải khác nhau, song cần đảm bảo tính logic, thuyết phục. Gợi ý:

Tác giả khẳng định: *Cơ hội chỉ tồn tại ở những chỗ mà người ta kêu ca* vì:

- *Những chỗ người ta kêu ca* phản ánh nhu cầu cấp thiết mà chưa được đáp ứng của con người.

- Khi lắng nghe những nhu cầu đó, mỗi cá nhân sẽ hiểu biết hơn về xã hội. Khi nghiên cứu, tìm tòi để thỏa mãn những nhu cầu đó thì có thể tạo ra được những sản phẩm kinh doanh mang lại lợi nhuận cao. Nói cách khác là việc biết lắng nghe và thỏa mãn những lời kêu ca sẽ tạo nên cơ hội thành công.

Câu 3:

Tác dụng của biện pháp điệp cấu trúc cú pháp trong hai câu văn: *"Khi tất cả đều nói phải thế này, các bạn hãy nghĩ sao không phải thế kia. Khi người ta nói phải thế kia, các bạn hãy nghĩ sao không phải là thế này":*

- Tạo cho câu văn sự nhịp nhàng, hài hòa.

- Nhấn mạnh và khẳng định vai trò quan trọng của sự khác biệt giữa tư duy cá nhân và tư duy số đông. Đặc biệt nhấn mạnh tính hai mặt của một vấn đề mà để đạt được thành công con người cần nghiên cứu nghiêm túc vấn đề đó.

Câu 4:

Có thể đưa ra nhiều bài học khác nhau, cần nêu được ít nhất hai bài học:

- Bài học về việc biết nắm bắt cơ hội, tìm kiếm thành công. Thành công chỉ đến với những người có tinh thần học hỏi, biết quan sát, lắng nghe, đặc biệt là lắng nghe, phân tích mặt trái của vấn đề *(những lời kêu ca than vãn).*

- Bài học về ý chí, bản lĩnh; tinh thần lạc quan: biết tin tưởng vào bản thân và con đường mà mình đã lựa chọn, biết đứng dậy từ những vấp ngã.

- Bài học về việc phân tích, đánh giá, nhìn nhận vấn đề: không chủ quan, phiến diện, không chạy theo số đông; cần khôn ngoan, tỉnh táo để có những quyết sách đúng đắn.

- Bài học về bí quyết thành công, đó là tính thực tế, tính tập trung, tinh thần hợp tác làm việc theo nhóm. Những yếu tố đó sẽ hỗ trợ tối đa cho mỗi cá nhân để có thành công.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về cái nhìn và cách sống thực tế để có được thành công.

- Giải thích:

+ *Siêu nhân*: người có năng lực phi thường.

+ *Thực tế:* hiện thực về đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

→ Quan niệm là một lời khuyên ý nghĩa: không ai là người phi thường, thành công chỉ đến với những người biết bám sát, biết nhìn nhận và đánh giá toàn diện hiện thực đời sống xã hội.

- Bàn luận:

+ Cuộc sống luôn có vô vàn khó khăn, thử thách, trong khi năng lực bản thân mỗi người có hạn; bởi vậy khi tiến hành công việc phần lớn con người đều phải đối diện với thất bại.

+ Muốn có thành công, cần có phương pháp và một phương pháp hiệu quả nhất là nhìn nhận thực tế: thực lực (khả năng), nhu cầu đời sống, phân tích thực tế xã hội, bước lên từ chính chỗ mình vấp ngã, nỗ lực vượt qua khó khăn...

+ Phê phán những cá nhân có suy nghĩ và mơ ước viển vông, hành động xa rời thực tế.

- Liên hệ, rút ra bài học chân thành thiết thực cho bản thân (với tư cách là một công dân trẻ tuổi, sắp có bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời).

(Trong quá trình bàn luận, học sinh lấy dẫn chứng chứng minh)

Câu 2:

CHÚ Ý

Đây là dạng đề nghị luận về một ý kiến bàn về văn học. Với dạng đề này, các em cần lưu ý:
- Mở bài cần giới thiệu được ý kiến cần bàn luận, tác phẩm hoặc đoạn trích cần phân tích.
- Thân bài cần giải thích rõ nhận định trước khi đi vào phân tích chi tiết.
- Kết bài: cần khái quát được giá trị, ý nghĩa của nhận định.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

Phân tích hai khổ thơ trong bài *Sóng* để làm sáng tỏ cho nhận định của Hoài Thanh

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm

b. Giải quyết vấn đề nghị luận

* *Giải thích ý kiến của Hoài Thanh*

CHÚ Ý

Phần giải thích cần làm rõ được các thuật ngữ: *cảm xúc, ý thơ, những đường viền có sẵn, khuôn khổ câu thơ...*

- "Cảm xúc" là những rung động, là tình cảm - đây là yếu tố quan trọng nhất của thơ. Khởi nguồn của thơ là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc. "Sôi nổi" chỉ mức độ của cảm xúc: nồng nàn, cháy bỏng, mãnh liệt dâng trào. "Ý thơ" chỉ tư tưởng, tình cảm.

- "Những đường viền có sẵn", "khuôn khổ câu thơ": Những quy định có sẵn từ trước, những hình thức có tính chất khuôn mẫu, ổn định. "Xô đẩy", "không đi theo", "lung lay" đều chỉ sự bứt phá, vượt ra khỏi những quy định.

→ Khi cảm xúc, tình cảm trong thơ đến mức mãnh liệt nó sẽ phá vỡ những khuôn mẫu, những hình thức có tính chất ổn định. Từ đó cho thấy trong mối quan hệ giữa nội dung cảm xúc và hình thức nghệ thuật của thơ thì nội dung cảm xúc đóng vai trò chi phối.

** Chứng minh qua đoạn thơ trong bài Sóng*

CHÚ Ý

Phần chứng minh cần bám sát vào 2 luận điểm chính:
- *Dòng cảm xúc quá chừng sôi nổi* ở đoạn thơ này là gì?
- Hình thức nghệ thuật có gì độc đáo, khác lạ?

- **Hai khổ thơ thể hiện dòng cảm xúc quá chừng sôi nổi**, là tiếng nói tình cảm mãnh liệt của một trái tim phụ nữ yêu chân thành, da diết.

+ Khổ thơ thứ nhất: nỗi nhớ da diết, cháy bỏng. Nỗi nhớ lúc thì được biểu hiện gián tiếp, ẩn mình trong "sóng", lúc thì được giãi bày trực tiếp bằng nỗi nhớ của chính "em", mỗi nét tâm trạng được nhắc lại tựa như những vòng sóng cộng hưởng, lan tỏa.

++ Trong 4 câu thơ đầu: có tới 3 lần từ "sóng" được điệp lại như điệp khúc của một bản tình ca với những giai điệu da diết, như một ám ảnh thường trực về tình yêu và nỗi nhớ, những câu thơ tựa như những đợt sóng, gối lên nhau, hối hả vươn tới bờ.

++ Nghệ thuật đối "con sóng dưới lòng sâu - Con sóng trên mặt nước" → đại dương gồm nhiều con sóng, có con sóng nổi, có con sóng chìm nhưng tất cả đều có chung một đặc điểm đó chính là nỗi nhớ bờ: "Ôi con sóng nhớ bờ - Ngày đêm không ngủ được"

→ Nỗi nhớ chất đầy không gian *(trên mặt nước, dưới lòng sâu),* đằng đẵng theo thời gian *(ngày - đêm*) cũng như tâm trạng nhớ nhung của những người yêu nhau khi phải cách xa: có lúc sôi nổi mãnh liệt, có lúc sâu lắng âm thầm. Xuân Quỳnh đã phát hiện thấy sóng "không ngủ được" vì "sóng mang trong mình nỗi nhớ, sóng chính là nỗi nhớ... đã là sóng thì bao giờ cũng thức, sóng không ngủ vì nếu sóng ngủ thì chính sóng cũng không tồn tại nữa" (Nguyễn Đăng Mạnh) → sóng chính là trái tim của biển cả, là nhịp đập, là sự sống của biển cả.

++ Hai câu sau của khổ thơ đầu diễn tả trực tiếp nỗi nhớ trong em: Em nhớ anh như sóng nhớ bờ. Sóng nhớ bờ trong cõi thực, giới hạn bởi ngày và đêm, còn người con gái khi yêu thì nỗi nhớ băng qua mọi giới hạn, xáo trộn cả cõi thực và cõi mơ, thống trị cả trong tiềm thức, vô thức: "Cả trong mơ còn thức" → sự phi lí trong thực tế (bởi đã *mơ* thì không còn *thức,* đã *thức* thì hết *mơ* rồi) nhưng lại diễn tả một chân lí trong tình yêu. Chỉ những ai biết trân trọng tình yêu, yêu chân thành và mãnh liệt mới có thể sẻ chia điều đó!

→ 2 câu thơ giãi bày trực tiếp nỗi nhớ của "em" như một so sánh ngầm với nỗi nhớ của sóng: Biển khơi bao la có bao nhiêu con sóng thì có bấy nhiêu nỗi nhớ dù đó là sóng nổi, sóng chìm... Đại dương có nhiều con sóng, đời chỉ có 1 em, nỗi nhớ em dành cho anh bằng tất cả nỗi nhớ của những con sóng ngoài đại dương kia gộp lại.

→ Khổ thơ là sự phát hiện ra một thuộc tính bất biến của tình yêu: Yêu gắn liền với nỗi nhớ, một tâm hồn ngừng nhớ là dấu hiệu chắc chắn của một trái tim đã ngừng yêu.

+ Khổ thơ thứ hai: sự thủy chung son sắt trong tình yêu

++ Nhà thơ sử dụng cách nói ngược: thông thường người ta nói "xuôi nam - ngược Bắc" thì Xuân Quỳnh lại viết "xuôi về phương Bắc - ngược về phương Nam" → nhắc đến những miền không gian Bắc - Nam là gợi lên dự cảm về sự xa cách *(Vừa thoáng tiếng còi tàu - Lòng đã nam đã bắc).* Cách nói ngược này đã nhấn mạnh vào những nghịch lí của cuộc đời, sự cách trở gian lao trong thực tế. Lời thơ bình thản, nhẹ nhàng mà sao ta vẫn nghe thấy ở đó một nỗi thấp thỏm, một linh cảm trước cuộc đời đầy bất trắc, đổi thay vô thường!

++ Điệp từ "dẫu" được nhắc lại hai lần, lại đứng ở đầu câu cho thấy ý thức của người con gái: vẫn biết

tình yêu còn nhiều khó khăn, gian khổ nhưng "em" chấp nhận vì có thể nào đánh giá được tình yêu nếu không đặt vào thử thách!

++ Nhà thơ đáp lại hai giả định trên *(Dẫu xuôi.... Dẫu ngược)* bằng một sự khẳng định "Nơi nào.... một phương". Câu thơ vang lên như lời thề nguyện chắc nịch của tình yêu: dù ở bất cứ nơi đâu, dù trải qua muôn trùng sóng gió, trái tim em vẫn luôn hướng về anh, tình yêu em vẫn dành trọn cho anh. Nếu cuộc đời có bốn phương tám hướng thì lòng em chỉ có *một phương* duy nhất: phương anh. Anh chính là vầng mặt trời suốt đời soi sáng và sưởi ấm cho em.

→ Nếu nỗi nhớ là thuộc tính của tình yêu thì sự thủy chung lại là một phẩm chất cần có của tình yêu.

- **Hai khổ thơ còn cho thấy sự phá vỡ những hình thức, khuôn mẫu có tính chất ổn định** (câu chữ không đi theo đường viền có sẵn, khuôn khổ câu thơ bị lung lay)

CHÚ Ý

Phần chứng minh cần bám sát vào 2 luận điểm chính:

- *Dòng cảm xúc quá chừng sôi nổi* ở đoạn thơ này là gì?
- Hình thức nghệ thuật có gì độc đáo, khá lạ?

+ Âm điệu của hai khổ thơ: mang âm điệu của sóng. Sóng biển hay cũng chính là sóng lòng của người con gái đang yêu: không bình lặng mà lúc nhỏ nhẹ, dịu dàng khi lại ồn ào, mãnh liệt. Âm điệu đó được tạo nên do thể thơ (thể thơ năm chữ, gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh linh hoạt).

+ Sự sáng tạo hình tượng thơ độc đáo: hai hình tượng *sóng* và *em* cứ sóng đôi, đan cài vào nhau. Sóng mang tâm trạng của người và người mang trong mình tiếng sóng vỗ của tình yêu rạo rực.

+ Khổ thơ viết về nỗi nhớ là khổ thơ dài nhất cả bài, tính cân xứng, đều đặn giữa các đoạn thơ dường như bị phá vỡ vì đoạn thơ đã chạm đến chỗ da diết nhất, khắc khoải nhất của tình yêu → khổ thơ kéo dài ra như cách để nhà thơ đo chiều dài nỗi nhớ.

* *Đánh giá chung*

- Ý kiến của nhà phê bình Hoài Thanh là ý kiến xác đáng, đúng đắn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong thơ. Tuy nhiên cũng cần phải thấy rằng: Không phải cứ có cảm xúc mãnh liệt thì sẽ có sự phá cách và tạo nên cái mới trong nghệ thuật thơ ca. Việc sáng tạo nên những hình thức mới mẻ còn phải phụ thuộc vào cái tài của người nghệ sĩ. Cảm xúc chỉ là phần "xương thịt", là yếu tố khơi nguồn và thúc đẩy. Hơn nữa, không chỉ thơ mà đối với loại hình nghệ thuật nào cũng vậy nội dung cảm xúc, tư tưởng luôn đóng vai trò chủ đạo, quyết định đối với hình thức thể hiện.
- Hai khổ thơ của bài *Sóng* đã thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người con gái khi yêu: nỗi nhớ mãnh liệt cồn cào và tình yêu thủy chung son sắt. *Dòng cảm xúc quá chừng mãnh liệt* ấy đã được thể hiện qua hình thức đoạn thơ mộc mạc, giản dị nhưng vẫn tạo nên được sự cuốn hút lớn với người đọc.

c. Kết thúc vấn đề nghị luận

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu:

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo:

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

(Đề thi có 02 trang) **CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 02**

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

... Khi đứng giảng trong các lớp truyền thông cho các độ tuổi và trình độ khác nhau, một trong những câu hỏi tôi hay đưa ra là: "Bạn không lo lắng khi mọi thông tin cá nhân và những điều thầm kín đều viết, chia sẻ hoặc lưu trữ trên tài khoản cá nhân trên mạng xã hội sao?"

Tại sao tôi hay hỏi câu này? ...Bởi vì chúng ta có thể bị bán đứng vì bất kì ai hay bên liên quan nào. Mọi thông tin chúng ta để trong tài khoản trên mạng xã hội giống như tài sản để trong một ngôi nhà mở toang cửa. Kể cả khi trang cá nhân của bạn không được cài ở chế độ "công khai" thì nhà cung cấp dịch vụ vẫn có thể sử dụng thông tin của bạn cho một bên thứ ba kiếm lợi. Thực tế, họ đã và đang âm thầm thu thập mọi thông tin của bạn.

Trong "Bản Tuyên bố về quyền của người dùng", Facebook cho biết: "Bạn sở hữu tất cả nội dung và thông tin bạn đăng lên Facebook, và bạn có thể kiểm soát cách thông tin được chia sẻ thông qua các cài đặt riêng tư và ứng dụng của mình". Nhưng hãy nhìn vụ bê bối vừa rồi: 50 triệu thông tin cá nhân từ Facebook đã được giao cho bên thứ ba sử dụng phục vụ cho cuộc tranh cử tổng thống Mỹ.

... Chúng ta hồn nhiên khi tham gia mạng xã hội và ném vào đại dương dữ liệu lớn mọi thông tin cá nhân. Ai cũng có thể tìm theo dấu tích số của chúng ta trên Internet. Nó không chỉ là những thứ thông tin được viết ra, hay bức ảnh được chủ động đăng tải: với nhu cầu gây dựng dữ liệu, các nhà cung cấp theo dõi nhất cử nhất động của bạn, từ vị trí, các thói quen đọc, những từ khóa bạn tìm kiếm, những người bạn hay tương tác... mọi cú nhấp chuột dù là vô thức đều được ghi lại và trở thành hàng hóa.

... Liệu những nút report (báo cáo) nội dung bị xâm hại cá nhân của các nhà cung cấp là đủ? Liệu khung pháp lý đã đủ để trấn an người dùng về an toàn mạng? Trước khi mọi thứ được kiểm soát thì có thế hậu quả đã xảy ra như một nữ sinh ở Nghệ An mới tự tử vì bạn trai đưa clip hôn nhau lên mạng. Diên viên, nhà văn Steven Wright từng nói: "Internet giống như miền Tây hoang dã vậy. Chẳng có luật lệ"

Vấn đề hôm nay không phải là giá cổ phiếu của Facebook sụt bao nhiêu hay Mark Zuckerberg mất mấy tỷ USD, mà là sự cẩn trọng của chính bạn khi tham gia môi trường mạng đang ra sao. Thế hệ tôi, 8x đời đầu, may thay vẫn có được một tuổi thơ không Internet. Tôi đang nghĩ về những thế hệ lớn lên trong thời đại số. Làm sao để con tôi, cháu tôi được giáo dục Internet đầy đủ, biết ý thức khai thác mặt tốt của Internet và biết tự bảo vệ mình?...

(*Đời tư là hàng hóa* - Phạm Hải Chung - vnexpress.net 22/03/2018).

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chính được sử dụng trong đoạn văn bản trên?

Câu 2: Anh/chị hiểu như thế nào về nhận xét: *"Internet giống như miền Tây hoang dã vậy. Chẳng có luật lệ."?*

Câu 3: Tại sao tác giả lại cho rằng *"Mọi cú nhấp chuột dù là vô thức đều được ghi lại và trở thành hàng hóa".*

Câu 4: Hãy nêu ra một số biện pháp thiết thực theo quan điểm cá nhân của anh/chị để trả lời câu hỏi: *"Làm sao để con tôi, cháu tôi được giáo dục Internet đầy đủ, biết ý thức khai thác mặt tốt của Internet và biết tự bảo vệ mình?".*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Vấn đề mà văn bản Đọc- hiểu đặt ra gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về một trong các kỹ năng sống rất cần thiết trong xã hội hiện đại: sự cẩn trọng. Hãy trình bày suy nghĩ bằng đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ.

Câu 2 (5,0 điểm):

Trong cuộc chiến với người lái đò, Sông Đà hiện lên:

Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã nghe thấy tiếng nước réo gần mãi lại, réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng hàng ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng....

Nhưng khi đã qua những ghềnh thác, dòng sông lại hiện lên:

Con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu xanh canh hến của sông Gâm, sông Lô. Mùa thu, nước sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về...

(Trích *Người lái đò sông Đà* - Nguyễn Tuân - SGK Ngữ văn 12, trang 152)

Cảm nhận về vẻ đẹp của Sông Đà qua hai đoạn văn trên, từ đó thấy được những đặc sắc về giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC - HIỂU

Câu 1:

Phong cách ngôn ngữ chính: Phong cách ngôn ngữ chính luận/ Phong cách chính luận/ chính luận.

Câu 2:

- Khẳng định môi trường Internet hiện nay phát triển tự nhiên, mạnh mẽ và quá khốc liệt.
- Khẳng định đây là môi trường thiếu sự an toàn, thiếu sự kiểm soát bằng các quy định chặt chẽ; (hoặc: Cảnh báo việc tham gia vào Internet cần có sự đề phòng cần thiết vì đây là một môi trường thiếu sự kiểm soát bằng các quy định chặt chẽ).

Câu 3:

Khẳng định: *Mọi cú nhấp chuột dù là vô thức đều được ghi lại và trở thành hàng hóa* vì:

- Trên Internet tính bảo mật và riêng tư đều không thực sự được coi trọng. Mọi thông tin, mọi lựa chọn cá nhân, mọi hành vi của người sử dụng dễ dàng bị theo dõi, để lại dấu tích.
- Những thông tin, lựa chọn cá nhân tạo thành kho dữ liệu khổng lồ, có giá trị.
- Thông tin cá nhân đôi khi trở thành hàng hóa được mua bán giữa các nhà cung cấp dịch vụ mạng nhằm phục vụ cho những mục đích nhất định và mang lại lợi ích cho nhà cung cấp mà không đem đến bất cứ ích lợi nào cho người dùng.

Câu 4:

- Cần được cung cấp kiến thức hiểu biết về Internet, để có đủ kỹ năng khi sử dụng Internet:
  + Cần chú ý đến tính bảo mật, đọc kĩ và thực hiện theo các điều khoản bảo mật;
  + Có ý thức cao, bản lĩnh khi sử dụng Internet; tránh các việc: bị lôi kéo vào các dịch vụ phát sinh; các nhóm, các hội không minh bạch; liên kết với các đường dẫn kết nối lạ.
- Có kỹ năng khai thác, sử dụng đúng mục đích, đúng giá trị kho dữ liệu khổng lồ của Internet.
- Có ý thức tăng cường giao lưu, học hỏi trong cuộc sống thực, tránh lãng phí thời gian trên mạng xã hội khi không cần thiết, tránh tình trạng "sống ảo".
- cần có ý thức đấu tranh cho bản thân và cộng đồng trước hiện tượng thông tin cá nhân bị xâm phạm và lợi dụng.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

- Giải thích: Sự cẩn trọng là thái độ thận trọng trong lời nói và hành động, tránh sơ xuất để xảy ra những điều bất lợi.
- Bàn luận:
  + Vai trò, ý nghĩa của sự cẩn trọng trong xã hội hiện đại:
  ++ Xã hội hiện đại càng phát triển, đặc biệt là sự phát triển của thế giới ảo nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp.
  ++ Trước mỗi hành động, việc làm, sự cẩn trọng sẽ giúp chúng ta có những quyết định đúng đắn hiệu quả. Ngược lại, nếu không cẩn trọng, chúng ta dễ mắc sai lầm.
  + Sự cẩn trọng không dễ dàng có được, đó là một kĩ năng sống đòi hỏi sự rèn luyện và nỗ lực của mỗi người.

+ Phê phán lối sống cẩu thả, tùy tiện; phân biệt cẩn trọng với sự cẩn thận thái

- Liên hệ, rút ra bài học thiết thực cho bản thân.

Câu 2 (5,0 điểm):

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp vừa dữ dội vừa thơ mộng trữ tình của Sông Đà qua hai đoạn văn, qua đó khái quát về phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm:

Cuộc đời Nguyễn Tuân, có người nói, là một định nghĩa về người nghệ sĩ. Với phong cách tự do, phóng túng và ý thức sâu sắc về cái tôi cá nhân, Nguyễn Tuân đã tìm đến thể tuỳ bút như một tất yếu.

"Người lái đò Sông Đà" là một tuỳ bút đặc sắc của Nguyễn Tuân in trong tập "Sông Đà" xuất bản năm 1960. Trong tác phẩm này, Nguyễn Tuân không chỉ ca ngợi con người Tây Bắc mà còn phát hiện vẻ đẹp độc đáo của con sông Đà - vừa hung dữ, hiểm trở, lại vừa thơ mộng, trữ tình, vẻ đẹp ấy được tái hiện rất sống động qua hai đoạn văn.

b. Cảm nhận về vẻ đẹp của Sông Đà qua hai đoạn văn:

- Khái quát về hình tượng Sông Đà trong đoạn trích "Người lái đò Sông Đà": vẻ đẹp hung bạo mà trữ tình.

Trải suốt từ trang đầu đến trang cuối tác phẩm là hình ảnh dòng sông Đà được chụp lại ở nhiều chiều, nhiều góc độ khác nhau. Mở đầu bài tuỳ bút, Nguyễn Tuân đã có hai câu đề từ giới thiệu tính chất độc đáo của dòng sông Đà "Đẹp vậy thay tiếng hát trên dòng sông" và "Chúng thuỷ giai đông tẩu/ Đà giang độc bắc lưu". Lời đề từ thứ nhất gợi ra vẻ đẹp kiều diễm, thơ mộng của dòng sông. Câu thứ hai nhấn vào tính chất đặc biệt của sông Đà, mọi con sông đều chảy theo hướng đông, riêng mình sông Đà chảy theo hướng bắc. Đó như là một sự cưỡng lại tự nhiên để khẳng định cá tính của dòng sông. Và điều này đã khiến con sông trở nên dữ tợn với nhiều vực xoáy, luồng chết, đá ghềnh, sóng thác. Hung bạo mà trữ tình, những nét đẹp ấy đã cuốn hút tâm hồn người nghệ sĩ, để nhà văn làm sống dậy trên trang văn một dòng sông độc đáo, lạ thường không kém gì dòng sông của tự nhiên.

- Cảm nhận vẻ đẹp Sông Đà trong đoạn 1 :

+ Nội dung: Đoạn văn miêu tả âm thanh nước thác, qua đó làm hiện lên vẻ đẹp hùng vĩ dữ dội của sông Đà.

+ Nghệ thuật: chú ý bám sát và phân tích các yếu tố nghệ thuật (câu văn ngắn, nhịp nhanh; nghệ thuật nhân hóa cùng các từ *réo gần, réo to, gằn, chế nhạo, khiêu khích, van xin, oán trách* ... khiến nước thác vừa như một sinh thể có linh hồn sống động, tâm trạng phong phú, tính cách dữ dội vừa như một bản hùng ca tráng liệt của đại ngàn)

- Cảm nhận vẻ đẹp Sông Đà trong đoạn 2:

+ Nội dung: Đoạn văn miêu tả dáng sông và màu nước sông Đà, qua đó tô đậm vẻ đẹp thơ mộng của con sông Tây Bắc.

+ Nghệ thuật: chú ý làm rõ hiệu quả thẩm mỹ của các yếu tố nghệ thuật (câu văn dài, nhịp văn chậm rãi, thong thả; ngôn ngữ và hình ảnh gợi cảm *tuôn dài tuôn dài, áng tóc trữ tình, xanh ngọc bích, lừ lừ chín đỏ;* nghệ thuật nhân hóa làm nổi bật vẻ đẹp mềm mại trữ tình thơ mộng và gợi cảm của dòng sông)

c. So sánh vẻ đẹp của Sông Đà qua hai đoạn văn:

- Điểm giống:

+ Trong nội dung: hai đoạn văn đều nói đến vẻ đẹp sông Đà, đặc biệt là nước sông Đà, qua đó, làm hiện lên cái tôi độc đáo của Nguyễn Tuân (ngôn từ phong phú; khả năng tổ chức câu văn xuôi giàu giá trị tạo hình; trí tưởng tượng mãnh liệt; tiếp cận đối tượng ở phương diện văn hóa thẩm mỹ; không ưa những gì bằng phẳng, nhợt nhạt...)

+ Trong nghệ thuật: ngôn ngữ giàu có; nghệ thuật nhân hóa

- Điểm khác:

+ Nội dung: cùng tả nước sông Đà nhưng đoạn 1 tả âm thanh, đoạn 2 tả màu nước nên đoạn 1 như một bản nhạc, đoạn 2 như một bức họa; đoạn 1 tô đậm vẻ đẹp hùng vĩ dữ dội; đoạn 2 tô đậm vẻ đẹp thơ mộng trữ tình

+ Nghệ thuật: câu văn (đoạn 1 câu ngắn, nhịp nhanh; đoạn 2 câu dài, nhịp chậm); ngôn ngữ (đoạn 1 thiên về góc cạnh, nhiều động từ; đoạn 2 thiên về cái đẹp mềm mại, gợi hơn tả); về giọng điệu (đoạn 1 giọng mạnh mẽ; đoạn 2 giọng tha thiết nhẹ nhàng)

d. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm được thể hiện qua hai đoạn văn:

Nguyễn Tuân có một vốn tri thức phong phú, nhiều mặt về lịch sử, địa lí, quân sự, điện ảnh. Qua việc miêu tả Sông Đà trong tác phẩm nói chung và trong đoạn trích nói riêng, ông đã cung cấp hiểu biết mọi mặt về dòng sông này, mang lại cho người đọc những kiến thức lí thú.

Nguyễn Tuân cũng đã vận dụng mặt mạnh của nhiều ngành khoa học khác để làm tăng khả năng biểu hiện của văn chương, Miêu tả sông Đà có lúc ông giống như một nhà quay phim lão luyện, hết lùi lại để bao quát toàn cảnh sông Đà, có lúc lại quay cận cảnh một con thác hung dữ. Khi miêu tả cảnh sắc hai bên bờ sông và dòng nước sông Đà, Nguyễn Tuân lại sử dụng các gam màu rất táo bạo, tài tình như một hoạ sĩ tài năng: màu xanh ngọc bích của mùa xuân, lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa vào mùa thu. Cách miêu tả sông Đà từ phương diện văn hoá, mĩ thuật của Nguyễn Tuân đã tạo nên những trang văn thực sự độc đáo. Miêu tả con sông Đà, Nguyễn Tuân huy động một vốn từ ngữ phong phú, đa dạng. Miêu tả cuộc quyết đấu của người lái đò với con Sông Đà, Nguyễn Tuân sử dụng những từ ngữ quân sự, võ thuật với những câu văn ngắn. Khi miêu tả vẻ đẹp trữ tình, câu văn của ông kéo dài, mang đậm chất trầm tư, mơ mộng. Ông thực sự xứng đáng là "người nghệ sĩ của ngôn từ"./.

e. Kết thúc vấn đề nghị luận

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu:

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo:

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

(Đề thi có 02 trang)

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 03

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Người ta gọi ông là "Hiệp khùng". Ông có một chuỗi phòng trọ ở cổng viện Nhi TW - và chỉ thu 15.000 đồng/người/ngày. Nhà trọ của ông Hiệp dành cho những gia đình bệnh nhi khó khăn, những đồng bào dân tộc hay người từ quê lên phải điều trị dài ngày. Nếu có ai khó khăn quá, ông sẽ miễn luôn cả tiền trọ, rồi tự đi chạy vạy quyên góp để giúp đỡ các cháu điều trị. Mà ông Hiệp vẫn tự hào, rằng dù chỉ thu 15.000 đồng, nhưng nhà trọ của ông không thiếu thứ gì, có quạt điện, wifi, nước lạnh, bếp đun... người ở chỉ còn phải mua mỗi xà phòng.

(2) ...Có một điểm đặc biệt ở ông Hiệp: người chủ nhà trọ thừa nhận rằng mình đang kinh doanh. Còn chỉnh những người ở trọ nghèo khó cũng nói về ông như một nhà từ thiện. Nhưng không, ông có một bài toán kinh doanh rất rạch ròi.

(3) Ông vừa dùng nhà mình, vừa đi thuê nhà khác làm phòng trọ, mướn người làm, một tháng hết 80 triệu. Nhưng ông tính, nếu lúc nào phòng cũng kín, thì một tháng ông thu về hơn 80 triệu một chút...Dư ra một chút để ông Hiệp tự sống trong căn phòng 6 mét vuông ông dành lại cho bản thân...Đó là một bài toán kinh doanh rất thực tế. Nó chỉ khác những bài toán kinh doanh phổ biến khác, ở một điểm, là chủ doanh nghiệp không đặt lợi nhuận lên trước. Ông đặt lợi ích của "khách hàng" - tức là những bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn - lên đầu. Ông gần như không lấy lãi.

(4) Mười lăm nghìn đồng ấy, nằm chênh vênh giữa ranh giới của một cuộc kinh doanh và một sự giúp đỡ. Mười lăm nghìn đồng ấy, nằm giữa đường biên của một thương nhân lão luyện và một nhà hoạt động xã hội.

(5) Tôi không nói với ông, nhưng cái ông đang làm, là một mô hình doanh nghiệp xã hội mẫu mực. Đó là một mô hình phổ biến ở nhiều quốc gia phát triển, nhưng vẫn còn rất hiếm ở nước ta: những cuộc từ thiện thường chỉ trông vào nguồn tài trợ mà không thể tự nuôi sống được mình lâu dài; còn những cuộc kinh doanh, thì hay rơi vào cảnh cực đoan chạy theo lợi nhuận.

(6) Trong sự nghiệp của mình, chúng ta sẽ rất nhiều lần gặp một "điểm cân bằng" như 15 nghìn đồng của ông Hiệp. Đó là lúc ta sẽ lựa chọn giữa lợi ích tuyệt đối của bản thân, và việc san sẻ lợi ích với cộng đồng.

Đức Hoàng *(vnexpress.net 03/05/2017)*

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

Câu 2: Dựa vào văn bản, hãy giải thích thế nào là "doanh nghiệp xã hội"?

Câu 3: Theo anh/ chị, vì sao nhân vật chính được nói đến trong đoạn văn bản lại có biệt danh là "Hiệp khùng"?

Câu 4: Thông điệp mà tác giả muốn đưa ra khi nói tới số tiền mười lăm nghìn đồng trong đoạn văn (4) là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) thể hiện suy nghĩ của anh/chị về việc "lựa chọn giữa lợi ích tuyệt đối của bản thân và san sẻ lợi ích với cộng đồng".

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận về hình ảnh người phụ nữ Việt Nam thời xưa qua hai bài thơ *"Tự tình II"* (Hồ Xuân Hương) và *"Thương vợ"* (Tú Xương) (SGK Ngữ văn 11, tập Một). Vẻ đẹp xưa của người phụ nữ đã được tiếp nối ở nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm *"Chiếc thuyền ngoài xa"* như thế nào?

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Trong câu hỏi 2 và câu hỏi 3, đối với dạng yêu cÂu giải thích cho một khái niệm, một biệt danh, một cách gọi, các em cần chú ý:

- Khai thác thông tin từ văn bản: chú ý các câu văn xuất hiện trước và sau câu văn có xuất hiện khái niệm.
- Kết hợp với hiểu biết của bản thân để lấy ra những thông tin hữu ích, tránh lan man. Ví dụ chữ "khùng" trong biệt danh "Hiệp khùng" thường để chỉ những con người khác thường, thậm chí là điên rồ, làm những việc không giống với số đông.

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận/ Phương thức nghị luận.

Câu 2 (0,5 điểm):

Học sinh căn cứ vào nội dung văn bản và hiểu biết của bản thân để đưa ra định nghĩa phù hợp.

Gợi ý: Doanh nghiệp xã hội là mô hình kinh doanh không đặt lợi nhuận lên trước mà đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu.

Câu 3 (1,0 điểm):

Học sinh cần đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để giải thích một cách hợp lí, chặt chẽ.

Gợi ý:

Ông có nhiều suy nghĩ, hành động khác thường, không giống với số đông như: cho thuê phòng với mức giá quá rẻ, không chạy theo lợi nhuận như nhiều người khác; chỉ sống trong một phòng 6 mét vuông trong khi có rất nhiều phòng để cho thuê; miễn tiền trọ cho nhiều người nghèo...

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra thông điệp theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục.

Gợi ý:

- Những điều nhỏ bé, giản dị đôi khi lại có ý nghĩa rất lớn lao, có thể giúp đỡ cho nhiều người trong những hoàn cảnh khó khăn, khốn cùng nhất.
- Ranh giới giữa tốt và xấu, lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng có lúc rất mong manh, mỗi người đều cần có ý thức về ranh giới đó.
- Mỗi người cần có những hành động thiết thực để giúp đỡ cộng đồng dù là nhỏ bé. Nhiều hành động, nhiều người cùng chung tay sẽ mang lại những lợi ích vô cùng lớn lao.

…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận xã hội: xuất hiện hai vấn đề cần bàn luận được đặt trong mối quan hệ với nhau (ở đây là: lựa chọn lợi ích tuyệt đối của bản thân và san sẻ lợi ích với cộng đồng), các em cần chú ý:

- Thể hiện suy nghĩ về từng vấn đề, thường đánh giá cả mặt tích cực và tiêu cực của vấn đề.
- Bài học rút ra cho bản thân thường là lối sống, cách sống, quan niệm sống kết hợp của cả hai vấn đề trên.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm):

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Vấn đề lựa chọn cách sống phù hợp cho bản thân

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về việc lựa chọn cách sống vì cá nhân hay vì cộng đồng. Có thể theo hướng sau:

- Đảm bảo lợi ích của bản thân có ý nghĩa quan trọng để mỗi cá nhân có cuộc sống tốt đẹp, có điều kiện phát triển. Mỗi cá nhân cần quan tâm, cần rèn giũa trước hết chính là bản thân mình.

- San sẻ lợi ích với cộng đồng là ý thức, là trách nhiệm của mọi người, bởi vì không ai tồn tại một cách độc lập, riêng rẽ. Cộng đồng phát triển sẽ tạo điều kiện cho cá nhân phát triển, (dẫn chứng từ các hoạt động từ thiện, hoạt động ủng hộ, quyên góp giúp đỡ cộng đồng...)

- Cần có sự cân bằng, hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng tuỳ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

- Liên hệ thực tế, rút ra bài học chân thành, thiết thực cho bản thân: là một người trẻ tuổi đã rèn luyện cá

nhân như thế nào; đã giúp đỡ cộng đồng bằng những hành động gì...

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

STUDY TIP

Một số dẫn chứng về các hoạt động từ thiện, hoạt động cộng đồng:

- Anh Nguyễn Quang Thạch đã dành tâm huyết 20 năm thực hiện chương trình "Sách hóa nông thôn", mang tủ sách miễn phí đến nhiều vùng quê.
- Chương trình "Trái tim cho em" với sự tham gia quyên góp của hàng vạn người đã mang lại cơ hội mổ tim miễn phí cho hơn 3500 em nhỏ.
- Chương trình "Cặp lá yêu thương" đã nhận được sự sẻ chia của hơn 2000 "lá lành" đến với những mảnh đời bất hạnh, cho các em cơ hội được đến trường....

Câu 2 (5,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận văn học có yêu cầu: cảm nhận/ phân tích một vấn đề chung xuất hiện trong hai tác phẩm, các em cần chú ý:

- Phân tích/cảm nhận vấn đề chung trong từng tác phẩm ở mức độ vừa phải, đúng trọng tâm, tránh lan man, dễ dẫn đến tình trạng không hoàn thành bài làm.
- Cần có phần so sánh vấn đề chung trong hai tác phẩm để tìm ra điểm giống nhau và khác nhau, tăng tính thuyết phục và tính sáng tạo cho bài làm.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Cảm nhận về hình tượng người phụ nữ Việt Nam thời xưa qua hai bài thơ: *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương và *Thương vợ* của Tú Xương; sự tiếp nối vẻ đẹp xưa ở nhân vật người đàn bà hàng chài.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Hồ Xuân Hương được mệnh danh là bà Chúa thơ Nôm. Thơ của Hồ Xuân Hương vừa trào phúng, vừa trữ tình, vừa thanh, vừa tục, là tiếng nói tâm hồn của người phụ nữ tài sắc mà bạc mệnh, khát khao đòi quyền sống, tự do, bình đẳng, quyền hưởng tình yêu và hạnh phúc. "Tự tình II" là một trong ba bài thơ thuộc chùm thơ "Tự tình" thể hiện nỗi đau đớn, buồn tủi về duyên phận và khát khao hạnh phúc mãnh liệt của Hồ Xuân Hương.

Tú Xương là nhà thơ của thành Nam, là nhà thơ trào phúng – trữ tình lớn của nước ta cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. "Thương vợ" là một trong những bài thơ hay nhất mà Tú Xương viết về vợ của mình ngay khi bà còn sống.

b. Cảm nhận về hình ảnh người phụ nữ thời xưa qua hai bài thơ (2 điểm)

CHÚ Ý

- Hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ *Tự tình:* cô đơn, đau khổ, bẽ bàng duyên phận, khát khao hạnh phúc mãnh liệt
- Hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ *Thương vợ*: vất vả, cay đắng, đảm đang, chung thủy, hết lòng hi sinh vì gia đình.
- Sự tiếp nối ở nhân vật người đàn bà hàng chài: người phụ nữ của xã hội hiện đại; giàu lòng vị tha, đức hi sinh, giàu tình yêu thương; tần tảo, lam lũ.

Có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

- Hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ "Tự tình" - Hồ Xuân Hương:

+ Khái quát về bài thơ:

Thơ của Hồ Xuân Hương là những lời than thân từ nỗi niềm riêng của một cá thể, chất chứa những vấn đề mang tầm phổ quát của thân phận người phụ nữ. Hay nói cách khác, bằng việc viết lên tiếng nói cá nhân, Hồ Xuân Hương làm sống lên hình ảnh người phụ nữ Việt Nam xưa. Bài thơ *Tự tình II* là những nỗi niềm thầm kín, riêng tư của tác giả thể hiện nỗi thương mình trong cô đơn, lẽ mọn, khao khát hạnh phúc tuổi xuân, đó cũng là nỗi thương người, sự sẻ chia với bao người phụ nữ khác cùng cảnh ngộ.

+ Bài thơ đã khắc họa hình ảnh một người phụ nữ với tâm trạng đầy âu lo, trăn trở, với nỗi xót xa trong cảnh cô đơn lẻ loi.

Người phụ nữ đối diện với thời gian đêm khuya, không gian vắng lặng, chỉ có tiếng trống canh. Không – thời gian gợi tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trữ tình. Thời gian đêm khuya cũng là thời gian tâm trạng. Nữ sĩ cảm nhận sự cô đơn trước thời gian. Nhà thơ nghe "văng vẳng trống canh dồn", đó không chỉ đơn thuần là cảm nhận âm thanh mà còn là nghe thời gian trôi. Cái nhịp gấp gáp, liên hồi của tiếng trống vừa là sự cảm nhận vừa là sự thể hiện bước đi dồn dập của thời gian và sự rối bời của tâm trạng. Trước không gian, thời gian đó, người phụ nữ càng thấy được sự tủi hổ, bẽ bàng của duyên phận, lại càng thêm đau xót. Ngậm ngùi mang số phận hồng nhan ra để mà đay đả, cụm từ "cái hồng nhan" hàm nghĩa mỉa mai, chua chát. Tìm lãng quên trong men rượu nhưng "say lại tỉnh", tỉnh ra còn đớn đau hơn. Tìm vầng trăng bầu bạn thì chỉ thấy

"bóng xế", "khuyết, chưa tròn" xoáy thêm vào sự lỡ dở, dang dở. Cuối cùng, còn lại chỉ là một nỗi niềm ngao ngán, đắng chát khi tuổi xuân đang âm thầm trôi qua "xuân đi" mà duyên phận vẫn bị "san sẻ", không bao giờ có được hạnh phúc. Số phận tủi nhục, cay đắng của người phụ nữ trong bài thơ cũng là số phận chung của biết bao người phụ nữ phải chịu cảnh lẽ mọn trong xã hội phong kiến.

+ Bài thơ cũng cho thấy bản lĩnh và ý chí Hồ Xuân Hương, cũng như khát vọng hạnh phúc mãnh liệt không bao giờ nguôi ngoai:

Thái độ bứt phá, vùng vẫy của Hồ Xuân Hương được thể hiện qua hình ảnh thiên nhiên, bằng những cụm từ gây ấn tượng mạnh mẽ: *xiên ngang, đâm toạc.* Thiên nhiên như mang niềm phẫn uất của con người. Các động từ mạnh đi liền với bổ ngữ: *xiên - ngang, đâm – toạc* nhấn mạnh sự bướng bỉnh, ngang ngạnh, sự phản kháng, đồng thời là dấu ấn cá tính mạnh mẽ táo bạo của nữ sĩ. Bức tranh thiên nhiên ở đây luôn tràn trề nhựa sống, nó uyển chuyển linh hoạt và tươi thắm sắc màu. Thiên nhiên trở thành phương tiện chuyển tải tư tưởng đòi tự do, hạnh phúc cho con người.

+ Đánh giá chung: Bài thơ đã cho thấy số phận bất hạnh, cay đắng của người phụ nữ trong cảnh lẽ mọn, tình cảm bị san sẻ trong xã hội phong kiến xưa; đồng thời khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ luôn bền bỉ, kiên cường, bản lĩnh và luôn mãnh liệt khát vọng hạnh phúc.

- Hình ảnh người phụ nữ trong bài thơ "Thương vợ"

- Tú Xương.

+ Khái quát bài thơ:

"Thương vợ" là bài thơ thế sự, cũng là bài thơ tâm sự, thấm đượm nghĩa yêu thương. Bài thơ từ tấm lòng tri ân với vợ của Tú Xương đã khắc hoạ chân dung tảo tần, hết mực vì chồng con của bà Tú.

+ Bài thơ đã thể hiện hình ảnh người phụ nữ - người vợ với gánh nặng gia đình, với bao vất vả, lo toan của công việc bộn bề:

Câu thơ đầu tiên đã bao quát được hai chiều không gian, thời gian cùng công việc khó khăn, nguy hiểm không một phút nghỉ ngơi của bà Tú. "Khi quãng vắng, buổi đò đông", những eo sèo bán buôn nhọc nhằn, bà đều phải bươn chải, vượt qua để lo cho gia đình. Chữ "duyên" có một mà chữ "nợ" đến hai nên cả cuộc đời của bà là sự vất vả, cơ cực, "năm nắng mười mưa". Đó cũng là nỗi vất vả, là gánh nặng của biết bao người phụ nữ khác trong xã hội Việt Nam xưa.

+ Bài thơ cũng tô đậm chân dung của một người phụ nữ đảm đang, chung thủy, giàu tình yêu thương, hết lòng vì chồng con.

Bà Tú là người rất mực chăm lo cho gia đình, lo toan chu toàn mọi việc "Nuôi đủ năm con với một chồng". Nhà thơ đã sử dụng hình ảnh con cò trong ca dao nhưng sáng tạo ở hàm ý thân phận "thân cò" để nói về người vợ suốt đời chăm chỉ, cặm cụi, chỉ lo cho chồng con mà không nghĩ đến mình. Đó còn là người vợ luôn vượt lên hoàn cảnh, không lời phàn nàn trách móc, oán hận mà giàu lòng vị tha và đức hi sinh: "Năm nắng mười mưa dám quản công"; người vợ nhẫn nhịn, tự nguyện gánh vác "giang sơn nhà chồng": *âu đành phận.* Phẩm hạnh của bà Tú mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam nghìn đời.

+ Đánh giá chung: Bài thơ nổi bật là hình ảnh bà Tú - hiện thân của cuộc đời vất vả lận đận, là hội tụ của bao đức tính tốt đẹp: tần tảo, đảm đang, nhẫn nại... quên mình lo toan cho cuộc sống của chồng con. Đó cũng là hình ảnh tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam xưa.

c. So sánh hình ảnh người phụ nữ trong hai bài thơ (0,5 điểm):

- Điểm giống nhau: Thể hiện số phận cay đắng, tủi nhục và khẳng định phẩm chất, bản lĩnh của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến. Từ đó, có thể thấy được giá trị nhân văn sâu sắc trong hai bài thơ.

- Khác nhau:

+ Bài thơ *Tự tình II* là lời thở than cho kiếp lẽ mọn, mang nỗi ngậm ngùi duyên phận. Qua đó, bài thơ cũng phản chiếu nỗi đau khổ cũng như khát vọng hạnh phúc mãnh liệt của một bộ phận người phụ nữ khi chịu cảnh chồng chung.

+ Bài thơ *Thương vợ* là lời tâm tình, thấu hiểu của nhà thơ dành cho vợ, khắc họa hình ảnh tiêu biểu về người vợ, người mẹ Việt Nam truyền thống tần tảo, đảm đang, giàu lòng yêu thương và đức hi sinh.

d. Sự tiếp nối vẻ đẹp của người phụ nữ xưa ở nhân vật người đàn bà hàng chài (truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa)* (0,5 điểm):

- Người đàn bà hàng chài là người phụ nữ của xã hội hiện đại, sống trong hoàn cảnh đất nước vừa kết thúc chiến tranh, đang bước vào xây dựng cuộc sống hòa bình.

- Ở nhân vật này có sự tiếp nối vẻ đẹp của người phụ nữ xưa:

+ Đảm đang, tảo tần lo toan cho gia đình: tấm lưng áo bạc phếch, nửa thân người dưới ướt sũng, lăn lộn cùng chồng nuôi một đàn con.

+ Giàu đức hi sinh, giàu tình yêu thương: hi sinh hết mình cho chồng, cho con; chấp nhận bị chồng đánh để có các con có chỗ nương tựa; vui nhất khi nhìn đàn con ăn no...

→ Vẻ đẹp tâm hồn khuất lấp, vẻ đẹp của cuộc sống đời thường và cũng mang bóng dáng của người phụ nữ Việt Nam nghìn đời.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Bàn về sự đồng cảm, chia sẻ (san sẻ lợi ích với cộng đồng)

"Thương người như thể thương thân" là đạo lí tốt đẹp của dân tộc ta. Tình thương là lẽ sống tốt đẹp của triệu triệu con người Việt Nam được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, ngày một phát triển mạnh mẽ và sâu sắc. Tình thương, lòng nhân ái là một biểu hiện rõ nét về đạo đức của mỗi người. Tình thương, lòng nhân ái được biểu hiện một cách cụ thể qua thái độ và hành động, đó là đồng cảm và sẻ chia.

Có thương người mới biết đồng cảm và sẻ chia. Nhìn thấy người bất hạnh, tàn tật, ốm đau, đói khổ, hoạn nạn, ta động lòng thương, ta rơi nước mắt, đó là đồng cảm "Một miếng khi đói bằng một gói khi no", đó là san sẻ. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Bác Hồ kêu gọi toàn dân "diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm". Bác Hồ cũng như hàng triệu gia đình đã giảm bớt khẩu phần hàng ngày, dành gạo để cứu đói. Chiến thắng được giặc đói lúc bấy giờ là một thành tích to lớn của cách mạng, là do sức mạnh lòng nhân ái của nhân dân ta.

Sau ba mươi năm chiến tranh, nước ta hiện có hàng chục vạn nạn nhân chất độc da cam. Hàng triệu đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn sống trong cảnh nghèo khó, thiếu thốn, khó khăn. Lũ lụt, bão tố xảy ra triền miên, gây ra cảnh người chết, cảnh màn trời chiếu đất cho nhiều gia đình. Nhiều học sinh đến trường bị nước lũ cuốn trôi; nhiều ngư dân ra khơi đánh cá bị sóng gió cuốn mất tích. Trước những cảnh đau lòng đó, ai mà chẳng động lòng thương, ai mà chẳng rơi nước mắt?

Các phong trào quyên góp do Mặt trận Tổ quốc phát động để cứu giúp, để ủng hộ các nạn nhân chất độc da cam, các bệnh nhân nhiễm HIV - AIDS đã được đồng bào ta hướng ứng nhiệt liệt. Nhiều Việt kiều đã gửi về hàng trăm triệu đồng đóng góp vào quỹ từ thiện được báo chí ngợi ca. Phong trào giúp học sinh nghèo, học sinh khó khăn được đông đảo thầy cô giáo và các bạn trẻ tham gia nhiệt liệt. Tất cả các phong trào đó đã nói lên một cách cảm động sức mạnh đoàn kết, truyền thống nhân ái vô cùng tốt đẹp của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Đồng cảm và sẻ chia đã trở thành bài ca, tiếng hát của cả cộng đồng dân tộc. Đồng cảm và sẻ chia đã trở thành tiếng gọi của lương tâm. Đồng cảm và sẻ chia đã trowr thành sức mạnh đẩy lùi khó khăn, hoạn nạn.

Nói đến đồng cảm và sẻ chia trong xã hội ta ngày nay, tôi không bao giờ quên câu ca mà bà nội tôi vẫn nhắc các con, các cháu:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

(vndoc.com)

Phần II – Câu 2:

1. Mở bài:

Hình ảnh người phụ nữ vốn là đề tài quen thuộc trong văn học từ xưa đến nay. Các nhà văn, nhà thơ luôn có sự quan tâm sâu sắc đến số phận và vẻ đẹp tâm hồn của họ trong cuộc sống đầy trở ngại, thử thách, đặc biệt là dưới chế độ phong kiến "trọng nam khinh nữ". Hồ Xuân Hương với bài thơ *Tự tình II* và Tú Xương với bài thơ *Thương vợ* đã góp thêm một tiếng nói đồng cảm, giúp người đọc hiểu hơn về cuộc đời, thân phận và phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội xưa vốn nhiều bất công, ngang trái. Những phẩm chất truyền thống đó đã được kế thừa ở nhân vật người đàn bà hàng chài trong tác phẩm "Chiếc thuyền ngoài xa".

2. Kết bài:

Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong hai bài thơ *Tự tình II* và *Thương vợ* là hiện thân cho những khổ

đau và kết tinh những đức tính tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam qua hàng nghìn năm. Hình ảnh đó vừa mang ý nghĩa tố cáo, lên án chế độ phong kiến bất công lại có giá trị của một thông điệp về việc xây dựng xã hội tốt đẹp hơn, bình đẳng hơn, hạnh phúc hơn cho những người phụ nữ.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 04

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Trên bãi cát những người lính đảo
Ngồi ghép nhau bao nỗi nhớ nhà
Chiều áo rộng vài vạt mây hờ hững
Họ cứ ngồi như chum vại hứng mưa
...
Đảo tái cát
Khóc oan hồn trôi dạt
Tao loạn thời bình
Gió thắt ngang cây.
...
Đất hãy nhận những đứa con về cội
Trong bao dung bóng mát của người
Cầy hãy gọi bàn tay về hái quả
Võng gọi về nghe lại tiếng à ơi...

À ơi tình cũ nghẹn lời
Tham vàng bỏ ngãi kiếp người mong manh.

(Lời sóng 4, trích Trường ca Biển, Hữu Thỉnh, NXB Quân đội nhân dân, 1994)

Câu 1: Xác định thể thơ của đoạn thơ trên.

Câu 2: Cuộc sống của người lính đảo được nhà thơ tái hiện qua những chi tiết, hình ảnh nào?

Câu 3: Theo anh/chị, ý nghĩa của hai câu thơ *Chiều áo rộng vài vạt mây hờ hững - Họ cứ ngồi như chum vại hứng mưa* là gì?

Câu 4: Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ *Đảo tái cát - Khóc oan hồn trôi dạt - Tao loạn thời bình - Gió thắt ngang cây.*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hình ảnh người lính đảo và thông điệp "kiếp người mong manh" mà nhà thơ gửi gắm ở câu thơ cuối gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về giá trị của cuộc sống. Hãy thể hiện suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích bức tranh phố huyện khi chiều về và tâm trạng của nhân vật Liên trước cảnh chiều muộn trong truyện ngắn *"Hai đứa trẻ"* - Thạch Lam (SGK Ngữ văn 11, tập Một) để thấy được nét "trữ

tình đượm buồn" đặc trưng trong sáng tác của Thạch Lam.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Trong câu hỏi số 3, đối với yêu câu nêu ý nghĩa của một hoặc một số câu thơ, các em cần chú ý:
- Xác định nội dung cơ bản của đoạn thơ/bài thơ.
- Đặt câu thơ hoặc một số câu thơ đó trong mối quan hệ đối với đoạn thơ/bài thơ, từ đó xác định ý nghĩa khái quát.
- Căn cứ vào một số từ ngữ quan trọng trong câu thơ, tiếp tục phát triển, bổ sung thêm ý nghĩa của câu thơ (một số câu thơ).

Câu 1 (0,5 điểm): Thể thơ tự do.

Câu 2 (0,5 điểm):

Cuộc sống của những người lính đảo được nhà thơ tái hiện qua những chi tiết, hình ảnh (Học sinh kể được tối thiểu ba chi tiết, hình ảnh): *bãi cát, nỗi nhớ nhà, đảo tái cát, oan hồn trôi dạt, tao loạn thời bình...*

Câu 3 (1,0 điểm):

Ý nghĩa của hai câu thơ:

- Gợi hình ảnh những người lính đảo: ngồi quây quần bên nhau trong sự tĩnh lặng, sự sẻ chia, trong nỗi nhớ quê hương vời vợi, sự gian khổ, vất vả.
- Thể hiện tâm hồn nhạy cảm, giàu yêu thương, tinh thần kiên cường, bền bỉ của họ.

Câu 4 (1,0 điểm):

Hiệu quả:

- Tăng tính hàm súc và gợi tả cho câu thơ.
- Gợi nỗi đau, những mất mát lớn lao trước sự hi sinh của người lính, nỗi đau lan tỏa cả đất trời và gợi lên những nghịch lí oan trái mà người lính thời bình phải chịu. Đó là sự hi sinh thầm lặng để mang lại cuộc sống hòa bình cho Tổ quốc.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận xã hội đưa ra nhiều hơn một thông tin từ văn bản Đọc - hiểu (ở đề này là hình ảnh người lính đảo và cụm từ "kiếp người mong manh" trong câu thơ cuối), các em cần chú ý:
- Tìm ra mối liên hệ giữa hai thông tin đó, để từ đó hiểu sâu hơn về vấn đề nghị luận.
- Dựa vào những thông tin đó để xây dựng luận điểm cho bài nghị luận.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Giá trị cuộc sống của mỗi người.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được quan niệm về giá trị cuộc sống mà mỗi cá nhân theo đuổi. Có thể theo hướng sau:

- Người lính đảo có cuộc sống rất khó khăn nhưng đó là cuộc sống đầy ý nghĩa. "Kiếp người mong

manh" nói về thời gian sống của mỗi cá nhân rất ngắn ngủi, hữu hạn. Bởi vậy, mỗi người đều cần biết tận dụng khoảng thời gian ngắn ngủi đó để tạo nên giá trị cuộc sống.

- Giá trị cuộc sống gồm cả những giá trị vật chất như sức khỏe, tiền bạc... cũng gồm cả những giá trị tinh thần như tri thức, phẩm chất, tâm hồn, sự cống hiến, hi sinh, quan hệ xã hội... Con người cần tạo ra và tích lũy những giá trị đó, đồng thời biết cân bằng và hài hòa giữa các giá trị. Có như vậy mới có được cuộc sống có ý nghĩa và góp phần phát triển xã hội.

- Phê phán những con người chọn lối sống ích kỉ, thực dụng, sống hoài, sống phí.

- Liên hệ bản thân: bản thân là người trẻ tuổi đã sử dụng thời gian như thế nào để sống có ích nhất, đóng góp được nhiều nhất cho xã hội.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm):

STUDY TIP

Đây là dạng đề nghị luận về một ý kiến bàn về văn học, tuy nhiên ý kiến có phần "ẩn" đi nên đôi khi các em sẽ xác định sai lệch vấn đế nghị luận. Bởi vậy các em cần chú ý:
- Đọc kĩ để bài, lưu ý đặc biệt đến các từ, cụm từ được đặt trong dấu ngoặc kép.
- Cần giải thích từ, cụm từ đó và việc giải thích sẽ là cơ sở để xây dựng các luận điểm trong bài văn.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2.Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Nét "trữ tình đượm buồn" thể hiện trong cảnh phố huyện lúc chiều tà và tâm trạng của Liên.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Thạch Lam là một trong những cây bút văn xuôi trụ cột của Tự lực văn đoàn. Tuy nhiên, Thạch Lam đã tự xác định cho mình một lối đi riêng. Hướng ngòi bút lãng mạn, giàu cảm xúc nhẹ nhàng và tinh tế vào những kiếp người nghèo khổ, những truyện ngắn tài hoa của ông thực sự như những bài thơ xinh xắn, duyên dáng và đậm chất nhân văn. "Hai đứa trẻ" trích từ tập "Nắng trong vườn" là một trong những truyện ngắn như thế.

b. Giải thích (0,25 điểm)

"Trữ tình": giàu cảm xúc, giàu chất thơ. Nét "trữ tình đượm buồn" là chỉ một đặc trưng trong sáng tác của Thạch Lam: những câu chuyện phảng phất nỗi buồn về kiếp người, cốt truyện đơn giản, thiên về miêu tả những cung bậc cảm xúc, sắc thái tâm trạng.

c. Phân tích khung cảnh phố huyện buổi chiều và tâm trạng của nhân vật Liên (2,25 điểm)

CHÚ Ý

- Chất trữ tình đượm buồn trong khung cảnh phố huyện:
+ Khung cảnh thiên nhiên man mác buồn.
+ Hình ảnh con người là những kiếp sống lay lắt, mòn mỏi.
- Chất trữ tình đượm buồn toát ra từ diễn biến tâm trạng của Liên:
+ Tâm trạng buồn.
+ Niềm thương cảm cho những kiếp người nhỏ nhoi, lay lắt.

* Chất trữ tình đượm buồn toát ra từ khung cảnh phố huyện buổi chiều:

Khung cảnh phố huyện khi chiều xuống được lọc qua cái nhìn và tâm trạng, cảm giác của nhân vật Liên, nên cũng thấm đượm cảm xúc trữ tình.

- Cảnh vật hiện lên có hồn, êm ả, thi vị mà đượm buồn: Câu chuyện mở ra bằng những âm thanh và hình ảnh báo hiệu một ngày tàn. Âm thanh của tiếng trống thu không "từng tiếng một vang xa để gọi buổi chiều", của tiếng ếch nhái "kêu ran ngoài đồng ruộng", hình ảnh của phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Nhà văn như nhập mình vào linh hồn cảnh vật quê hương khiến bức tranh quê hiện lên gần gũi, thân thuộc mà gợi cảm biết bao. Bức tranh đầy chất thơ, lọc qua ánh mắt "bóng tối ngập đầy dần" của Liên mang nét buồn nao nao, man mác, pha lẫn chút bâng khuâng.
- Con người hiện lên với kiếp sống mòn mỏi, tăm tối; tuy vậy tâm hồn họ vẫn ánh lên vẻ đẹp đáng trân trọng: bám vào cuộc sống mưu sinh với niềm hi vọng nhỏ nhoi.

+ Khung cảnh chợ tàn: "Chợ chiều đã tan, người về hết, tiếng ồn ào cũng mất". Chợ là nơi phô bày cuộc sống thực tế của một vùng quê. Không phải ngẫu nhiên mà Thạch Lam chọn một ngày chợ phiên, bởi chỉ có chợ phiên mới thấm thía hết sự tiêu điều, xơ xác của chốn quê nghèo. Chợ tàn, âm thanh đã khuất dạng, trên bãi chợ chỉ còn lại đầy rác rưởi: vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn - những đồ phế thải thảm hại, nheo nhếch, bẩn thỉu.

+ Những cư dân phố huyện trong bóng chiều:

++ Mấy đứa trẻ con nhà nghèo sau phiên chợ ùa ra tìm kiếm, nhặt nhạnh những gì còn có thể dùng được. Nhưng còn tìm được gì, kiếm được gì ở những đồ phế loại tồi tàn ấy. Người này dựa vào người kia để sống nhưng tất cả chỉ dựa vào vô vọng.

++ Mẹ con chị Tí với gánh hàng nghèo, chiều nào cũng dọn hàng từ chập tối nhưng niềm hi vọng của chị thật mong manh. Sự uể oải, lay lắt thấm đậm khiến cả những lời trò chuyện thông thường cũng không cất lên nổi, khi Liên hỏi, chị "chép miệng mãi mới trả lời". Đó là hình ảnh của kiếp sống cầm chừng, lần hồi qua ngày.

++ Chị em Liên và An phải "thức để trông một cửa hàng tạp hoá nhỏ xíu, dọn từ khi cả nhà bỏ về quê vì bố Liên mất việc". Nhưng có lẽ con đường mưu sinh ấy cũng chẳng sáng sủa gì bởi hôm nay là ngày phiên mà hàng bán cũng không được mấy.

++ Trong đám cư dân phố huyện, dễ sợ nhất là bà cụ Thi hơi điên với tiếng cười khanh khách man dại tan trong không gian quạnh quẽ. Đây có lẽ là sản phẩm nhỡn tiền của cuộc sống mòn mỏi nơi phố huyện. Cuộc sống quẫn bách ấy đã chôn vùi đi một nửa ý thức của con người. Con người đang đánh mất dần chính mình.

++ Tuy nhiên, ngày nào cũng như ngày nào, bằng đấy con người vẫn bám vào con đường mưu sinh, dù chỉ là bám vảo hi vọng nhỏ nhoi, yếu ớt.

* Chất trữ tình đượm buồn toát ra từ diễn biến tâm trạng của nhân vật Liên:

- Tâm trạng man mác buồn trước khung cảnh phố huyện lúc chiều tàn: Trong khoảnh khắc thời gian ấy, cái buồn của buổi chiều quê cứ thấm thìa vào tâm hồn Liên, từ từ dâng lên và ngập tràn bởi dường như mọi chi tiết, hình ảnh âm thanh xuất hiện ở thời điểm này đều rất gợi buồn. Cảm giác man mác buồn từ cảnh vật thấm vào lòng người và nỗi buồn trong tâm hồn ngây thơ lan toả ra cảnh vật.

- Niềm xót xa, thương cảm với những kiếp người nhỏ nhoi, lay lắt trong bóng tối.

+ Hình ảnh những đứa trẻ nghèo đi nhặt rác khốn khổ, cơ cực gieo vào lòng Liên một nỗi buồn thẳm sâu, một nỗi thương cảm xót xa.

+ Liên ngậm ngùi cho mẹ con chị Tí hay cũng là nỗi ngậm ngùi cho cảnh sống của chính mình.

+ Liên và An thấy sợ, đứng lặng nhìn theo cụ Thi điên đi về phía làng. Nỗi sợ hãi đơn thuần của trẻ con hay mơ hồ một sự hoảng hốt trước nhịp sống nghèo nàn, đơn điệu đang bào mòn nhân tính của con người, trước sự bế tắc, vô vọng của cuộc sống.

→ Với gam màu ánh sắc hoàng hôn và một vài hình ảnh đời thường xoàng xĩnh Thạch Lam đã vẽ nên một mảng tranh sinh động của phố huyện nghèo, vừa gợi cảm giác êm đềm, thi vị, lại vừa gợi sự nghèo khó lam lũ. Trong bức tranh ấy, thật khó mà nói cho rạch ròi nỗi buồn từ cảnh vật thấm vào lòng người hay nỗi buồn trong tâm hồn Liên lan toả ra, nhuốm vào cảnh vật, chỉ biết ở đây có một cái gì rất nhịp nhàng, hoà hợp, một nỗi buồn lây vào nhau, nhuốm vào nhau để dâng đầy hơn "đôi mắt chị bóng tối ngập dần đầy".

d. Đánh giá chung (0,5 điểm)

- Làm nên sắc thái trữ tình trong *Hai đứa trẻ* chủ yếu là cảm xúc buồn thương và giọng thủ thỉ trầm lắng, thiết tha qua miêu tả khung cảnh, tâm trạng.

- Chất trữ tình đượm buồn mang lại cho *Hai đứa trẻ* một vẻ đẹp riêng, thể hiện phong cách nghệ thuật đặc sắc của Thạch Lam.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Cuộc sống của bạn phải có mục đích và ý nghĩa

Chắc hẳn đã từng có những lúc bạn tự hỏi mục đích và ý nghĩa cuộc sống của mình là gì? Đó chính là lúc bạn đang trăn trở tìm hướng đi và ý nghĩa cho cuộc sống của mình, đó là lúc bạn đã ý thức được và có khát vọng đi tìm niềm vui và hạnh phúc thực sự. Một nhà hiền triết đã từng nói "Cuộc hành trình lớn nhất của một đời người là đi tìm chính bản thân mình, trải nghiệm và thử thách tất cả để tìm ra mình là ai", hay là "tận lực tri thiên mệnh". Bạn sinh ra và lớn lên trong cuộc sống này chắc chắn không phải chỉ để tồn tại, hay làm cái bóng của người khác và bạn cũng chẳng bao giờ muốn mình làm nền cho bất kỳ ai. Bạn phải là chính bạn. Bạn nên biết rằng sự tồn tại của bạn đã làm thay đổi rất nhiều điều xung quanh. Những chặng đường bạn đi qua, những công việc bạn đã và đang làm, những người bạn từng gặp, tiếp xúc hay kết bạn ắt hẳn sẽ khác đi nếu không có bạn. Bạn đã để lại một dấu ấn rất riêng trong công việc, trong tình cảm, ký ức kỷ niệm hay trong tâm hồn của họ và bạn sẽ còn tác động đến thế giới xung quanh bởi những ý tưởng, ước mơ, hoài bão và hành động cụ thể, hay đơn giản hơn là sự tồn tại của chính bạn. Bạn có thể bận bịu với công việc hay chú tâm tới một điều nào đó trong một giai đoạn của cuộc sống, nhưng sau cùng bạn sẽ luôn thức tỉnh bởi những khát vọng, ước mơ từng có trong tiềm thức, hay đôi khi ngay từ thuở thiếu thời. Và điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với cuộc sống của bạn. Mục đích cuộc sống có thể là điều mà mãi đến sau này, qua quá trình trải nghiệm để trưởng thành bạn mới tìm ra hay đôi khi, nó đã được định hình ngay từ những năm tháng khi bạn bắt đầu biết cảm nhận cuộc sống. Trong cuộc sống, tất cả chúng ta đều có mối liên hệ với nhau và ít nhiều bị ảnh hưởng qua lại bởi những suy nghĩ, việc làm, quyết định của những người xung quanh, đôi khi bởi cả sự tồn tại đơn thuần của họ. Các nghiên cứu trên những người trưởng thành trên thế giới gần đây đã chứng minh một trong những dấu hiệu chính xác nhất cho thấy một người có hạnh phúc hay không tùy thuộc vào việc người đó có định hướng cho mình một ước mơ, mục đích sống hướng thiện, hay có quan tâm đến người khác hay không. Khi sống mà không có mục đích cụ thể hay sống trong vị kỷ, 70 trong số 100 người cảm thấy cuộc sống bấp bênh và vô nghĩa, còn khi có một mục tiêu cụ thể, dám hành động và biết chia sẻ thì gần 70/100 người lại cảm thấy hài lòng và cảm nhận được niềm vui và ý nghĩa của cuộc sống.

Lepper, nguồn: *Bí mật của hạnh phúc* - First News và NXB Trẻ TPHCM

Phần II – Câu 2:

Tâm trạng của Liên trước cảnh chiều muộn

Câu chuyện mở ra từ một cảnh chiều tà. Trong khoảnh khắc thời gian ấy, cái buồn của buổi chiều quê cứ thấm thía vào tâm hồn Liên, từ từ dâng lên và ngập tràn bởi dường như mọi chi tiết, hình ảnh, âm thanh xuất hiện ở thời điểm này đều rất gợi buồn. Đó là âm thanh của tiếng trống thu không vang xa từng tiếng một như gọi buổi chiều, nó báo hiệu giờ khắc của ngày tàn. Đó là ánh sắc của hoàng hôn tuy có rực lên nhưng là cái rực rỡ của một hòn than sắp tắt. Đó là tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng, tiếng muỗi vo ve như đếm nhịp thời gian và điểm nhịp cho một ca khúc buồn. Trong sắc chiều ảm đạm, hiện lên hình ảnh chợ chiều "người về hết và tiếng ồn ào cũng mất", chỉ còn lại bãi chợ nheo nhếch, bẩn thỉu, chỉ còn lại không gian quạnh vắng hiu hắt. Trên bãi chợ, mấy đứa trẻ con nhà nghèo đang cặm cụi tìm kiếm những gì còn dùng được. Hình ảnh chúng khốn khổ, cơ cực gieo vào lòng Liên một nỗi buồn thẳm sâu, một nỗi thương cảm xót xa. Trời tối dần, bóng chiều nhập nhoạng, mẹ con chị Tí khiêng ghế, vác chõng ra bán hàng nước. Cái cửa hàng ít ỏi, nghèo nàn với niềm hi vọng lay lắt "chả kiếm được bao nhiêu", sự lay lắt như thấm toả vào lòng Liên. Liên ngậm ngùi cho mẹ con chị hay cũng là nỗi ngậm ngùi cho cảnh sống của chính mình. Thêm một cư dân nữa trong bóng chiều, đó là bà cụ Thi điên với tiếng cười man dại như phá vỡ không gian. Bà bước đi

xiêu đổ trên con đường làng. Hình bóng bà cụ chìm dần vào bóng tối. Liên và An thấy sợ, đứng lặng nhìn theo cụ đi về phía làng. Nỗi sợ hãi đơn thuần của trẻ con hay mơ hồ một sự hoảng hốt trước nhịp sống nghèo nàn, đơn điệu đang bào mòn nhân tính của con người, trước sự bế tắc, vô vọng của cuộc sống.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 05

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

... Với học sinh, thách thức của các em cũng vô cùng to lớn.

Là thế hệ của thế kỉ 21, các em sẽ phải đối mặt với một thế giới đầy biến động: những biến đổi khí hậu bất thường, nguồn tài nguyên đang cạn kiệt, môi trường đang ô nhiễm và bị tàn phá ghê gớm. Ngoài ra, những định hướng nghề nghiệp em chọn cho mình trong hôm nay, chưa chắc có thể tồn tại ở ngày mai. Trong 1 công trình nghiên cứu của mình, Howard Gardner, cha đẻ của thuyết đa trí tuệ đã từng chỉ ra: đến năm 2030, 47% nghề nghiệp hiện nay sẽ bị biến mất. Nghĩa là có những nghề nghiệp mới ra đời và thay thế nghề nghiệp cũ, em đã chuẩn bị tâm thế cho mình trước sự thay đổi đó chưa?

Lại thêm 1 câu hỏi nữa đặt ra "Liệu chúng ta, thế hệ của một Việt Nam đầy sức trẻ có tụt hậu với cuộc cách mạng 4.0 như khi ta tụt hậu với cuộc cách mạng 3.0 hay không"?

*Cốt lõi của sự thay đổi là sự **dũng cảm** của mỗi người. Dũng cảm để thừa nhận, dũng cảm để học hỏi, dũng cảm để tìm giải pháp, cách thức, dũng cảm để đối đầu.*

Các em dũng cảm để đối mặt với việc lười nhác, với việc học tập thụ động. Đối mặt với những thói hư tật xấu của mình và xã hội. Đối mặt với sự vô cảm của mình ngay cả với những người thân yêu nhất. Đối mặt với thách thức để các em nhận ra mình thiếu tư duy phản biện, một phẩm chất không thể thiếu của công dân thế kỷ 21...

(*Bài phát biểu khai giảng* - Thầy Nguyễn Minh Quý - THPT Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng 05/09/2017)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản trên.

Câu 2: Người viết đã chỉ ra những thách thức gì mà các em học sinh phải đối mặt ở thế kỉ 21?

Câu 3: Anh/chị hãy cho biết tác dụng của phép điệp cấu trúc "Đối mặt với...." được sử dụng ở đoạn văn cuối?

Câu 4: Nêu một số thông điệp quan trọng mà thầy giáo muốn nhắn gửi đến các em học sinh qua nội dung bài phát biểu.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về quan niệm được đưa ra trong văn bản Đọc - hiểu nói trên: *"Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi người".*

Câu 2 (5,0 điểm): Bàn về truyện ngắn "Hai đứa trẻ", Nguyễn Tuân đã cho rằng đối với hai chị em Liên và An *"Hình ảnh đoàn tàu và tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và ước vọng".* Hãy phân tích cảnh đợi tàu của hai chị em Liên và An trong tác phẩm "Hai đứa trẻ" - Thạch Lam (SGK Ngữ văn 11 tập Một) để làm sáng tỏ nhận xét trên. Từ đó hãy liên hệ với cảnh lấy vợ của nhân vật Tràng trong truyện ngắn "Vợ nhặt" (SGK Ngữ văn 12, tập Hai) để nhận xét về khát vọng sống của những người lao động nghèo khổ.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Trong câu hỏi số 2 và số 4, các em cần chú ý: yêu cầu có xuất hiện các cụm từ như "một số", "những"... thì trong câu trả lời cần có ít nhất là từ hai phương án trở lên. Đáp án của những câu hỏi theo dạng thức như vậy thường là đáp án mở nên các em có thể đưa ra phương án theo quan niệm cá nhân, nhưng cần bám vào nội dung văn bản và có tính hợp lí.

Câu 1 (0,5 điểm):

Phong cách ngôn ngữ chính luận/ Phong cách chính luận.

Câu 2 (0,5 điểm):

Nêu được ít nhất hai thách thức: biến đổi khí hậu, tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, thay đổi nghề nghiệp.

Câu 3 (1,0 điểm):

Tác dụng:

- Tạo nhịp điệu giục giã.
- Nhấn mạnh và khẳng định sự cần thiết của thái độ dũng cảm đối đầu với thách thức của các bạn học sinh.

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể tùy theo hiểu biết của cá nhân mà đưa ra các thông điệp khác nhau, cần đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục và logic. Nêu ra được ít nhất hai thông điệp.

Gợi ý:

- Cần chuẩn bị tâm thế để lựa chọn nghề nghiệp, tìm hiểu về nghề nghiệp hiện tại và nghề nghiệp trong tương lai để có lựa chọn cho đúng.
- Cần dũng cảm để thay đổi, phải có sự dũng cảm mới có thể thay đổi.
- Cần đối mặt với những thách thức trong cuộc sống, không nên lảng tránh, bị động mà cần chủ động, linh hoạt.
- Cần có tư duy phản biện, tư duy này cần được rèn luyện để giúp con người trưởng thành trong một xã hội đang phát triển với tốc độ nhanh chóng.

…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng nghị luận xã hội này, đôi khi học sinh có thể xác định không đúng trọng tâm nghị luận: bàn về vấn đề sự thay đổi thay vì bàn về lòng dũng cảm. Các em cần chú ý đọc kĩ yêu cầu, thông thường vấn đề trọng tâm thường nằm ở phân cuối của quan điểm, ý kiến được nêu ra.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Sự cần thiết phải có lòng dũng cảm để thay đổi.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về sự quan trọng của lòng dũng cảm mang tới sự thay đổi trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích: "Cốt lõi" là chỉ yếu tố nòng cốt, quan trọng nhất → quan niệm khẳng định yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự thay đổi là lòng dũng cảm.

- Quan niệm rất đúng đắn. Khi có lòng dũng cảm, mỗi bạn trẻ mới có thể thay đổi được bản thân mình, sống tốt hơn, đương đầu và vượt qua thách thức, góp phần thay đổi xã hội. (dẫn chứng từ các hoạt động tình nguyện của học sinh, sinh viên, từ các tấm gương những người trẻ tuổi vượt lên hoàn cảnh để thay đổi chính mình như Nguyễn Công Hùng; Nguyễn Thảo Vân; Nguyễn Linh Chi...)

- Mỗi người đều cần rèn luyện sự dũng cảm và có ý thức thay đổi. Phê phán những bạn trẻ có thái độ sống ỷ lại, thụ động, hèn nhát, yếu đuối.

- Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân: bản thân đã lựa chọn lối sống, cách sống như thế nào, đã nỗ lực để thay đổi những điều gì nhằm tạo nên một cuộc sống tốt đẹp hơn.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

STUDY TIP

Cụ thể một số dẫn chứng:
- Nguyễn Công Hùng bị liệt từ năm hai tuổi, chỉ có một ngón tay cử động được. Song anh đã dũng cảm vượt lên hoàn cảnh, tự học, mở trung tâm dạy Tin học cho người khuyết tật, sáng lập trang web để tìm kiếm cơ hội việc làm cho người khuyết tật.
- Cô bé Nguyễn Linh Chi - Yên Bái sinh ra bẩm sinh đã không có chân, không có tay. Nhưng cô bé vẫn sống lạc quan, quyết tâm học tập. Cô bé đã tự rèn luyện để có thể viết và làm Toán như bao bạn bè đồng trang lứa.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận văn học: minh chứng cho một ý kiến thông qua việc phân tích một phần, một yếu tố nào đó trong tác phẩm văn học, các em cần chú ý:

- Giải thích nội dung ý kiến và xác định chính xác phạm vi dẫn chứng sẽ sử dụng để làm sáng tỏ cho ý kiến.
- Phân chia ý kiến thành các vế, các nội dung nhỏ hơn, bám vào nội dung đó để phân tích.
- Nhìn nhận, đánh giá các vấn đề trong bài làm trong mối quan hệ với tổng thể tác phẩm.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Ket bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Ý nghĩa, giá trị tư tưởng của cảnh đợi tàu trong tác phẩm "Hai đứa trẻ" (làm sáng tỏ qua một ý kiến); liên hệ với cảnh lấy vợ trong truyện ngắn "Vợ nhặt".

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Thạch Lam là cây bút văn xuôi xuất sắc của Tự lực văn đoàn. Mặc dù cuộc đời sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam rất ngắn ngủi nhưng nhiều tác phẩm của ông lại có sức sống mạnh mẽ và tồn tại bền vững với thời gian. -"Hai đứa trẻ" được in trong tập "Nắng trong vườn" (1938) là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam.

b. Giải thích ý kiến (0,25 điểm)

"Thói quen": chỉ hành động hoặc cách ứng xử lặp lại đã thành quen thuộc. Nhận xét của Nguyễn Tuân đã nêu bật giá trị, ý nghĩa cảnh đợi tàu của hai chị em Liên và An: đó là sự thể hiện của thói quen, đồng thời cũng là biểu hiện của cảm xúc, tâm trạng và những mơ ước, khát vọng.

c. Phân tích cảnh đợi tàu để chứng minh cho ý kiến (1,75 điểm):

CHÚ Ý

Cảnh đợi tàu:

- Hình ảnh đoàn tàu là thói quen của cảm xúc: là cảnh tượng quen thuộc, luôn được mong chờ; đoàn tàu đến mang theo nhiều cung bậc cảm xúc.
- Hình ảnh đoàn tàu là thói quen của ước vọng: hình ảnh đoàn tàu đây âm thanh và ánh sáng; hình ảnh đoàn tàu thể hiện cho mơ ước, khát vọng vượt thoát khỏi cuộc sống phố huyện tối tăm..

- *Hình ảnh đoàn tàu và tiếng còi tàu là một thói quen của cảm xúc:*

+ Cảnh đợi tàu là cảnh tượng quen thuộc, đêm nào cũng như đêm nào, hai chị em luôn cố thức đợi chuyến tàu đêm đi qua phố huyện. Cảm xúc chờ đợi đã trở thành một thói quen, dường như không nhìn thấy chuyến tàu thì hai đứa trẻ chưa sống trọn vẹn một ngày. Bé An dù buồn ngủ gục trên vai chị vẫn cố dặn chị gọi dậy và khi nghe tiếng chị, bé lập tức tỉnh ngủ. Còn Liên, cô bé ngồi im lặng, lắng nghe âm thanh của đoàn tàu từ phía xa. Đoàn tàu được chờ đón như thể đó là sự kiện chỉ diễn ra duy nhất một lần trong năm.

+ Đoàn tàu mang đến nhiều cung bậc cảm xúc cho hai chị em: trước khi tàu đến háo hức, mong chờ; khi tàu đến vui sướng, quan sát, ngắm nhìn tỉ mỉ, phấn khích với từng ô cửa kính sáng, với đồng và kền lấp lánh; khi tàu đi qua tiếc nuối nhìn theo ngọn đèn sáng xanh ở toa sau cùng, hụt hẫng và buồn bã.

- *Hình ảnh của đoàn tàu và tiếng còi tàu là một thói quen của ước vọng:*

+ Hình ảnh đoàn tàu tràn đầy âm thanh, ánh sáng: *tiếng còi tàu từ xa, tiếng bánh xe rít mạnh vào ghi, tiếng hành khách ồn ào khe khẽ; ánh sáng của làn khói trắng sáng, những toa tàu sáng trưng, đồng và kền lấp lánh...* Hình ảnh đoàn tàu hoàn toàn đối lập với phố huyện tịch mịch và đầy bóng tối. Hình ảnh đó khơi gợi, khẳng định mơ ước, khát vọng của hai chị em: mơ tưởng về một thế giới khác, mơ tưởng về Hà Nội xa xăm và rực rỡ, nhớ lại tuổi thơ hạnh phúc; khao khát được đổi đời, khao khát được sống một cách đích thực...

+ Mơ tưởng đó, khát vọng đó dù nhỏ bé nhưng không chỉ là thoáng chốc mà rất bền bỉ, mãnh liệt. Hai chị em và những cư dân khác của phố huyện ngày nào cũng ngóng chờ đoàn tàu trong bóng đêm. Đó là thói quen cũng là sự thôi thúc từ bên trong của niềm hi vọng. Cuộc sống khó khăn, nghèo đói, mòn mỏi nhưng họ không thôi chờ đợi một tương lai tươi sáng hơn đến với họ.

d. Đánh giá, bình luận (0,5 điểm):

Học sinh cần đánh giá mức độ hợp lí của ý kiến, có thể theo hướng:

- Ý kiến xác đáng, thể hiện giá trị, ý nghĩa nhân văn sâu sắc của cảnh đợi tàu trong câu chuyện. Có thể

xem ý kiến là một định hướng cho người đọc khi tiếp cận nội dung tác phẩm.

- Cảnh tượng đợi tàu xuất hiện ở cuối truyện nhưng đã góp phần thể hiện tấm lòng, sự cảm thông, chia sẻ của Thạch Lam với những mảnh đời nhỏ bé, bất hạnh.

e. Liên hệ với cảnh lấy vợ của nhân vật Tràng trong truyện ngắn "Vợ nhặt" (0,75 điểm):

CHÚ Ý

- Cảnh lấy vợ của Tràng thể hiện khát vọng sống mãnh liệt của hai con người: Tràng và người vợ nhặt.
- Khát vọng đó cho thấy phẩm chất tốt đẹp, niềm tin và hi vọng của người lao động nghèo khổ dù bị dồn vào bước đường cùng.

- Tái hiện cảnh lấy vợ: Nhân vật Tràng lấy vợ một cách rất đặc biệt và rất éo le: nhặt được vợ. Một người đàn bà xa lạ từ những câu nói đùa vu vơ, từ khao khát được ăn, từ bốn bát bánh đúc đã nhận lời theo không Tràng về làm vợ. Tràng đã chặc lưỡi chấp nhận việc đó bất chấp sự đe dọa của cái chết trong nạn đói năm 1945. Một đám cưới nhỏ đã diễn ra giữa một đám ma to.

- Ý nghĩa: Cuộc hôn nhân ấy, xét đến cùng là biểu hiện cho khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt của hai con người: Tràng và người vợ nhặt. Thị có một lòng ham sống mãnh liệt. Thị đồng ý theo Tràng là vì để được sống chứ không phải là loại đàn bà con gái lẳng lơ. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hề buông xuôi sự sống. Trái lại, thị vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình. Còn Tràng, xuất phát là từ lòng thương hại, sự đùm bọc, sẻ chia nhưng hơn thế, sâu thẳm trong tâm hồn người đàn ông khốn khổ vẫn là khát vọng hạnh phúc gia đình. Cái chết đang bủa vây cũng không làm Tràng sợ hãi. Trái lại, tràn ngập trong lòng anh là niềm vui, sự phấn khởi. Buổi sáng sau đêm tân hôn, anh thấy mình nên người nghĩa là cuộc hôn nhân đã thực sự giúp anh trưởng thành, lạc quan và tin tưởng hơn vào cuộc sống.

- Nhận xét: Cảnh lấy vợ của Tràng và cảnh đợi tàu đều cho thấy khát vọng sống mãnh liệt, bền bỉ của những người lao động nghèo khổ. Dù bị đẩy vào bước đường cùng, dù đối diện với muôn vàn khó khăn, họ vẫn không thôi tin tưởng và hi vọng vào tương lai và hạnh phúc. Hai khung cảnh ở hai tác phẩm, của hai nhà văn viết vào hai thời đại khác nhau nhưng đều mang giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần làm nên sức sống cho tác phẩm.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần I – Câu 1:

Bàn về lòng dũng cảm

Con người ta luôn có những phẩm chất nhất định để hoàn thiện nhân cách của mình. Trong xã hội của chúng ta, có người tốt, có người xấu nhưng ở họ luôn ẩn chứa những bí mật tiềm ẩn, giấu kín trong tâm hồn để đến một lúc nào đó có thể vỡ vụn ra, giúp họ vượt qua được khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Không ai trong chúng ta là hoàn hảo cả nhưng lòng dũng cảm thì nhất định phải có, là chìa khóa đế giúp chúng ta thành công.

Lòng dũng cảm là gan dạ, quả quyết, vững tâm, dám đối đầu với những thách thức, nguy hiểm. Đôi lúc, nó tự bộc phát trong chính bản thân chúng ta khi gặp một chuyện gì đó mà ta không nghĩ là mình có được nó. Nhưng đôi khi, lòng dũng cảm cần được phải rèn luyện và kiên trì qua từng sóng gió để trưởng thành, hoàn thiện mình hơn.

Trong cuộc sống hiện nay, lòng dũng cảm rất cần thiết và có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, đóng góp một phần không nhỏ vào phẩm chất đạo đức của bạn, giúp bạn có sức mạnh để vượt qua chông gai, sóng gió lớn trong cuộc đời. Lòng dũng cảm là một đức tính tốt, thể hiện sự mãnh mẽ, tự tin của con người trong cuộc sống. Bạn có thể dũng cảm vì bản thân mình nhưng bạn có thể dũng cảm về người khác, xả thân mình vì người khác, không mang đến lợi ích cá nhân.

Đối với bản thân, chúng ta dũng cảm khi chúng ta dám đối mặt với sự thật trớ trêu, chúng ta dũng cảm khi chúng ta dám làm những gì trước trước đây mình chưa dám thử, chúng ta dũng cảm khi dám nhận trách nhiệm về bản thân mình và không bao giờ đổ lỗi cho người khác, chúng ta dũng cảm khi chúng ta quên đi sự hèn nhát của chính bản thân mình. Điều đó thật tuyệt vời biết mấy... Khi con người ta dũng cảm vì người khác, con người ta sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn về chính phẩm chất của mình. Nhà thơ Tố Hữu đã từng nhấn mạnh: "Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình". Cho đi là được nhận lại nhiều hơn. Có thể đó không phải là vật chất quý giá, ngay cả ở tinh thần cũng đã quý giá biết bao. Chắc hẳn ai trong chúng ta cũng biết đến những chiến sĩ công an, sẵn sàng hi sinh bản thân mình để mang lại sự bình yên cho Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng ấm no hạnh phúc... Con đường họ đang đi dẫu có nhiều khó khăn vất vả nhưng nhờ có lòng dũng cảm, họ có thể vượt qua được những điều đó... Ai trong chúng ta cũng đã từng nghe qua câu chuyện về chị Võ Thị Sáu - người anh hùng dân tộc. Tuổi còn nhỏ nhưng chị đã làm được những công việc nguy hiểm, khó khăn. Khi bị bắt, đối diện với sự tra tấn dã man của kẻ thù nhưng chị nhất quyết không hề khai ra những bí mật của quân ta. Chị đã hi sinh anh dũng và kiên tâm trên chiến trường. Giờ đây, đất nước đã bình yên và lòng dũng cảm của chị luôn được các thế hệ tiếp bước ghi nhận và phát huy mãnh liệt.

Không phải ai trong chúng ta cũng dám dũng cảm vì mỗi người có một tính cách và phẩm chất khác nhau. Có những người rất hèn nhát, không dám thừa nhận những lỗi lầm mà mình đã gây ra, không dám đương đầu với những khó khăn gian khổ, không dám và chẳng bao giờ biết hi sinh vì người khác. Những người như vậy sẽ không gây được thiện cảm với người khác, thành công sẽ không bao giờ đến với bản thân và thậm chí bị người khác coi thường.

Đôi lúc chúng ta hiểu sai về lòng dũng cảm. Nhiều người cho rằng dũng cảm để thể hiện mình. Điều đó là hoàn toàn sai lầm. Nếu chỉ là để thể hiện bản thân thì giá trị của dũng cảm đã mất đi ngay lập tức. Lòng dũng cảm chỉ xuất phát từ chính bản thân mình, muốn thể hiện điều tốt chứ không phải thể hiện mình một cách thái quá, không có điểm dừng.

Là một học sinh, sinh viên chúng ta cần rèn luyện cho mình một lòng dũng cảm thật vững chắc. Tương

lai đang ở phía trước và đồng nghĩa với những khó khăn, thử thách sẽ đến với chúng ta bất cứ lúc nào vì vậy hãy chuẩn bị cho mình một hành trang vững chắc để bước vào cuộc sống...

(evan.edu.vn)

Phần II – Câu 2:

1. Mở bài:

Thạch Lam là cây bút văn xuôi xuất sắc của Tự lực văn đoàn. Mặc dù cuộc đời sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam rất ngắn ngủi nhưng nhiều tác phẩm của ông lại có sức sống mạnh mẽ và tồn tại bền vững với thời gian. "Hai đứa trẻ" là một tác phẩm như thế. Tiếp xúc với câu chuyện, người đọc rất ám ảnh và băn khoăn trước cảnh tượng đêm đêm hai đứa trẻ cố thức để đợi chuyến tàu đêm đi qua phố huyện. Khi bàn về truyện ngắn "Hai đứa trẻ", Nguyễn Tuân đã viết về cảnh tượng này như sau: "Hình ảnh đoàn tàu và tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và ước vọng". Nhận xét đó có thể coi là sự chia sẻ và thấu hiểu với niềm xót thương mà Thạch Lam dành cho những kiếp người nhỏ bé, cơ cực cũng như khẳng định niềm hi vọng, niềm tin bền bỉ của họ.

2. Một đoạn văn về hình ảnh đoàn tàu là thói quen của ước vọng:

Đoàn tàu hiện ra từ trong bóng đêm đặc quánh với ánh sáng rực rỡ và âm thanh vang dội. Ánh sáng của những toa tàu mạ đồng, của làn khói sáng trắng. Liên và An thích thú nghe "tiếng dồn dập, tiếng rít mạnh vào ghi, tiếng còi" làm khuấy động không gian yên tĩnh. Liên còn dắt em đứng dậy để nhìn đoàn tàu vụt qua và thấy "ánh đèn sáng trưng chiếu rọi xuống đường". Đoàn tàu rực sáng, vui vẻ, huyên náo và sang trọng. Đoàn tàu tương phản hoàn toàn với phố huyện của bóng tối đặc quánh, của sự im lặng, của những thanh âm đang chìm dần trong vô vọng. Háo hức mong chờ chuyến tàu hàng đêm, Liên và An không phải chờ người thân hay muốn bán thêm ít hàng như lời mẹ dặn mà đằng sau đó là nhiều nguyên nhân sâu xa khác. Với An, đứa em ngây thơ, tội nghiệp của Liên, đoàn tàu là một thứ đồ chơi đẹp đẽ trong tuổi thơ nghèo khó, lam lũ của em. Em đợi tàu là để được chơi, được sống như một đứa trẻ, dù là cuộc chơi nhờ, chơi hờ thiên hạ. Đoàn tàu cũng gợi nhắc đến quá khứ, đến Hà Nội - vầng hào quang của tuổi thơ. Đoàn tàu cho hai đứa trẻ được sống lại trong giây lát những khoảnh khắc, những ngày tháng hạnh phúc, ấm áp, sung túc khi xưa, ngày tháng được đi chơi vô tư, vui vẻ, được uống cốc nước lạnh xanh đỏ. Đợi tàu, với hai chị em còn là đợi những mơ tưởng, mơ tưởng được sống khác đi, được sống sôi động hơn. Đoàn tàu cho Liên và An được mơ ước, khát vọng, tạm phá vỡ cái đặc quánh của bóng tối, hé mở về tương lai, hé mở cho chúng thấy có một thế giới khác ngoài phố huyện, cố thức để đợi tàu là nỗ lực vừa mơ hồ, vừa quyết liệt của Liên và An hướng về một cuộc sống đích thực để ngoi lên khỏi cuộc sống tàn tạ, để không bị nhấn chìm trong ao tù phố huyện, để bứt ra khỏi nhịp sống tẻ ngắt. Chúng không dễ dàng chấp nhận số phận, không dễ dàng thoả hiệp với hoàn cảnh.

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

(Đề thi có 02 trang)

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 06

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

Lâm Thị Mỹ Dạ

Tôi yêu truyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
Ở hiền thị lại gặp hiền
Người ngay thì gặp người tiên độ trì
Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con song chảy có rặng dừa nghiêng soi
Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.
Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì.
Tôi nghe truyện cổ thầm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích trầu cau
Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người.

*(*Theo SGK Tiếng việt lớp 5, tập 2)

Câu 1: Bài thơ gợi nhắc cho anh/chị đến những truyện cổ nào trong kho tàng truyện cổ dân gian của người Việt?

Câu 2: Nhà thơ đã khẳng định những giá trị, ý nghĩa gì của truyện cổ?

Câu 3: Phân tích tác dụng của biện pháp điệp từ trong hai câu thơ"

Thương người rồi mới thương ta

Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm

Câu 4: Những thông điệp mà nhà thơ muốn gửi gắm qua bốn câu thơ cuối là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Từ nội dung của bài thơ và ý kiến sau của một nhà báo trẻ:

*...Xét về góc độ nào đó, văn học dân gian không còn phù hợp với thế kỷ 21. Giới trẻ không còn khái niềm khai thác và tìm hiểu văn học dân gian nữa, học cũng không mặn mà với "sự tiếp nối ưu tú" của những tác giả lớn như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương. Tất nhiên, không ai phủ nhận giá trị của văn học dân gian những cũng phải...thừa nhận, bộ phận văn học này không còn sự tiếp nối như trước kia. (*Linh Phương – Văn học dân gian Còn và mất…-suckhoedoisong.vn 23/09/2013), anh/Chị có suy nghĩ về vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian của người Việt. Hãy thể hiện suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ.

Câu 2 (5,0 điểm):

"Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa này chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói lửa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi lia lịa.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất từng đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, để xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quan ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo:

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh"."

(Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân –SGK Ngữ văn 11, tập Một)

Cảm nhận của anh/chị về nhân vật Huấn Cao trong đoạn trích trên. Qua nhân vật đó, Nguyễn Tuân đã thể hiện quan niệm gì về cái Đẹp?

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng đề yêu cầu phân tích tác dụng cửa biện pháp tu từ trong câu thơ (câu văn), các em cần chú ý:

+ Cần nêu rõ từ hoặc cụm từ có chứa biện pháp tu từ đó (không viết trong bài thi nhưng cần ghi ra giấy nháp).

+ Căn cứ vào tác dụng chung của biện pháp tu từ đó, căn cứ vào nội dung văn bản và các từ ngữ cụ thể trong câu văn (câu thơ) để nêu tác dụng chính xác nhất.

Câu 1 (0,5 điểm):

Cần kể được ít nhất 2 truyện cổ trong các truyện cổ sau: *Sự tích trầu cau, cây tre trăm đốt, Duyên nợ ba sinh, Đẽo cày giữa đường, Tấm cám...*

Câu 2 (1,0 điểm):

Giá trị, ý nghĩa của truyện cổ là:

- Thể hiện truyền thống ân nghĩa, ân tình, vẻ đẹp tâm hồn của người Việt Nam.
- Chứa đựng những lời khuyên, lời răn dạy của ông cha, những bài học nhân sinh sâu sắc.
- Là một nguồn tư liệu quý báu để thế hệ sau hiểu về truyền thống, về ông cha mình.

Câu 3 (0,5 điểm):

Tác dụng:

Nhấn mạnh, khẳng định truyền thống tương thân, tương ái, giàu lòng yêu thương của con người Việt Nam từ ngàn xưa.

Câu 4 (1,0 điểm):

Cần nêu ra ít nhất hai thông điệp, đảm bảo tính hợp lí và thuyết phục. Gợi ý:

- Thế hệ sau cần trân trọng, lắng nghe lời dạy của cha ông, đó là vốn trí tuệ quý báu của dân tộc.
- Cần giữ gìn truyền thống ân tình, thủy chung của người Việt, phát huy truyền thống đó trong thời kì hội nhập.
- Cần biết giữ gìn và phát huy những giá trị mà truyện cổ để lại cho thế hệ hiện tại bởi mỗi câu chuyện đều là những viên ngọc quý kết tinh đời sống tâm hồn của cha ông trong quá khứ.

…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng để trình bày suy nghĩ từ một vấn đề gọi ra từ nội dung của văn bản và một quan điểm, ý kiến (hoặc một hiện tượng) ngoài văn bản, các em cần chú ý:

- Quan điểm, ý kiến ngoài văn bản thường đóng vai trò bổ sung, bổ trợ, gợi ý cho vấn đề nghị luận. Có thể coi nó sẽ đóng vai trò là một luận điểm.
- Bài học liên hệ thực tế cần căn cứ trên cả vấn đề nghị luận và quan điểm, ý kiến ngoài văn bản.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành…

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian của người Việt.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được ý nghĩa, giá trị của việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân gian của người Việt Nam. Có thể theo hướng sau:

- Văn hóa dân gian của người Việt là một kho tàng đa dạng, phong phú, có giá trị cao, được lưu giữ từ bao đời này. Tuy nhiên, do sự phát triển của xã hội, do hoạt động giao lưu văn hóa mà hiện này, nhiều di sản văn hóa dân gian bị quên lãng, không được phát huy (dẫn chứng)
- Bởi thế, mỗi con người cần có ý thức và có hành động thiết thực để bảo vệ, giữ gìn vốn văn hóa dân gian (dẫn chứng).
- Phê phán, lên án những hành vi xâm phạm, lợi dụng, làm tổn hại văn hóa dân gian. (dẫn chứng); Kết hợp bảo vệ văn hóa truyền thống và tiếp thu, học tập tinh hoa văn hóa nước ngoài…
- Liên hệ bản thân: là một công dân trẻ tuổi, anh/chị đã làm gì để bảo tồn văn hóa dân gian truyền thống (có ý thức tìm hiểu văn hóa dân gian, nỗ lực rèn luyện ngoại ngữ để quảng bá văn hóa dân gian Việt Nam đối với bạn bè thế giới)

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính ta, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng đề phân tích nhân vật trong một đoạn trích văn xuôi, cần chú ý:

- Giới thiệu nhân vật và đoạn trích trong phần mở bài.
- Nêu được vị trí của đoạn trích trong phần thân bài, từ đó nhìn nhận giá trị của đoạn trích trong chỉnh thể tác phẩm.
- Xác định đặc điểm của nhân vật đó trong tác phẩm, lấy đó làm căn cứ để xác định đặc điểm của nhân vật trong đoạn trích.
- Chú ý đến yêu cầu thứ hai trong đề bài (ở đây là Quan niệm về cái đẹp của Nguyễn Tuân), tránh bỏ sót do cuối bài thường bị thiếu thời gian làm bài.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tó vấn đề;

phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Vẽ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao qua đoạn trích và quan niệm về cái đẹp của Nguyễn Tuân..

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Nguyễn Tuân là nhà văn lãng mạn có phong cách tài hoa, độc đáo. Ông tự nhận mình là người suốt đời đi tìm và phụng sự cái Đẹp. "Chữ người tử tù" là tác phẩm tiêu biết cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân, là tác phẩm tiêu biết của tập truyện "Vang bóng một thời"/ Truyện ngắn là cái nhìn về những nhà Nho khi Hán học đã suy tàn để khẳng định những giá trị trường tồn của Nho học.

b. Cảm nhận về nhân vật Huấn Cao qua đoạn trích (2,0 điểm):

CHÚ Ý

Nhân vật Huấn Cao qua đoạn trích.

- Hoàn cảnh xuất hiện: trong không gian buồng giam tăm tối, thời gian lúc nửa đêm.
- Hành động của nhân vật: viết chữ. Từ đó, hiện lên nhiều phẩm chất tốt đẹp: một người nghệ sĩ tài hoa, một anh hùng với khí phách hào hùng, một con người với thiên lương trong sáng…
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: ngôn ngữ trang trọng, thủ pháp đối lập…

- Giới thiệu khái quát về nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm "Chữ người tử tù":

+ Huấn Cao là nhân vật trung tâm của thiên truyện.

+ Cũng giống như nhiều nhân vật trong "Vang bóng một thời". Huấn Cao là một nhân vật đặc tuyển, nhân vật của những người muôn năm cũ còn sót lại trong xã hội Tây Tàu nhố nhăng làm sai lạc đi bao nhiêu giá trị cổ truyền. Bản thân Huấn Cao là hiện thân cho giá trị đó, những giá trị chỉ còn vang bóng.

+ Huấn Cao xuất hiện trong truyện với nhiều tư cách, và mỗi từ cách gắn với một quan niệm nhất định của Nguyễn Tuân về cái Đẹp. Từ phương diện triều đình phong kiến, Huấn Cao là kẻ tạo phản, phạm tội khi quân nhưng trong quan niệm của người dân đói khổ, Huấn Cao là người anh hùng chống áp bức, bất công. Khi bị bắt vào nhà giam, Huấn Cao vừa hiện diện với tư cách của một người tử tù, đợi ngày ra pháp trường, lại vừa là người nghệ sĩ sáng tạo ra cái Đẹp. Ông chính là hiện thân của cái Đẹp thức tỉnh và cảm hóa con người.

- Nhân vật Huấn Cao qua đoạn trích:

+ Nhân vật Huấn Cao được khắc họa trong một hoàn cảnh đặc biệt:

++ Không gian: Tại buồng giam bẩn thỉu, tăm tối, tường đầy mạng nhện, mặt đất đầy phân chuột, phân gián, ẩm thấp, hôi thối, ngoài trời tối đen như mực.

++ Thời gian: lúc nữa đêm, đêm cuối trong cuộc đời Huấn Cao, ngày mai ông sẽ ra pháp trường chịu án chém.

☐Một tử tù, một cong người có số phận bất hạnh, đang sống những giờ phút cuối đời.

+ Nhân vật Huấn Cao được khắc học gắn với hành động sáng tạo: viết chữ. Từ đó, nhân vật hiện lên với nhiều phẩm chất tốt đẹp:

++ Một người nghệ sĩ với tài hoa viết chữ: từng con chữ vuông vắn hiện ra trên vuông lụa trắng, thể hiện hoài bão tung hoành của một đời người. Đó thực sự là một tác phẩm nghệ thuật ngời sáng dưới ánh sáng

của ngọn đuốc. Đó là báu vật mà Huấn Cao tặng lại cho tri kỉ.

++ Một người anh hùng với khí phách hào hùng "*tư thế hiên ngang, phong thái ung dung dù đang bị giam cầm:* Người nghệ sĩ trổ tài viết chữ trong khi "cổ đeo gông, chân vướng xiềng", bị cầm tù, đày đọa về thể xác. Nhưng dường như ông tự do về tinh thần, ông say mê sáng tạo, tâm hồn ông cất cánh cùng những nguyện ước gửi vào trong nét chữ).

++ Một con người với thiên lương trong sáng (*Thái độ trân trọng và lời khuyên chân thành với quản ngục, giữ vững khí tiết mọi hoàn cảnh:* Khi Huấn Cao, quản ngục và thầy thơ lại cùng nhìn dòng chữ đã viết xong, Huấn Cao dặn dò quản ngục "Ở đây lẫn lộn…" – lời dặn dò bằng tất cả tấm lòng và sự trân trọng. Trước lời khuyên chân tình đó, quản ngục cảm động vái lạy từ nhân như một kẻ lầm lạc vái lạy người chỉ lối chính nghĩa cho mình. Hành động bái lạy đó là giá trị nhân văn mà dòng chữ mang lại đồng thời khẳng định sức mạnh của cái Đẹp, sự thăng hoa của tài năng ở mức tuyệt đỉnh).

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Ngôn ngữ trang trọng, cổ kính thể hiện qua nhiều từ cổ cách xưng hô.

+ Sự đối lập giữa cảnh vật, đồ vật, màu sắc, âm thanh…một cách gay gắt càng làm nổi rõ bức tranh bi hùng này.

+ Từng câu, từng chữ đều trang trọng, góc cạnh như chạm, như khắc, đầy chất tạo hình, nhịp văn chậm rãi, không khí thiêng liêng, bi tráng.

c. Quan niệm về cái đẹp của Nguyễn Tuân qua nhân vật Huấn Cao (0,5 điểm):

CHÚ Ý

Quan niệm về cái Đẹp của Nguyễn Tuân: cái Đẹp chiến thắng cái ác, cái Đẹp có sức mạnh cảm hóa, cái Đẹp là giá trị bất tử.

- Cái Đẹp chiến thắng cái ác:

+ Cái Đẹp đã ra đời ngay trong trại giam, ngay trong môi trường tội lỗi, xấu xa và dơ bẩn của cái ác.

+ Một người như quản ngục, vì vẫn còn lòng yêu cái Đẹp nên dù giữa chốn xấu xa nhơ bẩn vẫn có khả năng hướng thiện. Tư tưởng của Nguyễn Tuân đã gặp gỡ với Dottoiepxki – nhà văn Nga vĩ đại thế kỉ XIX. Sự chiến thắng của tài hoa, thiên lương, của khí phách trước tàn bạo, bẩn thỉu là một chiến thắng đầy ngoạn mục và phi thường.

- Cái đẹp có sức mạnh chinh phục và cảm hóa: Người đã làm cho thế giới của cái Thiện lên ngôi chính là Huấn Cao. Tác giả đã khép lại câu chuyện bằng hành động cúi đầu xi bái lĩnh của quản ngục. Đó là bằng chứng rõ nhất về sức mạnh cảm hóa của thiên lượng ở Huấn Cao. Cái Đẹp mà ông để lại không chỉ là di vật, là vật báu mà còn có sức mạnh cứu rỗi.

- Cái Đẹp là bất tử dù người sáng tạo ra cái đẹp có cuộc đời ngắn ngủi: Huấn Cao sẽ bị chém đầu nhưng những dòng chữ ông để lại sẽ luôn nhắc nhở về ông, sẽ luôn được gìn giữ như một báu vật.

d. Đánh giá chung (0,5 điểm):

- Đoạn trích đã khắc họa vẻ đẹp của nhân vật Huấn Cao, thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

- Vẻ đẹp đó đã góp phần làm nên "cảnh tượng xưa nay chưa từng có", thể hiện giá trị nhân văn sâu sắc của câu chuyện.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam trước tác động của toàn cầu hóa

Cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ và kinh tế tri thức, toàn cầu hóa đã trở thành xu thế khách quan, có tác động mạnh mẽ không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà còn ở các lĩnh vực chính trị, xã hội và văn hóa. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: "Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này…vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh"(1).

…Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, văn hóa Việt Nam có cơ hội hội nhập và giao lưu với các nền văn hóa khác của thế giới để làm giàu và khẳng định bản sắc của mình. Song, hơn lúc nào hết, đây cũng là giai đoạn mà các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc phải đối diện với những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa. Hội nhập quốc tế đang là một nhu cầu khách quan, nó đòi hỏi chúng ta phải mở cửa, giao lưu với cộng đồng thế giới để đón nhận và tiếp thu những giá trị mới, tiến bộ của nhân loại. Tuy nhiên, một dân tộc nào đó sẽ không còn là chính mình nếu đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Theo đó, hội nhập, một dân tộc nào đó sẽ không còn là chính mình nếu đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Theo đó, hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là những nhu cầu tất yếu, khách quan để một dân tộc có thể tồn tại và phát triển trong xu thế toàn cầu hóa. Hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là hai mặt thống nhất, có quan hệ chặt chẽ với nhau. Vì vậy, đối với Việt Nam, việc nhận thức rõ vấn đề này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống dân tộc nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

…Xét từ phương diện văn hóa, toàn cầu hóa đang tác động mạnh mẽ tới những giá trị truyền thống tốt đẹp – cái làm nên bản sắc văn hóa riêng của tất cả các dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam. Sự tác động này là rất phức tạp, *một mặt,* nó tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc hình thành và phát triển những giá trị văn hóa mới; *mặt khác,* nó chứa đựng nguy cơ phá vỡ hoặc làm bang hoại những giá trị văn hóa truyền thống đã được tích tụ và tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc

Thật vậy, những mặt trái, những tác động tiêu cực của toàn cầu hóa đã và đang làm chao đảo nhiều giá trị tinh thần nói chung, nhân cách con người nói riêng. Đặc biệt, một số giá trị đạo đức tốt đẹp, thiêng liêng…vốn có vị trị quan trọng trong hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam đang có nguy cơ bị mai một và tha hóa. Chẳng hạn, lối sống tình nghĩa, đậm chất nhân văn kiểu "thương người như thể thương thân". "một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ"…vốn là một trong những giá trị đạo đức truyền thống của nền văn hóa làng xã Việt Nam đã từng tồn tại hàng ngàn năm nay đang bị mai một, mờ nhạt dần. Ở không ít nơi, cả thành thị lần nông thôn, một bộ phận dân cư đã chịu ảnh hưởng của lối sống ích kỷ, hẹp hòi, lấy lối sống theo kiểu "đèn nhà ai nấy rạng" thay cho lối sống rất "con người" trước đây. Không phải ngẫu nhiên mà có ý kiến cho rằng, đạo đức ở một bộ phận nhân dân, đặc biệt là tầng lớp thanh, thiếu niên đang có xu hướng "trượt dốc". Đây thực sự là những tín hiệu "báo động đỏ" trong đời sống đạo đức ở nước ta hiện nay.

Theo đó, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa hiện này là một yêu cầu tất yếu, một nhiệm vụ nặng nề, cấp bách và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với chúng ta. Kinh nghiệm của nhiều nước, cũng như của chính chúng ta đã chỉ ra rằng, không thể đánh đổi bằng mọi giá để có được sự tăng trưởng kinh tế, cũng không thể để cho bản sắc văn hóa dân tộc bị mai một. Để

tiếp tục phát triển và khẳng định mình trong quá trình toàn cầu hóa, ngoài nỗ lực tăng trưởng kinh tế, một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng của chúng ta là phải xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đúng như Đảng ta đã khẳng định, "Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái; khoan dung; trọng tình nghĩa, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống…Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo" (4). Chính nhờ sức mạnh của những giá trị truyền thống đó mà dân tộc ta đã vượt qua biết bao thử thách khắc nghiệt, chiến thắng thiên tai, địch họa để tồn tại và phát triển được như ngày nay. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc trước hết là bảo vệ, kế thừa và phát triển những giá trị tinh thần cao đẹp đó.

(…)

(TS Nguyễn Đình Tường – philosophy.vas.gov.vn 16/11/2015)

Phần II – Câu 2:

Hình ảnh Huấn Cao trong cảnh cho chữ

Người nghệ sĩ trổ tài viết chữ trong khi "cổ đeo gông, chân vướng xiềng", bị cầm tù, đày đọa về thể xác. Nhưng dường như ông tự do về tinh thần, ông say mê sáng tạo, tâm hồn ông cất cánh cùng những nguyện ước gửi vào trong nét chữ. Mỗi cử chỉ của ông đều xúc động, đều mang một chút hương của thiên lương cao cả. Phòng giam thành chốn linh thiêng, thanh tĩnh. Hình ảnh người tử nổi bật lên, uy nghi lồng lộng trong tư thế răn dạy, còn quản ngục và thơ lại – những kẻ đại diện cho trật tự xã hội lại khúm núm bên cạnh người tù, vái lạy tù nhân. Một sự đảo lộn ngôi thứ, trật tự chưa từng có. Điều đó cho thấy rằng, trong nhà tù tăm tối – hiện thân của tội ác tàn bạo – không phải cái xấu, cái ác đang thống trị mà chính là cái Đẹp, cái cao cả đang làm chủ. Với cảnh cho chữ này, nhà ngục tăm tối đó sụp đổ, chỉ có người nghệ sĩ tài hoa đang sáng tạo cái Đẹp trước đôi mắt ngưỡng mộ, sung kính của kẻ liên tài, tất cả đều tắm đẫm trong ánh sáng thuần khiết của cái đẹp thiên lương, và khí phách. Cái Đẹp đó ra đời ở nơi tăm tối nhất, thiên lương đó tỏa sáng ở nơi mà cái ác đang ngự trị. Với cảnh này, không phải Huấn Cao sắp chết mà chính ông đang đi vào cõi bất tử. Đời thất thế của ông đã lóe sáng trước khi tàn và hơn thế nó đã kịp được vĩnh cửu hóa ở những dòng chữ "vuông vắn, nói lên hoài bão tung hoành của đời người", ở lòng những người như quản ngục.

Và những lời di huấn của ông với quản ngục cũng bất tử. Đây có thể coi là những lời răn dạy về đạo lí trong thời vàng thau lẫn lộn. Ông không chấp nhận cái đẹp chung sống với cái ác, cái xấu, không chấp nhận người yêu cái đẹp vẫn làm điều ác. Ông khuyên quản ngục thay "chốn ở" đi vì ông cho rằng muốn đến với các đẹp thì phải sống cho lương thiện, muốn chơi chữ đẹp thì phải lánh xa nơi tàn bạo xấu xa, giữ cho thiên lương lành vững và để không nhem nhuốc mất cả cái đời lương thiện đi. Đó cũng là quan niệm của Nguyễn Tuân, cái đẹp gắn liền với cái thiện, người nghệ sĩ say mê cái Đẹp trước hết phải có thiên lương, có cái tâm trong sáng. Di huấn thiêng liêng đó của ông Huấn Cao được quản ngục lắng nghe và cúi đầu "xin bái lĩnh". Đấy chính là tư thế cúi đầu trước hoa mai như tâm nguyện của Cao Bá Quát " Nhất sinh đê thủ bái mai hoa". Cái cúi đầu đó cũng cho thấy sức mạnh cảm hóa một con người lầm lạc, cam chịu của nhân cách Huấn Cao, của những dòng chữ đầy chí khí.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 07

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) ... Với lợi thế của người đi sau, chúng ta đã nhìn rõ những cơ hội và thách thức trong các tổ chức hợp tác với các nước láng giềng, khu vực và tổ chức toàn cầu như APEC, đặc biệt là WTO. Với vị thế và thương hiệu mới, lập tức nền kinh tế đất nước đã có những tín hiệu chuyển động mạnh mẽ...Nhịp điệu mới, tốc độ mới có thể sẽ đạt được cao hơn mục tiêu đề ra, thậm chí ở một số khu vực, bộ phận có thể trở thành nóng.

(2) Với "lợi thế người đi sau", chủng ta ứng phó, giải quyết thế nào với tốc độ nóng của phát triển để thực hiện đúng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững? Thực tế cho thấy, trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng chỉ trên 7% hàng năm nhưng quá nhiều vấn đề tiêu cực của kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường xảy ra. Sự nóng lên khá đột ngột của thị trường chứng khoán cho đến thời điểm này nói chung vẫn là tín hiệu tích cực về kinh tế nhưng về xã hội, những biểu hiện không thuận đã nhìn thấy được trong hiệu ứng nới rộng khoảng cách giàu-nghèo. Cùng với biểu hiện không thuận này, những tệ nạn đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại, quan liêu, tham nhũng đang hoành hành đã làm cho một bộ phận xã hội giàu nhanh hẳn lên, cả chính đáng và không chính đáng, về hình thức dân giàu thì nước mạnh nhưng dân giàu mà không minh bạch, không kiểm soát được, không huy động được sự giàu có trong dân vào mục đích chung phát triển kinh tế-xã hội thì lại có tác động ngược lại (...)

(3) Thực tế đất nước hiện nay cũng đã nóng lên với rất nhiều báo động về sự trì trệ, lạc hậu của lề lối hành chính, về sự yếu kém đầy rủi ro trong giao thông, sự lạc hậu gắn với nhiều căn bệnh trong giáo dục, y tế, những báo động của ô nhiễm môi trường từ thành thị đến nông thôn, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên rừng, sông suối và biển...

(4) Từ "lợi thế người đi sau", chủng ta không chỉ học người ở cách làm giàu mà luôn phải tỉnh táo lường định trước, phải đầu tư nghiên cứu học hỏi để đề ra những biện pháp hữu hiệu phòng và chống, ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những tiêu cực, rủi ro, đổ vỡ trong cả kinh tế, xã hội và văn hóa.

(Nguyễn Mạnh - báo Quân đội nhân dân 03/03/2007)

Câu 1: Đặt một nhan đề phù hợp với nội dung đoạn văn bản.

Câu 2: Căn cứ vào nội dung đoạn văn và hiểu biết thực tế, anh/ chị hãy giải thích thế nào là "lợi thế người đi sau"?

Câu 3: Đọc kĩ đoạn văn (2) và cho biết đoạn văn được viết theo phương thức nào?

Câu 4: Bài học mà anh/chị rút ra được khi nhìn nhận những thuận lợi và thách thức trong "Lợi thế người đi sau"?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) thể hiện suy nghĩ của anh/chị về vai trò của tinh thần học hỏi trong bối cản của sự tăng trưởng mạnh mẽ về kinh tế - xã hội hiện nay.

Câu 2 (5,0 điểm): Viết về phẩm chất và tấm lòng của nhân vật viên quản ngục trong *"hoàn cảnh đề lao"*

tăm tối, Nguyễn Tuân đã khẳng định đó là *"một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ "* (*Chữ người tử tù* - Nguyễn Tuân - SGK Ngữ văn 11 tập Một). Qua cảm nhận về nhân vật này trong tác phẩm "Chữ người tử tù", anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng câu hỏi yêu cầu đặt nhan đề cho nội dung đoạn văn bản, các em cần tiến hành các bước như sau:

- Tìm các từ ngữ chủ đề (từ, cụm từ lặp đi lặp lại), câu chủ đề, từ đó xác định khái quát nội dung của văn bản.
- Căn cứ vào nội dung khái quát đó, lựa chọn một nhan đề phù hợp, có chứa thông tin chính nhưng không quá dài.

Câu 1 (0,5 điểm):

Học sinh đặt được nhan đề phù hợp, căn cứ theo nội dung đoạn văn.

Một số nhan đề gợi ý: Lợi thế người đi sau ở nước ta; Lợi thế người đi sau: cơ hội và thách thức; Những vấn đề đặt ra từ lợi thế người đi sau...

Câu 2 (1,0 điểm):

Học sinh cần đọc kĩ văn bản kết hợp cùng hiểu biết thực tế về đời sống kinh tế - xã hội hiện nay để trả lời.

Lợi thế người đi sau: chỉ những thuận lợi, những bài học bổ ích có được dựa trên sự học hỏi kinh nghiệm thành công và thất bại của những người làm trước hoặc những công ty, những quốc gia phát triển trước.

Câu 3 (0,5 điểm):

Đoạn văn được viết theo phương thức diễn dịch (câu chủ đề nằm ở đầu của đoạn văn).

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra quan điểm riêng của bản thân, cần đảm bảo tính lo-gic và hợp lí. Gợi ý:

- Cần nỗ lực cố gắng phát triển để tận dụng những kinh nghiệm của lợi thế người đi sau.
- Cần cân đối giữa việc phát triển kinh tế - xã hội với sự ổn định của an ninh, trật tự xã hội.
- Mỗi người dân cần có ý thức đóng góp vào mục đích chung là phát triển kinh tế xã hội.

STUDY TIP

Một số tấm gương về tinh thần học hỏi trong xã hội hiện nay:

- Trần Thị Diệu Liên sinh ra trong gia đình nghèo khó, ở trong căn nhà xập xệ rộng chưa tới 20 m^2. Liên từng học chuyên Anh trường Lê Hồng Phong -TP Hồ Chí Minh. Sau khi đỗ ngành khoa học của một trường đại học, Liên bảo lưu một học kỳ để theo đuổi học bổng du học. Tháng 4, Liên nhận được gói hỗ trợ tài chính suốt 4 năm học trị giá 7 tỷ đồng của Đại học Harvard.
- Chảo Thị Yến (Bát Xát, Lào Cai) người dân tộc Dao. Hết lớp 9, cô phải nghỉ học để đi làm nương. Sau ba năm thuyết phục người nhà, cuối cùng Yến được đi học cấp ba với ước mơ làm cô giáo. Tuy nhiên, trận lũ lịch sử năm 2008 khiến cô chọn Đại học Lâm nghiệp là bởi khao khát tìm cách giữ rừng, hạn chế lũ.

Cô vừa đi làm vừa tiếp tục gửi hồ sơ xin học bổng và đến tháng 3 cô đã trúng học bổng thạc sĩ ngành Quản lý tài nguyên rừng bền vững tại Đại học Gottingen, Đức.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Khi gặp dạng đề nghị luận xã hội về vấn đề có tính chất khá quen thuộc (ở đây là tinh thần học hỏi), các em

cần chú ý:

- Tránh thái độ chủ quan.
- Đọc kĩ, xem xét kĩ yêu cầu của đề. Bởi vấn đề đưa ra có thể quen thuộc nhưng thông thường đều có tính chất cập nhật, gắn với đời sống hiện đại (ở đây là: học hỏi - gắn với bối cảnh sự phát triển kinh tế mạnh mẽ).

Nên chú ý xây dựng luận điểm có tính sáng tạo, đảm bảo được tính chất cập nhật đó.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Vai trò, giá trị của tinh thần học hỏi đặt trong bối cảnh kinh tế xã hội đang có sự phát triển mạnh mẽ.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được vai trò quan trọng của tinh thần học hỏi trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế xã hội. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích: Học hỏi là quá trình tiếp thu tri thức từ sách vở, từ cuộc sống, từ các mối quan hệ, từ những người xung quanh. Quá trình học hỏi diễn ra lâu dài, bền bỉ.

Đời sống xã hội, nền kinh tế hiện nay đều đang trong quá trình tăng trưởng mạnh mẽ, tạo ra nhiều cơ hội và cũng nhiều thách thức. Tinh thần học hỏi có vai trò vô cùng quan trọng, cần thiết, giúp mỗi người thích nghi với sự phát triển của xã hội, tận dụng cơ hội. để phát triển cá nhân cũng như góp phần vào sự ổn định và phồn thịnh của cộng đồng. Học phải đi đôi với hỏi để biến tri thức thực sự thành của mình chứ không phải chỉ là sự tiếp nhận thụ động.

- Nếu không chịu học hỏi thì sớm muộn cũng sẽ tụt hậu và bị đào thải khỏi xã hội hiện đại.
- Liên hệ, rút ra bài học thiết thực cho bản thân: không ngừng học hỏi, chuẩn bị hành trang cho tương lai...

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận về một nhân vật để minh chứng cho một ý kiến của nhà văn viết nên tác phẩm, các em cần chú ý:

- Khi giải thích ý kiến nên xuất phát từ nội dung tác phẩm, gắn ý kiến đó vào chỉnh thể tác phẩm để khái quát nội dung của ý kiến chính xác nhất.
- Phân tích nhân vật bám sát nội dung của ý kiến, đặc biệt chú ý đến hình ảnh của nhân vật trong đoạn văn có xuất hiện ý kiến.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề;

phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Cảm nhận về nhân vật quản ngục trong tác phẩm "Chữ người tử tù" để làm sáng tỏ cho một quan niệm của chính nhà văn về nhân vật.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Nguyễn Tuân sinh ra trong một gia đình Nhà nho khi Hán học đã suy tàn. Ông là một trí thức giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, đặc biệt gắn bó với các giá trị văn hóa cổ truyền, là một nhà văn có phong cách tài hoa và độc đáo. "Chữ người tử tù" là tác phẩm tiêu biểu cho đời văn của Nguyễn Tuân. Tác phẩm đã thông qua bộ đôi nhân vật Huấn Cao – quản ngục để thể hiện quan niệm riêng biệt của Nguyễn Tuân về cái Đẹp.

b. Giải thích ý kiến (0,5 điểm)

- Giải thích: "Thanh âm trong trẻo": hình ảnh ẩn dụ chỉ một tâm hồn trong sáng, phẩm chất cao đẹp, sự hướng thiện. "Bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ": hình ảnh ẩn dụ chỉ chốn nhà lao tăm tối, rộng hơn đó là môi trường xã hội xấu xa, tàn ác.
- Ý kiến đã khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của quản ngục trong hoàn cảnh nhà ngục đầy rẫy tội ác, trong hoàn cảnh xã hội suy đồi, bất lương.

c. Phân tích cảnh đợi tàu để chứng minh cho ý kiến (2,0 điểm):

CHÚ Ý

Phân tích nhân vật quản ngục để làm sáng tỏ ý kiến:

- Giải thích: sự đối lập thanh âm trong trẻo > < bản đàn mà nhạc luật hỗn loạn, xô bồ.

Nhân vật quản ngục:

+ Cảnh ngộ và địa vị xã hội của nhân vật: hoàn cảnh sống trong đề lao tăm tối, môi trường đầy tội ác.

+ Tấm lòng, phẩm chất của nhân vật: sự cô độc, lẻ loi; tình yêu cái Đẹp, sự trân trọng với cái Đẹp; con người biết hối hận, có thiên lương trong sáng.

+ Ý nghĩa của hình tượng nhân vật quản ngục: thể hiện niềm tin vào sự lương thiện của con người; góp phần thể hiện quan niệm về cái Đẹp của Nguyễn Tuân.

- Khái quát về nhân vật quản ngục: Nhân vật quản ngục nằm trong bộ đôi nhân vật đặc tuyển của Nguyễn Tuân trước Cách mạng. Nếu Huấn Cao là nhân vật sáng tạo ra cái Đẹp, là hiện thân của nghệ sĩ thì quản ngục là người thưởng thức cái Đẹp - con người đốn ngộ. Với nhân vật quản ngục, người đọc hiểu thêm về kiểu nhân vật không trùng khít, kiểu nhân vật đã tư cách và mỗi tư cách gắn với một tính cách khác nhau. Thế nên không thể không nhắc đến quản ngục khi nhắc đến Huấn Cao và ngược lại.

- Cảnh ngộ và địa vị xã hội của nhân vật: là một mắt xích trong bộ máy thống trị đương thời, đã nhiều năm làm nghề quản ngục trong trại giam - môi trường của những cái xấu, cái ác, cặn bã của xã hội. Hằng ngày ông sống giữa gông xiềng tội ác, phải chứng kiến bao điều tàn nhẫn, lừa lọc giữa một đống cặn bã, giữa lũ quay quắt. Cảnh sống ấy dễ dìm chết con người, dễ đẩy con người vào bùn nhơ. Là quản ngục, nhưng ông ta cũng chính là tù nhân chung thân của cái nhà tù do ông cai quản. Cái danh, cái lợi, trách nhiệm, bổn phận của một ngục quan là những thứ gông cùm, xiềng xích vô hình xiết chặt tâm hồn quản ngục suốt đời.

- Tấm lòng, phẩm chất của nhân vật - *thanh âm trong trẻo*:

+ Hình ảnh của ông ngay từ đầu câu chuyện đã mang dáng vẻ của sự lẻ loi: mái tóc hoa râm, râu ngả màu, bộ mặt tư lự, dáng vẻ trầm tư bên ánh đèn leo lét. Rất nhiều lúc, ngục quan thấm thìa thân phận lạc loài, cô đơn giữa chốn tù ngục của chính mình, ông đã phải than thở một mình: "Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi".

+ Ông là người yêu cái đẹp, trân trọng cái đẹp:

++ Ngay từ hồi trẻ, ông đã có thú chơi thanh cao tao nhã: chơi chữ nghệ thuật. Sở thích cao quý này đối lập một cách dữ dội với công việc và hoàn cảnh sống của ông, cho thấy ông là người biết trân trọng những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

++ Ngưỡng mộ, trân trọng Huấn Cao - người nổi tiếng viết chữ đẹp: Khi tiếp nhận công văn giải tử tù vào kinh chịu án chém, viên quản ngục đã đau đớn đến tái nhợt người đi. *"Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan hình bộ thượng thư trong kinh bắt giải ông Huấn Cao và những người bạn đồng chí của ông vào kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tỉnh mơ, sẽ có người đến giải tù đi"*. Viên quản ngục thực sự đã rơi vào một tình huống bế tắc và tuyệt vọng. Một tài năng hiếm có, một nhân cách cao quý được ông trân trọng, kính yêu và nâng niu từng giờ khắc đã sắp phải từ giã cõi đời, sắp phải chấm dứt cuộc đời đầy hoài bão tung hoành và khí phách hiên ngang bất khuất.

++ Ông khao khát có được chữ Huấn Cao. Tâm hồn trong sáng và sở nguyện cao quý của ông (một ngày nào đó được treo chữ của Huấn Cao trong nhà riêng) đã làm dịu thái độ ngông ngạo, kiêu bạc của Huấn Cao đối với ông và đã khiến Huấn Cao xúc động mà cho chữ, coi ông như một tri kỉ tri âm không hẹn mà gặp trong cuộc nhân sinh rộng lớn này.

+ Ông cũng là người can đảm vượt lên hoàn cảnh: bất chấp nguy hiểm biệt đãi Huấn Cao, biệt đãi những người bạn đồng chí của Huấn Cao. Việc làm này có thể khiến quản ngục phải trả giá đắt nhưng ông vẫn kiên quyết thực hiện với mong mỏi những ngày cuối đời, Huấn Cao được sống tươm tất nhất.

+ Đáng quý nhất, quản ngục là con người biết hối hận, biểu hiện của thiên lương trong sáng: Huấn Cao không chỉ cho chữ mà còn coi viên quản ngục là tri kỉ, tri âm, còn tặng quản ngục những lời khuyên chân thành, giàu ý nghĩa. Viên quản ngục đón nhận tấm lòng ấy một cách thành kính, khúm núm, lắng nghe những lời khuyên của người mình tôn thờ bấy lâu như lĩnh nhận những di huấn thiêng liêng. Dòng nước mắt của sự xúc động và sự hối hận trào ra trên khóe mắt. Cái khúm núm bái lạy và dòng nước mắt của ngục quan ở đây không làm cho ông nhỏ bé, hèn yếu đi mà làm cho ông trở nên trong sáng, lương thiện hơn.

- Ý nghĩa của hình tượng nhân vật quản ngục:

+ Nhân vật viên quản ngục không được tác giả đặt tên để gọi nhưng vẻ đẹp tâm hồn nhân vật này cũng đã khẳng định rằng ở bất cứ nơi đâu, kể cả những nơi chỉ có bóng tối và tội ác ngự trị cũng vẫn có những con người lương thiện.

+ Qua đó, tác giả cũng thể hiện niềm tin vào bản chất tốt đẹp của con người, bản chất ấy không bị chi phối, tác động bởi hoàn cảnh, môi trường. Nhân vật viên quản ngục đã là người chiến thắng, chiến thắng cảnh ngộ, chiến thắng chính mình, vươn tới những giá trị cao đẹp về nhân cách con người.

d. Đánh giá chung (0,5 điểm):

- Ý kiến xác đáng, thể hiện vị trí, ý nghĩa của nhân vật quản ngục trong câu chuyện; là định hướng để người đọc tìm hiểu và khám phát nhân vật.

- Nhân vật quản ngục đã góp phần thể hiện chủ đề, tư tưởng của truyện, gợi mở suy nghĩ cho người đọc về lối sống, cách sống đẹp.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Bàn về tinh thần học hỏi

Con người luôn luôn có nhu cầu học hỏi, mở mang tầm hiểu biết. Chính nhờ việc tích lũy và tìm tòi tri thức mà con người có sự phát triển vượt bậc như ngày nay... "Học" là quá trình tiếp thu và tích lũy kiến thức. Chính từ quá trình này, chúng ta mới biết được những điều cần thiết làm hành trang trong đời. Có học, chúng ta mới có đủ kiến thức để giải quyết những khó khăn và đạt được những thành công trong công việc. Có tìm tòi về thế giới, chúng ta mới biết về những nền văn hóa mới, mới biết được cách tôn trọng sự khác biệt giữa các quốc gia, từ đó, chúng ta mới có thể chung sống trong hòa bình, hòa hợp. Và có học, chúng ta mới có thể tạo được chỗ đứng riêng của mình, khẳng định được bản thân trong xã hội. Đó chính là những tác động to lớn của việc học mà UNESCO muốn gửi gắm trong câu "học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình". Chẳng phải, đây là những điều chúng ta luôn mong muốn, luôn đặt làm mục tiêu hàng đầu để phấn đấu, nỗ lực hay sao? Thông qua lời đề xướng, UNESCO đã mang đến cho chúng ta một thông điệp: việc học sẽ mang lại những thay đổi to lớn cho cuộc đời mỗi con người và có thể là cả thế giới. Kiến thức là một kho tàng bao la vô tận. Tất nhiên là không một ai có thể nắm giữ hết kho tàng ấy, bởi vì nó quá to lớn và luôn luôn mở rộng không ngừng. Tuy vậy, con người chúng ta luôn có khao khát được chinh phục kho tàng này, dù việc đó chẳng dễ dàng gì. Và chỉ có việc học mới có thể giúp chúng ta thực hiện ước mơ đó. Chúng ta có thể học từ nhiều nguồn, bằng nhiều cách khác nhau. Không có một công thức nào, cũng không có giới hạn nào về thời gian và không gian cho việc học cả. Chúng ta có thể học từ thầy cô, bạn bè, mọi người xung quanh; học từ những kinh nghiệm trong cuộc sống,... rồi lại mang những kiến thức đó áp dụng vào cuộc sống, "làm giàu" cho bản thân ta cả về vật chất lẫn tinh thần và thậm chí giúp đỡ những người khác. Một đất nước có nhiều công dân có trình độ, có tri thức sẽ phát triển rất nhanh và nhanh chóng trở thành một nước phát triển, giàu có, thịnh vượng.

Dân tộc ta có truyền thống hiếu học từ ngàn đời nay. Xưa kia, có không ít những vị Trạng nguyên nhà nghèo nhưng vẫn quyết chí học hành, dùi mài kinh sử, gắng đem công sức, hiểu biết của bản thân ra xây dựng đất nước. Nhiều người trong số họ đã giúp đất nước ta giữ vững độc lập, chủ quyền. Họ đã khẳng định được mình và được lịch sử vinh danh. Ngày nay, hàng ngàn học sinh trên cả nước dù gặp khó khăn về vật chất nhưng vẫn cố gắng đi học vì họ biết rằng học tập là con đường duy nhất có thể thay đổi cuộc sống của họ, giúp họ chứng tỏ được mình trong xã hội. Thậm chí, cả những người đã có địa vị, có được nhiều thành công trong công việc vẫn phải học. Họ không nhất thiết phải đi học, song họ đã tự ý thức được tầm quan trọng của việc học đối với cuộc sống, với công việc, với sự nghiệp của mình. Có lần, một tờ báo đăng một bài viết về lớp học tiếng Việt ở Đức, về việc học tiếng Việt, văn hóa Việt của những người Đức chuẩn bị sang Việt Nam là việc. Không ai yêu cầu họ làm như vậy, nhưng họ biết đó là những điều cần thiết cho cuộc sống của họ ở một đất nước mới với nền văn hóa khác biệt rất nhiều so với văn hóa Đức. Học hành ý nghĩa to lớn như vậy, song không phải ai cũng nắm bắt được mục đích của việc học. Có những bạn học sinh chây lười, chán nản, bỏ bê học hành; lại có những bạn học hành qua loa, không nghiêm túc với hy vọng vượt qua được những kỳ kiểm tra mà không chú ý đến việc học thực chất. Như vậy, làm sao các bạn có thể nắm bắt được những kiến thức cần thiết cho mai sau? Liệu rồi đây, các bạn sẽ đương đầu với những thử thách trong cuộc sống như thế nào nếu không có một nền tảng tri thức vững chắc? Lại còn những bạn học hành rất chăm chỉ, luôn luôn dành thời gian cho việc học mà quên mất thời gian cho thế giới bên ngoài. Có lẽ các bạn quên rằng thế giới ấy luôn ẩn chứa những bài học bất ngờ mà sách vở không bao giờ có thể dạy cho các bạn được. Và cũng chính thế giới ấy mới là nơi các bạn thực hành và trải nghiệm những kiến thức các bạn học được.

Học hành rất quan trọng, song cách học cũng như cách sắp xếp, cân bằng thời gian giữa học và thư giãn cũng rất quan trọng. Nếu không biết phương pháp học phù hợp thì dù học rất nhiều song ta không tiếp thu được bao nhiêu, còn nếu không cân bằng được thời gian ta sẽ bị quá tải, từ đó dẫn đến chán nản rồi cuối cùng là lười học... .Nếu không muốn bị bỏ lại phía sau nhân loại thì ta chỉ có một con đường là học mà thôi. Học để có thể tiến ra thế giới, "sánh vai cùng các cường quốc năm châu" với một thái độ kiêu hãnh chứ không phải tự ti, rụt rè.

(thpt-vloc. thuathienhue. edu. vn)

Phần II – Câu 2:

Về khao khát hướng tới cái Thiện, cái Đẹp của nhân vật quản ngục

Nếu như bi kịch của ông Huấn là bi kịch của người anh hùng thất thế, thất thế nhưng vẫn kiêu hùng, lẫm liệt; thì bi kịch của ngục quan là bi kịch lầm đường. Kẻ lầm đường lạc lối, may thay, vẫn còn có lương tri, lương năng, còn có "lòng biệt nhỡn liên tài", còn có khát vọng giải thoát. Ông tôn thờ cái đẹp, say mê cái đẹp để hi vọng tự giải thoát. Lúc ngục quan gặp huấn Cao thì "đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu", "bộ mặt tư lự" đã hằn nhiều nếp nhăn của cuộc đời "tù nhân" nhọc nhằn, nhưng khát vọng giải thoát biểu hiện ở khát vọng hướng tới cái đẹp vẫn mãnh liệt vô cùng. Âm ỉ bấy lâu, nay nó bùng cháy lên thành lửa ngọn. Ngục quan tự hạ mình xuống trước tử tù, nhẫn nhục chấp nhận sự "khinh bạc đến điều" của ông Huấn, về bản chất, đó là sự ngưỡng mộ, cúi đầu trước cái đẹp một cách hoàn toàn tự nguyện. Hành động biệt đãi ông Huấn cũng là xuất phát từ lòng say mê đó. Nhưng đến cuối tác phẩm thì không chỉ còn là chuyện say mê, tôn thờ mấy cái chữ đẹp nữa, mà cao hơn thế, đó là sự trân trọng, tôn thờ nhân cách cao quý của một bậc tài danh. Bị cái đẹp và nhân cách cao thượng của ông Huấn thuyết phục, viên quản ngục thực sự cảm động. Ông cúi đầu một cách trang trọng, dòng lệ và tiếng nói nghẹn ngào: "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh".

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 08

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Trời mưa như trút nước. Nửa đêm hôm đó, anh Tịch và Út bò vào móc cơ sở, mở cửa rào dẫn một cánh đột vô. Vợ chồng Út lại thu được ba cây súng và rổ lựu đạn hôm qua. Bộ đội tràn vô khắp ấp, lùng bắt ác ôn, rượt bọn lính chạy, thu thêm một số súng. Suốt đêm, Út đi lay từng cây cọc sắt, tìm lựu đạn gài để đồng bào yên tâm phá rào.

Sáng hôm sau, những người đàn bà đi chợ Cầu Kè ngang qua ấp chiến lược Chông Nô 2, thấy một người phụ nữ đầu đội nón nhựa chiến lợi phẩm, tay cầm súng, lá cây giắt đầy mình, miệng ăn trầu đỏ tươi, đứng gác trong công sự đầu ấp. Hình ảnh ấy của Út được các bà truyền đi khắp xã cùng với tin cái ấp chiến lược kiên cố, ác ôn nhất Cầu Kè bị phá banh, Út đứng như vậy, dưới trời mưa từ ba giờ khuya tới sáng. Những tên thanh niên chiến đấu, sáng sớm tưởng ta rút, mò về, bất thần bị Út bắt giơ tay… Hôm đó, Út thu được một đống lựu đạn đem chất đầy vọng gác. Về nhà, trong buổi liên hoan mừng chiến thắng, anh Mười ở tỉnh ôm thằng nhỏ của Út giơ ra giữa đám đông, nói:

- Cháu à, má cháu bỏ cháu cả đêm, nhờ bác la má cháu mới về cho cháu bú đó.

Sau tiếng cười rộ lên, mọi người đều im bặt. Tất cả đều hướng về phía mẹ con Út. Bây giờ, ngồi đây, chị đang dịu dàng ve vuốt tóc con, nhưng sao hồi khuya, lúc xông vào ổ địch, trông chị gan lì, khác hẳn. Anh em chuyền tay nhau thằng nhỏ, hôn từ dưới lên trên, từ trên xuống dưới.

Út nói:

- Nó cũng đánh giặc phải không mấy anh? Sau này tụi nó đánh giặc còn ngon hơn tụi mình bây giờ nhiều.

(*Người mẹ cầm súng* – Nguyễn Thi)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

Câu 2: Chỉ ra 02 phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn bản.

Câu 3: Tìm các chi tiết trong đoạn văn để cho thấy chị Út là một "người mẹ - cầm súng".

Câu 4: Phân tích ý nghĩa câu nói cuối cùng của nhân vật chị Út trong đoạn văn.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Nhân vật chị Út trong đoạn văn gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Hãy thể hiện suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5,0 điểm): Trong phần kết bài thơ "Vội vàng", Xuân Diệu có viết:

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(*Vội vàng* – Xuân Diệu – SGK Ngữ văn 11 tập Hai)

Còn khép lại bài thơ "Sóng" là khổ thơ:

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữ biển lớn tình yêu.
Để ngàn năm còn vỗ.

(*Sóng* – Xuân Quỳnh – SGK Ngữ văn 12 tập Một)

Anh/chị có cảm nhận gì về cách ứng xử trước thời gian của hai nhà thơ qua hai đoạn thơ trên.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

- Đối với dạng câu hỏi tìm hình ảnh, chi tiết để minh chứng cho một nội dung nào đó (câu 3), cần chú ý:
+ Phân chia nội dung đó thành các nội dung nhỏ hơn một cách hợp lí.
+ Tìm các hình ảnh, chi tiết để minh chứng cho từng nội dung nhỏ đó.
- Đối với dạng câu hỏi phân tích ý nghĩa của một câu nói, cần căn cứ vào:
+ Nội dung của đoạn văn bản.
+Các câu văn liền kề xuất hiện trước và sau câu văn đó.

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2 (0,5 điểm):

Học sinh cần chỉ ra hai trong số các phép liên kết sau:

- Phép lặp: Út

- Phép thế: Út – chị - người đàn bà; anh Tịch và Út – vợ chồng Út.

- Phép liên tưởng: trời mưa – nửa đêm – sáng hôm sau – hôm đó – bây giờ.

Câu 3 (1,0 điểm):

Chị Út là một người mẹ - cầm súng:

- Người mẹ: chị ngồi trong đêm liên hoan, dịu dàng vuốt tóc con; tình yêu và niềm tin dành cho đứa con bé bỏng.

- Người chiến sĩ cầm súng: Út bò vào móc cơ sở, mở cửa rào; tay cầm súng, lá cây dắt đầy mình, gác công sự, bắt địch quay về...

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra quan điểm, đánh giá riêng của bản thân, tuy nhiên cần đảm bảo được nội dung sau:

Ý nghĩa:

- Thể hiện truyền thống đánh giặc giữ nước của nhân dân Việt Nam: đánh giặc là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người, mọi nhà; bất cứ ai là người Việt Nam đều phải tham gia đánh giặc.

- Thể hiện sự tiếp nối giữa các thế hệ trong công cuộc kháng chiến chống xâm lược: kháng chiến là một quá trình lâu dài, cần có sự tiếp nối giữa các thế hệ.

- Thể hiện niềm tin và thế hệ sau: thế hệ đi sau thừa tiếp kinh nghiệm và bản lĩnh của thế hệ trước nên sẽ can đảm hơn, linh hoạt hơn, giỏi giang hơn.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt nam.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được quan điểm về truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Có thể theo hướng sau:

- Người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay luôn có vẻ đẹp của những người vợ, người mẹ hiền hậu, đảm đang, chung thủy.

- Bên cạnh đó, người phụ nữ Việt Nam – khi đất nước lâm nguy – cũng sẵn sàng ra trận, trở thành những chiến sĩ, những anh hùng. Đó là truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ.

- Vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ đang được phát huy trong thời đại ngày nay: những người phụ nữ hiện đại vừa chăm lo cho gia đình vừa tham gia công tác xã hội, bảo vệ đất nước… (dẫn chứng)

- Liên hệ bản thân: bản thân nhận thức như thế nào về vai trò của người phụ nữ, cần làm gì để khẳng định vị trí và phát huy truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

STUDY TIP

Một số tấm gương phụ nữ tiêu biểu:

- **Nguyễn Thị Định (1920 – 1992):** Nữ tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam. Là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Mỏ Cày, Bến Tre (17/1/1960), mở đầu cho phong trào Đồng Khởi. Bà là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.
- **Nguyễn Thị Bình (1927):** Nổi tiếng với phong cách ngoại giao duyên dáng, lịch lãm. Bà có đóng góp rất lớn trong các cuộc đàm phán suốt từ 1968 – 1972 để đi tới việc ký kết Hiệp định Paris. Bà là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên giữ chức vụ Phó chủ tịch nước.
- **Cô giáo Nguyễn Thị Minh Tâm** (Trường THPT Thiên Hộ Dương) bị tai nạn giao thông mất đi một phần thân thể, nhưng đã vượt lên nghịch cảnh, đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác. Ngoài ra, cô đã lập ra nhóm hoạt động thiện nguyện, dùng sự bất hạnh của bản thân để truyền cảm hứng sống cho thật nhiều người kém may mắn.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng đề so sánh hai đoạn thơ thì định hướng của đề bài (ở đây là "cách ứng xử trước thời gian của hai nhà thơ") chính là trọng tâm vấn đề cần triển khai. Hơn thế các em cũng cần lưu ý:

- Cần phân tích, cảm nhận hai đoạn thơ trong mối quan hệ với toàn bài, với phong cách riêng của từng nhà thơ.

- Đề không có yêu cầu so sánh trực tiếp nhưng thao tác so sánh là thao tác cần thiết để làm sáng tỏ thêm về hai đối tượng. Khi so sánh chú ý cả phương diện nội dung và nghệ thuật.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Cách ứng xử trước thời gian của hai nhà thơ: Xuân Diệu và Xuân Quỳnh, thể hiện qua hai đoạn thơ.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

CHÚ Ý

- Cách ứng xử với thời gian trong đoạn thơ Vội vàng: nhịp điệu giục giã, hối thúc, thể hiện quan niệm cần sống nhanh, sống gấp, sống vội vàng, sống đậm đặc từng phút giây để chạy đua với thời gian.
- Cách ứng xử trước thời gian trong đoạn thơ Sóng: khát vọng biến thành sóng để bất tử hóa tình yêu trong biển đời rộng lớn, vĩnh hằng.
- Điểm giống nhau: thể hiện tình yêu đời mãnh liệt, nghệ thuật có sự kết hợp cảm xúc và lí trí.
- Điểm khác nhau: Đoạn thơ Vội vàng thể hiện tình yêu sống nồng nàn, say đắm, thể hiện tâm hồn của một nhà thơ khát khao giao hòa, giao cảm; đoạn thơ Sóng thể hiện khát vọng bất tử hóa tình yêu, biểu hiện của một hồn thơ luôn da diết khát vọng hạnh phúc giản dị, đời thường.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Xuân Diệu là nhà thơ "mới nhất trong các nhà Thơ mới" (Hoài Thanh). Ông đem đến cho thơ ca đương thời một sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện một quan niệm sống mới mẻ cùng với những cách tân nghệ thuật đầy sáng tạo. "Vội vàng" là bài thơ tiêu biểu của Xuân Diệu, thể hiện niềm khao khát sống mãnh liệt, sống hết mình và quan niệm về thời gian, về tuổi trẻ và hạnh phúc của Xuân Diệu.

Xuân Quỳnh là nhà thơ trẻ tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mĩ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, vừa tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm, luôn da diết khát vọng hạnh phúc bình dị đời thường. "Sóng" ra đời từ chuyến đi thực tế đến vùng biển Diêm Điền – Thái Bình, vừa là trải nghiệm vừa là sự nhìn lại một chặng đường trong tình yêu.

b. Cảm nhận về cách ứng xử trước thời gian qua đoạn thơ trong bài thơ "Vội vàng" (1,0 điểm)

- Từ ý thức về thời gian ngắn ngủi hữu hạn của đời người, nhà thơ đã thôi thúc mỗi người làm một cuộc chạy đua với cuộc đời. Đoạn thơ có nhịp điệu giục giã đầy hối thúc: *Mau đi thôi!*

- Ngôn từ gắn với lời nói thường, nhưng đã được nâng lên thành nghệ thuật. Cảm xúc dào dạt, mãnh liệt đã tạo nên những làn sóng ngôn từ vừa đan vào nhau, vừa cộng hưởng với nhau theo chiều tăng tiến. Tác giả dùng dồn dập những động từ mạnh, tăng tiến chỉ động tác đắm say: *ôm, riết, say, thâu*, nhiều danh từ chỉ vẻ đẹp thanh tân, tươi trẻ: *non nước, cây, cỏ rạng, mùi thơm, ánh sáng…* nhiều tính từ chỉ xuân sắc: *no nê, đã đầy…*, nhiều điệp từ, điệp cú pháp có tác dụng nhấn mạnh ý thể hiện sự nồng nhiệt đến vô cùng của một khát vọng được tận hưởng và tận hiến trước cuộc đời.

- Hình ảnh mới mẻ độc đáp của đoạn: *Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!* Câu thơ đã thể hiện sự say mê cuồng nhiệt, niềm giao cảm khỏe mạnh, cường tráng, khát khao giao cảm đến tột cùng, khôn thỏa. Cuộc đời trong bóng dáng giai nhân và mùa xuân chính là niềm say mê vĩnh cửu của nhà thơ.

☐Nội dung triết luận của đoạn thơ nghiêng về lời giải đáp "Sống vội vàng là sống như thế nào": không kéo dài được trường độ sống thì phải tăng cường độ sống, sống nhanh, sống nhiều, sống tận hưởng, tận hiến, mỗi cuộc đời đều phải có ý nghĩa. Đó là cách ứng xử rất tích cực và tiến bộ trước thời gian.

c. Cảm nhận về cách ứng xử trước thời gian qua đoạn thơ trong bài thơ "Sóng" (1,0 điểm)

- Trong sự cảm nhận chua xót, trong nỗi suy tư, nhận thức về thời gian vĩnh hằng và đời người ngắn ngủi, không thể sống mãi với tình yêu, Xuân Quỳnh đã bày tỏ khát khao biến mình thành sóng.

- Cụm từ "tan ra" không phải mất đi mà trường tồn đến ngàn năm vì Xuân Quỳnh biết chọn biển lớn tình

yêu mà vỗ sóng. "Sóng" là hình ảnh để chuyển tải mơ ước, khát khao bất tử, vĩnh hằng. Cách để được sống mãi với thời gian là được yêu. Tình yêu sẽ hóa thành trăm con sóng nhỏ để "ngàn năm còn vỗ". Nhà thơ không ước mình thành biển bởi biển bao la nhưng cũng có lúc " thương hải biến vi tang điền" (Biển xanh hóa thành nương dâu) mà ước thành sóng bởi sóng là một hiện tượng tự nhiên bất tử, muôn thuở. Đây là khát vọng đẹp của một tâm hồn đẹp, chân thực và dũng cảm.

- Ở một phương diện khác, cuộc đời chính là biển lớn tình yêu, kết tinh vị mặn ân tình, được tạo nên và hòa lẫn cùng trăm con sóng nhỏ. Trong quan niệm của nhà thơ, số phận cá nhân không thể tách khỏi cộng đồng. Sóng không phải là biểu tượng của một cái tôi ngạo nghễ và cô đơn như thơ lãng mạn. Khát vọng lớn nhưng trong cách nói Xuân Quỳnh lại rất khiêm nhường: *trăm con sóng nhỏ* như là sự tổng hòa những vẻ đẹp khác nhau để tạo thành biển lớn. Nhà thơ đã thể hiện một khát vọng mãnh liệt muốn làm trăm con sóng để hòa mình vào đại dương bao la, hòa mình vào biển lớn tình yêu để muôn đời vỗ muôn điệu yêu thương "Người yêu người, sống để yêu nhau" (Tố Hữu).

☐Đoạn thơ sôi nổi mãnh liệt khát vọng của nhà thơ, khát vọng bất tử hóa tình yêu. Đó là cách ứng xử trước thời gian mang đậm dấu ấn tâm hồn nữ sĩ và tinh thần của thời đại.

d. So sánh cách ứng xử trước thời gian trong hai đoạn thơ (1,0 điểm):

**** Điểm tương đồng trong cách ứng xử trước thời gian trong đoạn thơ:***

- Đều thể hiện tình yêu mãnh liệt trào dâng trong nhân vật trữ tình.
- Đó là nguyên cớ để dẫn đến khát vọng vượt qua giới hạn nhỏ hẹp, sự hữu hạn của cuộc đời để bất tử trước thời gian.
- Về nghệ thuật: có sự kết hợp giữa cảm xúc và lí trí; khai thác hiệu quả các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ.

**** Điểm khác biệt:***

- Đoạn thơ *Vội vàng*:

+ Thể hiện tình yêu cuộc sống nồng nàn thiết tha, mãnh liệt, say đắm.

+ Cách ứng xử trước thời gian: là một cuộc chạy đua, sống gấp gáp, tận hưởng từng phút, từng giây, tận hưởng rộng, tận hưởng cao ☐ thần thái, sắc điệu riêng của Xuân Diệu, một nhà thơ luôn cuống quýt, vội vàng.

+ Nghệ thuật: thể thơ tự do, nghệ thuật tăng tiến, dùng các động từ, tính từ, nhịp thơ nhanh, sôi nổi, hình ảnh thơ tươi mới, tràn trề sức sống.

- Đoạn thơ *Sóng*:

+ Thể hiện khát vọng bất tử hóa, vĩnh viễn hóa tình yêu; biểu hiện của một hồn thơ luôn da diết khát vọng hạnh phúc giản dị, đời thường.

+ Cách ứng xử trước thời gian: tan hòa cái riêng vào cái chung, trở thành con sóng nhỏ vĩnh hằng để muôn đời được sống với tình yêu.

+ Nghệ thuật: thể thơ năm chữ, câu thơ nhịp nhàng, giọng điệu tha thiết, chân thành.

* Lí giải sự tương đồng và khác biệt (có thể): do cả hai nhà thơ đều là những con người "khát sống, thèm yêu", ý thức sâu sắc về thời gian hữu hạn của con người; là do sự khác biệt về phong cách, yêu cầu sáng tạo.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Nghĩ về nét đẹp phụ nữ Việt Nam xưa và nay

- Đẹp trong quan niệm Nho giáo:

Văn hóa gia đình Việt Nam nằm trong vòng ảnh hưởng của Nho giáo. Quan hệ vợ chồng trong quan niệm của người Việt cũng mang đậm những nét ảnh hưởng đó như một điều tất yếu. Mặc dù vậy, đạo vợ chồng trong gia đình truyền thống người Việt vẫn mang những nét riêng.

Người phụ nữ Việt Nam có phần tự tin/và tự nhiên hơn so với người phụ nữ trong những đại gia, cự thất, trong những dòng họ lớn danh gia vọng tộc khá phổ biến ở Trung Quốc – quốc gia láng giềng cũng có nền tảng Nho giáo. Ngoài việc bảo đảm thiên chức làm vợ, làm mẹ, người phụ nữ Việt Nam sẵn sàng chia sẻ gánh nặng công việc với chồng. Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa là cảnh rất thường gặp ở mọi làng quê Việt Nam. Thậm chí "Thuận vợ, thuận chồng tát bể Đông cũng cạn". Họ nội, họ ngoại cũng gần gũi chứ không xa cách: Có con mà gả chồng gần/ Có bát canh cần nó cũng mang cho.

Không chỉ chia sẻ cùng chồng những việc nhà, người phụ nữ Việt Nam còn sẵn sàng cùng chồng gánh vác cả những việc làng, thậm chí tự mình đứng lên đảm đương việc nước. Lịch sử Việt Nam đã ghi lại nhiều tấm gương phụ nữ như thế: Trưng Trắc, Triệu Thị Trinh, Dương Vân Nga, Nguyên phi Ỷ Lan, Bùi Thị Xuân và chồng là Trần Quang Diệu… Nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là vợ chồng Út Tịch. Đó là một nét đẹp trong đạo vợ chồng của người Việt Nam đã kéo dài từ xa xưa đến thời hiện đại.

Không chỉ nổi trội lên một vài cá nhân mà chiếm số đông hơn và ở phạm vi rộng hơn, những người vợ, những nàng dâu hiền thảo, những tấm gương tiết phụ, khá đông đảo nhưng vô danh, là đối tượng được xã hội ca ngợi, được dựng thành nhân vật trong những tác phẩm văn học và những chuyện kể dân gian. Hình tượng người phụ nữ bồng con chờ chồng, hóa đá rồi vẫn chờ, có thể gặp ở nhiều miền, từ bắc vào nam. Đề cao, tôn vinh những người phụ nữ đức hạnh đến mức nhìn hình thể tự nhiên của thiên nhiên mà gắn vào hình ảnh cửa người phụ nữ cùng những huyền thoại của họ ở mức nhiều như vậy cũng là điều ít gặp ở các dân tộc khác.

Mặc dù Nho giáo cho phép Trai năm thê bảy thiếp/Gái chính chuyên chỉ lấy một chồng nhưng bên cạnh việc ca ngợi những tấm gương chung thủy, tiết hạnh của người phụ nữ, người Việt còn ca ngợi những người chồng có nghĩa, yêu vợ, - người vợ mang nặng nghĩa tào khang từ thủa còn phải chịu nghèo khổ cay đắng – dù có được gợi ý (đôi khi là ép buộc) một cuộc hôn nhân với con gái một con gia đình giàu có và nhiều quyền lực. Đề tài tiết – nghĩa thường gặp trong các truyện nôm (Tống Trân – Cúc Hoa; Phạm Công – Cúc Hoa; Hoa tiên v.v).

- Đặc biệt coi trọng gia đình:

Gia đình được coi là nền tảng của xã hội: Nước là gốc của thiên hạ, nhà là gốc của nước (Thiên hạ chi bản tại quốc/ Quốc chi bản tại gia) Sự ổn định bền vững của gia đình được coi là cơ sở của sự ổn định bền vững của xã hội. Người phương Đông dồn tâm trí và sức lực để xây dựng, phát triển gia đình (đông con nhiều cháu, giàu có, danh tiếng…), coi những thành quả đó là niềm tự hào và hạnh phúc của mình.

Trong ý niệm của những đôi vợ chồng Việt Nam xưa, sự hưởng thụ cá nhân không phải là hạnh phúc. Thời gian son rỗi của đôi vợ chồng trẻ cũng không có ý nghĩa gì. Trong quan niệm truyền thống của người Việt về quan hệ vợ chồng không hề có khái niệm Tuần trăng mật sau khi cưới. Người phụ nữ bao giờ cũng nhận phần hy sinh, chịu đựng để chu toàn hạnh phúc gia đình. Họ có truyền thống hy sinh hạnh phúc cá nhân – hy sinh sự hưởng thụ, hy sinh tuổi trẻ, thậm chí hy sinh cả bản thân cho hạnh phúc gia đình, cho chồng/ và cả gia đình nhà chồng, cho con, cho cháu… Nhiều phụ nữ không những phải đẻ con, nuôi con mà còn phải

nuôi cả chồng ăn học, hy vọng đến ngày chồng đỗ đạt, vinh hiển, mặc dù điều này cũng không có gì chắc chắn lắm. Nhiều khi họ phải thốt lên: "Khuyên ai chớ lấy học trò/ Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm". Nhưng họ vẫn cặm cụi hy sinh, chỉ mong người chồng đánh giá đúng được điều đó, mong rằng Gái có công chồng chẳng phụ…

Ở một đất nước sống dựa vào nền sản xuất nông nghiệp nhưng lắm thiên tai, lại phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh giữ nước, sự hy sinh của phụ nữ Việt Nam bị nhân lên bội phần. Tần tảo, cần cù, kiên cường, chịu đựng, thủy chung… là những gì luôn được nhắc đến khi nói về những phẩm chất tốt đẹp của những người phụ nữ, những người vợ, người mẹ Việt Nam.

Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã đưa lịch sử dân tộc sang trang mới từ mùa thu năm 1945. Quyền bình đẳng của phụ nữ (cùng với nhiều quyền khác) đã được khẳng định trên thực tế. Phụ nữ Việt Nam đã vươn lên khẳng định vị thế của mình, ngày càng tham gia tích cực và đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Họ cũng không quên lo chu toàn công việc gia đình, xứng đáng với lời khen tặng của Bác Hồ: "Anh hùng, Bất khuất, Trung hậu, Đảm đang".

Cùng đất nước đổi mới và phát triển, phụ nữ Việt Nam càng khẳng định vị trí vai trò của mình trong đời sống xã hội. Bên cạnh người phụ nữ gia đình là người phụ nữ xã hội không thể tách rời. Tuy vậy, chưa thể nói phụ nữ Việt Nam đã đạt đến sự bình đẳng hoàn toàn. Nhiều "thói quen" của xã hội cũ (trọng nam khinh nữ, gia trưởng, bạo hành gia đình…) vẫn hằn sâu trong nếp nghĩ của nhiều "đấng trượng phu" hiện đại. Phụ nữ Việt Nam vẫn còn cần tiến hành tiếp cuộc cách mạng bình đẳng giới của mình và cho mình.

Ngô Vương Anh (baotintuc.vn)

Phần II – Câu 2:

Cách ứng xử với thời gian trong đoạn thơ của bài thơ "Vội vàng"

Đối diện với nỗi tuyệt vọng vì đời người ngắn ngủi, nhà thơ bất ngờ tìm ra lối thoát trong cuộc chạy đua với thời gian *"Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm"*. Đây chính là kết luận: sống vội vàng, cuống quýt để tận dụng từng giây, từng phút tuổi thanh xuân, là cách duy nhất để thực hiện khát vọng sống trước quy luật khắc nghiệt của đất trời.

Đoạn thơ cuối cùng đó diễn tả thật mới mẻ ý tưởng táo bạo đó. Những hành động sống vội vàng, những cảm xúc thật mãnh liệt, những ham muốn mỗi lúc một cuồng nhiệt, vồ vập.

Mở đầu bài thơ là "tôi" nhưng kết thúc là "ta", cách xưng hô này là dụng ý nghệ thuật của tác giả. "Ta" ở đây không phải cái "ta" cộng đồng mà là cái ta đại diện chung, chỉ mọi tuổi trẻ, mang khát khao hòa nhập nhiều cuộc đời trong một cuộc đời, sống nhiều cuộc đời trong một cuộc đời. "Ta muốn ôm" đứng giữa dòng thơ hữu hình hóa hình ảnh một con người giang tay đứng giữa trần gian mà ôm cho trọng cuộc sống "Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn". Khao khát ôm trùm ở đây rất lớn lao, không phải là sự sống đang diễn ra, sự sống đã hình thành mà là ham hố hưởng thụ cuộc sống từ khi mới bắt đầu, còn non tơ. Và đặc biệt trong quan niệm của Xuân Diệu, sống đồng nghĩa với yêu nên trước cuộc đời, thi sĩ là một tình nhân. Khát vọng hưởng thụ, giao cảm mãnh liệt với cuộc sống của thi sĩ đó trở thành một cuộc tình tự với những động tác yêu đương ngày càng say đắm:

Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều

với mức độ thụ hưởng ngày càng tăng tiến:

Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,

Cho no nê thanh sắc của thời tươi;

Điệp từ "Ta muốn" đi liền với một loạt động từ mạnh khiến dòng cảm xúc càng lúc càng tuôn trào, ào ạt, giọng thơ sôi nổi, nhịp thơ nhanh, mạnh, nồng nàn, cháy bỏng. Và thi sĩ – người tình của sự sống – như con ong say mật lảo đảo giữa phấn hương "Và non nước và câu và cỏ rạng". Điệp từ "và" là sự nhân lên vô biên của cảm xúc, các đối tượng của sự sống xuất hiện lộn xộn, không theo một trật tự nào "non nước, cây, cỏ rạng", dường như tác giả nghĩ đến điều gì thì điều ấy ngay lập tức trở thành đối tượng của yêu đương. Tất cả đồng loạt xô đến trong trái tim thi sĩ. Niềm yêu đó trào lên tột đỉnh "Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi". Xuân được cụ thể trong một hình hài "xuân hồng" thắm tươi, rực rỡ, tình yêu được cụ thể trong một hành động "cắn" cuồng nhiệt, ham hố. Nỗi khát thèm cuộc đời, sự sống không bao giờ nguôi trong trái tim thi sĩ.

Đó thực sự là những hành động "sống cuống quýt, sống vội vàng" để "tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình", tận hưởng thời tươi, tuổi trẻ. Những hành động đó ẩn chứa một quan niệm nhân sinh mới mẻ chưa từng thấy: hãy khẩn trương, sống gấp gáp, đậm đặc từng phút giây, thụ hưởng trọn vẹn cuộc sống, sống hết mình cho vẻ đẹp cuộc đời. Quan niệm này rất tiến bộ, tích cực. Nó là lòng yêu cuộc sống của thi sĩ, nó khơi gợi lòng ham sống, sự trân trọng cuộc sống của mỗi người.

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 09

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Tôi có hơn 25 năm sống ở Đức, làm đủ mọi nghề để kiếm sống trên xứ người. Sau khi nước Đức thống nhất, tôi mua chiếc ôtô cũ để đi lại buôn bán. Một lần, để tiết kiệm, tôi thay dầu trong vườn nhà, nơi mình đang ở, thay vì mang ôtô ra xưởng.

Vừa thay xong, chui khỏi gầm xe tôi thấy hàng xóm lù lù xuất hiện. Đó là người đàn ông đã già vẫn thường hay cười với tôi qua hàng rào hoa. Nhìn vào khay dầu tôi đang bưng, ông nghiêm khắc nói: "Nếu tôi báo cảnh sát, cậu sẽ phải chịu phạt 500 mark. Tôi không báo vì chắc cậu không biết. Lần sau không được thay dầu ở vườn mà phải vào gara hoặc ra cây xăng". Tôi cãi rằng tôi đã cỏ khay đựng dầu thừa. Nhưng ông tủm tỉm cười rồi bảo tôi cúi xuống, chỉ cho tôi cái vít đáy dầu: "Cậu nhìn kìa, dầu là loại vật chất dính dớt. Cậu cẩn thận đến đâu thì vẫn có vài giọt chảy ra cái vít kia và rớt xuống vườn. Ai cũng như cậu thì mảnh đất của chúng ta sẽ nhiễm độc. Con cháu chúng ta sẽ chịu hậu quả khi sống ở đây". Tôi vội vàng xin lỗi và cảm ơn ông.

Sau này, mỗi lần chúng tôi ngồi bên nhau ở chiếc băng gỗ, thưởng thức bia dưới những gốc anh đào trĩu trịt chùm quả đỏ ối, tôi đều nhớ về gương mặt của ông, nhớ về lời nói của ông và nhớ về tình yêu ông dành cho mảnh vườn đã gắn bó gần 90 năm...

(*Yêu nước thời bình* – Nguyễn Văn Thọ - vnexpress.net 13/11/2015)

Câu 1: Xác định nội dung đoạn văn.

Câu 2: Đoạn văn đã sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 3: Anh/chị rút ra được những bài học gì từ thái độ và lời nói của nhân vật người hàng xóm?

Câu 4: Trong câu văn cuối đoạn, nhà văn đã sử dụng biện pháp điệp ngữ. Hãy cho biết tác dụng của biện pháp đó.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung của đoạn văn phần Đọc - hiểu, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) thể hiện suy nghĩ về ý thức, trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường sống hiện nay.

Câu 2 (5,0 điểm): Vẻ đẹp của bức tranh thôn Vĩ và nỗi niềm tâm sự của thi nhân trong bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ" - Hàn Mặc Tử (SGK Ngữ văn 11, tập Hai). Nỗi niềm tâm sự đó gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về số phận và khát vọng của người nghệ sĩ (đặt trong liên hệ với hình ảnh Lor-ca trong bài thơ "Đàn ghi-ta của Lor-ca" - Thanh Thảo - SGK Ngữ văn 12, tập Một).

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với câu hỏi nêu nội dung của đoạn văn, các em cần chú ý:

- Đây là dạng câu hỏi rất quen thuộc, tuy nhiên nhiều học sinh khi trả lời hoặc là sai lệch hoặc là đúng ý nhưng trình bày quá dài.
- Nên kết hợp các thông tin sau để tìm ra câu trả lời hợp lí nhất:

+ Nhan đề.
+ Câu chủ đề (thường đứng đầu hoặc cuối).
+ Từ ngữ chủ đề (từ ngữ lặp đi lặp lại nhiều lần, các từ đóng vai trò chủ ngữ).
+ Yêu cầu của các câu hỏi Đọc - hiểu khác.

Câu 1 (0,5 điểm):

Nội dung đoạn văn: Câu chuyện về tình yêu và trách nhiệm của một người công dân Đức với quê hương mình qua những việc làm rất nhỏ bé.

Câu 2 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

Câu 3 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra nhiều bài học khác nhau, tuỳ vào nhận thức của bản thân nhưng cần đảm bảo tính hợp lí. Một số gợi ý:

- Bài học về tình yêu quê hương, đất nước: tình yêu quê hương đất nước trở thành máu thịt trong mỗi con người, biểu hiện bằng những hành động thiết thực nhất.
- Bài học về việc bảo vệ, giữ gìn môi trường sống: giữ gìn bảo vệ môi trường sống cho cá nhân, cho cộng đồng, cho hôm nay và cho cả mai sau.
- Bài học về trách nhiệm với cộng đồng trong từng việc làm nhỏ nhất: mỗi cá nhân không thể tách rời khỏi cộng đồng nên bất cứ ai đều phải nêu cao trách nhiệm với cộng đồng, dù chỉ là trong những việc làm nhỏ nhất.
- Bài học về việc nhận lỗi: ai cũng có thể làm sai nhưng quan trọng nhất là biết nhận lỗi để sửa chữa sai lầm.

Câu 4 (1,0 điểm):

Tác dụng:

- Thể hiện tình cảm trân trọng, yêu mến, cảm phục, gắn bó đối với người hàng xóm.
- Nhấn mạnh sự ghi khắc và cũng là tự nhắc nhở chính mình, rút ra bài học cho mình của nhân vật "tôi" về thái độ và cách hành xử đối với mảnh đất quê hương từ những việc nhỏ bé nhất.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đề nghị luận xã hội thường có xu hướng cập nhật thông tin, gần gũi với đời sống hiện tại (ở đây đề nêu rõ vấn đề bảo vệ môi trường sống hiện nay). Vì thế, các em cần chú ý:

- Dẫn chứng đưa ra trong bài làm có tính cập nhật: những sự kiện, con người mới diễn ra, mới xuất hiện gần đây.
- Liên hệ bản thân là những vấn đề rất thiết thực, cụ thể, những hành động hoặc việc làm mà bản thân thực sự

có tham gia, có đóng góp.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Vấn đề giữ gìn, bảo vệ môi trường sống hiện nay của giới trẻ.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được vai trò, ý nghĩa quan trọng của vấn đề bảo vệ, giữ gìn môi trường sống hiện nay. Có thể theo hướng sau:

- Đoạn văn đã kể lại một câu chuyện rất giản dị về ý thức bảo vệ mảnh đất quê hương của một người Đức. Điều đó đã gợi nên suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn, bảo vệ môi trường sống hiện nay.

- Bảo vệ, giữ gìn môi trường sống là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, là yêu cầu cấp thiết trong xã hội hiện nay, đặc biệt khi tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng trầm trọng. Thế hệ cần chung tay, góp sức bằng những hành động cụ thể, thiết thực (dẫn chứng).

- Phê phán thái độ thờ ơ, những hành động phá hoại môi trường sống của các bạn trẻ.

- Liên hệ, rút ra bài học thiết thực cho bản thân: là một người trẻ tuổi, bản thân đã dự định và đang làm gì để góp phần bảo vệ môi trường sống.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

STUDY TIP

Một số tấm gương thanh niên bảo vệ môi trường:

- Giàng Quốc Hưng - Bí thư Tinh đoàn Lào Cai, nhận giải thưởng môi trường Việt Nam 2017. Anh đã cùng với các đoàn viên xây dựng các chương trình tuyên truyền bảo vệ môi trường, thực hiện nhiều hoạt động cụ thể bảo vệ môi trường mang lại hiệu quả cao.
- Ở nhiều vùng biển hiện nay như Sầm Sơn - Thanh Hóa hay Cát Bà - Hải Phòng, đã xuất hiện nhiều câu lạc bộ tình nguyện thu hút sự tham gia của nhiều thanh niên trong công tác bảo vệ sự xanh - sạch của môi trường biển.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đây là dạng đề nghị luận văn học có định hướng. Định hướng đó chính là vấn đề nghị luận (ở đây có hai vấn đề nghị luận: *vẻ đẹp của bức tranh thôn Vĩ và nỗi niềm tâm sự của thi nhân*). Khi xuất hiện hai vấn đề nghị luận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong tác phẩm thơ (thường là *tình và cảnh*), các em cần chú ý:

- Xây dựng luận điểm của bài theo vấn đề nghị luận để làm sáng rõ định hướng. Có thể phân tích bài thơ theo trình tự và sau đó rút ra từng vấn đề nghị luận hoặc chia nội dung bài thơ theo hai vấn đề nghị luận (như đáp án đã đưa ra).
- Luôn luôn nhìn nhận hai vấn đề nghị luận trong mối quan hệ với nhau để làm nổi bật giá trị tư tưởng của bài

thơ.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Bức tranh thôn Vĩ và nỗi niềm tâm sự của nhà thơ qua bài thơ "Đây thôn Vĩ Dạ". Suy nghĩ về số phận, khát vọng của người nghệ sĩ.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Hàn Mặc Tử là một trong những nhà thơ lớn, một tài năng thi ca độc đáo và có sức sáng tạo mãnh liệt của phong trào thơ Mới. Thơ Hàn Mặc Tử có diện mạo phức tạp, bí ẩn, lạ lùng nhưng trong mạch ngầm cảm xúc, hồn thơ đau thương vẫn luôn hướng về cuộc đời trần thế với một tình yêu tha thiết. *Đây thôn Vĩ Dạ* lúc đầu có tên là *Ở đây thôn Vĩ*, sáng tác năm 1938, in trong tập *Thơ Điên* sau đổi thành *Đau thương*. Bài thơ được gợi cảm hứng từ bức tranh phong cảnh Huế và từ mối tình của Hàn Mặc Tử với một cô gái quê ở Vĩ Dạ - một thôn nhỏ với những ngôi nhà xinh xắn ẩn hiện trong những vườn cây xanh mát.

b. Phân tích bài thơ để thấy được vẻ đẹp của bức tranh thôn Vĩ và nỗi niềm tâm sự của thi nhân (2,0 điểm):

CHÚ Ý

- Khổ thơ 1:

+ Bức tranh thôn Vĩ Dạ: Bức tranh vườn thôn Vĩ, tươi đẹp, rực rỡ, bình yên, đầy sức sống.

+ Tâm trạng thi nhân: mối ân tình đậm đà với Vĩ Dạ, khao khát cháy bỏng được trở về cuộc đời.

- Khổ thơ 2:

+ Bức tranh sông nước mây trời xứ Huế rất đẹp nhưng cũng đượm buồn, chia li.

+ Tâm sự của thi nhân: nỗi đau chia lìa, bi kịch lớn lao.

- Khổ thơ 3:

+ Bức tranh sương khói gắn với giai nhân xứ Huế mờ ảo, tinh khôi.

+ Tâm sự của thi nhân: khắc khoải cầu xin được san sẻ, nỗi niềm cô đơn, trống vắng mênh mang.

- Liên hệ: Nhiều người nghệ sĩ chân chính có số phận bất hạnh nhưng luôn mang khát vọng cống hiến, làm đẹp cho đời.

- Khổ thơ thứ nhất:

+ Bức tranh vườn thôn Vĩ trong nắng mai: Thôn Vĩ được khắc họa qua hình ảnh của một khu vườn tươi đẹp, rực rỡ và bình yên:

++ Nắng thôn Vĩ là hình ảnh đầu tiên trong cảm nhận của thi sĩ. Trong mảnh vườn này, thi sĩ nói giản dị "nắng hàng cau" nhưng thật gợi cảm. Nó mang theo đặc trưng của Vĩ Dạ, chưa đến Vĩ Dạ đó nhìn thấy những vườn cau vút lên toả xuống những mái nhà vẻ êm đềm, thắm mát. Nó cũng là một loại khác, một thể khác, không phải là thứ nắng chiếu như "nắng mới" hay "nắng chang chang" đó là nắng chảy, nắng dội. Thân cau thẳng đứng thành nhiều nếp như một thước đo, nắng mai rót vào vườn đầy lên theo từng đốt, sóng sánh,

lấp lánh. Cau lại là loại cây cao nhất nên đó là cây đón những tia nắng đầu tiên của một ngày "nắng mới lên". "Nắng mới lên" là nắng bắt đầu, nắng ban mai, nắng thiếu nữ, rất thanh khiết, tinh khôi, trong trẻo.

++ Từ hàng cau, cái nhìn của thi sĩ đó rộng mở đến hình ảnh vườn thôn Vĩ, cũng là một đặc trưng của thôn Vĩ - kết cấu nhà vườn: "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc". Câu thơ vang lên như một tiếng reo đầy ngạc nhiên. Từ "ai" rất tình tứ, tràn đầy thương nhớ lại bảng lảng sương khói của hoài niệm. Tác giả chọn tả sắc xanh của vườn để làm bật lên sức sống của cảnh vật "Mướt quá xanh như ngọc". "Mướt" ánh lên vẻ mượt mà, óng ả, xuân sắc. "Xanh như ngọc" là một hình ảnh so sánh lung linh. Vườn thôn Vĩ như một viên ngọc lớn, không chỉ rời rợi sắc xanh mà cũng đang toả vào ban mai những ánh xanh nữa.

++ Con người xứ Huế rất đẹp trong cảnh vườn. "Lá trúc che ngang mặt chữ điền" gợi nên vẻ đẹp của con người xứ Huế rất phúc hậu, thuần phác, kín đáo, gợi nên sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người.

+ Nỗi niềm tâm sự của nhà thơ:

++ Câu thơ mở đầu là một câu hỏi, một lời mời, cũng là một nhắc nhở hay tự mời, tự nhắc nhở. Nó cũng có thể là một lời trách nhưng không phải là trách móc mà là trách hờn, trách không phải để truy tìm nguyên nhân mà là trách để gợi nhớ, để gợi yêu thương. Câu thơ cũng tha thiết với hai chữ "về - chơi", như một sự trở về ấm áp với gia đình, với quê hương. Nhưng lại cũng đau xót, ngậm ngùi với hai chữ "không – về", hàm ý của việc không bao giờ có thể trở về.

++ Trong bức tranh thôn Vĩ, mỗi câu, mỗi hình ảnh đều ẩn giấu trong đó nỗi niềm tâm sự của nhà thơ. "Nắng mới" thầm kín một khao khát được bắt đầu lại từ đầu, từ "ai" tình tứ thể hiện một khao khát gắn bó. Hình ảnh của con người ở câu thơ thứ tư là người thôn Vĩ nhưng cũng có thể chính là thi sĩ. Thi sĩ đã tự vẽ mình trên trang thơ trong chuyến trở về cuộc đời thầm lén, nép ngoài rào trúc mà ngắm vẻ đẹp thần tiên của khu vườn. Giống như một kẻ đứng ngoài với một cái nhìn tha thiết.

++ Hơn hết, phải có mối ân tình sâu sắc, đậm đà với Vĩ Dạ, thi sĩ mới lưu được trong tâm trí những hình ảnh đẹp đẽ, sống động như thế. Thôn Vĩ cũng là hình ảnh của một thiên đường trần gian, một thiên đường đã mất đối với Hàn Mặc Tử, thể hiện khao khát cháy bỏng, ước mơ trở về cuộc đời của thi sĩ.

- Khổ thơ thứ hai:

+ Bức tranh sông nước, mây trời xứ Huế:

++ Bức tranh sông nước xứ Huế chia lìa, tan tác, ngưng đọng một nỗi sầu buồn. "Buồn thiu" là nỗi buồn tràn ngập, một nỗi buồn hiu hắt, một nỗi buồn dằng dặc. Sông nước như ngưng đọng, lặng lờ, lưu cữu nỗi buồn nên nỗi buồn càng xoáy sâu. Câu thơ có chuyển động nhưng là chuyển động rất nhẹ "hoa bắp lay". Động thái "lay" tự nó không vui, không buồn nhưng trong hoàn cảnh này, nó gợi lên sự hiu hắt, thưa vắng. Đó là nét buồn phụ hoạ với gió mây, sông nước, thấm thìa và đơn côi.

++ Bức tranh sông nước thanh sáng, huyền ảo với thuyền trăng, sông trăng, bến trăng. Cảnh sông nước như chìm trong cõi mơ, cõi mộng, đầy ánh sáng.

+ Nỗi niềm tâm sự của thi nhân:

++ Ẩn sâu trong nỗi buồn của cảnh là tâm trạng của thi nhân. Gió và mây vốn dĩ luôn đi cùng "Mây bay gió quyến mây bay" (Thế Lữ) nhưng ở đây cũng phân li. Sự chia lìa cả những thứ tưởng như không thể chia lìa. Cũng như con người, tưởng rằng tình yêu sẽ gắn kết vĩnh viễn nhưng thi sĩ cuối cùng vẫn bị bứt ra khỏi cuộc đời. Câu thơ dường như mang bi kịch chia li của Hàn Mặc Tử. Hương Giang không thể tự buồn mà bởi thi nhân đã bỏ buồn vào lòng sông. Nó phảng phất nỗi u uẩn của lòng thi sĩ, trước sự lạnh lùng, xa cách của cuộc đời với chính mình.

++ Cảnh sông trăng, bến trăng đẹp và mơ mộng nhưng ở chiều sâu lại khát vọng đoàn tụ và bi kịch đớn

đau của thi sĩ. "Tối nay" như một thời điểm định mệnh, một sự truy sát gắt gao của thời gian. Thi sĩ muốn đưa vầng trăng đi cùng trong chuyến viễn du trở về với thực tại như một nỗ lực cuối cùng để quay lại với cuộc đời. Chữ "kịp" kia ẩn chứa bao đau thương, bi kịch. Thi sĩ đã hoàn toàn lỡ nhịp, lỡ chuyến với cuộc đời.

- Khổ thơ thứ ba:

+ Bức tranh sương khói xứ Huế: Sương khói xứ Huế bảng lảng một sắc màu huyền ảo, mơ hồ "sương khói mờ nhân ảnh". Người con gái Huế với sắc áo trắng thể hiện một vẻ đẹp tinh khôi, thanh khiết

+ Nỗi niềm tâm sự của nhà thơ:

++ Câu thơ thứ nhất mở ra bằng "mơ" như một sự chợt tỉnh ra, tất cả chỉ là một giấc mơ, một hoài vọng. Giấc mơ đã kết thúc, chỉ còn thực tại ở lại. Điệp ngữ "khách đường xa" vang lên gấp gáp, khắc khoải khiến cho khoảng cách đó càng vời vợi, cách trở.

++ Hình ảnh *em* chính là hiện thân của cuộc đời say đắm nhất mà thi sĩ luôn khao khát. Đó là thế giới ước mơ, Hàn Mặc Tử không thể quay về được nữa.

++ Câu thơ thứ ba hiện hình là một thế giới tương phản với thế giới được vẽ ra ở khổ một, đó là thế giới sương khói, u ám, ảm đạm. "Ở đây" - trong này - cách biệt, đau thương, bị đày đoạ, đối lập với "ngoài kia" - thiên đường cuộc đời. Thế giới ấy dường như đang xoá mờ dần đi mối liên hệ của thi sĩ với cuộc đời "mờ nhân ảnh".

++ Câu thơ cuối chứa đựng sự cầu xin được chia sẻ, được gắn bó bởi dường như thi sĩ đó cố công gắn kết "em" và "anh" trong một từ "ai" tuy hai mà một. Nhưng ngay sau đó là một sự hụt hẫng, chới với, day dứt, một câu hỏi đau đớn "có đậm đà", tình người đằm thắm hay không, hay cũng mờ ảo, dễ tan như sương khói. Ngoài kia, với Hàn Mặc Tử luôn khó nắm bắt và xa vời. Cho nên đọng lại trong câu thơ là nỗi cô đơn, trống vắng mênh mang.

c. Đánh giá chung (0,25 điểm):

- Bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ Hàn Mặc Tử, khắc họa vẻ đẹp thơ mộng, tươi trẻ, đầy sức sống của thôn Vĩ, đồng thời thể hiện tình yêu đời, yêu người nhưng đầy ưu tư, uẩn khúc của nhà thơ.

- Bút pháp tả thực cùng các hình ảnh tượng trưng, ngôn ngữ giản dị mà hàm súc đã góp phần hoàn thiện chỉnh thể bài thơ.

d. Liên hệ hình ảnh Lor-ca, thể hiện suy nghĩ về số phận, khát vọng của người nghệ sĩ (0,75 điểm):

- Hình ảnh của Lor-ca trong bài thơ "Đàn ghi-ta của Lor-ca": Thanh Thảo đã khắc họa hình ảnh của Lor-ca là người nghệ sĩ vĩ đại, một nhà cách tân nghệ thuật, một chiến sĩ đấu tranh chống lại chế độ độc tài. Cái chết bất ngờ kéo đến, khủng khiếp và dữ dội, đau thương và bi thảm (áo choàng bê bết đỏ, tiếng ghi-ta ròng ròng máu chảy...) nhưng người nghệ sĩ vẫn ung dung đi vào cõi vĩnh hằng. Nguyện ước duy nhất gửi lại hậu thế là khát vọng nghệ thuật bất tử, là mong muốn thực sự ra đi để không cản trở thế hệ sau bước tiếp trên con đường cách tân nghệ thuật.

- Mặc dù khác nhau về hoàn cảnh, thời đại, dân tộc nhưng nghệ thuật là lĩnh vực không biên giới, không giới hạn nên trong nỗi niềm của Hàn Mặc Tử và tâm huyết Lor-ca vẫn có điểm tương đồng. Họ đều là hình ảnh tiêu biểu cho những người nghệ sĩ chân chính phải chịu số phận đau thương, bất hạnh. Nhưng ở họ không bao giờ nguôi khát vọng được cống hiến, được sáng tạo và tình yêu đời thiết tha, mãnh liệt. Chính điều này là cội nguồn để tạo nên những tác phẩm nghệ thuật bất hủ, tô điểm cho cuộc sống và làm đẹp tâm hồn con người.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Vai trò của thanh niên, thiếu niên trong bảo vệ môi trường

Hiện nay, nhiệm vụ bảo vệ môi trường là nhiệm vụ mang tính sống còn, là một bộ phận đặc biệt quan trọng của sự phát triển bền vững đất nước, góp phần quyết định vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đất nước ta là quốc gia có dân số 'trẻ', lực lượng lao động là thanh niên chiếm khoảng 70% tổng số lao động trong xã hội, do vậy, việc tăng cường vai trò của thanh niên, thiếu niên trong bảo vệ môi trường là hết sức quan trọng, có ý nghĩa sâu sắc, lâu dài đối với công tác bảo vệ môi trường. Đảng ta đã xác định, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, việc giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ môi trường phải được thực hiện ở tất cả các cấp học. Trong những năm qua, việc giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ môi trường cho thanh niên, thiếu niên đã được triển khai một cách đồng bộ, sâu, rộng và đã có nhiều kết quả tích cực. Các phong trào bảo vệ môi trường đã được thanh niên, thiếu niên hưởng ứng và thực hiện tốt, tạo nên một làn sóng mạnh mẽ về bảo vệ môi trường trong xã hội, góp phần cải thiện môi trường lao động, sản xuất và học tập trên cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh số thanh niên, thiếu niên tích cực bảo vệ môi trường, vẫn còn một bộ phận thanh niên, thiếu niên thờ ơ với bảo vệ môi trường, thậm chí còn có những thanh niên, thiếu niên ngang nhiên thực hiện những hành vi tác động xấu đến môi trường ở nơi họ sinh sống, học tập và lao động. Nguyên nhân chính là do công tác giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ môi trường cho thanh niên, thiếu niên có nơi, có lúc còn chưa được sự quan tâm của các bậc phụ huynh và hệ thống chính trị cơ sở. Bên cạnh đó, do phong trào bảo vệ môi trường còn chưa được đa số nhân dân hưởng ứng, chế tài xử lý hành vi vi phạm chưa cụ thể, đồng bộ... cho nên vẫn còn nhiều người, trong đó có thanh niên, thiếu niên thực hiện hành vi xâm hại môi trường mà chưa bị lên án, xử lý nghiêm minh. Bảo vệ môi trường sống là hành vi xã hội cần được giáo dục, tạo thành ý thức, thói quen đối với mỗi cá nhân từ khi còn nhỏ, từ những hành vi nhỏ. Bên cạnh việc xây dựng các phong trào thanh niên, thiếu niên bảo vệ môi trường cần tạo dư luận xã hội lên án mạnh mẽ đối với các hành vi thiếu tôn trọng môi trường sống, xâm hại đến môi trường, từ đó tăng cường ý thức về bảo vệ môi trường trong thanh niên, thiếu niên, qua đó, đưa ý thức bảo vệ môi trường trở thành tiêu chí đánh giá mang tính đạo đức xã hội đối với thanh niên, thiếu niên. Công tác giáo dục ý thức và hành vi bảo vệ môi trường cho thanh niên, thiếu niên cần được tiếp tục coi trọng tại các gia đình, các khu dân cư, các trường học, doanh nghiệp... Phải xác định đây là việc làm thường xuyên, liên tục gắn liền với tất cả các hoạt động học tập, sản xuất, vui chơi giải trí cũng như trong sinh hoạt hằng ngày.

(baomoi.com 11/05/2011)

Phần II – Câu 2:

Bức tranh thôn Vĩ và tâm trạng của thi nhân trong khổ thơ đầu

Câu thơ thứ nhất mở đầu bằng từ "sao": "Sao anh không về chơi thôn Vĩ" đầy hàm ý. Với từ "sao" này rất có thể hiểu cấu trúc câu thơ ở ba phương diện gắn với ba nét nghĩa quan hệ và bổ sung lẫn nhau. "Sao anh không về chơi thôn Vĩ' trước hết giống như một câu hỏi có từ đề hỏi "sao" nhưng đây là câu hỏi không hướng đến câu trả lời mà để gợi nhớ, gợi nhắc, một lời tự nhủ: còn có một thôn Vĩ, hay là một tiếng lòng nuối tiếc: thôn Vĩ còn kia mà người thôn Vĩ đã đi xa. Câu thơ còn gần với một lời mời nhẹ nhàng, kín đáo, cuộc đời hay tình yêu hay kỉ niệm đang mời gọi thi sĩ quay về trong bóng dáng của giai nhân. Nó cũng có thể là một lời trách nhưng không phải là trách móc mà là trách hờn, trách không phải để truy tìm nguyên nhân mà là trách để nhắc nhở, để gợi yêu thương. Câu thơ còn tha thiết với hai chữ "về - chơi", "về - thăm" hay "đến - chơi" đều xã giao nhưng "về - chơi" thân mật, gần gũi biết bao với thi sĩ, thôn Vĩ là quê hương, là nơi

để về chứ không phải đích để đến, là nơi ấm áp yêu thương, nơi có một phần đời đã đi qua còn in lại. Và như thế, chẳng phải ngay từ câu đầu tiên, lời thơ như đã có gì trăn trở, khắc khoải hay sao? Một câu hỏi vọng lại từ một phương trời xa hay cất lên trong lòng thi sĩ? Khó mà đoán biết! Nhưng có lẽ đều là cái duyên cớ đẹp đẽ để thi sĩ băng qua nghìn trùng cách xa hai cõi mà sống lại với những kỉ niệm về thôn Vĩ.

Sau lời mời (hay tự mời) mở ra một không gian thôn Vĩ:

Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên

...

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Mỗi câu là một chi tiết vườn. Tất cả hòa hợp và ánh lên trong một vẻ đẹp thanh tú.

Nắng thôn Vĩ là hình ảnh đầu tiên trong cảm nhận của thi sĩ. Trong thơ Hàn Mặc Tử, nắng là một môtip ám ảnh. Ta thường gặp những thứ nắng lạ, đầy ấn tượng; nắng tươi, nắng ửng, nắng loạn, nắng chang chang... Trong mảnh vườn này, thi sĩ nói giản dị "nắng hàng cau" nhưng thật gợi cảm. Nó mang theo đặc trưng của Vĩ Dạ, chưa đến Vĩ Dạ đã nhìn thấy những vườn cau vút lên toả xuống những mái nhà vẻ êm đềm, thắm mát. Nó cũng là một loại khác, một thể khác, không phải là thứ nắng chiếu như "nắng mới" hay "nắng chang chang" đó là nắng chảy, nắng dội. Thân cau thẳng đứng thành nhiều nếp như một thước đo, nắng mai rót vào vườn đầy lên theo từng đốt, sóng sánh, lấp lánh. Cau lại là loại cây cao nhất nên đó là cây đón những tia nắng đầu tiên của một ngày "nắng mới lên". "Nắng mới lên" là nắng bắt đầu, nắng ban mai, nắng thiếu nữ, rất thanh khiết, tinh khôi, trong trẻo. Hình ảnh đó còn ẩn chứa một nỗi niềm sâu kín hơn. Trong thơ Hàn Mặc Tử thường rất hay nói đến sự khởi đầu, bắt đầu "Môi tươi thiếu nữ vừa trang điểm/ Nắng mới âm thầm ước kết hôn" (Nắng tươi), "Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu/ Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ" (Đà Lạt trăng mờ) như là một khao khát được quay lại, bắt đầu lại cho một cuộc sống khác, một cuộc sống mới. Từ hàng cau, cái nhìn của thi sĩ đã rộng mở đến hình ảnh vườn thôn Vĩ, cũng là một đặc trưng của thôn Vĩ - kết cấu nhà vườn: "Vườn ai mướt quá xanh như ngọc". Câu thơ vang lên như một tiếng reo đầy ngạc nhiên, Từ "ai" rất tình tứ, tràn đầy thương nhớ lại bảng lảng sương khói của hoài niệm. Tác giả chọn tả sắc xanh của vườn để làm bật lên sức sống của cảnh vật "Mướt quá xanh như ngọc". "Mướt" ánh lên vẻ mượt mà, óng ả, xuân sắc. "Quá" đặc tả sự tột đỉnh. Đây là một đặc điểm của thiên nhiên trong thơ Hàn Mặc Tử mang chứa khao khát cuộc đời như một hạnh phúc tột cùng. "Xanh như ngọc" là một hình ảnh so sánh lung linh, màu xanh có ánh sắc, lóng lánh, ngời lên. Vườn thôn Vĩ như một viên ngọc lớn, không chỉ rời rợi sắc xanh mà còn đang toả vào ban mai những ánh xanh nữa. Mảnh vườn đơn sơ bình dị bỗng hiện ra vẻ thanh tú, cao sang, một cái đẹp tột cùng và đầy sức sống. Câu thơ thứ tư là một nét vẽ thần tình: "Lá trúc che ngang mặt chữ điền" gợi nên vẻ đẹp của con người xứ Huế rất phúc hậu, thuần phác, kín đáo, gợi nên sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người. Dường như có một đôi mắt lấp lánh phía trên lá trúc, một khuôn miệng cười dịu dàng phía dưới lá trúc. Đó là khuôn mặt của ai? Của người con trai hay con gái? Của người thôn Vĩ hay người trở về thôn Vĩ? Khó mà đoán biết được. Nhưng đặt câu thơ trong dòng vận động cảm xúc của khổ đầu thì có lẽ đó là chân dung tự hoạ của Hàn Mặc Tử chăng? Thi sĩ đã tự vẽ mình trên trang thơ trong chuyến trở về cuộc đời thầm lén, nép ngoài rào trúc mà ngắm vẻ đẹp thần tiên của khu vườn. Giống như một kẻ đứng ngoài với một cái nhìn tha thiết. Cách hiểu này phơi mở một tình yêu mãnh liệt và cũng là một mặc cảm thân phận của Hàn Mặc Tử. Thi sĩ trân trọng cuộc đời biết bao nhiêu, đau thương biết bao nhiêu khi cuộc đời đang vuột ra ngoài tầm tây mình, khi mình chỉ là kẻ ngoài cuộc. Dường như có một khoảng giao thoa giữa quá khứ và hiện tại, hiện thực và nỗi nhớ, khao khát và niềm đau trong câu thơ.

Khổ thơ thứ nhất đã vẽ lại cảnh sắc vườn thôn Vĩ trong sáng, tươi đẹp. Phải có mối ân tình sâu sắc, đậm đà với Vĩ Dạ, thi sĩ mới lưu được trong tâm trí những hình ảnh đẹp đẽ, sống động như thế. Thôn Vĩ cũng là

hình ảnh của một thiên đường trần gian, một thiên đường đã mất đối với Hàn Mặc Tử, thể hiện khao khát cháy bỏng, ước mơ trở về cuộc đời của thi sĩ.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 10

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Học vẹt

Thành ngữ chỉ: *Học ra rả, học thuộc làu làu nhưng không hiểu cái gì.*

Còn có câu: *Học như con vẹt, học như cuốc kêu.*

Chuyện kể:

Xưa có một con vẹt được người nuôi, dạy cho nói tiếng người. Con vẹt học được vài ba tiếng, suốt ngày ra rả, lặp đi lặp lại tiếng nói đã bắt chước được, làm huyên náo cả khu vườn. Con vẹt tỏ vẻ hãnh diện, nó mới lên giọng:

- Từ nay, ta toàn nói bằng tiếng người, chẳng đả động đến tiếng chim nữa.

Loài chim thấy chú vẹt hợm hĩnh mới họp nhau lại bàn cách dạy cho vẹt một bài học. Con sáo nhảy lên cành cây cao gần nơi vẹt ở, nói to lên rằng:

- Chú vẹt à, bác đây cũng giỏi tiếng người, bác sẽ bày thêm cho chú học thật giỏi để nói chuyện thông thạo được với người.

Vẹt vui mừng ra mặt. Sáo bèn dạy:

- Vẹt là tên ngu. Vẹt ngu, vẹt ngu!

Vẹt lặp lại tiếng sáo:

- Vẹt là tên ngu. Vẹt ngu, vẹt ngu!

Cả bầy chim trong vườn được một trận cười thỏa thích.

(...)

Quả là học vẹt thì chẳng hiểu sâu xa cái gì. Thế gian cũng lắm kẻ học vẹt, cố tình bắt chước người khác mà lại tỏ ra hãnh diện hợm đời, thì cũng đáng thương như con vẹt kia tự chửi mình mà thôi.

*(Tiêu Hà Minh, Theo **Đi tìm điển tích thành ngữ,** NXB Thông tấn 2014)*

Câu 1:Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2: Nối ý ở cột A và cột B một cách hợp lý nhất.

A- Phần	B- Nhiệm vụ
1. Thành ngữ chỉ : Học ra rả, học thuộc…	A. Các cách diễn đạt khác nhau của thành ngữ
2. Còn có câu : Học như vẹt, học như cuốc kêu	B. Các cách sử dụng thành ngữ
3. Chuyện kể :…	C. Giải thích nội dung thành ngữ
4. Quả là học vẹt thì chẳng hiểu…	D. Nguồn gốc của thành ngữ
	E. Bình luận và liên hệ đời sống

Câu 3: Con vẹt đã "đối xử" như thế nào với tiếng chim – ngôn ngữ của giống loài? Và hậu quả nó nhận được là gì ?

Câu 4: Anh/Chị có đồng tình với quan điểm của người viết ở đoạn cuối (in đậm) không ? Vì sao ?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Nội dung của văn bản đọc – hiểu gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về vấn đề lựa chọn phương pháp học tập. Hãy trình bày suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5,0 điểm):

Đọc tập thơ "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh, nhà phê bình Hoài Thanh có viết: "*Khi Bác nói trong thơ nên có thép, ta cũng cần tìm hiểu thế nào là thép ở trong thơ. Có lẽ phải hiểu một cách linh hoạt mới đúng. Không phải cứ nói chuyện thép, lên giọng mới có tinh thần thép* (*Tiếng hát tự do - Nhật kí trong tù và những lời bình* – NXB Văn hoá thông tin, H, 1997*).*

Phân tích bài thơ *Chiều tối* để chứng minh cho nhận định trên. Từ đó, hãy liên hệ với một số tác phẩm thơ trong chương trình Ngữ văn 12 để làm sáng tỏ sự phát huy chất "thép" ở những chiến sĩ cách mạng trong kháng chiến chống pháp.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

- Câu hỏi số 1 là câu hỏi đơn giản nhưng thông thường các em hay nhầm sang phong cách ngôn ngữ nghệ thuật vì nhìn thấy có một câu chuyện. Bởi vậy, các em cần chú ý đến mục đích sử dụng của văn bản để xác định chính xác phong cách ngôn ngữ của văn bản. Trong đề bài này, mục đích của văn bản là để giải thích thành ngữ "học vẹt" nên cần xếp vào phong cách ngôn ngữ khoa học.
- Câu hỏi số 4 là dạng câu hỏi mở, đáp án thông thường cũng sẽ theo hướng mở. Các em cần chú ý bày tỏ quan điểm của mình một cách chặt chẽ và thuyết phục.

Câu 1 (0,5 điểm):

Phong cách ngôn ngữ khoa học.

Câu 2 (1,0 điểm):

1-C; 2-A; 3-D; 4-E

Câu 3 (0,5 điểm):

- Con vẹt đã tỏ thái độ coi thường, chối bỏ tiếng chim, chỉ thích nói tiếng người.
- Hậu quả: Bị bầy chim dạy cho một bài học, tự chửi mình là ngu trong khi lại nghĩ là mình đang nói tiếng người.

Câu 4 (1,0 điểm):

- Có thể bày tỏ quan điểm của mình theo nhiều hướng khác nhau: đồng tình, phản đối hoặc vừa đồng tình, vừa phản đối.
- Nội dung giải thích yêu cầu hợp lí, thuyết phục, đảm bảo logic.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với đề bài nghị luận về những vấn đề rất gần gũi với các em (ở đây là *lựa chọn phương pháp học tập*), các em cần chú ý:
- Không nên trình bày suy nghĩ theo cách thức phát biểu tự do về vấn đề.
- Có thể đưa ra quan điểm cá nhân nhưng không nên lấy bản thân làm dẫn chứng bài viết.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Vấn đề lựa chọn phương pháp học tập.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được vai trò, ý nghĩa của việc lựa chọn phương pháp học tập. Có thể theo hướng sau:

- Phương pháp học tập là cách thức, định hướng để tiến hành việc học tập đạt hiệu quả cao nhất.
- Việc lựa chọn phương pháp học tập có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người vì học tập là việc làm suốt đời. Trong xã hội hiện đại, khi lựa chọn phương pháp học tập đúng đắn, phù hợp giúp con người đạt được thành tích học tập tốt, tiếp thu được khối lượng kiến thức lớn, đạt được mục đích học tập.

- Tuy nhiên, để có phương pháp học tốt không phải dễ. Cần tránh việc học tủ, học vẹt mà hướng tới sự sáng tạo, chủ động.

- Liên hệ bản thân: có ý thức sâu sắc về vai trò của phương pháp học, nỗ lực tìm kiếm và xây dựng phương pháp học tập hiệu quả.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

* Đối với dạng đề bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học, trong ý kiến có xuất hiện yếu tố mâu thuẫn (ở đây là nghị luận về chất thép nhưng lại có yếu tố mâu thuẫn: phủ nhận cách hiểu "chất thép" một cách cứng nhắc mà hướng dạng biểu hiện " thép ẩn" trong thơ của Hồ Chí Minh), các em cần chú ý:

- Luận điểm đầu tiên của thân bài vẫn tiến hành giải thích ý kiến như thông thường, tuy nhiên cần tập trung vào yếu tố mâu thuẫn để giải thích triệt để.

- Trong quá trình phân tích và chứng minh, lấy yếu tố mâu thuẫn làm căn cứ phân chia luận điểm.

* Phần liên hệ, vì yêu cầu liên hệ với một số tác phẩm nên các em cần chú ý xác định đúng tác phẩm (về người lính trong kháng chiến chống Pháp). Khi viết cần dành một dung lượng phù hợp với một lượng kiến thức phù hợp, không nên quá dài dòng lan man.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Phân tích bài thơ "Chiều tối" để làm sáng tỏ cho nhận định về chất thép trong thơ Hồ Chí Minh.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,25 điểm):

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, cũng là nhà văn, nhà thơ lớn, lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. "Chiều tối" là bài thơ thứ 31 của tập *Nhật kí trong tù*. Bài thơ được sáng tác vào cuối mùa thu năm 1942, trên con đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. Bài thơ rất tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh.

b. Giải thích nhận định (0,25 điểm)

- *Thép ở trong thơ:* đó là chất chiến đấu, cách mạng, là tinh thần chiến sĩ, tinh thần cách mạng để đưa thi ca nói riêng và văn học nói chung thành vũ khí đầu tranh cách mạng.

- Nhưng chất cách mạng và tinh thần chiến sĩ trong thơ đâu phải chỉ có một dạng biểu hiện trực tiếp. Đọc " Nhật kí trong tù" ta thấy bài nào cũng có "thép", câu nào cũng có "thép" nhưng nhiều bài thơ không nói đến "thép", không lên giọng "thép" nghĩa là nói đến chuyện cách mạng, chuyện chiến đấu, lên giọng chiến đầu một cách cứng nhắc. Không nên hiểu " chất thép" trong thơ nói chung và trong thơ Hồ Chí Minh nói riêng

một cách đơn giản, máy móc. Về điểm này, ý kiến của Hoài Thanh là hoàn toàn xác đáng.

c. Phân tích bài thơ "Chiều tối" để làm sáng tỏ nhận định (2,0 điểm):

CHÚ Ý

Phân tích bài thơ để làm rõ chất thép:

- Hai câu đầu:

+ Bề mặt là bức tranh thiên nhiên đậm màu sắc cổ điển ngụ nỗi buồn của con người.

+ Khi đặt bài thơ trong hoàn cách sáng tác có thể thấy vẻ đẹp tâm hồn, ý chí Hồ Chí Minh vươn lên hoàn cảnh khao khát tự do và yêu say tạo vật.

- Hai câu sau:

+ Khắc họa bức tranh sinh hoạt đời thường với niềm vui ấm áp.

+ Qua đó thấy được tâm hồn của nhà cách mạng vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui đời thường, cái nhìn đầy lạc quan, yêu đời, tình thương mênh mông của Bác.

- Chất "thép" ở hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong một số bài thơ" những người lính đối diện với cuộc sống khó khăn nhưng luôn giàu ý chí, lạc quan, yêu đời.

- "Chiều tối" là bài thơ có chất thép "ẩn": không nói chuyện thép, lên giọng thép nhưng khi đặt vào hoàn cảnh ra đời của thi phẩm (trong lao tù, trên đường chuyển lao nhọc nhằn); nhìn sâu vào mạch vận động của hình tượng thơ sẽ thấy bài thơ lấp lánh chất thép.

- Hai câu đầu:

+ Hai câu thơ là bức tranh thiên nhiên nơi núi rừng lúc chiều tối, ngụ nỗi buồn của con người trên đường chuyển lao. Cũng giống như trong thơ cổ phương Đông, bức tranh thiên nhiên ở đây được vẽ nên bằng những nét chấm phá. Nhà thơ không nghiêng về tả mà gợi ra vài nét, cốt ghi lấy cái linh hồn của tạo vật. Toàn bộ khung cảnh thiên nhiên miền sơn cước và cái hồn buồn hiu hắt của núi rừng lúc chiều muộn hiện ra một cách đơn sơ qua cách chim mỏi mệt đang bay về tổ cùng áng mây lẻ loi, trôi lững lờ giữa tầng không.

+ Đặt trong hoàn cảnh của một người tù, bị giải đi từ lúc "Gà gáy một lần đêm chưa tàn", phải hứng chịu "Rát mặt đêm thu trận gió hàn", trải qua "53 cây số một ngày/ Áo mũ dầm mưa rách hết giày", trong tình cảnh "xiềng xích thay dây trói" thì hai câu thơ còn có một chiều sâu khác, chiều sâu của tâm hồn, ý chí Hồ Chí Minh. Dù gian khổ thế nào, tâm hồn Bác vẫn luôn hướng về thiên nhiên, trìu mến dõi theo chuyển động của tạo vật. Đằng sau cái nhìn ấy, cháy bỏng và khắc khoải một ước mong sum họp, một khao khát tự do. Đau đớn và mệt mỏi là vậy mà cảm hứng thơ vẫn đến với Bác. Không có chân dung người tù khổ ải mà chỉ có dáng vẻ ung dung, thư thái của một tao nhân mặc khách đang thưởng ngoạn cảnh, yêu say vẻ đẹp thiên nhiên mà thôi.

- Hai câu cuối:

+ Hai câu thơ khắc họa bức tranh sinh hoạt đời thường nơi xóm núi. Hình ảnh cô gái xay ngô toát lên vẻ trẻ trung, khỏe mạnh, sống động – một hình ảnh chân thực, rất đời thường và rất đáng trân trọng. Thời gian dang dần trôi theo những vòng quay xay ngô, Không gian ở câu thơ thứ tư ngày càng được thu nhỏ lại, Từ cảnh trời mây bao la đến cảnh cô gái xay ngô và cuối cùng là hình ảnh bếp lửa hồng. Bếp lửa hồng đã làm đêm tối bừng sáng ấm áp.

+ Cô gái, bếp lửa gợi tới cảnh gia đình, ngô hạt xay xong, bếp đỏ lên gợi tới công việc, sự nghĩ ngơi và sum họp – thấp thoáng trong nhưng hình ảnh ấy như có một ước mơ thầm kín về mái ấm gia đình của người đang lưu lạc xa nhà, xa đất nước, quê hương. Đấy là tâm hồn nhà cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh

khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui giữa đời thường.

+ Bài thơ đã vận động từ ánh chiều u ám, tăm tối đến ánh lửa hồng và niềm vui. Nó cho thấy cái nhìn đầy niềm lạc quan yêu đời và tình yêu thương nhân dân của một con người "Nâng niu tất cả chỉ quên mình". Chữ "hồng" trong bài thơ không chỉ là hình ảnh ngọn lửa mà đó là hình ảnh của ý chí, tinh thần cách mạng Hồ Chí Minh. Đây chính là chất thép chìm, nhìn kĩ mới thấy được ánh sáng của nó nhưng càng nhìn lâu càng thấy sáng.

d. Đánh giá, bình luận ý kiến (0,25 điểm):

- Ý kiến rất xác đáng, là sự đánh giá đúng đắn và khoa học đối với giá trị thơ ca Hồ Chí Minh nói riêng và bài thơ "Chiều tối" nói chung. Đây là một định hướng giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về thơ ca Hồ Chí Minh.

- "Chiều tối" là bức tranh thiên nhiên miền sơn cước và bức tranh cuộc sống lao động của con người. Bài thơ khắc họa hình tượng nhân vật trữ tình có tấm lòng yêu thương rộng lượng, tâm hồn lạc quan luôn hướng về tương lai và ánh sáng, ý chỉ mạnh mẽ vượt lên hoàn cảnh, tự do về tinh thần. Bài thơ không hề lên giọng thép nhưng chất thép vẫn ngời lên sau hình ảnh thơ.

e. Liên hệ để làm sáng tỏ sự phát huy chất thép ở những chiến sĩ cách mạng trong kháng chiến chống Pháp (0,75 điểm):

- Hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ "Tây Tiến" và người cán bộ cách mạng về xuôi trong bài thơ Việt Bắc đều là hình tượng tiêu biểu cho người chiến sĩ cách mạng trong kháng chiến chống Pháp.

- Họ đã sống và chiến đấu trong điều kiện thiếu thốn, gian khổ, nguy hiểm luôn rình rập, phải đối diện với những mất mát, hi sinh (Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm/ Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời…Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù/Nghìn đêm thăm thẳm sương dày)

- Tuy nhiên, họ luôn hiên ngang, giàu ý chí để vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, coi thường khó khăn gian khổ, rất lạc quan, yêu đời (chú ý chọn lọc phân tích một số câu thơ như: *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc/ Quân xanh màu lá dữ oai hùm/ Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh…Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo/ Đèn pha bật sáng như ngày mai).* Họ đi vào cõi bất tử với tư thế của sự chủ động, bị mà không lụy, bi mà vẫn hào hung (*Áo bào thay chiếu anh về đất/ Sông Mã gầm lên khúc độc hành)*; họ luôn sẵn sàng ra trận với tư thế hào hùng, mang khát vọng độc lập của 40 thế kỉ (*Quân đi điệp điệp trùng trùng/ Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan…).* Đó là tinh thần thép, là sự phát huy chất thép ngời sáng để làm nên vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần I – Câu 1:

Bàn về vai trò của phương pháp học tập

…Cuộc sống chứa đựng kho tàng kiến thức mà ta sẽ chẳng bao giờ lĩnh hội hết được. Vì vậy, đa số học sinh chỉ chuyên một môn học hay mỗi người chỉ chuyên một ngành, một loại công việc nhất định. Dù làm bất cứ công việc nào, con người cũng cần năng động, sáng tạo, học và rành rẽ phương pháp. Chẳng hạn, nghề nông là nghề truyền thống của nước ta, những người nông dân ngày ngày ra đồng trồng lúa cũng luôn luôn tìm hiểu và cần phương pháp mới, từ việc cải tạo giống lúa đến các nông cụ sản xuất. Đó là những phát minh tưởng chừng như đơn giản nhưng lại có ý nghĩa quan trọng. Hay nhưng người công nhân bình thường làm trong các nhà máy, xí nghiệp cũng phải luôn luôn tìm tòi và đưa ra những đề án, phương pháp mới để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm hay tạo ra được những sản phẩm mới hơn.

Sống trong một xã hội phát triển, cuộc sống ngày càng nâng cao – con người không ngừng lao động, lao động chân tay, lao động trí óc, muốn có hiệu quả, tất phải có phương pháp làm việc tốt. Phương pháp học sẽ là nền tảng vững chắc cho những bước phát triển tiếp theo. Học phương pháp học giống như học những kĩ năng đầu tiên mà người thợ phải làm khi bắt tay xây dựng một tòa nhà – tạo dựng nền móng kiên cố để xây các tầng lầu cao hơn. Học phương pháp học cũng thế. Nó tiếp bước cho sự thăng hoa những gì nâng cao hơn, khó hơn đối với bạn. Một học sinh khi đã có phương pháp học tất việc lĩnh hội kiến thức sẽ dễ dàng, việc học đối với họ không còn là gánh nặng đeo bám họ suốt mười mấy năm trời. Chính phương pháp học sẽ làm vũ khí lợi hại giúp họ tiến xa hơn trong tương lai.

Trái đất quay, cuộc sống quay và kiến thức cũng dồi dào thêm. Tất cả đều vận động không ngừng. Chính vì vậy, kiến thức mà ta có được ngày hôm nay sẽ mau chóng lỗi thời nhanh hơn ta nghĩ. Thế nên, nhu cầu cập nhật thông tin, thu thập kiến thức luôn luôn cần thiết. Song, không phải ai cũng đủ điều kiện để đến trường, đến lớp, dễ dàng tìm đến với internet, sách báo,…Vì thế, tự học là phương pháp tối ưu với nhiều người trong việc thu nhận kiến thức. Và, rõ ràng, chỉ những người có phương pháp học tốt mới thực sự thành công.

Tuy nhiên, để có phương pháp học tập tốt không phải dễ. Từ rất lâu, nhiều người vẫn có thói quen học vẹt, học tủ khiến cho không những việc thu thập kiến thức bị đóng khuôn mà sự sáng tạo cái mới, tự khám phá tri thức ở mỗi người cũng dần trở nên thui chột. Ngay trong nhà trường phổ thông, lỗi học vẹt, học tủ vẫn còn khá nặng nề. Bởi vậy, mỗi học sinh phải hết sức ý thức về điều đó nhằm tìm kiếm cho mình cách học hiệu quả hơn trong bối cảnh tri thức hiện đại đang bùng nổ.

Trên đời, mọi thứ đều có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, kiến thức và phương pháp học cũng liên quan mật thiết, thậm chí luôn song hành với nhau. Hãy thử nghĩ, nếu ta có phương pháp học nhưng lại thiếu kiến thức tất việc học cũng chẳng đến đâu. Trái lại, nếu ta có kiến thức mà thiếu phương pháp học thì không phải vô ích sao!

Nhận thức được sự cần thiết và quan trọng của phương pháp học, chúng ta nhất thiết phải thực hiện được một kết quả học tập tốt. Trên con đường tìm kiếm sự hiểu biết, nhận định của Phrit-men sẽ là bài học hữu ích cho mỗi chúng ta khám phá ra một cách học và phương pháp lao động tốt nhất.

Phạm Kim Anh (vanhọc.edu.vn)

Phần II – Câu 2:

Chất thép trong hai câu đầu

Hai câu đầu phác lên một khung cảnh thiên nhiên nơi núi rừng lúc chiều tối. Có cánh chim chiều mỏi mệt đang bay về tổ, có chòm mây lẻ loi trôi giữa từng không. Một không gian rộng lớn quạnh vắng trong cái thời khắc cuối cùng của một ngày. Cũng giống như trong thơ cổ phương đông, bức tranh thiên nhiên ở đây được vẽ nên bằng những nét chấm phá. Nhà thơ không nghiêng về tả mà gợi ra vài nét cốt ghi lấy cái linh hồn của tạo vật. Toàn bộ khung cảnh thiên nhiên miền sơn cước và cái hồn buồn hiu hắt của núi rừng lúc chiều muộn hiện ra một cách đơn sơ qua cánh chim mỏi mệt đang bay về tổ cùng áng mây lẻ loi, trôi lững lờ giữa tầng không. Hình ảnh cánh chim bay về tổ thường mang ý nghĩa biểu tượng cho buổi chiều tà. Từ trong ca dao đã có "Chim bay về núi tối rồi", đến "Truyện Kiều" cánh chim mang theo cả thời gian và tâm trạng "Chim hôm thoi thót về rừng", cánh chim nhỏ bé "Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi" trong thơ Bà Huyện Thanh Quan, buổi chiều nghiêng theo cánh chim trong "Tràng giang" của Huy Cận "Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa". Trong thơ Bác cũng thế "Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ" vừa là một nét không gian lại vừa gợi ra ý niệm thời gian. Mặc dù vậy, cánh chim trong thơ Bác không chỉ được quan sát ở trạng thái vận động bên ngoài, không bay về chốn vô tận, vô cùng gợi cảm giác xa xăm, chia lìa như thơ xưa mà còn được cảm nhận rất sâu sắc ở trạng thái vận động bên trong (cánh chim mỏi mệt – quyện điểu), đó là cánh chim tìm về sự sống thường ngày. Nó có hồn và nhuốm đầy tâm trạng hơn. Có thể thấy sự gần gũi tương đồng giữa cánh chim mỏi mệt sau một ngày kiếm ăn và người tù đã thấm mệt sau một ngày vất vả, lê bước trên đường trường. Ngoại cảnh cũng là tâm cảnh. Trong ý thơ đã có sự hòa hợp, đồng điệu, cảm thông giữa tâm hồn nhà thơ và cảnh vật thiên nhiên. Cội nguồn của sự cảm thông ấy là tình yêu thương mênh mông của Bác dành cho mọi sự sống trên đời.

Câu thơ thứ hai, bản dịch đánh mất chữ "cô", không diễn tả được vẻ cô độc và nhịp bay chầm chậm của chòm mây qua những chữ "cô vân mạn mạn". Câu thơ cần được hiểu đúng nghĩa là "Chòm mây lẻ loi lững lơ trôi qua lưng trời". Hình ảnh này gợi nhớ thơ Thôi Hiệu "Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay" (Hoàng Hạc Lâu), thơ Nguyễn Khuyến "Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt" (Thu điếu). Tuy cũng vẫn là thi liệu "vân" – mây nhưng trong thơ Bác không phải là mây trắng ngàn năm gợi sự vĩnh hằng, cũng không phải là "tầng mây lơ lửng" giữa trời xanh ngắt như có gì nhức nhối, mang bao nỗi khắc khoải mơ hồ của con người trước hư không. Đây chỉ là một chòm mây quen thuộc trên bầu trời, nó thu vào đó hình ảnh cao rộng trong trẻo, êm ả của một chiều thu nói núi rừng Quảng Tây. Với chòm mây ấy, không gian như mênh mông, vô tận và thời gian như ngừng trôi. Phải có một tâm hồn thật ung dung, thư thái – tâm hồn của một du khách – thì người tù mới có thể dõi theo một chòm mây lang thang giữa bầu trời bao la. Hơn thế, chòm mây còn như có hồn người, nó mang theo tâm trạng, nó cô đơn, lẻ loi và lặng lẽ, lững lờ trôi giữa không gian trời chiều, nó mang nỗi buồn trong cảnh ngộ chia lìa: cánh chim mải miết bay về rừng xanh, chòm mây trôi chầm chậm như ở lại giữa từng không.

Bức tranh thiên nhiên ngụ nỗi buồn của con người trên đường vẫn chưa phải là tất cả ý nghĩa, vẻ đẹp của hai câu thơ này. Đặt trong hoàn cảnh của một người tù, bị giải đi từ lúc "Gà gáy một lần đêm chưa tàn", phải hứng chịu "Rát mặt đêm thu trận gió hàn", trải qua "53 cây số một ngày/Áo mũ dầm mưa rách hết giày", trong tình cảnh "xiềng xích thay dây trói" thì hai câu thơ còn có một chiều sâu khác, chiều sâu của tâm hồn, ý chí Hồ Chí Minh. Dù gian khổ thế nào, tâm hồn Bác vẫn luôn hướng về thiên nhiên, trìu mến dõi theo chuyển động của tạo vật. Đằng sau cái nhìn ấy, cháy bỏng và khắc khoải một ước mong sum họp, một khao khát tự do. Đau đớn và mệt mỏi là vậy mà cảm hứng thơ vẫn đến với Bác. Không có chân dung người tù khổ

ải mà chỉ có dáng vẻ ung dung, thư thái của một tao nhân mặc khách đang thường ngoạn cảnh yêu say vẻ đẹp thiên nhiên mà thôi.

Những câu thơ mềm mại nhưng thực ra lại có chất thép bên trong. Bằng ý chí, nghị lực phi thường, Bác đã vượt lên trên hoàn cảnh. Dẫu đang mất tự do về thân thể, Bác vẫn tự do tuyệt đối về tinh thần "tự do lãm thưởng vô nhân cấm" (Tự do thưởng ngoạn ai ngăn được). Như vậy hai câu thơ không hề nói "thép" mà lại rất "thép".

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019
CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 11
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) Với chủ đề "Tài năng trẻ Việt Nam chung tay dựng xây đất nước", sáng 13/12, 364 đại biểu tài năng trẻ toàn quốc đã tham dự Đại hội Tài năng trẻ lần thứ 2 năm 2015. Tại Đại hội các đại biểu tài năng trẻ đã cùng nhau truyền đi thông điệp thể hiện lòng quyết tâm, đoàn kết, chung sức, đồng lòng dựng xây và bảo vệ đất nước trong thời kỳ Công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

(2) "Làm nghiên cứu khoa học vốn đã khó, đối với người phụ nữ lại càng khó khăn hơn nhưng vì cái tâm và khát khao được đóng góp cho xã hội đã giúp tôi tiếp tục say mê nghiên cứu". Đó là những chia sẻ của Thạc sỹ Trương Hải Nhung, Khoa Sinh học và Công nghệ sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh – một nhà khoa học trẻ có niềm đam mê nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ sinh học và tế bào gốc. Trong suốt thời gian nghiên cứu về lĩnh vực tế bào gốc, Thạc sĩ Trương Hải Nhung đã có 12 báo cáo tại hội nghị/hội thảo quốc tế; 8 bài đăng trên báo/tạp chí trong nước; 14 bài đăng trên tạp chí quốc tế; 9 Đề tài đã và đang làm chủ nhiệm… Thạc sĩ Trương Hải Nhung bày tỏ: "Tôi nghĩ là Bộ Khoa học và Công nghệ cũng như lãnh đạo Đảng và Nhà nước nên suy nghĩ thêm để có thể triển khai nhanh, mạnh hơn, quyết liệt hơn những chính sách, đề án, chương trình, nghị định thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, hỗ trợ tài năng trẻ. Đối với một người trẻ như tôi thì chỉ mong mỏi một điều đó là các cơ quan, ban ngành đặc biệt là các Bộ hãy mạnh dạn tin tưởng vào những người trẻ, cứ tin thì lớp trẻ có thể cố gắng làm hết sức để xứng đáng với niềm tin ấy".

(...) (3) Dù ở bất cứ thời đại nào thì hiền tài luôn là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí mạnh thì nước mới mạnh. Tài năng trẻ nói chung, nhà khoa học trẻ, trí thức trẻ nói riêng là tài nguyên quan trọng để phát triển đất nước. Các chính sách của nhà nước, sự quan tâm, tạo điều kiện, tin tưởng của các cấp lãnh đạo chính là môi trường thuận lợi nhất để các tài năng trẻ phát huy được năng lực, trí tuệ, thỏa mãn đam mê, khát vọng của mình để phục vụ đất nước./.

(Nguyễn Hiền – ***Tài năng trẻ mong muốn được quan tâm nghiên cứu khoa học –*** vov.vn 14/12/2015)

Câu 1: Nêu nội dung đoạn văn bản.

Câu 2: Đoạn văn (3) sử dụng thao tác lập luận chủ yếu nào?

Câu 3: Một người trẻ tuổi tài năng – Thạc sỹ Trương Hải Nhung cho rằng "*Các cơ quan, ban ngành đặc biệt là các Bộ hãy mạnh dạn tin tưởng vào những người trẻ, cứ tin thì lớp trẻ có thể cố gắng làm hết sức để xứng đáng với niềm tin ấy".* Là một người trẻ, anh/chị có đồng tình với quan niệm đó không? Vì sao?

Câu 4: Hãy nêu ít nhất hai biện pháp để rèn luyện và phát triển bản thân, góp phần phục vụ đất nước.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Vai trò của những tài năng trẻ đối với Tổ quốc gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về vấn đề "chảy máu chất xám" của đất nước ta hiện nay. Hãy trình bày suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn khoảng 200

chữ.

Câu 2 (5,0 điểm):

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều. Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

(*Tuyên ngôn độc lập* – Hồ Chí Minh – SGK Ngữ văn 12 tập Một)

Phân tích đoạn văn bản trên để làm sáng tỏ ý kiến: "*Tuyên ngôn độc lập* là áng văn chính luận mẫu mực".

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

- Đối với dạng câu hỏi số 3, các em có thể bày tỏ quan điểm theo góc nhìn cá nhân, có thể đồng tình hoặc phản đối. Tuy nhiên cần đặc biệt chú ý, cần cân nhắc trả lời như thế nào để dễ dàng lí giải và có thể đưa ra được những lí lẽ có tính thuyết phục cao.
- Đối với câu hỏi 4, khi đưa ra biện pháp, các em nên đưa những giải pháp thiết thực mà em đã thực hiện được hoặc đang thực hiện, tránh nêu chung chung, đưa ra những giải pháp viển vông, lớn lao, quá tầm với các em.

Câu 1 (0,5 điểm):

Nội dung: Sự kiện Đại hội Tài năng trẻ toàn quốc năm 2015 và sự khẳng định vai trò của những tài năng đối với đất nước.

Câu 2 (0,5 điểm):

Thao tác lập luận chủ yếu: so sánh.

Câu 3 (1,0 điểm):

Có thể trình bày quan điểm riêng của cá nhân: đồng ý, không đồng ý hoặc vừa đồng tình vừa không đồng tình.

Cần lí giải vì sao một cách logic, hợp lí, thuyết phục.

Câu 4 (1,0 điểm):

Cần nêu được những biện pháp cụ thể, gần gũi, thiết thực, hợp lí. Một số gợi ý:

- Xây dựng cách làm việc, học tập khoa học, hiệu quả.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động cộng đồng, các hoạt động xã hội, quan tâm, chia sẻ đến những người xung quanh.
- Có ý thức tìm kiếm niềm dam mê, phát huy khả năng trong những lĩnh vực mà mình yêu thích.

…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Yêu cầu nghị luận ở đề này là một vấn đề đã đặt ra từ lâu và cho đến giờ vẫn đang gây bức xúc trong dư luận xã hội. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp các em chưa thực sự hiểu rõ về vấn đề nghị luận thì cần chú ý:
- Đảm bảo đầy đủ các bước làm bài, cố gắng giải thích vấn đề một cách chính xác nhất dựa vào cách hiểu từ ngữ thông thường (chất xám: chỉ trí tuệ, chảy máu chất xám: sự mất mát…
- Phần nêu thực trạng có thể các em không nêu được cụ thể, nhưng dựa trên giải thích và phán đoán cùng với nội dung văn bản Đọc – hiểu để đưa ra được một số hậu quả và đề xuất giải pháp.
- Tuyệt đối tránh tình trạng do chưa hiểu rõ vấn đề nghị luận mà bỏ qua câu nghị luận xã hội hoặc viết câu nghị luận xã hội không đảm bảo dung lượng.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Nạn "chảy máu chất xám" ở nước ta hiện nay.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được quan điểm, đánh giá về tình trạng "chảy máu chất xám" ở nước ta trong thời gian vừa qua. Có thể theo hướng sau:

- Đoạn văn đã khẳng định vai trò quan trọng của những người tài năng đối với đất nước. Điều đó đã gợi nên suy nghĩ về tình trạng "chảy máu chất xám" trong thời gian vừa qua ở nước ta.

- Hiện tượng "chảy máu chất xám" đó là hiện tượng nhiều người tài năng được cấp học bổng đi học nước ngoài không trở về, không trực tiếp phục vụ cho Tổ quốc; nhiều người tài giỏi trong các lĩnh vực chọn định cư ở nước ngoài hoặc làm cho doanh nghiệp nước ngoài. Hiện tượng này đang diễn ra tương đối phổ biến, gây bức xúc cho dư luận (dẫn chứng).

- Hiện tượng này đã kéo lùi sự phát triển của đất nước, sự phát triển của nhiều lĩnh vực khoa học, gây tổn hại cho Nhà nước. Đặc biệt, nó tạo ra sự ảnh hưởng tiêu cực tới các bạn trẻ, đánh giá thấp môi trường làm việc trong nước.

- Cần phê phán, lên án những con người đó. Đồng thời cần có nhiều chủ trương biện pháp tích cực hơn để phát triển, bồi dưỡng nhân tài, tạo điều kiện cho người tài năng làm việc, hạn chế tình trạng trên.

- Liên hệ bản thân: Bản thân có ý thức như thế nào đối với cộng đồng, đất nước; bản thân thể hiện tinh thần học hỏi, lao động như thế nào…

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Khi thực hiện làm bài đối với đề bài nghị luận về một ý kiến bàn về một tác phẩm chính luận, sử dụng một phần tác phẩm để làm sáng tỏ, các em cần chú ý:

- Luôn lưu ý đến đặc trưng của thể văn chính luận và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ chính luận (bàn đến các vấn đề chính trị - xã hội quan trọng, lập luận chặt chẽ, tính thuyết phục cao,…)
- Bám sát vào văn bản, đặc biệt là cách thức sử dụng từ ngữ, xây dựng luận điểm, đưa dẫn chứng và lí lẽ.
- Xem xét giá trị của tác phẩm gắn với hoàn cảnh mà nó ra đời.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Tính "chính luận mẫu mực" trong đoạn văn mở đầu của bản *Tuyên ngôn độc lập*.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Hồ Chí Minh là nhà cách mạng vĩ đại của Việt Nam, là danh nhân văn hóa thế giới. Cuộc đời Người là tấm gương sáng về sự cống hiến, hi sinh. Mặc dù chỉ coi thơ văn là vũ khí chiến đấu cách mạng, Hồ Chí

Minh vẫn để lại một di sản văn học vô cùng quý báu. *Tuyên ngôn độc lập* là tác phẩm bất hủ góp phần, tuyên bố sự khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ công hòa trên quảng trường Ba Đình vào ngày 02/09/1945 Tác phẩm đã đạt đến trình độ mẫu mực của thể văn chính luận.

b. Giải thích ý kiến (0,5 điểm)

- *Chính luận* là loại văn bản thể hiện chính kiến, bộc lộ những quan điểm chính trị, tư tưởng với những vấn đề xã hội nóng bỏng. Các tác phẩm chính luận hướng tới mục đích tác động đến dư luận xã hội đương thời, đến lối sống, các quyền lợi chính trị hiện hành; đề xuất việc củng cố hoặc thay đổi chúng cho phù hợp với quyền lợi giai cấp hoặc với lý tưởng xã hội, đạo đức. *Mẫu mực*: là một chuẩn mực, đạt đến trình độ cao nhất, để người khác noi theo.

- Ý kiến đã khẳng định giá trị lớn lao của bản *Tuyên ngôn độc lập*: tác phẩm đạt đến sự chuẩn mực trong thể văn chính luận, tức là có sức thuyết phục lớn lao dựa trên lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng hùng hồn..

c. Phân tích đoạn văn để làm sáng tỏ ý kiến (2,0 điểm):

CHÚ Ý

Tính chính luận mẫu mực trong đoạn văn:

- Sự mẫu mực ở phương diện nội dung: khẳng định thuyết phục quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do của dân tộc ta; là bản cáo trạng đanh thép đối với kẻ thù.
- Sự mẫu mực ở phương diện nghệ thuật: lí lẽ đanh thép, tư duy lí luận sáng tạo, lập luận chặt chẽ, phối hợp sử dụng nhuần nhuyễn nhiều thủ pháp nghệ thuật.

- Sự mẫu mực ở giá trị nội dung:

+ Đoạn văn khẳng định một cách thuyết phục quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do của dân tộc ta cũng như các dân tộc khác trên thế giới tạo cơ sở, nguyên lí chính nghĩa cho bản Tuyên ngôn:

Hồ Chí Minh đồng tình với những tư tưởng tiến bộ của các bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt ngang hàng ba cuộc cách mạng, ba bản Tuyên ngôn của nước Việt Nam, Mỹ, Pháp nhằm quốc tế hoá vấn đề độc lập của dân tộc ta.

Đoạn văn muốn gợi lại niềm tự hào cao cả của lịch sử dân tộc Việt Nam về các triều đại: Đinh, Lý, Trần, cùng sánh vai với các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên đã được Nguyễn Trãi ghi trong *Bình Ngô Đại Cáo*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm chuẩn bị phê phán bản chất phản động của thực dân Pháp đi ngược lại tư tưởng tiến bộ của tổ tiên họ đã 80 năm qua chúng đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta.

+ Đoạn văn cũng là bản cáo trạng đanh thép với tội ác của thực dân Pháp ở Đông Dương:

Người đã mạnh mẽ vạch trần bản chất lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái để cướp nước ta, áp bức đồng bào ta của chúng. Đó là hành động phi nghĩa, phi nhân đạo. Người đã nêu lên một cách toàn diện tội ác của thực dân Pháp đối với đất nước ta trong gần 100 năm:

++ Bóc lột về kinh tế: chúng bóc lột nhân dân ta tới tận xương tuỷ, cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu; độc quyền in giấy bạc và xuất nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí, không cho các nhà tư sản của ta ngóc đầu dậy...

++ Đàn áp về chính trị: chúng tuyệt đối không cho chúng ta một chút quyền tự do nào, chúng thi hành

pháp luật dã man, chia để ctrị, chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong bể máu...

++ Nô dịch về văn hoá: chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm suy nhược giống nòi...

Tội ác của chúng gây ra ở mọi mặt của đời sống, ở mọi đối tượng nông dân, công nhân, thợ thủ công. Đó là tội ác chồng chất, tội ác khủng khiếp, dã man.

- Sự mẫu mực trên phương diện nghệ thuật:

+ Phần đầu (*Hỡi đồng bào cả nước...không ai chối cãi được*):

++ Hồ Chí Minh đã dẫn chứng chính xác, từ ý tưởng lời văn hai bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp để tạo cơ sở pháp lý, dùng lời nói của đối phương để so sánh, phản bác âm mưu và hành động trái với công lý của chúng, dùng nghệ thuật "*gậy ông đập lưng ông*".

++ Đoạn văn dùng lý lẽ đanh thép, tư duy lý luận sáng tạo "*suy rộng ra*", đi từ vấn đề quyền cá nhân đến quyền của dân tộc, đưa vấn đề độc lập của dân tộc Việt Nam thành vấn đề tiêu biểu cho phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

++ Lập luận của đoạn văn chặt chẽ bằng cách sử dụng nhiều câu văn khẳng định để phủ định những nội dung phản động của hai đế quốc Mỹ và Pháp.

++ Lời văn mạnh mẽ, trong sáng, dễ hiểu, làm tăng thêm sức thuyết phục bằng lý lẽ của đoạn văn.

+ Bên cạnh đó, ở phần tiếp theo:

++ Người nhắc đi nhắc lại những tội ác khác nhau của chúng bằng các điệp ngữ, điệp cấu trúc và động từ mạnh: *chúng thi hành ... chúng lập ra ... chúng chém giết ... chúng tắm ... chúng ràng buộc ... chúng dùng ... chúng độc quyền ... chúng không cho ... chúng bóc lột...*

++ Giọng điệu đanh thép liên hoàn, trùng điệp làm nổi bật lên tội ác chồng chất của thực dân Pháp.

++ Thủ pháp so sánh, ẩn dụ được vận dụng khéo léo để tô đậm nét những tội ác dã man của thực dân Pháp.

++ Tách các ý thành các đoạn văn ngắn tạo nên những điểm nhấn, gây ấn tượng về tội ác liên hoàn, tội ác nào cũng to lớn, khủng khiếp.

d. Đánh giá, bình luận (0,5 điểm):

- Ý kiến có tính chất định hướng, giúp người đọc có cơ sở để tìm hiểu sâu sắc về tác phẩm Tuyên ngôn độc lập.

- Đoạn văn tiêu biểu cho nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh; góp phần tạo nên sức thuyết phục và ý nghĩa sâu sắc của bản Tuyên ngôn độc lập.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Bàn về hiện tượng "chảy máu chất xám"

Nhiều năm qua, "chảy máu chất xám" được coi là một hiện tượng phức tạp, buộc nhiều quốc gia cần xem xét và điều chỉnh, từ đó có chính sách, biện pháp khắc phục. Bởi, dù thế nào thì trong thế giới hiện đại, sự phát triển của mỗi quốc gia luôn cần tới vai trò của tri thức, trí tuệ. Ở đây, vấn đề đặt ra cho mỗi người lao động trí óc là tâm nguyện cống hiến cho Tổ quốc, là sự đồng cảm và chia sẻ với những khó khăn của đất nước; bên cạnh đó là vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện tốt nhất để các chủ nhân của "chất xám" sống và cống hiến một cách tốt nhất.

… Có một câu hỏi đặt ra, liệu tình trạng chảy máu chất xám có phải chỉ giới hạn trong một hiện tượng có thể nhìn thấy được nói trên? Đầu năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo nước ta đã tổng kết hơn mười năm hoạt động của Đề án 322, một đề án được hình thành vào năm 2000 với mục tiêu là đào tạo cán bộ tại những cơ sở giáo dục nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước với những ngành mà Việt Nam thiếu hoặc chất lượng chưa đạt chuẩn quốc tế. Trong mười năm hoạt động của Đề án, với một nguồn ngân sách hơn 2.500 tỷ đồng (theo nguồn công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo), 7.129 ứng viên trúng tuyển đã được gửi đi đào tạo ở các cơ sở giáo dục tiên tiến tại nhiều nước trên thế giới, trong đó có 3.838 tiến sĩ, 2.042 thạc sĩ, 416 thực tập sinh và 833 cử nhân. Cũng theo nguồn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 95% số lưu học sinh đã về nước đúng thời hạn và đã hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, 2% số lưu học sinh được chuyển tiếp lên các cấp học cao hơn, và chỉ có 3% là không hoàn thành nhiệm vụ, trở về muộn hoặc không trở về.

… Tuy vậy, ngay khi Đề án khép lại, có một vấn đề đã được đặt ra một cách nghiêm túc, là hiệu quả hoạt động nghiên cứu của lưu học sinh sau khi trở về đơn vị công tác cũ. Các con số thống kê mới chỉ nói về việc lưu học sinh hoàn thành nhiệm vụ và trở về, mà chưa có một nghiên cứu đầy đủ và nghiêm cẩn về hiệu quả hoạt động khoa học của các nghiên cứu sinh này (ít nhất là thông qua những công trình khoa học, phát minh và nghiên cứu khoa học công bố quốc tế, một nguồn dữ liệu hoàn toàn có thể kiểm chứng được). Theo điều tra của một số tờ báo, không ít nghiên cứu sinh sau khi trở về đã phải từng bước "hoãn vô thời hạn" hoặc rời bỏ hẳn hoạt động nghiên cứu khoa học vì nhiều lý do: môi trường khoa học còn bảo thủ, chưa chấp nhận thay đổi đến từ bên ngoài; điều kiện hoạt động khoa học thiếu thốn (thiếu kinh phí nghiên cứu; nghèo nàn cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện...) và đặc biệt là những vấn đề của đời sống vật chất khiến nhiều nhà nghiên cứu phải đặt khoa học sang một bên để lao vào các công việc mưu sinh. Như vậy, vấn đề "chảy máu chất xám" không chỉ là những vết "ngoại thương" khi người được đào tạo rời bỏ Tổ quốc, di dân đến các quốc gia phát triển, mà còn là những vết "nội thương" khi nguồn chất xám chất lượng cao không phục vụ cho các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, mà nhiều khi bị lãng phí trong những mục đích tầm thường của cuộc sống (nhưng không hề tầm thường với mỗi cá nhân). Nhìn một cách sâu xa, những vết "nội thương" để lại những hậu quả tai hại còn hơn cả những vết "ngoại thương". Bởi lẽ một chuyên gia, một nhà khoa học nếu còn có những liên hệ với đất nước thì đến một lúc nào đó, sau khi vượt qua được những vấn đề trước mắt, họ vẫn có thể có những đóng góp quan trọng cho Tổ quốc. Nhưng nếu một nhà khoa học bị "chết mòn" trong những điều nhỏ nhặt của cuộc mưu sinh hoặc bị những cơ chế bảo thủ, trì trệ trói buộc, thì rất nhiều khả năng, chỉ sau một khoảng thời gian mươi năm, giới khoa học sẽ mất đi một nhà khoa học.

... Nhìn lại lịch sử Việt Nam, đã có không ít giai đoạn chúng ta được chứng kiến cuộc trở về của những trí thức từ những nơi đầy đủ nhất trên thế giới. Đầu thế kỷ hai mươi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chúng ta đã có một thế hệ trí thức như thế, từ bỏ tất cả, không phải chỉ tiện nghi, không phải chỉ vật chất, đãi ngộ, điều kiện mà quan trọng hơn là từ bỏ cả chính "cái tôi", lột xác về tư tưởng để có thể trở về với

Dân tộc và Tổ quốc một cách đúng nghĩa. Phải chăng, chính mỗi người trở về hôm nay cũng nên đặt câu hỏi: Liệu chúng ta đã dám từ bỏ những gì để đánh đổi, lấy lại những gì quan trọng nhất làm nên phẩm giá trí thức? Phải chăng, đã đến lúc, tinh thần của Trần Đại Nghĩa, Trần Đức Thảo, Lương Định Của, Nguyễn Khắc Viện,… một lần nữa cần được nhân lên trong mỗi người lao động trí óc hôm nay?

Duy Khiêm (nhandan.com.vn 09/11/2012)

Phần II – Câu 2:

Tính chính luận mẫu mực trong đoạn văn mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập

Mở đầu bản Tuyên ngôn, Người đã trích dẫn những tư tưởng cơ bản trong bản "Tuyên ngôn độc lập" năm 1776 của nước Mỹ và bản "Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền" năm 1791 của Cách mạng Pháp. Nội dung này tạo nên nguyên lí chung làm cơ sở cho hệ thống luận điểm và lập luận cho bản Tuyên ngôn độc lập. Đó là nguyên lí phổ quát mang tính chân lí về quyền hưởng độc lập, tự do của con người, của tất cả các dân tộc trên thế giới. Đoạn văn cũng muốn gợi lại niềm tự hào cao cả của lịch sử dân tộc Việt Nam về các triều đại: Đinh, Lý, Trần, cùng sánh vai với các triều đại Hán, Đường, Tống, Nguyên đã được Nguyễn Trãi ghi trong *Bình Ngô Đại Cáo*. Và xét trong tính chỉnh thể, đoạn văn này là sự chuẩn bị để phê phán bản chất phản động của thực dân Pháp đi ngược lại tư tưởng tiến bộ của tổ tiên họ đã 80 năm qua chúng đến cướp nước ta, áp bức đồng bào ta.

Cách mở đầu này rất khéo léo, kiên quyết, thể hiện bản lĩnh của một nhà hoạt động chính trị, một nhà văn viết chính luận lão luyện. Khéo léo ở chỗ nó tỏ rõ sự trân trọng những danh ngôn bất hủ của người Pháp, người Mĩ - những dân tộc hùng mạnh, văn minh trên thế giới, những điều mà họ nói ra đã được cả thế giới công nhận. Kiên quyết vì đó là lời ngầm ý nhắc nhở họ đừng phản bội tổ tiên mình và hành động xâm lược Việt Nam sẽ là hành động vấy bùn lên lá cờ nhân đạo của những cuộc cách mạng vĩ đại của họ. Trong tranh luận, để bác bỏ luận điệu của một đối thủ nào đấy, không gì thú vị và đích đáng hơn là dùng chính lí lẽ của đối thủ ấy. Người ta gọi đó là thuật "lấy gậy ông đập lưng ông". Ngoài ra, việc nhắc đến hai bản Tuyên ngôn nổi tiếng trong lịch sử nhân loại cũng có nghĩa là đặt ngang hàng ba dân tộc, ba cuộc cách mạng, ba bản Tuyên Ngôn, nối quá khứ với hiện tại, đưa cách mạng Việt Nam hoà vào dòng chảy cách mạng thế giới, thể hiện một niềm tự hào và sự khẳng định tầm vóc, vị thế dân tộc.

Tuy nhiên, phần đặt vấn đề không chỉ có thế. Người đặc biệt nhấn mạnh "Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới, sinh ra đều bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Cụm từ "suy rộng ra" hết sức quan trọng vì nội dung câu văn ngay sau là sự phát triển, sáng tạo tư tưởng từ nguyên lí về quyền tự do, bình đẳng của cá nhân đi đến nguyên lí chung mang tính khái quát hơn về quyền tự do, bình đẳng của dân tộc. Đây là một đóng góp đầy ý nghĩa của Hồ Chí Minh với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Một nhà văn hoá nước ngoài đã viết "Cống hiến nổi tiếng của cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ người đã phát triển quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình". Rõ ràng, cái luận điểm "suy rộng ra" kia chính là phát súng lệnh mở đầu cho bão táp cách mạng ở các thuộc địa sẽ làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân trên khắp thế giới vào nửa sau thế kỉ XX.

Câu chốt đoạn ngắn gọn, chắc nịch, nhấn mạnh một chân lí hiển nhiên, ai cũng phải công nhận. Câu văn mang tính đối thoại, tranh biện, luận chiến, khẳng định lập trường chính nghĩa và đặt cơ sở pháp lí vững chắc cho nền độc lập dân tộc. Người viết cũng ngầm ý hướng đến những âm mưu, những kẻ thù đang mang dã tâm chối cãi, chà đạp lên "lẽ phải". Nếu Pháp và Mĩ thực hiện dã tâm ấy là bọn chúng đã vấy bùn lên truyền thống và danh dự của chính cha ông chúng. Đúng là khi đọc Tuyên ngôn phải đọc giữa hai dòng chữ thì mới thấm thìa những ý vị sâu xa, mới thấu hiểu ý nghĩa nén chặt trong từng câu, từng chữ. Cảm quan cách mạng

nhạy bén, trí tuệ sắc sảo của một nhà tư tưởng lớn kết đọng ở mỗi lời văn.

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

(Đề thi có 02 trang)

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 12

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em
Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển
Bờ bãi loi thoi xóm làng ẩn hiện
Đời sông như đời người trên sông
…
Em yêu anh có yêu được như sông
Sông chẳng theo ai, tự chảy nên dòng
Sông nhớ biển lao ghềnh vượt thác
Mang suối nguồn đi đến suốt mênh mông

Đã yêu sông anh chẳng ngại sâu nông
Em có theo anh lên núi về đồng
Hạt muối mặn lên ngàn, bè tre xuôi về bến
Em có cùng lũ lụt với mưa dông

Đời sông trôi như đời người trên sông
Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể
Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa
Tin mái chèo cày trên sóng cần lao

Anh tin em khi đứng mũi chịu sào
Anh chẳng sợ mọi đá ngầm sóng cả
Anh yêu sông, yêu tự nguồn đến bể
Gió về rồi, nào ta kéo buồm lên

(Vũ Quần Phương – ***Tình yêu – dòng sông*** – NXB Văn học, 1988)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Trong bài thơ, nhà thơ đã bày tỏ niềm băn khoăn: "Em yêu anh có yêu được như sông". Theo nhà thơ, dòng sông và tình yêu có những điểm nào tương đồng?

Câu 3: Phân tích tác đụng của biện pháp tu từ so sánh trong khổ thơ:

Đời sông trôi như đời người trên sông
Anh tin bến, tin bờ, tin sức mình đến bể
Tin ánh sáng trên cột buồm, ngọn lửa
Tin mái chèo cày trên sóng cần lao

Câu 4: Thông điệp tình yêu ẩn chứa trong hai câu thơ cuối là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về bài học từ những dòng sông được nêu trong hai câu mở đầu của bài thơ phần Đọc – hiểu:

Có bao giờ sông chảy thẳng đâu em
Sông lượn khúc lượn dòng mà đến biển

Câu 2 (5,0 điểm):

Nhận định về truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, có ý kiến cho rằng: "*Một thành công của tác phẩm là tác giả đã có cái nhìn lịch sử - tiếp nối và chuyển giao của các thế hệ dân làng Xô man đứng lên đánh giặc*".

Từ hiểu biết của mình về truyện ngắn này, anh/chị hãy phân tích làm sáng tỏ ý kiến trên.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

- Đối với câu hỏi 3, khi câu hỏi đã nêu rõ "Theo nhà thơ", các em cần chú ý toàn bộ dữ liệu cho câu trả lời đều nằm trong văn bản, tránh việc suy diễn lan man và thêm vào các ý theo quan điểm của bản thân.
- Đối với câu hỏi 4, đây vẫn là dạng câu hỏi thường gặp trong yêu cầu đọc hiểu, tuy nhiên phạm vi thông điệp được quy vào "thông điệp tình yêu", các em cần lưu ý đọc kĩ để trả lời đúng phạm vi yêu cầu.

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm/Phương thức biểu cảm.

Câu 2 (1,0 điểm):

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, thể hiện khả năng hiểu biết của bản thân về văn bản nhưng cần đảm bảo logic, chặt chẽ. Cần nêu được ít nhất hai nét tương đồng. Gợi ý:

- Sông lượn khúc, lượn dòng mà tới biển; lũ, dông, đá ngầm, vực xoáy: tình yêu nhiều thử thách, trắc trở, khó khăn.
- Sông nhớ biển, lao ghềnh vượt thác; suối nguồn đi suốt mênh mông: tình yêu mạnh mẽ, nồng nhiệt, dạt dào, đòi hỏi sự hi sinh;
- Sông chẳng theo ai tự chảy nên dòng: bản lĩnh, ý chí vượt qua khó khăn trong tình yêu.

….

Câu 3 (1,0 điểm):

Tác dụng:

- Tăng tính sinh động và gợi cảm cho câu thơ.
- Thể hiện hình ảnh của cuộc đời như một cuộc hành trình dài với nhiều khó khăn, thử thách và cũng nhiều niềm vui, hạnh phúc. Con người cần có can đảm đi qua khó khăn thì sẽ đạt đến thành công.

Câu 4 (0,5 điểm):

Có thể nêu thông điệp theo cách hiểu, quan điểm riêng của cá nhân, đảm bảo hợp lí, thuyết phục.

Gợi ý:

- Tình yêu cần có niềm tin, sự lạc quan, niềm tin làm nên sự bền vững của tình yêu.
- Trong tình yêu cần chân thành, chung thủy. Sự chân thành, thủy chung tạo nên sức mạnh to lớn cho tình yêu.
- Tình yêu cần trọn vẹn, yêu ai là yêu chính con người của họ. Đó là tình yêu đích thực, tình yêu từ những điều nhỏ nhất.

….

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đối với dạng nghị luận xã hội xuất hiện hai vấn đề nghị luận có tính chất đối lập nhau (ở đây là hai cách ứng xử trước khó khăn, thử thách: hoặc đối đầu trực diện hoặc đi vòng, khéo léo tránh khó khăn), các em cần chú ý:

- Bàn luận, chỉ rõ mặt đúng/sai, ưu điểm/tồn tại của từng vấn đề.

- Bài học nhận thức rút ra thông thường là sự dung hòa của hai vấn đề, lựa chọn linh hoạt theo từng hoàn cảnh.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Bài học về cách ứng xử trước khó khăn trong cuộc sống.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về cách ứng xử trước khó khăn trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích:

+ *Chảy thẳng:* đối đầu trực diện với khó khăn, đi xuyên qua một cách quyết liệt. *Lượn khúc, lượn dòng đến biển:* tìm ra con đường đi mới, đi vòng khéo léo tránh được khó khăn để đi đến đích.

+ Nội dung của hai câu thơ đã thể hiện hai quan niệm sống, hai cách ứng xử với những khó khăn, thử thách trong cuộc sống: hoặc là đối đầu, xuyên qua khó khăn hoặc là linh hoạt, tìm con đường khác. Từ đó giúp cho mỗi người có được bài học cho riêng mình.

- Bàn luận:

+ Hai quan niệm, hai cách ứng xử trước khó khăn, thử thách có những giá trị riêng, ý nghĩa, vai trò riêng.

+ Khi đi xuyên qua khó khăn là chấp nhận tổn thương, đau đớn, nguy hiểm; cần có ý chí vững vàng nhưng qua đó cũng tôi luyện được bản lĩnh con người, giúp con người trưởng thành. (dẫn chúng)

+ Khi đi vòng đường khác, né tránh những khó khăn một cách linh hoạt tuy có xa hơn, chậm hơn để đến đích nhưng an toàn hơn. Tuy nhiên, chỉ biết né tránh cũng là lựa chọn của người yếu đuối, thể hiện sự thụt lùi, sự kém cỏi. (dẫn chứng)

- Bài học nhận thức: Dựa vào hoàn cảnh thực tế để có ứng xử phù hợp.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận về một ý kiến bàn về văn học với phạm vi chứng minh là toàn bộ tác phẩm, các em cần chú ý:

- Giải thích rõ ràng, mạch lạc ý kiến, giải thích từ các từ cho đến nội dung của ý kiến.
- Khi phân tích chứng minh cần bám sát nội dung ý kiến, tránh việc sa đà vào phân tích những vấn đề không thuộc phạm vi ý kiến.
- Tránh việc đi vào phân tích quá kĩ lưỡng một số nhân vật hoặc tình huống truyện dẫn đến tình trạng làm không hết bài. Nên có sự chọn lọc phân tích để đảm bảo cân đối bài làm.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn

đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Sự tiếp nối các thế hệ trong tác phẩm "Rừng xà nu".

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- Về tác giả: nhà văn của vùng đất Tây Nguyên, gắn bó xuyên suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ, ngòi bút mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- Về tác phẩm: sáng tác năm 1965 khi quân Mĩ ồ ạt tấn công vào miền Nam, tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, mang đậm dấu ấn sử thi…

b. Giải thích ý kiến (0,5 điểm)

- *Cái nhìn lịch sử* là nhìn bao quát, nhìn xuyên suốt thời gian dài; tiếp nối là có sự liên tục không ngừng nghỉ không đứt quãng; *chuyển giao* là sự giáo dục tuyên truyền, giao nhiệm vụ của thế hệ đi trước cho thế hệ đi sau, người ngã xuống, đi xa cho người sống còn lại, người già cho người trẻ…

- Ý kiến khẳng định một phương diện thành công nổi bật của tác phẩm là cái nhìn lịch sử, sử thi đậm chất anh hùng cách mạng trong tác phẩm, là nêu cao tinh thần kế tiếp giữa các thế hệ trong cuộc kháng chiến trường kì.

c. Phân tích làm rõ ý kiến trong tác phẩm (2,0 điểm):

CHÚ Ý

Phân tích tác phẩm để làm sáng tỏ cho ý kiến về thành công của "cái nhìn lịch sử":

- Thế hệ những người mở đường: những con người tiên phong kiên cường, dũng cảm, nhiều người đã hi sinh.

- Thế hệ tiếp nối: những con người bản lĩnh, giàu nghị lực, vượt lên trên khó khăn, thách thức.

- Thế hệ tương lai: kế thừa và phát huy sức mạnh của thế hệ trước, mang niềm hi vọng mãnh liệt vào tương lai tươi sáng.

- Các thế hệ có sự chuyển giao, tiếp nối, hòa quyện để đưa cách mạng tới thắng lợi cuối cùng. Mỗi thế hệ lại tương ứng với một thế hệ cây xà nu tạo nên hình tượng ẩn dụ đa nghĩa.

- *Khái quát nội dung:* dưới sự giác ngộ cách mạng của anh Quyết, người dân làng Xôman, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà… đều một lòng đi theo cách mạng. Suốt 5 năm liền không có một cán bộ nào bị bắt trong rừng. Cuộc chiến đi từ bị động đến chủ động từ tự phát đến tự giác, từ nô lệ đến đấu tranh vũ trang độc lập. Mỗi người dân làng Xô man là một chiến sĩ góp phần tạo nên cuộc kháng chiến trường kì toàn dân toàn diện tạo, luôn luôn tiếp nối chuyển giao, hình thành nên dòng chảy truyền thống chủ nghĩa anh hùng cách mạng không chỉ trong kháng chiến mà còn trong lịch sử dân tộc.

- *Thế hệ bà Nhan, anh Xút, cụ Mết – những người mở đường tiên phong đầy đau thương kiên dũng*

+ Bà Nhan, anh Xút bất chấp sự uy hiếp tàn bạo của Mĩ – Diệm, cùng với dân làng Xô man vẫn thay nhau vào rừng tiếp tế, nuôi giấu bảo vệ cán bộ Đảng. Họ bị địch bắt và giết để uy hiếp tinh thần cách mạng người dân nhưng dân làng Xô man vẫn tiếp tục con đường đấu tranh cách mạng.

+ Cụ Mết, một già làng, thủ lĩnh tinh thần của dân làng, đứng đầu chỉ huy phát động đấu tranh với chân lí *Chúng nó cần súng, mình phải cầm giáo*. Cụ là cầu nối giữa Đảng và cách mạng, người truyền ngọn lửa cách

mạng truyền thống, truyền sử cho các thế hệ sau. Cụ Mết đã giáo dục Tnú, giáo dục thế hệ sau Tnú kể cho dân làng nghe về cuộc đời Tnú và cuộc vùng dậy đấu tranh của dân làng khi Tnú khi vượt ngục về làng…

- *Thế hệ Tnú và Mai – thế hệ tiếp nối, nâng lên tầm cao mới nhiệm vụ cách mạng, chuyển giao truyền lửa mạnh mẽ sứ mệnh cho thế hệ sau*

+ Mai tiêu biểu cho người phụ nữ thời đánh Mĩ của đồng bào Tây Nguyên. Còn nhỏ, Mai cùng Tnú vào rừng tiếp tế, liên lạc bảo vệ cán bộ, quyết tâm học để làm cách mạng. Lớn lên, cùng chồng chiến đấu. Trước sự tra tấn của giặc, Mai kiên trung bảo vệ cách mạng và con. Mai hi sinh anh dũng trước đòn roi của kẻ thù.

+ Tnú tiêu biểu cho số phận con đường đấu tranh của người Tây Nguyên. Lúc nhỏ, sớm mồ côi, sống nhờ sự chở che, đùm bọc của dân làng, sớm giác ngộ cách mạng thay cho thanh niên, người già, tiếp tế cho cán bộ. Bộc lộ tố chất của người cách mạng gan góc, dũng cảm, mưu trí, trung thành (dẫn chứng) và luôn ý thức sâu sắc lời cụ Mết nói: *Cán bộ là Đảng, Đảng còn, núi nước này còn*, lời anh Quyết dặn…Lớn lên, ba năm sau, vượt ngục về làng, cùng thanh niên mài vũ khí đánh giặc. Tnú trở thành người nuôi giữ để ngọn lửa yêu nước thắp sáng qua các thế hệ, chủ động cho cuộc chiến đấu mới với kẻ thù. Giặc bắt giết vợ con và bản thân bị tra tán dã man, Tnú vẫn kiên trung bất khuất và cùng dân làng vùng lên đấu tranh diệt giặc. Tnú tham gia lực lượng, lập nhiều chiến công, vẫn hướng về cội nguồn, thăm làng để giữ vững ý chí chiến đấu truyền lửa cho thế hệ sau.

- *Heng, Dít – thế hệ tiếp nối mang niềm tin vào tương lai tươi sáng bất diệt*

+ Dít, em gái Mai, là quá khứ và sự tiếp nối con đường cách mạng của Tnú và Mai ở hiện tại và tương lai. Khi nhỏ, linh hoạt nuôi giấu, liên lạc cho thanh niên du kích. Lúc bị bắt, bị dọa dẫm: "đôi mắt nó thì vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng". Là cán bộ trẻ có năng lực nghiêm túc, xác định rõ nhiệm vụ công việc (dẫn chứng).

+ Heng là thế hệ mới, tiếp nối cha anh, hứa hẹn sự trưởng thành vững chắc ở tương lai. Bổ sung, hoàn chỉnh cho hình tượng Tnú – tầm bao quát sơm, hiểu biết khoa học (dẫn chứng).

- Các thế hệ dân làng Xô man mang sức mạnh nhiệm vụ riêng nhưng họ luôn chuyển giao tiếp nối hòa quyện trong nhau tạo nên sức mạnh tổng hợp của một buôn làng, của một cộng đồng vùng đất và cả một dân tộc. Nhà văn đã *miêu ẩn dụ và được đặt họ trong thể đối sánh hòa quyện với hình ảnh các thế hệ cây xà nu*, tạo nên rừng xà nu xanh bạt ngàn *nối tiếp chạy đến chân trời*… tạo nên bức tranh toàn cảnh rộng lớn, có tính chất sử thi, lạc quan niềm tin dự báo về tương lai tất thắng.

d. Bình luận đánh giá (0,5 điểm):

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến. Ý kiến là một chỉ dẫn tiếp cận tác phẩm văn học qua điểm nhìn, lăng kính, cách nhìn của người nghệ sĩ.

- Cái nhìn lịch sử tiếp nối chuyển giao giúp tác giả thành công trong việc xây dựng hình tượng có ý nghĩa khái quát và xây dựng hệ thống nhân vật nối tiếp chuyển giao các thế hệ dân làng vừa mang phẩm chất chung vừa mang nét riêng độc đáo tạo nên dấu ấn phong cách mang đậm tính chất sử thi và Tây Nguyên đặc sắc.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

Bài học từ những dòng sông

Trong cuộc sống mỗi người đều có mục tiêu, lý tưởng sống cho riêng mình nhưng để đạt được điều đó tất yếu sẽ phải trải qua những khó khăn thử thách. "Hãy học cách ứng xử của dòng sông: gặp trở ngại, nó vòng tìm đường khác". Bắt đầu từ một hiện tượng của tự nhiên để đi đến một phương châm sống tích cực và được xem như bí quyết của sự thành công "Gặp trở ngại, vòng tìm đường khác": Muôn song đều đổ về biển lớn nhưng để được hòa mình vào đại dương, dòng nước từ nguồn phải trải qua muôn ngàn thác ghềnh và một hành trình uốn lượn, chuyển dòng, thay đổi về tốc độ dòng chảy. Dòng song đã vượt qua tất cả để đến đích. Cách ứng xử của dòng sông mang đến một bài học giá trị trong học tập và cuộc sống. Cuộc sống luôn có muôn vàn khó khăn, thách thức. Đường đến vinh quang không bao giờ dễ dàng mà đó là một chặng hành trình đầy gian khổ phải đối mặt với thử thách, hiểm nguy và cả những bế tắc, thất bại nhất thời. Khi gặp bế tắc, vướng phải sự thất bại có người sẽ chùn bước, bi quan, chán nản mà từ bỏ mục tiêu, lý tưởng để suốt đời phải sống trong sự hụt hẫng, tiếc nuối. Hoặc giả như, khi gặp những thử thách, khó khăn quá lớn mà chúng ta cứ cố tình vượt qua thì đôi khi sẽ chuốc lấy thất bại vừa bị tổn thương. Học dòng sông chảy đường vòng nghĩa là không tuyệt vọng hay bỏ cuộc. Bằng sự tự tin vào bản thân, sự kiên định lý tưởng, sáng suốt để tìm ra những giải pháp, hướng đi mới đúng đắn để có được sự thành công. Có lúc lùi một bước là để tiến ba bước, linh hoạt mềm dẻo là để có thành công lớn hơn.

Phần II – Câu 2:

- Thế hệ bà Nhan, anh Xút, cụ Mết:

Thế hệ truyền thống, đại diện là bà Nhan, anh Xút, là cụ Mết. Bà Nhan, anh Xút trong những ngày tháng đen tối, giặc lùng sục khắp nơi vẫn thay nhau vào rừng tiếp tế, nuôi giấu bảo vệ cán bộ Đảng. Họ bị địch bắt và giết một cách dã man (người chặt đầu, người treo cổ) để uy hiếp tinh thần cách mạng người dân. Thế nhưng người dân làng Xô Man đã biến đau thương, căm thù thành hành động, vẫn tiếp tục con đường đấu tranh cách mạng. Cụ Mết chính là đại diện của truyền thống, của lịch sử làng Xô Man, là cây xà nu cổ thụ xòe tán rộng giữa rừng xà nu bạt ngàn. Cụ được khắc họa với hình dáng quắc thước, cường tráng, vững chãi *Râu dài đến ngực và vẫn đen bóng, mắt vẫn sáng và sếch, ngực căng như một cây xà nu lớn*. Cụ chính là linh hồn của làng, là sức mạng tập hợp dân làng và là nguồn nuôi dưỡng tinh thần, bồi đắp tâm hồn cho họ, là chỗ dựa vững chắc cho thế hệ cháu con. Lòng cụ sang ngời niềm tin vào Đảng vì Đảng còn núi nước này còn. Chính cụ đã cùng với thanh niên vào rừng tìm vũ khí đánh giặc, là người kêu gọi dân làng vùng lên đấu tranh, tiêu diệt kẻ thù, cứu Tnú *Cụ Mết chống chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang: Thế là bắt đầu rồi, đốt lửa lên !*. Chính cụ đã kể lại cho con cháu về cuộc đời Tnú khi anh đi xa và khi anh trở về để ghi khắc, nhắc nhở một chân lí *Nghe rõ chưa các con, nghe rõ chưa. Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này, tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm sung, mình phải cầm giáo*. Bản lĩnh là thế nhưng cụ cũng không thể cầm được nước mắt khi nhắc lại câu chuyện Mai và con trai Tnú chết. Tấm lòng của cụ với Tnú không chỉ là tấm lòng của người đi trước mà còn là tấm lòng của một người cha. Cụ đã gắn bó sâu nặng nghĩa tình với dân làng và cả đời sống vì nghĩa tình đó.

- Thế hệ Dít, Heng:

Niềm tin của tương lai chính là thế hệ đi sau qua hình ảnh cô Dít và bé Heng. Dít cũng không thua kém chị. Từ nhỏ, Dít đã là một cô bé lanh lợi, gan dạ. Khi giặc về khủng bố làng, Dít đã làm được một việc không

ai làm được đó là bỏ theo máng nước làng, lặng lẽ, nhẫn nại tiếp nước, tiếp lương cho cụ Mết và thanh niên trong làng. Dít bị giặc bắt được và lấy ra làm bia thử đạn để khủng bố tinh thần. Chúng trói Dít và bắn xung quanh em. Dít sợ hãi thét lên nhưng đến viên đạn thứ mười, Dít không kêu nữa, đôi mắt nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng. Sự kiên cường đã tiếp thêm sức mạnh cho Dít. Chị Mai, Dít không khóc, nỗi đau lặn sâu vào bên trong để hóa thành những hành động cụ thể. Dít đã tự tôi luyện mình trong bom đạn và đau thương để rồi sau ba năm Tnú bị lực lượng trở về, Dít đã trưởng thành, có sức thuyết phục lớn lao với dân làng, thay cụ Mết, thay Tnú lãnh đạo phong trào cách mạng ở làng, ở địa phương. Chính Tnú cũng phải ngạc nhiên trước sự đổi thay của Dít, sự đổi thay lớn lao càng chứng tỏ sức mạnh vững chãi, bền bỉ của con người qua đau thương và sự khốc liệt của chiến tranh. Gặp lại Tnú, Dít đã giấu xúc động trong vẻ ngoài bình thản và nghiêm khắc. Cô chính là một cây xà nu trưởng thành và mạnh mẽ hơn, dày dạn hơn Mai, đủ sức đương đầu với mọi thử thách.

Cây xà nu non chính là cậu bé Heng. Tuổi còn nhỏ nhưng như Mai, Tnú ngày trước, câu bé đã có ý thức tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của quê hương chống lại kẻ thù. Mặc dù còn nhỏ nhưng Heng đã có dáng dấp và phẩm chất của một người lính thực sự: áo bà ba dài phết đít, sung đeo chéo, rất lanh lợi, nhanh nhẹn, trầm tĩnh, ít nói, là người liên lạc, người dẫn đường luôn hoàn thành nhiệm vụ. Chú bé chính là cây xà nu non mọc thẳng, hướng lên tiếp lấy ánh sang, sẽ tiếp tục được rèn luyện, thử thách trong chiến tranh, là người kế tục sự nghiệp cách mạng của thế hệ đi trước để đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi cuối cùng.

ĐỀ SỐ 13 **BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA CHUẨN CẤU TRÚC BỘ GD&ĐT**

(Đề thi gồm 02 trang) **Môn thi: NGỮ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Sự quý giá của thời gian không phải là để giúp chúng ta có thể làm được những điều này, điều nọ,... Có quá nhiều những điều này nọ như thế đủ để cho chúng ta quay cuồng trong suốt một đời, nhưng cuối cùng rồi chúng ta sẽ không mang theo được gì cả! Vấn đề là chúng ta phải biết sống như thế nào để xứng đáng với giá trị thời gian ấy. Chúng ta lao động như một phương tiện để nuôi sống, nhưng bản thân sự lao động sáng tạo cũng chính là cuộc sống của chúng ta. Ngược lại, những giá trị vật chất được tạo ra luôn có những giới hạn tạm bợ của nó, và rõ ràng không thể là mục đích cuối cùng để chúng ta nhắm đến. Những giá trị vật chất ấy có thể giúp cho ta có cuộc sống thoải mái hơn, nhưng nếu chúng ta chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào chúng, chúng ta sẽ phải trả giá đắt. Nghệ thuật sống chân chính là ý thức được giá trị quý báu của đời sống trong từng khoảnh khắc tươi đẹp của cuộc đời.

(...) Thời gian cần phải được trân trọng trong từng khoảnh khắc. Khi chúng ta ý thức được rằng giá trị của cuộc sống nằm ở chỗ là chúng ta đang sống, chúng ta sẽ thấy tất cả những điều khác đều trở nên nhỏ nhặt, vụn vặt không đáng kể. Đời sống của ta quý giá, và đời sống của mọi người quanh ta cũng quý giá không thể lấy gì đánh đổi được.

(...) Mỗi buổi sáng thức dậy, chúng ta nhìn lên bầu trời trong xanh có ánh nắng ban mai ửng hồng, hoặc một chồi non vừa nhú còn ướt đẫm sương đêm... Mỗi một thực thể xinh đẹp ấy đều nhắc nhở ta biết là đời sống của ta đang tồn tại, và ta tự nhủ với mình sẽ không bỏ phí một phút giây nào được tồn tại trong cuộc sống nhiệm màu này. Ta sẽ sống như thế nào để bản thân có được niềm vui hạnh phúc, và mang niềm vui, hạnh phúc đến cho mọi người quanh mình.

(Nguyên Minh – *Thời gian là vốn quý)*

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2: Anh/chị hiểu thế nào về câu nói sau: *Có quá nhiều những điều này nọ như thế đủ để cho chúng ta quay cuồng trong suốt một đời, nhưng cuối cùng rồi chúng ta sẽ không mang theo được gì cả!*

Câu 3: Theo anh/chị vì sao tác giả lại cho rằng: *Những giá trị vật chất ấy có thể giúp cho ta có cuộc sống thoải mái hơn, nhưng nếu chúng ta chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào chúng, chúng ta sẽ phải trả giá đắt?*

Câu 4: Thông điệp nào của đoạn trích trên có ý nghĩa nhất với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (khoàng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu ra ở phần đọc hiểu: *Thời gian cần phải được trân trọng trong từng khoảnh khắc.*

Câu 2 (5,0 điểm): Nhận định về đoạn trích *Đất nước* (Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm, Sách giáo khoa Ngữ văn 12 viết: *Đóng góp riêng của đoạn trích là ở sự nhấn mạnh tư tưởng "Đất Nước của nhân dân"*

Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ sau:

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu
Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại
Chín mươi chín con voi góp mình dự đất Tổ Hùng Vương
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm
Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình núi Bút, non Nghiên
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm
Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha
Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta…

(Đất nước, trích "Mặt đường khát vọng" – Nguyễn Khoa Điềm, SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo dục 2008, Tr.120)

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên là: Nghị luận/ Phương thức nghị luận.

STUDY TIP

Ở câu 1, đề đọc hiểu yêu cầu chỉ ra *Phương thức biểu đạt chính?* Các em chỉ kể một phương thức biểu đạt thôi!

Câu 2 (0,5 điểm):

Lí giải ý nghĩa câu văn: *Có quá nhiều những điều này nọ như thế đủ để cho chúng ta quay cuồng trong suốt một đời, nhưng cuối cùng rồi chúng ra sẽ không mang theo được gì cả!*

- *Những điều này nọ* khiến *chúng ta quay cuồng trong suốt một đời* là gì? Đó có thể là áp lực từ học hành, từ công việc, từ những lo toan về cuộc sống vật chất, những mối quan hệ xã hội… tất cả làm cho chúng ta luôn vội vàng, tất bật. Đôi khi chúng ta quên mất thời gian dành cho chính bản thân mình.
- Tuy nhiên, *cuối cùng rồi chúng ta sẽ không mang theo được gì cả và giá trị của cuộc sống nằm ở chỗ là chúng ta đang sống.* Nếu cứ để những lo toan, bận bịu, áp lực của cuộc sống đeo bám, dần dần chúng sẽ bào mòn, rút cạn sức sống làm cho chúng ta cảm thấy ngột ngạt, trống rỗng và mơ hồ về cuộc sống: không biết mình đang sống vì điều gì, đâu mới là hạnh phúc thật sự đối với mình?

→ Vì thế, đừng để cuộc sống hối hả cuốn ta vào vòng quay chóng mặt của nó, mỗi người cần có những khoảng ngừng lặng để được tận hưởng cuộc sống với ý nghĩa đích thực của nó.

Câu 3 (1,0 điểm):

Những giá trị vật chất ấy có thể giúp cho ta có cuộc sống thoải mái hơn, những nếu chúng ta chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào chúng, chúng ta sẽ phải trả giá đắt vì:

- Những giá trị vật chất như tiền bạc, những tiện nghi trong cuộc sống sinh hoạt (nhà cửa, xe cộ, quần áo, các thiết bị điện tử…) quả là rất cần thiết vì nó nâng cao chất lượng sống cho con người và thúc đẩy xã hội phát triển.
- Tuy nhiên, nếu chúng ta *chỉ hoàn toàn phụ thuộc vào chúng ta* sẽ dần bị những ham muốn bản năng, những lợi ích trước mắt làm cho tha hóa, trở nên thực dụng, xa vời những mục tiêu lí tưởng cao đẹp. Có khi, vì những lợi ích vật chất mà con người đánh mất những mối quan hệ, những tình cảm lành mạnh, tốt đẹp với bạn bè, người thân; bị mọi người xa lánh, mãi sống trong cô độc. Nếu ai ai trong xã hội cũng đề cao giá trị vật chất hơn những giá trị tinh thần khác thì xã hội trở nên lạnh lùng, vô cảm.

Câu 4 (1,0 điểm):

STUDY TIP

Thông điệp rút ra phải sát với nội dung của văn bản, tránh suy diễn, áp đặt

Đoạn trích có nhiều thông điệp ý nghĩa về thời gian và cuộc sống. Thí sinh có thể chọn một thông điệp có ý nghĩa nhất với bản thân như:

- Cuộc sống vô cùng tươi đẹp, hãy biết tận hưởng nó trong từng khoảnh khắc.
- Đừng quá mải mê chạy theo những giá trị vật chất mà bỏ quên nhiều điều quý giá khác.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Giá trị, sự quý giá của thời gian

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần làm rõ sự quý báu của thời gian đối với cuộc sống của con người. Có thể theo hướng sau:

- Thời gian là thứ vô cùng quý giá vì mỗi phút giây trôi qua trong cuộc đời chúng ta là vĩnh viễn mất, không thể lấy lại được.

- Trân trọng từng khoảnh khắc của thời gian nghĩa là con người biết sống hết mình cho hiện tại, không chìm đắm trong quá khứ và mơ mộng về tương lai.

- Để từng khoảnh khắc không trôi đi vô nghĩa, cần phải làm gì?

+ Luôn sống ở tư thế chủ động, tích cực tham gia mọi hoạt động xung quanh để học hỏi, để tìm thấy niềm vui và những điều thú vị trong cuộc sống.

+ Biết yêu thương, quan tâm đến những người xung quanh.

+ Dám dấn thân, trải nghiệm để chinh phục những thử thách.

- Phê phán những người không biết trân trọng thời gian, *để cuộc sống trôi qua kẽ tay.*

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đây là dạng bài yêu cầu phân tích một đoạn trích để làm sáng tỏ một ý kiến, một nhận định. Khi làm bài cần bám sát và làm nổi bật tư tưởng *Đất Nước của nhân dân,* tránh phân tích đoạn thơ chung chung!

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Tư tưởng đất nước của nhân dân thể hiện qua đoạn thơ

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong những mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong những năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước; thơ ông giàu chất suy tư, cảm xúc lắng đọng, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đất của nhân dân.

- *Đất nước* thuộc phần đầu chương V, trường ca *Mặt đường khát vọng;* là một trong những đoạn đặc sắc thể

hiện cách cảm nhận riêng, độc đáo của nhà thơ về đất nước. Trong đó, tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt cả đoạn trích chính là *Đất nước của nhân dân*, như Sách giáo khoa Ngữ văn 12 viết: *Đóng góp riêng của đoạn trích là ở sự nhấn mạnh tư tưởng "Đất nước của nhân dân"*. Tư tưởng này được thể hiện một cách rõ nét qua đoạn thơ *"Những người vợ nhớ chồng…"*

b. Nhận xét khái quát về tư tưởng *Đất nước của nhân dân* (0,5 điểm)

- Tư tưởng **Đất nước của nhân dân** là một tư tưởng lớn, đã trở thành chân lý được kiểm nghiệm trong thực tế, trải qua một quá trình phát triển trong lịch sử dân tộc và lịch sử văn học. Đây vốn là tư tưởng có nguồn gốc từ quan niệm "*dĩ dân vị bản"* (lấy dân làm gốc) của Nho giáo. Từ thế kỉ XV, Nguyễn Trãi đã từng tâm niệm "*Phúc chu thủy tín dân do thủy"* (lật thuyền mới biết sức dân như nước). Đến đầu thế kỉ XX, Phan Bội Châu cũng khẳng định "*Dân là dân nước, nước là nước dân"*. Tư tưởng này được Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển một cách toàn diện và sâu sắc nhất trong cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

- Như vậy, tư tưởng **Đất nước của nhân dân** không phải là đóng góp mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm mà đóng góp của ông là đã biến một tư tưởng có tính chính trị trở nên gần gũi, dễ cảm nhận, dễ đi vào lòng người bằng một giọng thơ trữ tình tha thiết. Trong đoạn trích *Đất nước,* tư tưởng **Đất nước của nhân dân** được Nguyễn Khoa Điềm thể hiện trên nhiều bình diện: trong chiều rộng của địa lý, chiều dài của lịch sử, chiều sâu của văn hóa.

c. Phân tích, chứng minh (2,0 điểm):

- Ở những câu đầu đoạn trích, tư tưởng **Đất nước của nhân dân** được thể hiện qua cách nhìn nhận của tác giả về không gian địa lý:

+ Nhà thơ đã liệt kê các danh lam thắng cảnh: Núi Vọng Phu, Hòn Trống Mái, vịnh Hạ Long, đất Tổ Hùng Vương, núi Bút, non Nghiên, ông Đốc, ông Trang, bà Đen, bà Điểm... Mặc dù khi Nguyễn Khoa Điềm sáng tác trường ca này đất nước ta đang bị chia cắt nhưng trong cái nhìn của nhà thơ không gian đất nước vẫn là một khối thống nhất, trải dài từ Bắc đến Nam, từ Đông sang Tây, từ rừng tới biển: Miền Bắc có núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, đất tổ Hùng Vương..., Miền Trung có núi Bút non Nghiên ở Quảng Ngãi, miền Nam với dòng sông Cửu Long hiền hòa tươi đẹp cùng những con người hiền lành chăm chỉ "*ông Đốc, ông Trang, bà Đen, bà Điểm"*.

+ Nét đặc sắc của đoạn thơ là tác giả cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên trong hệ quy chiếu với con người. Những địa danh trên không phải chỉ đơn thuần là vẻ đẹp thiên tạo (được hình thành bởi những biến động địa chất) mà còn in đậm bóng dáng tâm hồn dân tộc Việt:

++ *Núi Vọng Phu, Hòn Trống mái:* gợi nhắc câu chuyện cảm động về người vợ chờ chồng đến hóa đá, về cặp vợ hồng yêu nhau hóa thành một hòn Trống và một hòn Mái → lối sống thủy chung, yêu thương tình nghĩa.

++ Những ao đầm ở làng Gióng là dấu vết còn lại của trận đánh năm xưa, khi cậu bé làng Phù Đổng nhổ tre ngà đánh đuổi giặc Ân → biểu trưng cho truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc.

++ 99 ngọn núi ở mảnh đất Phong Châu năm xưa (nay là nơi đặt đền Hùng) gợi nhắc truyền thuyết về 99 con voi quây quần chầu phục về đất tổ → biểu tượng cho ý thức hướng về nguồn cội.

++ Núi Bút, non Nghiên: gợi nhắc về truyền thống hiếu học, tinh thần vượt khó khăn của nhân dân ta →Mỗi danh lam thắng cảnh là sự hóa thân của nhân dân vào đất nước. Người dân đã thổi vào trong đó một linh hồn sống (một huyền thoại) để sự vật vô tri vô giác trở nên bất tử với thời gian. Điều đặc biệt là làm nên những danh lam thắng cảnh ấy không phải là các vĩ nhân mà là những con người vô danh, bình dị: *người vợ*

nhớ chồng, cặp vợ chồng yêu nhau, người học trò nghèo... Vì thế mỗi tên núi sông vang lên đều thể hiện tình cảm thiêng liêng: đằm thắm và gần gũi, yêu thương và tự hào.

- Bốn câu thơ cuối đoạn trích, ý thơ nâng lên tầm khái quát mang tính triết luận về vai trò của nhân dân: *Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gõ bãi/ Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha/ Đất nước sau bốn nghìn năm ta đi đâu ta cũng thấy / Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...*

+ Hai câu đầu là sự khẳng định dáng hình của Nhân Dân trong không gian Đất Nước "trên khắp ruộng đồng gò bãi". Dáng hình ấy của nhân dân không chỉ làm cho đất nước thêm phần tươi đẹp mà còn mang "một ao ước, một lối sống cha ông". Nghĩa là nhân dân không chỉ góp vào đó những giá trị tinh thần, là phong tục, tập quán, là truyền thống văn hóa lưu dấu tới mai sau.

+ Hai câu sau: từ những cuộc đời, những hóa thân cụ thể, nhà thơ nhận thức sâu hơn về mối quan hệ gắn bó giữa thiên nhiên và con người, giữa đất nước và nhân dân → Lời nhắc nhở nhẹ nhàng, sâu sắc về ý thức gìn giữ đất nước và tiếp nối truyền thống.

- Tư tưởng **Đất nước của nhân dân** còn chi phối đến cả hình thức nghệ thuật của đoạn trích:

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính luận và trữ tình, suy tư sâu lắng và cảm xúc nồng nàn.

+ Chất liệu văn hóa dân gian được sử dụng linh hoạt, sáng tạo (lấy ý tưởng từ các truyền thuyết, các câu chuyện cổ tích, bài ca dao, dân ca...) khiến tư tưởng có tính luận đề trở nên mộc mạc, gần gũi, thấm thía.

+ Các động từ *góp cho, góp nên, góp mình, góp tên...* kết hợp với nghệ thuật điệp cấu trúc → làm nổi bật vai trò lớn lao của những người dân làm nên đất nước.

d. Bàn luận (0,5 điểm):

CHÚ Ý

Sau khi chứng minh biểu hiện cần có phần bàn luận, đánh giá: Nét độc đáo của tư tưởng *Đất nước của nhân dân* của Nguyễn Khoa Điềm là gì?

- Trong đoạn trích này tư tưởng *Đất nước của nhân dân* được Nguyễn Khoa Điềm thể hiện đậm nét, trở thành cảm hứng chủ đạo, xuyên thấm vào mọi biểu hiện nhỏ bé nhất của hình tượng đất nước.

- Với Nguyễn Khoa Điềm đây còn là kết quả của những năm tháng hoạt động trong phong trào học sinh sinh viên ở nội thành Huế, được tận mắt chứng kiến những hi sinh, những đóng góp to lớn của nhân dân để làm nên đất nước. Trong hoàn cảnh đương thời, khi ở Miền nam đang lan truyền tư tưởng thực dân, phản động của đế quốc Mĩ (*ở đâu sung sướng nhiều tiền ở đó là Tổ quốc)* thì việc nhìn nhận rõ vai trò của nhân dân với đất nước càng có ý nghĩa.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần I – Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Đã bao giờ bạn tự hỏi: Điều gì là thứ quý giá nhất trong cuộc đời mình? Theo tôi, đó chính là thời gian. Bởi vì mỗi phút giây trôi qua trong cuộc đời chúng ta là vĩnh viễn mất, không thể lấy lại. Chính vì thế, ta nên biết trân trọng từng khoảnh khắc của thời gian, nghĩa là biết sống hết mình cho hiện tại, không chìm đắm trong quá khứ và mơ mộng về tương lai. Muốn vậy, ta phải luôn sống ở tư thế chủ động, tích cực tham gia mọi hoạt động xung quanh để học hỏi, để tìm thấy niềm vui và những điều thú vị trong cuộc sống; biết yêu thương, quan tâm đến những người xung quanh; dám dấn thân, trải nghiệm để chinh phục những thử thách. Trong cuộc sống quanh ta có biết bao điều kỳ diệu đang chờ ta khám phá. Thật đáng tiếc cho những ai mãi mãi đắm chìm trong những trò chơi vô bổ, những đau khổ dằn vặt vì những điều đã qua hay mơ mộng cho những điều không bao giờ đến. Họ đang *để cuộc sống trôi qua kẽ tay* của mình mà không hay biết.

- **Sự quý giá của thời gian (*Nguồn: Internet)***

Tiền bạc có thể mua được một chiếc đồng hồ nhưng không thể mua được thời gian. Suy cho cùng thời gian là thứ quý giá nhất. Nếu bạn muốn hiểu được giá trị của thời gian, hãy hỏi mọi người xung quanh và bạn sẽ có câu trả lời.

Muốn biết giá trị thật sự của 1 năm, hãy hỏi 1 học sinh thi rớt Đại học.

Muốn biết giá trị thật sự của 1 tháng, hãy hỏi người mẹ đã sanh con non.

Muốn biết giá trị thật sự của 1 tuần, hãy hỏi biên tập viên của 1 tạp chí ra hàng tuần.

Muốn biết giá trị thật sự của 1 giờ, hãy hỏi những người đang yêu chờ đợi để được gặp nhau.

Muốn biết giá trị thật sự của 1 phút, hãy hỏi người vừa lỡ chuyến tàu.

Muốn biết giá trị thật sự của 1 giây, hãy hỏi người vừa thoát khỏi 1 tai nạn hiểm nghèo.

Muốn biết giá trị thật sự của 1/100 giây, hãy hỏi vận động viên điền kinh vừa đoạt huy chương bạc tại Olympics.

Bạn hãy nhớ rằng:

- 1 giây không nhiều nhưng cũng không ít đâu. 1 giây không làm được gì nhưng có thể làm được tất cả.
- Ngồi giữa những trưa hè nắng nóng, 1 giây đối với bạn chẳng là gì! Nhưng ngồi giữa 1 phòng thi đầy áp lực 1 giây còn quý hơn vàng!
- Ở cuộc vui thâu đêm, 1 giây trôi tuột vào quên lãng. Nhưng ở khoảnh khắc chia tay, 1 giây ghi sâu vào kí ức.
- Những con người khỏe mạnh, 1 giây chỉ thoáng qua. Nhưng đối với những bệnh nhân nan y, 1 giây là sự sống.
- Trên đường đua 1 giây quyết định kẻ thắng người thua. Bao tháng ngày tôi rèn, 1 giây nói lên tất cả.
- 1 giây là thời gian, mà thời gian là vòng xoay bất tận, 1 giây của hôm nay không như 1 giây của hôm qua và càng không giống 1 giây của ngày mai. Hãy sống để không bao giờ phải hối tiếc dù chỉ 1 giây ngắn ngủi. Có thể chỉ 1 giây sẽ thay đổi cuộc đời người.

Phần II – Câu 2:

Nguyễn Khoa Điềm nói về hoàn cảnh sáng tác chương *Đất nước*

Chương V – chương Đất nước là một chương lớn. Tôi viết chương này trong những ngày mưa triền miên sau Tết. Đó là thời kỳ máy bay Mỹ đánh phá dữ dội. B52 giội bom liên tục, làm cho mọi thứ tối tăm mù mịt.

Chúng tôi ngồi trong hầm và viết, cảm xúc được cộng hưởng bởi tiếng bom nổ, bởi khói bom và mưa rừng. Có khi viết xong, một trận bom làm cho bản thảo bay lung tung, lượm lại trang còn trang mất, lại ngồi viết tiếp. Tôi viết rất nhanh, như cảm xúc đã dồn tự một cách mãnh liệt, giờ chỉ còn việc tuôn chảy ra thôi. Tôi viết về những điều giản dị của chính tôi, viết về tuổi trẻ và các bạn vè đang tranh đấu ở trong thành phố, nên nhân vật của tôi là anh và em. Đó là lời đằm thắm của một người con trai với một người con gái.

Chúng tôi, mỗi người có một số phận khác nhau, nhưng đều gắn kết trong một số phận chung là số phận Đất nước. Đất nước với các nhà thơ khác là của những huyền thoại, của những anh hùng, nhưng với tôi là của những người vô danh, của nhân dân.

Đất nước là một giá trị lâu bền, vĩnh hằng; đất nước được tạo dựng, được bồi đắp qua nhiều thế hệ, được truyền từ đời này sang đời khác. Cho nên "khi ta lớn lên đất nước đã có rồi!".

Đất nước vừa là một ý niệm thiêng liêng vừa là một hiện hữu, cụ thể, rõ ràng, thân thuộc. Tôi cố gắng thể hiện một hình ảnh Đất nước giản dị gần gũi nhất. Đó là cách để đi vào lòng người, mà không lặp lại người khác, vì trước tôi cũng như bấy giờ, có rất nhiều người đã viết rất hay về Đất nước. Tôi nghĩ mỗi cá nhân sinh ra, ý niệm về Đất nước đã được thấm đẫm qua môi trường gia đình, qua thế giới tinh thần và cả vật chất mà người đó sống.

Đứa trẻ cảm nhận Đất nước qua lời ru của mẹ, câu chuyện kể của bà:

Đất nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa" mẹ thường hay kể
Đất nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất nước gắn bó trong những vật thân thuộc "cái kèo cái cột thành tên", trong hạt gạo ăn hằng ngày "một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng...". Ông bà, cha mẹ, những thế hệ đi trước sẽ truyền ý niệm về Đất nước cho trẻ con, rồi đứa trẻ lớn lên, trong những tình cảm ban đầu về gia đình, chòm xóm, về cánh đồng, lũy tre... thì tình yêu Đất nước cũng bắt đầu ở đó rồi. Nghĩa là ý niệm về Đất nước sẽ cùng hình thành với sự hình thành của tâm hồn con người. Với năm tháng, khi tâm hồn ta lớn lên, ý niệm Đất nước sẽ có thêm những nét nghĩa mới.

Thực ra "Đất nước" là một từ được ghép từ hai yếu tố chỉ vật chất là đất và nước, là hai yếu tố khởi nguyên của thế giới, để tạo thành một khái niệm chỉ Giang sơn Tổ quốc. Đất nước gắn bó máu thịt với mỗi người, rất cụ thể:

Đất là nơi anh đến trường
Nước là nơi em tắm
Đất là nơi "con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc"
Nước là nơi "con cá ngư ông móng nước biển khơi"...

Ở đâu trên Đất nước cũng gắn với những chuyện kể, những truyền thuyết, những câu ca đã đi vào thế giới tinh thần của con người. Đất nước, cái hiện hữu đã trở thành giá trị tinh thần và trong đời sống tâm hồn của mỗi con người nó lấp lánh rất nhiều ý nghĩa.

Truyền thuyết Tiên – Rồng, Âu Cơ – Lạc Long Quân là truyền thuyết về cội nguồn của người Việt. Trong truyền thuyết này cũng như trong lịch sử phát triển về sau, mở mang và đoàn tụ đã làm nên nét đặc trưng của dân tộc Việt, từ thế hệ này sang thế hệ khác:

Thời gian đằng đẵng
Không gian mênh mông

Mỗi người dân Việt, bằng máu xương, mồ hôi công sức của mình, đã chiến đấu và lao động để mở mang

và hoàn thiện Đất nước, để truyền cho con cháu một Đất nước trọn vẹn. Đất nước không phải chỉ ở những gì được thừa hưởng có thể nhìn thấy được, Đất nước còn ở trong chiều sâu tâm linh được truyền nối, xuyên suốt qua nhiều thế hệ:

Những ai đã khuất
Những ai bây giờ
Yêu nhau và sinh con đẻ cái
Gánh vác phần đi trước để lại...

Phần tâm linh đó đã kết nối tất cả nhân dân về trong một cội nguồn, trong sự thiêng liêng thành kính về một ngày giỗ Tổ.

Em ơi Đất nước là máu xương mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất nước muôn đời

Đoạn thơ này lấy cảm hứng từ những núi Vọng Phu, những hòn Trống Mai, những ao đầm ở đồng bằng Bắc Bộ, đến cửa biển Cửu Long ở Nam Bộ... Những yếu tố vật chất, địa lý thấm đẫm một cái nhìn huyền thoại, đầy mầu sắc lãng mạn. Nói cách khác là khoác cho nó một lớp huyền tích, là điều thường gặp trong đời sống văn hóa dân gian. Chính điều này đã làm cho các giá trị vật chất trở nên đẹp đẽ, sinh động, có sức hấp dẫn, quyến rũ đặc biệt.

Trong chương Đất nước cũng như toàn bộ trường ca Mặt đường khát vọng, ngôn ngữ ca dao tục ngữ, ngôn ngữ của đời sống dân gian được sử dụng rất nhiều. Tác phẩm được cảm nhận trong trường cảm xúc, trong những suy tư, ngẫm nghĩ. Ở đoạn thơ này, đã nhấn mạnh Đất nước chính là thành quả của lao động, của chiến đấu, của mồ hôi nước mắt và khát vọng của nhiều thế hệ nhân dân trong nhiều nghìn năm.

Mỗi con người sinh ra và lớn lên trong một đất nước, luôn luôn trong tinh thần họ đã chứa đựng những giá trị của Đất nước, của dân tộc, mà họ đại diện. Là người Việt Nam, chúng ta tự hào về lịch sử bốn nghìn năm của Đất nước mình. Đó là một lịch sử với những chiến công lẫy lừng khai thiên phá địa và chống giặc ngoại xâm. Nhưng làm nên những chiến công đó lại là "người người lớp lớp" nhân dân, những người con trai, con gái bình thường:

Con gái con trai bằng tuổi chúng ta
Cần cù làm lụng
Khi có giặc người con trai ra trận
Người con gái trở về nuôi cái cùng con
Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

Từ nhiều triệu năm về trước, trong buổi sơ khai của con người, lửa là một cứu tinh, là nhân tố đưa loài người vượt hẳn đến một giá trị khác tách xa loài vật. Khi phát hiện ra cây lúa nước, với người Á Đông, lửa và lúa là những thứ tối cần thiết cho sự sống. Bởi vậy giữ gìn ngọn lửa và giống lúa, chính là gìn giữ sự sống còn của cộng đồng. Ngỡ đơn giản, nhưng trong lịch sử nó phản ánh cuộc chiến đấu sinh tồn giữa con người và thiên nhiên. Nhưng khi "truyền giọng điệu mình cho con tập nói", "Gánh tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân" thì đó chính là khát vọng về duy trì bản sắc dân tộc. Cha ông ta với một tinh thần dân tộc cao cả, đã làm được điều đó và truyền lại cho chúng ta truyền thống văn hóa như hôm nay.

Để Đất nước này là Đất nước của Nhân dân

Đất nước của Nhân dân,

Đất nước của ca dao thần thoại

Nhân dân làm ra Đất nước. Đất nước thuộc về Nhân dân. Từ đời này qua đời khác, không chỉ lao động chiến đấu, nhân dân còn gìn giữ linh hồn dân tộc như ngọn lửa thắp lên từ hồi khai quốc vẫn cháy sáng trong mỗi bếp nhà. Linh hồn dân tộc ở trong nếp sống, trong phong tục tập quán, trong những giá trị tinh thần phong phú của văn hóa dân gian. Và như đã nói ở trên, mỗi người Việt sinh ra trong lời ru của mẹ, câu chuyện của bà... dần dần thấm lấy tinh thần dân tộc. Cứ như thế đời này qua đời khác, nước Việt được trường tồn.

(Nguồn: *Văn nghệ công an)*

ĐỀ SỐ 14

Đề thi gồm 02 trang

******

BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA CHUẨN CẤU TRÚC BỘ GD&ĐT

Môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút.

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

ĐẠI BÀNG VÀ GÀ

Ngày xưa, có một ngọn núi lớn, bên sườn núi có một tổ chim đại bàng. Trong tổ có bốn quả trứng lớn. Một trận động đất xảy ra làm rung chuyển ngọn núi, một quả trứng đại bàng lăn xuống và rơi vào một trại gà dưới chân núi. Một con gà mái tình nguyện ấp quả trứng lớn ấy.

Một ngày kia, trứng nở ra một chú đại bàng con xinh đẹp, nhưng buồn thay chú chim nhỏ được nuôi lớn như một con gà. Chẳng bao lâu sau, đại bàng cũng tin nó chỉ là một con gà không hơn không kém. Đại bàng yêu gia đình và ngôi nhà đang sống, nhưng tâm hồn nó vẫn khao khát một điều gì đó cao xa hơn. Cho đến một ngày, trong khi đang chơi đùa trong sân, đại bàng nhìn lên trời và thấy những chú chim đại bàng đang sải cánh bay cao giữa bầu trời.

"Ồ - đại bàng kêu lên - Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó".

Bầy gà cười ầm lên: "Anh không thể bay với những con chim đó được. Anh là một con gà và gà không biết bay cao".

Đại bàng tiếp tục ngước nhìn gia đình thật sự của nó, mơ ước có thể bay cao cùng họ. Mỗi lần đại bàng nói ra mơ ước của mình, bầy gà lại bảo nó là điều không thể xảy ra. Đó là điều đại bàng cuối cùng đã tin là thật. Rồi đại bàng không mơ ước nữa và tiếp tục sống như một con gà. Cuối cùng, sau một thời gian dài sống làm gà, đại bàng chết.

(Theo *Quà tặng cuộc sống)*

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

Câu 2: Vì sao đại bàng con trong câu chuyện trên không dám bay cao?

Câu 3: Theo anh (chị) nhan đề văn bản *(Đại bàng và gà)* có ý nghĩa gì?

Câu 4: Thông điệp mà anh (chị) rút ra qua văn bản là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ việc đọc - hiểu văn bản trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về những việc cần làm để biến khát vọng thành hiện thực.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cổ nhân từng nói: *"Thi trung hữu họa", "Thi trung hữu nhạc"*

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Phân tích đoạn thơ sau trong bài *"Việt Bắc"* của Tố Hữu để làm sáng tỏ:

"Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.”

(Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo Dục, 2009, tr. 111)

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự/ phương thức tự sự

Câu 2 (1,0 điểm):

Đại bàng không dám bay cao vì:

1. Thái độ chế giễu của đàn gà con trước ước mơ của nó khiến đại bàng e sợ, dần dần quen với ý nghĩ mình cũng chỉ là một con gà

2. Đại bàng chưa vượt qua được chính mình, có mơ ước nhưng chưa đủ can đảm để thực hiện ước mơ.

Câu 3 (0,75 điểm):

Ý nghĩa nhan đề *"Đại bàng và gà":*

- Đại bàng là loài vật biểu trưng cho sức mạnh. Chúng thuộc về trời xanh, về những điều lớn lao, kỳ vĩ biểu tượng cho những con người có khát vọng, có lí tưởng sống lớn lao, phi thường.

- Gà: loài vật nhỏ bé, sống và kiếm mồi dưới mặt đất, không biết bay cao biểu tượng cho những

con người tầm thường, sống không có chí khí, lí tưởng.

Nhan đề thực chất có ý nghĩa là sự đối lập giữa hai kiểu người, hai cá tính, hai cuộc đời.

Câu 4 (0,75 điểm):

Thí sinh có thể rút ra nhiều thông điệp hoặc cỏ cách diễn đạt khác

Gợi ý: + Ước mơ là chưa đủ, con người cần phải dũng cảm thực hiện ước mơ

+ Tâm lí đám đông, môi trường sống không thuận lợi cản trở con người sống đúng với năng lực, khát vọng bản thân...

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Viết đoạn văn:

- Giải thích khái quát: Khát vọng là gì?
- Muốn đạt được khát vọng cần phải làm gì?
- Phê phán những người không có khát vọng

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Những việc cần làm để biến khát vọng thành hiện thực.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần nêu được những việc mỗi người cần làm để thực hiện khát vọng của bản thân. Có thể theo hướng sau:

- Khát vọng là mong muốn làm nên những điều lớn lao, tốt đẹp cho bản thân, cho cuộc sống với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng

đồng.

- Từ khát vọng đến thực tế là một hành trình dài, để đạt được điều đó, mỗi người cần:

+ Đặt ra những mục tiêu phù hợp với điều kiện của bản thân, bởi khát vọng khác với ảo tưởng và tham vọng

+ Kiên trì và kiên định thực hiện những mục tiêu, khát vọng của mình dù gặp phải khó khăn, thử thách thậm chí những thất bại tạm thời

+ Có những khát vọng lớn lao mà một cá nhân không thể thực hiện được, khi ấy cần biết huy động sự chung tay giúp sức của những người xung quanh, của cả cộng đồng.

- Phê phán những người thiếu ý chí, nghị lực, dễ dao động, dễ bỏ cuộc giữa chừng, không thực hiện được ước mơ, khát vọng.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Khi làm bài cần bám sát và làm nổi bật được 2 yêu cầu: chất họa, chất nhạc ở đoạn thơ này biểu hiện như thế nào?

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài*. Mở bài giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Chất nhạc, chất họa trong đoạn thơ bài *"Việt bắc"* của Tố Hữu

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu khái quát về vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

- Văn học, hội họa, âm nhạc, nhiếp ảnh là những bộ môn nghệ thuật có sự gắn bó chặt chẽ. Qua mỗi tác phẩm, chúng ta có thể tìm thấy được những cảm xúc tạo nên giá trị thẩm mỹ tích cực. Nhiều văn nghệ sỹ quen thuộc với nhận xét: Trong thơ có họa, trong họa có thơ, thơ là nhạc của tâm hồn... Trong nhiều tác phẩm, độc giả dễ dàng tìm thấy được mối giao cảm nghệ thuật đó.

- Ở bài thơ "*Việt Bắc"* Tố Hữu đã biết phối thanh, phối sắc để tạo nên những bức tranh đẹp về thiên nhiên, con người Việt Bắc. Một trong những đoạn tiêu biểu nhất là:

"Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trang rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang
Ve kêu rừng phách đo vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung."

b. Giải thích ý kiến (0,5 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng bài nghị luận về một ý kiến, một nhận định thì phân đầu tiên của thân bài các em cần giải thích nhận định đó. Ở đề này, cần giải thích: Thế nào là *Thi trung hữu họa? Thi trung hữu nhạc?*

- *Thi*: thơ, một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện những tâm trạng, những xúc cảm mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu. *(Từ điển thuật ngữ văn học,* Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi, NXB Giáo dục, 2007, tr.309).

- *Thi trung hữu họa:* Trong thơ có hoạ (có tranh, có cảnh).

- *Thi trung hữu nhạc*: Trong thơ có nhạc.

Ý kiến trên của người xưa nói đến đặc trưng của thơ trữ tình là giàu hình ảnh và nhạc điệu.

+ Chất liệu của thơ ca nói riêng, văn học nói chung là ngôn từ (Hội họa dùng đường nét, màu sắc; nhạc dùng giai điệu, âm thanh). Ngôn từ có đặc điểm riêng: giàu sức gợi mở, liên tưởng, khơi dậy những cảm nhận cụ thể về màu sắc, hình khối, âm thanh...

+ Trong thơ có họa vì: Thơ ca phản ánh cuộc sống qua hệ thống ngôn từ giàu hình ảnh. Trong thơ ta bắt gặp nhiều hình ảnh, biểu tượng, hình tượng. Hình ảnh trong thơ là biểu hiện của những rung cảm nội tâm, mang màu sắc của cảm xúc mãnh liệt và trí tưởng tượng phong phú.

+ Trong thơ có nhạc vì: Thơ ca là sự biểu hiện trực tiếp cảm xúc. Cảm xúc biểu lộ mạnh mẽ ở thanh điệu, nhịp điệu của lời nói (ngôn từ). Âm thanh và nhịp điệu làm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều từ ngữ không thể nói hết. Nhạc điệu trong thơ thể hiện nhịp vận động của đời sống, của nhịp đập trái tim, bước đi của tình cảm con người,

c. Chứng minh ý kiến qua đoạn thơ trong *"Việt Bắc"* của Tố Hữu

CHÚ Ý

Để làm sáng tỏ chất họa trong đoạn thơ cần chú ý khai thác bức tranh thiên nhiên và con người trong bốn mùa: được tạo nên từ cách miêu tả đường nét, màu sắc, hình ảnh nào?

- ***Thi trung hữu họa (1,0 điểm)***

Đoạn thơ trong *"Việt Bắc"* giàu chất họa. Đó là một bức tranh tứ bình tuyệt đẹp về thiên nhiên và con người Việt Bắc trong bốn mùa.

+ Bức tranh mùa đông: Có sự hài hòa giữa màu xanh bạt ngàn của rừng già và màu đỏ tươi đậm của bông hoa chuối rừng Thiên nhiên không lạnh lẽo mà căng tràn sức sống, ấm áp, tươi tắn. Hình ảnh người lao động khỏe khoắn, bình dị với công việc đi nương quen thuộc.

+ Bức tranh mùa xuân: Thiên nhiên thơ mộng với bạt ngàn sắc trắng của hoa mơ như một tấm áo choàng trắng tinh khiết khoác lên mình cả núi rừng. Con người thì khéo léo, cần mẫn với động tác đan nón uyển chuyển nhịp nhàng như một nghệ sĩ.

+ Bức tranh mùa hè: Nổi bật với sắc vàng rực rỡ của rừng phách. Con người cần cù, chăm chỉ, chịu thương chịu khó với dáng điệu *"hái măng một mình"* của các cô gái Việt Bắc.

+ Bức tranh mùa thu: Huyền ảo lung linh với ánh trăng hòa bình. Con người ân nghĩa, thủy chung.

- ***Thi trung hữu nhạc (1,0 điểm):***

CHÚ Ý

Để làm sáng tỏ chất nhạc trong đoạn thơ cần chú ý khai thác những yếu tố tạo nên tính nhạc như thể thơ

Không chỉ có màu sắc, bức tranh tứ bình về bốn mùa Việt Bắc còn được dệt nên bằng âm điệu:

+ Thể thơ lục bát: Nhịp nhàng, tha thiết, ngọt ngào, sâu lắng như ru vỗ con người vào nhịp nhớ đều đặn của những kỉ niệm.

+ Sử dụng cặp đại từ *mình - ta* kết hợp với nghệ thuật đối tạo ra sự cân xứng về cấu trúc và sự nhịp nhàng của ngôn từ [redacted] Tất cả tạo nên nhạc điệu đầy quyến luyến, trầm bổng, ngân nga.

+ Biện pháp điệp: điệp từ "*nhớ"* được nhắc lại 5 lần tạo nên nhịp ru cho bài thơ, nhấn mạnh, khắc sâu nỗi nhớ trong lòng người đi.

[redacted] Đoạn thơ có giọng điệu tâm tình, đằm thắm, là tiếng nói của tình thương mến ngọt ngào... Thơ Tố Hữu

phong phú nhạc điệu, một thứ nhạc giàu có tự bên trong của tâm hồn hoà với nhạc điệu lôi cuốn của đời sống.

d. Đánh giá (0,5 điểm)

- Khẳng định câu nói của cổ nhân là hoàn toàn đúng với thơ ca và được minh chứng rõ qua đoạn thơ trong *"Việt Bắc"* của Tố Hữu.

- Đoạn thơ giàu chất nhạc, chất họa, thể hiện tài năng của nhà thơ trong việc sử dụng ngôn từ nghệ thuật.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm)

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II - Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Ai sống trong đời cũng có những ước mơ, những khát vọng. Khát vọng là mong muốn làm nên những điều lớn lao, tốt đẹp cho bản thân, cho cuộc sống với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng đồng. Tuy nhiên, từ khát vọng đến thực tế là một hành trình dài, để đạt được điều đó, mỗi người cần đặt ra những mục tiêu phù hợp với điều kiện của bản thân, bởi khát vọng khác với ảo tưởng và tham vọng. Nếu bạn quá tham vọng, đặt ra mục tiêu quá cao siêu bạn sẽ chẳng bao giờ chạm tay vào được ước mơ, khát vọng của mình. Chúng ta cũng phải kiên trì và kiên định thực hiện những mục tiêu, khát vọng của mình dù gặp phải khó khăn, thử thách thậm chí những thất bại tạm thời. Bên cạnh đó, có những khát vọng lớn lao mà một cá nhân không thể thực hiện được, khi ấy cần biết huy động sự chung tay giúp sức của những người xung quanh, của cả cộng đồng. Những người thiếu ý chí, nghị lực, dễ dao động, dễ bỏ cuộc giữa chừng hoặc chỉ biết ao ước suông mà không có những hành động thiết thực thì mãi mãi không biến ước mơ, khát vọng thành hiện thực.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019
CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 15
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Chúng ta ai cũng đều biết, khoa học công nghệ với sự phát triển chóng mặt đã kéo theo sự ra đời của các trang mạng xã hội. Nói đến chúng, ta không thể không nhắc đến Facebook – một cái tên chẳng còn xa lạ với tất cả mọi người. Facebook là một trang mạng xã hội cho phép người dùng đăng tải những thông tin cá nhân, kết bạn, giao lưu, tương tác với mọi người. Chẳng cần bàn cãi hay bình luận gì thêm, chúng ta đều không thể phủ nhận được những lợi ích và vai trò to lớn mà Facebook mang lại. Còn gì kì diệu hơn khi mà nhờ nó, hai con người ở hai vùng miền khác nhau, xa cách về địa lí, không gian, vậy mà lại có thể quen nhau, kết bạn với nhau trong sự tương hợp về sở thích, mục tiêu chỉ bằng một chiếc điện thoại có kết nối Internet. Thú vị gì hơn khi mọi tin tức về giới Showbiz, thần tượng, bạn bè, người thân đều được chúng ta cập nhật từng phút, từng giây? Bao nhiêu lợi ích không nhỏ của Facebook đã đủ trở thành chiếc nam châm thu hút mọi người, đặc biệt là giới trẻ. Càng dùng Fcaebook, càng có nhiều bạn, càng có nhiều điều hấp dẫn, thú vị mời gọi. Mải mê theo những cảm xúc ảo, ít ai nhận ra Facebook như là một con dao hai lưỡi mà những mặt trái của nó đang dần bộc lộ. Và một trong số đó là căn bệnh nghiện Facebook đã và đang diễn ra phổ biến, đặc biệt là trong giới trẻ.

(...) Việc nghiện Facebook còn khiến cho cuộc sống của người dùng bị đảo lộn. Các hoạt động vui chơi ngoài trời cùng bạn bè, thể dục thể thao được thay thế bằng việc lên Facebook. Bị thu hút vào cái màn hình màu xanh hấp dẫn với những hình ảnh kia thì liệu còn thời gian đâu mà ăn uống hợp lí, thời gian cho bạn bè, cho người thân? Họ sẽ đắm chìm trong thế giới ảo mà quên đi hiện tại. Thế có nghĩa là, họ có thể kết bạn với biết bao bạn bè trên mạng nhưng lại đang bỏ qua những mối quan hệ thực tế, những tình cảm thực mà mọi người dành cho mình. Cùng với đó, các kỹ năng giao tiếp, ứng xử cũng dần bị mất đi. Vì thế, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi mà một người nghiện Facebook có thể chém gió thỏa thích không chán với bạn bè khắp nơi nhưng lại khó có thể giao tiếp trực tiếp với mọi người. Cứ thế, họ trở thành "anh hùng bàn phím" và dần sống ảo với những tình cảm không thực tế.

(Nguồn: *baigiangvanhoc.com)*

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 3: Vì sao tác giả lại dùng hình ảnh *chiếc nam châm thu hút mọi người* để nói về mạng xã hội Facebook?

Câu 4: Câu văn *"họ có thể kết bạn với biết bao bạn bè trên mạng nhưng lại đang bỏ qua những mối quan hệ thực tế, những tình cảm thực mà mọi người dành cho mình"* gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về hiện tượng được nêu ra

ở phần đọc hiểu: nhiều người nghiện Facebook đang trở thành những *anh hùng bàn phím.*

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn thơ sau:

"Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi."

(Vội vàng – Xuân Diệu)

"Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời."

(Từ ấy – Tố Hữu)

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Nghị luận/ Phương thức nghị luận

Câu 2 (0,5 điểm):

Nội dung chính của văn bản: Những lợi ích của mạng xã hội Facebook và những tác hại của tình trạng *"nghiện Facebook"*

Câu 3 (1,0 điểm):

Tác giả dùng hình ảnh *chiếc nam châm thu hút mọi người* để nói về mạng xã hội Facebook vì: Sự ra đời của Facebook với rất nhiều tiện ích đã khiến mạng xã hội này có sức hút lớn lao, nhất là với giới trẻ. Số lượng người dùng Facebook tăng lên không ngừng, dường như ai ai cũng có thể bị cuốn hút và một khi đã tham gia khó có thể cưỡng lại được sức hấp dẫn của nó.

Câu 4 (1, 0 điểm):

Câu văn *"họ có thể kết bạn với biết bao bạn bè trên mạng nhưng lại đang bỏ qua những mối quan hệ thực tế, những tình cảm thực mà mọi người dành cho mình"* cho thấy tác hại của việc "nghiện Facebook": Con người sống trong thế giới ảo mà quên đi thế giới thực. Chúng ta dễ dàng kết bạn với người lạ trên mạng xã hội trong khi đó *những mối quan hệ thực tế, những tình cảm thực mà mọi người dành cho mình* như quan hệ bạn bè, thầy cô, gia đình… thì con người lại thấy xa lạ. Nhiều bạn trẻ có thể tương tác với bạn bè trên Facebook rất tốt nhưng kĩ năng giao tiếp xã hội lại rất kém, có thể có hàng nghìn người bạn trên Facebook nhưng lại cảm thấy cô đơn, lạc lõng trong cuộc sống. Thực chất của hiện tượng này là lối sống ảo, lãng quên thế giới thực.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

STUDY TIP

Đây là dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Giải thích hiện tượng anh hùng bàn phím là gì? Đang diễn ra như thế nào?
- Những hệ lụy của hiện tượng này?
- Rút ra bài học.

1. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm)

Hiện tượng *anh hùng bàn phím* trên các mạng xã hội.

3. Triển khai vấn đề cần nghị luận (1,0 điểm)

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần nêu được quan điểm đúng đắn về hiện tượng *anh hùng bàn phím* trên các mạng xã hội. Có thể theo hướng sau:

- *Anh hùng bàn phím* là gì? Đây là một thuật ngữ mới xuất hiện trong thời gian gần đây, dùng để chỉ tính chất làm quá, mạnh mồm, nói khoác lác, không dám chịu trách nhiệm về lời nói… của một bộ phận nào đó đã và đang xảy ra.
- Hiện tượng người dùng Facebook trở thành *anh hùng bàn phím* ngày càng nhiều: Trước mỗi sự việc, hiện tượng những *anh hùng bàn phím* có thể tha hồ chỉ trích, chê bai, hoặc nói những chuyện dời non lấp biển… nhưng họ lại chẳng có một hành động thực tế nào để thể hiện được điều đó.
- Hậu quả: rất nhiều cá nhân, tổ chức xã hội, doanh nghiệp… phải chịu thiệt hại nặng nề vì những *anh hùng bàn phím* như thế: một tin đồn về vắc-xin có thể khiến cả chương trình tiêm chủng quốc gia thất bại, một tin đồn về bưởi có chất gây ung thư có thể khiến hàng ngàn hộ nông dân trồng bưởi điêu đứng. Có những người bị trầm cảm, và đôi khi tìm đến cái chết, chỉ vì bị tấn công bằng ngôn từ quá khích trên mạng…
- Bài học: Đây là một hiện tượng xấu, cần lên án mạnh mẽ. Mỗi người cần có những hành động cụ

thể, thiết thực, nói đi đôi với làm; tránh việc phán xét, quy chụp, xúc phạm người khác trên Facebook.

4. ***Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)***

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. ***Sáng tạo (0,25 điểm)***

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm):

STUDY TIP

Đây là dạng bài so sánh hai đoạn thơ. Các em cần làm rõ

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích
- Phân tích lần lượt từng đoạn thơ
- So sánh, tìm ra điểm giống nhau và khác nhau

1. ***Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm)***

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. ***Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm)***

Cảm nhận được nét đặc sắc của hai đoạn thơ trong *"Vội vàng"* (Xuân Diệu) và *"Từ ấy"* (Tố Hữu)

3. ***Triển khai vấn đề cần nghị luận***

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm)

- Xuân Diệu là một gương mặt tiêu biểu trong phong trào Thơ mới (1930 – 1945), người được Hoài Thanh mệnh danh là *"nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới"*. Thơ Xuân Diệu thể hiện một tình yêu cuộc sống cuồng nhiệt, một nỗi ám ảnh lo âu trước sự trôi chảy nhanh chóng của thời gian. Bài thơ *"Vội vàng"* là một trong những bài thơ thể hiện rõ nhất tâm thế sống của Xuân Diệu. Tác phẩm vừa như một dòng cảm xúc ào ạt trào dâng vừa như một bản tuyên ngôn tích cực về lẽ sống.
- Tố Hữu là lá cờ đầu tiên của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Ông là nhà thơ của những niềm vui lớn, những lẽ sống lớn, thể hiện ý thức của một cái tôi công dân đầy trách nhiệm với nhân dân, đất nước. "Từ ấy" là tác phẩm đánh dấu bước ngoặt lớn trong cả đường đời và đường thơ của người thanh niên yêu nước, trẻ tuổi. Tác phẩm thể hiện niềm vui sướng, hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi được chính thức đứng vào hàng ngũ của Đảng.

b. Cảm nhận khổ thơ trong bài *Vội vàng:* (1,0 điểm)

- Điệp ngữ "Tôi muốn" được nhắc lại hai lần khẳng định cháy bỏng của cái tôi cá nhân tác giả.
- Ước muốn kì lạ, táo bạo: *"tắt nắng", "buộc gió"*

+ *Nắng* và *gió* là những hiện tượng thuộc về thế giới tự nhiên, nằm ngoài mong muốn chủ quan của con người. Vậy mà nhà thơ muốn *"tắt nắng", "buộc gió"* nghĩa là muốn cưỡng lại quy luật của tự nhiên, đoạt quyền năng của tạo hóa.

+ Các câu thơ được viết với kết cấu chỉ mục đích *"cho màu đừng nhạt, cho hương đừng bay…"*

☐thực chất là để níu giữ hương sắc cuộc đời, để thời gian không trôi qua, cái đẹp không tàn phai.

☐Ước muốn lạ lùng cả thi sĩ hé mở một lòng yêu say đắm với cảnh trời với cuộc đời, một cái tôi, khát khao giao cảm và tận hưởng, một tâm hồn luôn nhạy cảm trước bước đi của thời gian để từ đó sống hết mình, tận hưởng những gì tươi đẹp mà cuộc đời ban tặng cho con người…

- Về nghệ thuật: Khổ thơ mở đầu bài *"Vội vàng"* được viết bằng bốn câu thơ ngũ ngôn ngắn gọn như lời giãi bày cô nén cảm xúc và ý tưởng của nhà thơ. Nhịp thơ ngắn, nhanh như sự gấp gáp vội vàng của thi sĩ, như niềm cảm xúc đang trào dâng mãnh liệt…

c. Cảm nhận khổ thơ trong *Từ ấy* (1,0 điểm)

- Khổ thơ là sự nhận thức, chuyển biến trong tư tưởng và tình cảm của người thanh niên lần đầu bắt gặp ánh sáng của lí tưởng cách mạng.

- Từ *"Tôi buộc"* khẳng định sự gắn bó và sẵn sàng hiến dân của người chiến sĩ cách mạng. Động từ *"buộc"* thể hiện cao độ ý thức tự nguyện của Tố Hữu muốn vượt qua cái tôi cá nhân để sống chan hòa với mọi người, gắn kết cuộc đời riêng của mình với cuộc sống cộng đồng.

- Điệp từ *"để"* nhấn mạnh mục đích của sự gắn bó và ý thức đấu tranh cho nhân dân, cho những con người lao khổ. Đối tượng mà tác giả hướng tới là *"mọi người, trăm nơi, bao hồn khổ"* là tập thể đông đảo những người thuộc giai cấp cần lao, đang phải sống khốn khổ vì bị áp bức bóc lột nặng nề như: lão đầy tớ, chị vú em, em bé đi ở…

- Câu thơ cuối khẳng định sức mạnh của tình đoàn kết qua hình ảnh ẩn dụ về *"khối đời"* – đó là một cộng đồng chung cảnh ngộ, số phận và khát khao để cùng nhau hướng tới một lí tưởng cao đẹp. Khi họ biết đoàn kết với nhau trước mọi kẻ thù hung hãn nhất.

☐Một khát vọng sống cống hiến, một tuyên ngôn sống của người chiến sĩ cộng sản tràn đầy nhiệt huyết, một lẽ sống đẹp…

d. So sánh sự tương đồng và khác biệt: (0,5 điểm)

- Sự tương đồng:

+ Hai đoạn thơ cùng bày tỏ khát vọng mãnh liệt của hai nhà thơ, đặc biệt là cái tôi trữ tình đầy đắm say và khao khát sống, gửi gắm lẽ sống đẹp (liên hệ với tư tưởng của cả bài thơ).

+ Giọng điệu say mê, vui tươi, phấn khởi.

- Sự khác biệt:

+ Khổ thơ của Xuân Diệu là khát vọng của một thi sĩ thơ mới khao khát tận hưởng, một cái tôi lãng mạn đắm say cảnh trời, cuống quýt vội vàng trước thời gian.

+ Khổ thơ của Tố Hữu bày tỏ khát vọng được hiến dâng cho lí tưởng cách mạng cho nhân loại cần lao của một chiến sĩ cộng sản, một nhận thức xuất phát từ sự giác ngộ từ trong tư tưởng đến tình cảm.

CHÚ Ý

Cùng bày tỏ khát vọng sống mãnh liệt nhưng với Xuân Diệu là khát vọng của một cái "tôi" cá nhân cô đơn còn với Tố Hữu là một cái "tôi" công dân đã nhận thức được lẽ sống và vị trí của mình trong cuộc sống của nhân dân, đất nước.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm)

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Anh hùng bàn phím là một thuật ngữ mới xuất hiện trong thời gian gần đây, dùng để chỉ tính chất làm quá, mạnh mồm, nói khoác lác, không giám chịu trách nhiệm về lời nói…của một bộ phận người dùng Internet trước một sự vật, hiện tượng những *anh hùng bàn phím* có thể tha hồ chỉ trích, chê bai, hoặc nói những chuyện dời non lấp biển…nhưng họ lại chẳng có một hành động thực tế nào để thể hiện được điều đó. Hiện tượng này đã gây nên nhiều hệ lụy đáng tiếc: rất nhiều cá nhân, tổ chức xã hội, doanh nghiệp… phải chịu thiệt hại nặng nề vì những *anh hùng bàn phím* như thế: một tin đồn về vắc-xin có thể khiến cả chương trình tiêm chủng quốc gia thất bại, một tin đồn về bưởi có chất gây ung thư có thể khiến hàng ngàn hộ nông dân

trồng bưởi điêu đứng. Có những người bị trầm cảm, và đôi khi tìm đến cái chết, chỉ vì bị tấn công bằng ngôn ngữ quá khích trên mạng… Đây là một hiện tượng xấu, cần lên án mạnh mẽ. Mỗi người cần có những hành động cụ thể, thiết thực, nói đi đôi với làm; tránh việc phán xét, quy chụp, xúc phạm người khác trên Facebook.

- Bài báo tham khảo:

Anh hùng bàn phím: Vì nông nên…nỗi?

Trên các diễn đàn mạng xã hội, một bộ phận không hề nhỏ của giới trẻ đang thi nhau bày tỏ cảm xúc về câu chuyện đề xuất thay đổi tiếng Việt của một nhà nghiên cứu nọ. Sẽ chẳng có gì để bàn luận thêm nếu những phản biện của những người trẻ được phát ngôn một cách có chừng mực và có lý lẽ.

Thế nhưng, thay vì đưa ra những lập luận nhằm thuyết phục về tính bất khả thi của đề xuất nghiên cứu kia, người ta chỉ cảm thấy vô cùng choáng váng vì đầy rẫy những phát ngôn tiêu cực mang tính mạt sát, chửi rủa cá nhân nhà nghiên cứu. Thậm chí, rộng hơn là chửi rủa nghề nghiệp liên quan đến nghiên cứu khoa học, chửi rửa cả nền giáo dục. Câu chuyện đề xuất cải cách tiếng Việt không phải là vấn đề mới đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Bản thân đề xuất cải cách kia cũng không phải hoàn toàn không có cơ sở nhưng tính khả thi, tính thực tiễn thì còn cần phải xem xét từ nhiều góc độ, vì ngôn ngữ ảnh hưởng đến hầu khắp các lĩnh vực từ văn hóa đến kinh tế, từ chính trị đến lịch sử…Ấy vậy mà những "anh hùng bàn phím" bất chấp tính lịch sử của vấn đề, không cần tìm hiểu xem vấn đề đúng ở chỗ nào, sai ở chỗ nào, cứ thế mà phát biểu như thể bản thân là người trong cuộc am hiểu rất tường tận, rất chi tiết. Đáng lo là các bài báo mang thông tin đa chiều với ý kiến của các nhà ngôn ngữ học lại không được giới trẻ quan tâm đúng mức. Các em chỉ thi nhau chia sẻ những đường link mang tính chất câu khách của các trang mạng, đưa tin một chiều có chủ ý.

Sau khi chê bai chán chê nhà nghiên cứu nọ, giờ đây, các bạn trẻ lại đang đóng vai công lý, đóng vai đạo đức để ra sức phẫn nộ về câu chuyện bảo mẫu hành hạ trẻ em tại quận 12 vừa được báo Tuổi Trẻ đưa ra ánh sáng. Lại sẽ chẳng có gì để nói nếu các phát biểu chứa nhiều bức xúc kia không chỉa mũi vào tất cả các bảo mẫu. "Bảo mẫu giờ toàn ác vậy, không có ai hiền". "Giáo dục giờ toàn thế thôi, điểm thấp thì mới thi vào sư phạm".

Không khó để gặp được những nhận định mang tính quy chụp, đầy chủ quan như thế khi đọc các bình luận của giới trẻ trên mạng xã hội. Việc lấy từng các nhân, từng cá thể, từng bộ phận để từ đó kết luận nhận xét về cái toàn bộ, cái chung cuộc là hoàn toàn không có căn cứ. Ở một chừng mực nhất định, nó cho thấy phần nào bức tranh về nền giáo dục. Vai trò của cả gia đình lẫn nhà trường ra sao trong câu chuyện dễ dàng phát ngôn của giới trẻ?

Chế tài nào cho những phát ngôn trên mạng cần được đưa vào luật? Những sâu xa hơn, làm thế nào để giáo dục cho giới trẻ về ý thức phát ngôn nói chung, ý thức phát ngôn trên mạng xã hội nói riêng?

Tình trạng giới trẻ thường xuyên phát biểu lung tung theo hướng tiêu cực vô căn cứ về các vấn đề trong xã hội cho thấy phần nào niềm tin của giới trẻ đối với hoàn cảnh sống hiện tại. Các bạn đã dễ dàng quy chụp một hành động sai trái của một cá nhân cho tất cả các trường hợp tương tự. Báo chí đưa tin một trường hợp cảnh sát giao thông nhận hối lộ, lập tức nhiều bạn lao vào phẫn nộ toàn bộ lực lượng thi hành công vụ. Truyền thông đưa ra ánh sáng một nơi sản xuất thực phẩm kém chất lượng, các em lập tức lao vào bức xúc tất cả các doanh nghiệp công ty. Hay đơn giản hơn, một ngôi sao nghệ sỹ bất kỳ có hành động, phát ngôn gì đó lạ tai lạ mắt, lập tức có bạn bình phẩm từ xuất thân cho đến nhân cách của người đó! Vì đâu mà xã hội ngày nay lại đem đến cho các bạn những ánh nhìn thành kiến với tất cả đến vậy?

Ở một góc nhìn khác, chính vì thái độ dễ dàng bức xúc, dễ dàng phát biểu những lời lẽ vô căn cứ, tự suy diễn mà đôi lúc giới trẻ trở thành những con rối cho những trò dắt mũi của truyền thông, của mạng xã hội. Hẳn chúng ta chưa quên câu chuyện Hương mắt lồi từng gây xôn xao dư luận. Hay hàng tá các câu chuyện tương tự. Chỉ cần một ai đó đưa lên mạng xã hội thông tin thất thiệt thì không ít bạn trẻ như những con thiên thân lao vào thông tin không kiểm chứng để… chửi bới, chia sẻ với tốc độ chóng mặt một cách…nông nổi.

Vì nông (cạn, không sâu) mà nên…nỗi?

TRẦN XUÂN TIẾN (Trường đại học Văn Hiến)

(Nguồn: Báo *Tuổi Trẻ,* ngày 28/11/2017)

ĐỀ SỐ

16

Đề thi gồm 01 trang

*****

BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA CHUẨN CẤU TRÚC BỘ GD&ĐT

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

DẶN CON

Chẳng ai muốn làm hành khất
Tội trời đày ở nhân gian
Con không được cười giễu họ
Dù họ hôi hám úa tàn

Nhà mình sát đường họ đến
Có cho thì có là bao
Con không bao giờ được hỏi
Quê hương họ ở nơi nào

Con chó nhà mình rất hư
Cứ thấy ăn mày là cắn
Con phải răn dạy nó đi
Nếu không thì con đem bán

Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vần xoay
Lòng tốt gửi vào thiên hạ
Biết đâu nuôi bố sau này.

(Trần Nhuận Minh)

Câu 1: Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2: Vì sao người cha lại dặn con *"Con không bao giờ được hỏi – Quê hương họ ở nơi nào?"*

Câu 3: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc *"Con không được…/ Con không bao giờ được… "* ở hai khổ thơ đầu.

Câu 4: Thông điệp mà anh (chị) rút ra qua lời "Dặn con" của tác giả là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa triết lí được gợi ra từ hai câu thơ ở phần đọc – hiểu:

Mình tạm gọi là no ấm
Ai biết cơ trời vần xoay

Câu 2 (5,0 điểm):

Cảm nhận của anh/chị về sự thay đổi trong tâm trạng, nhận thức của Tràng vào buổi sáng sau khi *"nhặt vợ"* (trong tác phẩm *Vợ nhặt* – Kim Lân). Từ đó liên hệ với tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau khi gặp Thị Nở (trong *Chí Phèo* – Nam Cao) để thấy được chiều sâu nhân đạo trong ngòi bút của Kim Lân và Nam Cao khi viết về số phận bất hạnh của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 2 (1 điểm):

Nhà thơ dặn con như thế vì:

- Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi người, những người hành khất vì cơ nhỡ mà có người phải bỏ quê hương đi tha hương cầu thực, vì thế nhắc đến quê hương là nhắc đến nỗi nhớ, nhắc đến niềm đau…

- Người cha muốn con hiểu, đồng cảm, chia sẻ với những kiếp người bất hạnh, kém may mắn hơn trong cuộc sống.

CHÚ Ý

Lời dặn của nhà thơ thực chất là muốn con sống không vô cảm, biết quan tâm, chia sẻ với mọi người

Câu 3 (0,75 điểm):

Phép lặp cấu trúc nhằm nhấn mạnh ý nghĩa giáo dục nghiêm khắc của người cha với con, mong muốn con mình thấu hiểu và sống đúng với đạo lí làm người: trân trọng, cảm thông, không chế nhạo những người cơ nhỡ.

Câu 4 (0,75 điểm):

Thí sinh có thể rút ra nhiều thông điệp hoặc có cách diễn đạt khác.

Ví dụ: Con người cần biết yêu thương, sẻ chia với nhau trong cuộc sống.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Ý nghĩa triết lí gợi ra từ hai câu thơ *Mình tạm gọi là no ấm – Ai biết cơ trời vần xoay*

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

CHÚ Ý

Cần làm rõ ý nghĩa triết lí của hai câu thơ: Cuộc đời nhiều biến đổi khôn lường. Từ đó xác định lối sống đẹp: biết chia sẻ với những người thiệt thòi, bất hạnh hơn mình.

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần làm rõ ý nghĩa triết lí gợi ra từ hai câu thơ của Trần Nhuận Minh. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích ngắn gọn ý nghĩa triết lí gợi ra từ hai câu thơ: Cuộc đời nhiều biến đổi khôn lường, hôm nay đang sống trong no ấm nhưng ngày mai có thể phải tha pương cầu thực.

- Bàn luận:

+ Câu thơ của Trần Nhuận Minh như lời nhắc nhở, cảnh báo mỗi con người trong cuộc sống không nên tự mãn vì tương lai ra sao không ai biết trước được: bệnh tật hiểm nghèo, thất bại trong kinh doanh, những rủi ro trong cuộc sống… có thể lấy đi của ta tất cả những gì đang có. Vì thế cần biết chấp nhận những thăng

trầm trong cuộc sống, đối diện với những khó khăn ấy và tìm cách vượt qua.

+ Trước những cảnh đời bất hạnh hơn mình cần biết chia sẻ, giúp đỡ, không nên chế nhạo coi thường.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Khi đề không trích văn bản thì cần xác định được phạm vi đề bài: *sự thay đổi về tâm lí của Chí Phèo và Tràng khi hai nhân vật thức tỉnh vào buổi sáng hôm sau*

- Với nhân vật Tràng: bắt đầu từ đoạn Tràng tỉnh dậy đến hết tác phẩm.

- Với Chí Phèo: từ đoạn *"Khi Chí Phèo tỉnh dậy thì mặt trời đã lên cao…"* đến hết đoạn Chí Phèo được Thị Nở chăm sóc và *"thèm lương thiện"*.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Sự thay đổi về tâm trạng, nhận thức của Tràng vào buổi sáng sau khi *"nhặt vợ"*, liên hệ với tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng sau khi gặp Thị Nở để làm nổi bật tư tưởng nhân đạo của Kim Lân và Nam Cao.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Khái quát về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- Kim Lân là nhà văn của người nông dân, là cây bút của đồng ruộng. Tác phẩm của Kim Lân thể hiện sự am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí những người ở thôn quê: dù cuộc sống có tăm tối đến đâu họ vẫn yêu thương đùm bọc nhau, vẫn hi vọng vào tương lai. Diễn biến tâm lí của Tràng sau khi "nhặt vợ" trong truyện ngắn *Vợ nhặt* thể hiện rất rõ điều đó.

- Cùng viết về đề tài người nông dân trước cách mạng tháng Tám, *Chí Phèo* của Nam Cao cũng là một kiệt tác bất hủ. Nếu cuộc gặp gỡ với *thị* khiến Tràng có sự đổi thay kì diệu trong tâm trạng và nhận thức thì cuộc gặp gỡ với Thị Nở cũng khiến Chí Phèo bừng lên khát vọng được sống lương thiện.

→ Qua diễn biến tâm trạng của Tràng và Chí Phèo, ta nhận thấy chiều sâu nhân đạo trong ngòi bút của Kim Lân và Nam Cao khi viết về số phận bất hạnh của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

b. Cảm nhận về sự thay đổi trong tâm trạng và nhận thức của Tràng (1,5 điểm)

- Khái quát: Tràng vốn là một chàng trai thô kệch, xấu xí, nghèo khổ, lại là dân ngụ cư. Anh đang cũng như bao người khác đang là nạn nhân của nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945). Trong hoàn cảnh *thân mình không biết có nuôi nổi không* ấy, Tràng bỗng nhiên lấy vợ. Hành động tưởng như liều lĩnh ấy ngờ đâu lại mở ra một cuộc sống hoàn toàn khác với Tràng

- Khi Tràng tỉnh dậy vào buổi sáng hôm sau, một cảm giác khác lạ đang ngập tràn trong anh. Tràng thấy *"trong người êm ái như từ giấc mơ đi ra"*. Việc có vợ vẫn hình như không phải. Hạnh phúc như một thứ

men say làm anh lâng lâng hạnh phúc!

- Tràng bước ra sân và nhận thấy xung quanh mình có cái gì đổi mới. Nhà cửa, sân vườn, lối đi được quét dọn sạch sẽ. Thấy bà mẹ rẫy cỏ, vợ mình quét tước nấu nướng, cảnh tượng diễn ra thật bình thường nhưng đối với Tràng nó thật cảm động thấm thía biết bao → Sự thay đổi về quang cảnh ngôi nhà làm Tràng có sự trưởng thành hơn về nhận thức:

+ Tràng bỗng thấy thương yêu, gắn bó với gia đình lạ lùng: ngôi nhà dù nghèo khó nhưng nó vẫn là tổ ấm che mưa che nắng cho cả gia đình anh ẩn chứa niềm hạnh phúc lớn lao mà bấy lâu nay anh nông dân nghèo khổ dẫu mong ước nhưng chưa bao giờ chạm tay đến được.

+ Không chỉ thấy thương yêu, gắn bó, Tràng còn ý thức được trách nhiệm với gia đình của mình: *Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây, Tràng xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.* Bước chân *xăm xăm* thật khỏe khoắn, tự tin, khác hẳn bước đi ngật ngưỡng mở đầu tác phẩm. *Tu sửa ngôi nhà* nghĩa là Tràng và gia đình mình không chấp nhận cuộc sống tạm bợ nữa, là chuẩn bị cho cuộc sống lâu dài. Họ bướng bỉnh tuyên chiến với nạn đói.

→ Lần đầu tiên trong đời Tràng thấy mình *"nên người"*. *Nên người* là điều cực kì quan trọng đối với những ai bị cuộc sống đẩy vào tình cảnh không được làm người.

- Trong bữa cơm ngày đói, nghe lời người vợ kể chuyện Tràng nhớ đến *"lá cờ đỏ"* của đoàn người đói kéo nhau đi cướp kho thóc Nhật. Tràng hỏi vợ như để xác minh điều mình đã biết *"Việt Minh phải không"* → Một tương lai gần đang vẫy gọi Tràng: Trong một ngày không xa chắc chắn Tràng, vợ Tràng, bà cụ Tứ sẽ hòa vào đoàn người cùng khổ kia đi đòi quyền sống. Sự đổi đời chưa thực sự diễn ra nhưng ánh hồng của cuộc đời mới đã thấp thoáng. Đó là hình ảnh của một nông thôn Việt Nam đã thức tỉnh với những cuộc chống thuế, phá kho thóc Nhật.

→ Vậy là, cái nạn đói khủng khiếp như một cơn lũ lớn cuốn đi biết bao sinh mạng nhưng nó cũng đã đem đến cho Tràng một người vợ, một mái ấm gia đình. Tình người đã đưa người con gái ấy về nhà Tràng nhưng tình người cũng đã đưa Tràng về bến lành của cõi nhân sinh.

c. Liên hệ với diễn biến tâm lý của Chí Phèo vào buổi sáng sau khi gặp Thị Nở để thấy được chiều sâu nhân đạo trong ngòi bút của Kim Lân và Nam Cao (1,5 điểm):

CHÚ Ý

- Chỉ phân tích thật ngắn gọn tâm trạng của Chí Phèo vào buổi sáng hôm sau khi gặp Thị Nở.

- Khi rút ra chiều sâu nhân đạo trong ngòi bút của Kim Lân và Nam Cao cần thấy được điểm chung, điểm riêng của các nhà văn về vấn đề này là gì?

- Tâm trạng của Chí Phèo sau khi tỉnh dậy: Cuộc gặp gỡ với Thị Nở có sức mạnh diệu kì làm Chí Phèo dần dần tỉnh rượu, rồi tỉnh ngộ, nhận ra tình trạng thê thảm của bản thân hắn thấy hắn *đã già mà vẫn còn cô độc*. Trước sự chăm sóc chân thành của Thị Nở, Chí Phèo bỗng thấy: *"Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao!"*

- Chiều sâu nhân đạo trong ngòi bút của Kim Lân và Nam Cao:

+ Qua sự biến đổi tâm trạng của Tràng và Chí Phèo, ta thấy cả Kim Lân và Nam Cao đều là những nhà

văn có niềm tin yêu vào bản chất tốt đẹp của người nông dân. Dù cuộc sống khốn cùng đến đâu họ vẫn thương yêu, đùm bọc nhau, vẫn khát khao hạnh phúc, khát khao lương thiện. Các nhà văn cũng đề cao và

ngợi ca sức mạnh của tình người chân thành trong sáng. Sự đổi thay trong tâm trạng, nhận thức của Tràng và Chí Phèo chính là nhờ sức mạnh to lớn ấy.

+ Tuy nhiên, do thời điểm sáng tác khác nhau nên tư tưởng nhân đạo của Kim Lân và Nam Cao cũng có những điểm riêng biệt:

++ Diễn biến tâm lí của Chí Phèo là hành trình thức tỉnh, khát khao trở lại làm người lương thiện. Qua đó thấy được khát vọng lương thiện của những người nông dân bị lưu manh tha hóa. Tuy nhiên, cuối cùng khát vọng của Chí Phèo vẫn bị chặn đứng. Điều ấy phản ánh sự bế tắc trong tư tưởng của Nam Cao trong việc tìm đường giải thoát cho nhân vật. Đó cũng là sự bế tắc của nhiều nhà văn hiện thực trước cách mạng tháng Tám.

++ Kim Lân sáng tác *Vợ nhặt* khi kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, ánh sáng của Đảng đã giúp nhà văn có cái nhìn mới về tương lai của người nông dân. Tràng tưởng thành, vững vàng hơn, nhiều lần nghĩ tới lá cờ đỏ của Việt Minh dẫn đầu đoàn người đói đi cướp kho thóc Nhật. Đó là cái nhìn lạc quan chỉ có được ở lớp nhà văn đã thức tỉnh.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Hai câu thơ của Trần Nhuận Minh thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc đời: *"Cơ trời vần xoay"* là những biến đổi khôn lường của cuộc sống. Hôm nay, ta đang sống trong no ấm nhưng ngày mai có thể phải tha phương cầu thực. Trần Nhuận Minh như muốn nhắc nhở, cảnh báo mỗi con người trong cuộc sống không nên tự mãn vì tương lai ra sao không ai biết trước được: bệnh tật hiểm nghèo, thất bại trong kinh doanh, những rủi ro trong cuộc sống… có thể lấy đi của ta tất cả những gì đang có. Vì thế cần biết chấp nhận những thăng trầm trong cuộc sống, đối diện với những khó khăn ấy và tìm cách vượt qua. Hơn nữa, không ai muốn mình bị rơi vào hoàn cảnh sa sút, nghèo khổ, phải tha phương cầu thực nên trước những cảnh đời bất hạnh hơn mình cần biết chia sẻ, giúp đỡ, không nên chế nhạo coi thường. Bởi lẽ, biết yêu thương, giúp đỡ người khác cũng là ta đang chuẩn bị cho mình "một lối đi về" để khi ta thất thế sa cơ sẽ có những bàn tay chia ra sẵn sàng giúp đỡ. Cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn nếu mọi người đều có lòng trắc ẩn, biết cưu mang, đùm bọc nhau. Thật đáng buồn cho những ai sống nhỏ nhen, ích kỉ. Tâm hồn họ rồi cũng sẽ khô héo, tàn lụi ngay từ khi còn sống.

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 17

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Sáu con người, do sự tình cờ của số phận, mắc kẹt vào cùng một cái hang rất tối và lạnh. Mỗi người chỉ còn một que củi nhỏ trong khi đống lửa chính đang lụi dần.

Người phụ nữ đầu tiên định quẳng que củi vào lửa, nhưng đột nhiên rụt tay lại. Bà vừa nhìn thấy một khuôn mặt da đen trong nhóm người da trắng. Người thứ hai lướt qua các bộ mặt quanh đống lửa, thấy một người trong số đó không đi chung nhà thờ với ông ta. Vậy là thanh củi cũng bị thu về. Người thứ ba trầm ngâm trong một bộ quần áo nhàu nát. Ông ta kéo áo lên tận cổ, nhìn người đối diện, nghĩ thầm: "Tại sao mình lại phải hi sinh thanh củi để sưởi ấm cho con heo béo ị giàu có kia?". Người đàn ông giàu lui lại một chút, nhẩm tính: "Thanh củi trong tay, phải khó nhọc lắm mới kiếm được, tại sao ta phải chia sẻ nó với tên khố rách áo ôm lười biếng đó?". Ánh lửa bùng lên một lần cuối, soi rõ khuôn mặt người da đen đang đanh lại, lộ ra những nét hằn thù: "Không, ta không cho phép mình dùng thanh củi này sưởi ấm những gã da trắng!".

Chỉ còn lại người cuối cùng trong nhóm. Nhìn những người khác trầm ngâm trong im lặng, anh ta tự nhủ: "Mình sẽ cho thanh củi, nếu có ai đó ném phần của họ vào đống lửa trước."

Cứ thế, đêm xuống dần. Sáu con người nhìn nhau căng thẳng, tay nắm chặt những que củi. Đống lửa chỉ còn than đỏ rồi lụi tắt. Sáng hôm sau, khi những người cứu hộ tới nơi, cả sáu đều đã chết cóng…

*(*Theo *Quà tặng cuộc sống)*

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2: Người viết văn bản trên đã đặt các nhân vật vào một tình huống như thế nào? Ý nghĩa của cách tạo dựng tình huống đó?

Câu 3: Theo anh/chị, trong văn bản trên, có những nguyên nhân nào khiến cả sáu người chết cóng?

Câu 4: Hãy đặt tên cho văn bản.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách nghĩ và hành động của sáu con người trong câu chuyện trên.

Câu 2 (5,0 điểm):

Nhận xét về quãng thời gian Chí Phèo sống với Thị Nở trong tác phẩm *"Chí Phèo",* Tiến sĩ Chu Văn Sơn cho rằng: *"Tuy chỉ có năm ngày ngắn ngủi, nhưng nó thật sự là một quãng đời khác: Chí được sống rồi chết như một con người"*

Dựa vào tác phẩm *"Chí Phèo"* anh (chị) hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là: tự sự/ phương thức tự sự.

Câu 2 (1,0 điểm):

STUDY TIP

Ở dạng câu hỏi về tình huống, các em cần chỉ ra: Các nhân vật đang bị đặt vào hoàn cảnh đặc biệt như thế nào?

Các nhân vật bị đặt vào một tình huống đặc biệt:

- Sáu người bị mắc kẹt vào một cái hang, thời tiết lạnh lẽo, khắc nghiệt, đống lửa duy nhất lại đang tàn dần trong khi đó mỗi người đều đang sở hữu một que củi.

- Ý nghĩa của tình huống: Tình huống có tính chất thử thách các nhân vật, qua đó tính cách các nhân vật bộc lộ rõ nét: tất cả đều hẹp hòi, nhỏ nhen, ích kỉ, thiếu tình yêu thương đồng loại, thiếu tinh thần đoàn kết…

Câu 3 (1,0 điểm): Nguyên nhân khiến sáu người chết cóng:

- Trước hết là vì hoàn cảnh khắc nghiệt: cái lạnh của hang đá làm họ kiệt sức.

- Tuy nhiên, nếu các nhân vật biết cách chia sẻ thanh củi của mình thì có lẽ họ đã không chết cóng. Họ không chỉ chết vì cái lạnh của hang đá mà còn chết vì chính cái lạnh từ tâm hồn họ. Đó là sự phân biệt chủng tộc, sự kì thị tôn giáo, sự phân biệt giàu nghèo… Nói cách khác là do lối sống hẹp hòi, ích kỉ, thiếu tình yêu thương đồng loại, thiếu tinh thần đoàn kết cộng đồng trong hoàn cảnh thử thách.

Câu 4 (0,5 điểm): Thí sinh có thể đặt nhiều tiêu đề khác nhau nhưng cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung văn bản và gây được ấn tượng.

Ví dụ: *Lạnh, Nơi lạnh nhất ở đâu…*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đây là dạng câu hỏi nghị luận về một vấn đề rút ra từ một câu chuyện. Vì thế trước tiên cần giải thích ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện: cách nghĩ và hành động của sáu người trong văn bản đại diện cho lối sống nào? Hậu quả của lối sống ấy như thế nào?

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Bày tỏ thái độ đánh giá về cách nghĩ và hành động của sáu người trong văn bản.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản sau:

- Cách nghĩ và hành động của sáu con người trong câu chuyện trên thể hiện lối sống cá nhân, ích kỉ, thiếu tình thương, thiếu tinh thần đoàn kết, nhất là trong hoàn cảnh thử thách. Chính cách hành xử và lối sống ấy đã đẩy họ đến kết cục bi thảm.

- Cuộc sống không tránh khỏi những trở ngại, thử thách. Để vượt qua, ý chí, nghị lực của con người là chưa đủ, cần lắm tinh thần tập thể, ý thức đoàn kết cộng đồng, sự đồng cảm sẻ chia giữa người với người.

- Phê phán lối sống ích kỉ, định kiến, vô cảm.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài*. *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Sau khi gặp Thị Nở, Chí Phèo được *"sống như một con người và chết như một con người"*

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm).

- Nam Cao là nhà văn lớn của văn học Việt Nam hiện đại với những đóng góp xuất sắc cho văn học hiện thực phê phán giai đoạn 1930 – 1945. Ngòi bút của Nam Cao tỉnh táo, sắc lạnh, nặng trĩu suy tư nhưng cũng đằm thắm tình yêu thương. Ông đặc biệt quan tâm tới số phận những người nông dân nghèo khổ trước cách mạng tháng Tám.

- *Chí Phèo* là một kiệt tác lớn của Nam Cao không chỉ vì nó đã phản ánh chân thực bức tranh làng quê, nông thôn Việt Nam trước cách mạng mà còn là tiếng nói đòi quyền sống, quyền làm người, quyền hạnh phúc cho người nông dân lao động. Mối tình Chí Phèo – Thị Nở dù chỉ có năm ngày ngắn ngủi nhưng có ý nghĩa vô cùng to lớn với Chí Phèo: *"Tuy chỉ có năm ngày ngắn ngủi, nhưng nó thật sự là một quãng đời khác: Chí được sống rồi chết như một con người"* (Chu Văn Sơn)

b. Giải thích ý kiến (0,25 điểm)

- *Tuy chỉ có năm ngày ngắn ngủi:* là nhận xét về mối tình giữa Chí Phèo với Thị Nở diễn ra trong một thời gian ngắn so với quãng đời dằng dặc bóng tối, tội ác mà Chí Phèo đã sống.

- *Sống như một con người:* được sống với những cảm xúc nhân tính của một con người bình thường, được đối xử như một con người.

- *Chết như một con người:* có ý thức về bi kịch của mình, tự lựa chọn, tự quyết định được cuộc đời mình.

☐ Nhận định của Chu Văn Sơn đã khẳng định ý nghĩa thức tỉnh của tình người trong sáng: chính tình yêu thương mộc mạc, chân thành của người đàn bà khốn khổ đã giúp Chí Phèo thức tỉnh, được sống với những cảm xúc nhân tính và chết như một con người có ý thức về nhân phẩm, giá trị, quyền sống, quyền làm người.

c. Phân tích, chứng minh:

STUDY TIP

Trước khi phân tích vào ý chính, các em phải khái quát được: Trước khi gặp Thị Nở, Chí Phèo đang sống kiếp quỷ dữ, không được xã hội coi là người.

- Khái quát cuộc đời Chí Phèo trước khi gặp Thị Nở: đang trượt dài trên cái dốc tha hóa, bị tất cả người làng Vũ Đại coi là con quỷ dữ, bị loại ra khỏi xã hội loài người. Chí Phèo sống bản năng, chìm ngập trong những cơn say và gây ra biết bao tội ác cho dân làng (0,25 điểm)

- Trong quãng thời gian 5 ngày sống với Thị Nở: *Chỉ được sống như một con người và chết như một con người.*

+ Sống như một con người (1,0 điểm)

++ Trước hết, Chí sống trong trạng thái tỉnh, biết tri giác thế giới xung quanh: cảm nhận được ánh mặt trời rực rỡ, nghe được những âm thanh đời thường (tiếng người đi chợ, tiếng gõ mái chèo đuổi cá, tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá) ☐ Chí biết buồn. Nam Cao đã 4 lần nhắc tới nét tâm trạng này với những tầng bậc khác nhau: *Lòng mơ hồ buồn – Chao ôi là buồn – Hắn lại nao nao buồn – Buồn thay cho đời*. Biết buồn là cảm giác đầu tiên đánh dấu quá trình thức tỉnh của Chí Phèo.

++ Chí Phèo còn tỉnh táo để biết nhận thức về bản thân: nhớ lại quá khứ (với ước mơ về một mái ấm gia đình giản dị), nhìn vào hiện tại (thấy mình đã già mà vẫn còn cô độc) và cả tương lai (đói rét, ốm đau và cô độc) ☐ Lo sợ, cái nỗi sợ cố hữu của bất kì một con người bình thường nào *"sợ cô độc"*.

++ Chí biết yêu thương và cũng được yêu thương như con người: tình yêu mộc mạc và sự chăm sóc chân thành của Thị Nở đã làm sống dậy cái bản thiện trong con người Chí Phèo: Lần đầu tiên hắn được người khác cho không – cho mà không phải cướp giật, lần đầu tiên hắn được chăm sóc bởi *một bàn tay đàn bà*, lần đầu tiên Chí Phèo có được cảm giác về một mái ấm gia đình… Dù chỉ *năm ngày ngắn ngủi sống với Thị Nở* nhưng đó là một quãng đời hoàn toàn khác với Chí Phèo. Chí Phèo đã được nếm trải tất cả những cung bậc cảm xúc của một con người (ngạc nhiên, cảm động, ăn năn, biết tỏ tình, cố gắng uống thật ít rượu *để tỉnh táo mà yêu nhau…)*

☐Đó là đời sống tâm hồn của một con người – một con người khi đã trở về với những giá trị người.

+ Chết như một con người (1,0 điểm)

++ Bị Thị Nở cự tuyệt, Chí Phèo lâm vào tuyệt vọng đau đớn: ý thức được bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của mình, hắn xách dao đi trả thù. Ban đầu, chí Phèo định đến nhà Thị Nở nhưng bước chân lại đưa hắn đến nhà Bá Kiến. Cái bước chân *"xông xông"* đi vào nhà Bá Kiến là bước chân có chủ đích. Vì lí trí tỉnh táo chỉ rõ Bá Kiến mới là kẻ thù số một của đời mình.

++ Những lời nói của Chí Phèo ở nhà Bá Kiến thật tỉnh táo: vừa vạch tội kẻ thù vừa ý thức được bi kịch bị loại khỏi xã hội loài người của mình.

++ Giết Bá Kiến và tự sát ☐ tự giải thoát, đó là cách duy nhất dù là cách tiêu cực. Bởi lẽ nếu tiếp tục sống Chí sẽ phải sống kiếp quỷ dữ, điều ấy Chí không muốn nữa.

☐Cuối cùng, Chí cũng đã tự quyết định được cuộc sống của mình.

d. Bàn luận (0,5 điểm)

STUDY TIP

Phần bàn luận nên đánh giá về:

- Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm toát lên từ hình tượng Chí Phèo.
- Đặc sắc nghệ thuật của ngòi bút Nam Cao khi xây dựng hình tượng Chí Phèo.

- Qua quá trình thức tỉnh và cái chết bi thảm của Chí Phèo Nam Cao đã phản ánh một hiện thực đen tối ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng: tình trạng người nông dân lương thiện bị đẩy vào bước đường cùng, bị

lưu manh tha hóa. Đồng thời, nhà văn cũng khẳng định và đề cao tình người mộc mạc, chân thành. Tác phẩm gửi đến người đọc một thông điệp có ý nghĩa nhân văn sâu sắc: chỉ có tình người mới cứu được tính người.

- Diễn biến tâm lí của Chí Phèo khi thức tỉnh được miêu tả sâu sắc và tinh tế, cách trần thuật lạnh lùng mà vẫn trĩu nặng suy tư là một thành công lớn về nghệ thuật của Nam Cao.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Trong cuộc sống đôi khi chúng ta sẽ bị đặt vào những hoàn cảnh thử thách khắc nghiệt, đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của cá nhân mà còn cần sự chung tay của cả cộng đồng. Sáu con người trong câu chuyện trên đang trơi vào một hoàn cảnh như thế. Lẽ ra họ phải thay phiên nhau cho thanh củi của mình vào đống lửa để duy trì ánh sáng và hơi ấm, đợi những người cứu hộ đến nhưng họ lại khư khư giữ lấy thanh củi của riêng mình. Cách nghĩ và hành động của họ thể hiện lối sống cá nhân, ích kỉ, thiếu tình thương, thiếu tinh thần đoàn kết, nhất là trong hoàn cảnh thử thách. Chính cách hành xử và lối sống ấy đã đẩy họ đến kết cục bi thảm. Đối với những vấn đề xã hội lớn như ô nhiễm môi trường, chống giặc ngoại xâm, thiên tai… một cá nhân không thể giải quyết được những khó khăn mà cần có tinh thần đoàn kết cộng đồng, ý thức tự giác của mỗi người. Đôi khi, vì lợi ích chung của cộng đồng, dân tộc, đất nước mỗi người cần biết hi sinh lợi ích của riêng mình. Lối sống ích kỉ, định kiến, vô cảm sẽ là bức rào chắn vô hình khiến con người không thể xích lại gần nhau và chịu thất bại.

Phần II – Câu 2: Tham khảo lời bình của TS. Chu Văn Sơn

Nhân vật thị Nở và bát cháo hành

Thị Nở là ai? Câu hỏi có vẻ thừa! Nhưng muốn trả lời câu hỏi có vẻ thừa đó, không thể không đặt thị trong những đối sánh cần thiết.

Đâu phải ngẫu nhiên Nam Cao mô tả Chí Phèo có quan hệ với hai người đàn bà. Với bà Ba – hắn là xinh vào hạng nhất làng Vũ Đại – Chí không được hưởng một chút tình yêu nào. Hành vi gọi Chí lên bóp chân, về thực chất, là hành vi bóc lột. Bóc lột cái phần trai trẻ ở Chí Phèo, mà bấy giờ lão Bá đã cạn. Chí chỉ được xem như một thứ nô lệ, phục dịch những cơn thèm khát bất chính của bà thôi. Còn với thị Nở, Chí được hưởng tình người. Mộc mạc, đơn sơ, nhưng chân thật.

Nhiều người cứ phê phán Nam Cao là tự nhiên chủ nghĩa, là quá trớn khi mô tả thị Nở xấu đến ma chê quỉ hờn. Nhưng xét ở bình diện nghệ thuật, Thị càng xấu, truyện càng hay. Dĩ nhiên, hay không phải vì xấu. hay là: có xấu đến thế, bi kịch Chí Phèo mới sâu sắc. Không phải ngẫu nhiên Nam Cao đã trút vào Thị tất cả những nét mỉa mai nhất của Hóa công dành cho một người đàn bà. Dường như bút pháp Nam Cao đã dùng tả thị Nở không hẳn của hiện thực mà vay mượn của dân gian và lãng mạn. Có thể nói, thị Nở đã xấu một cách hoàn hảo, xấu ở mức lí tưởng. Đã xấu, nghèo, dở hơi, lại còn thuộc dòng giống hủi. Tất cả những thứ ấy đã biến Thị Nở thành một thứ phế thải, vô giá trị. Nhưng ở cái con người vô giá trị kia lại có thứ tài sản vô giá: tình người. Những tương phản trái khoáy ấy thuộc về dụng ý và dụng công của Nam Cao.

Xét cho cùng, biểu hiện đáng kể nhất của tình người ở thị Nở là bát cháo hành. Và đây là tình tiết thiên tài của Nam Cao. Cháo hành là thứ cháo xoàng xĩnh. Lại còn nấu bở bàn tay thị Nở thì … ấy thế mà phải tận đến lúc này, khi đã sang cái dốc bên kia cuộc đời rồi, Chí mới lần đầu tiên được hưởng. Muộn mằn và thiệt thòi quá! Nhưng hắn đã nhận ra trong đó hương vị của tình người. Kề bát cháo lên miệng, Chí đã khóc. "Hắn thấy mắt hình như ươn ướt". May mà Chí còn biết khóc. Còn biết khóc thế là còn biết cảm động. Còn cảm động trước tình người, là còn tính người. Còn tính người thì còn khả năng lương thiện. Nếu đôi mắt chỉ còn ráo hoảnh, thì Chí Phèo không còn khao khát và khả năng hoàn lương. Lương tri xem như đã chết hẳn. Nam Cao tin vào nước mắt con người. Nước mắt đối với Nam Cao không chỉ là biểu tượng của đau khổ, mà còn là "giọt châu của loài người", hiện thân của tính người. Đâu phải vô cớ mà cách nhân vật Nam Cao đều thức tỉnh cùng nước mắt và trong nước mắt! Sống trong một xã hội khô héo và xói mòn tình người, giọt nước mắt

trong Chí tưởng đã khô cạn tiêu tan. Hóa ra không hẳn. Nó chỉ bị vùi lấp. Trong thẳm sâu lòng Chí, nó vẫn len lỏi, âm thầm và trong suốt. Vừa chạm báo cháo hành, cái lốt quỉ dữ của Chí lập tức được trút bỏ, con người lương thiện ngày nào hiện nguyên bản tướng. Tình người đã làm hồi sinh tính người. Đó chẳng phải là sự kì diệu của bát cháo hành sao?

Ngẫm ra, cả việc thị Nở dìu Chí vào lều đắp điếm cho hắn, lẫn bát cháo hành chỉ là lòng tốt bình thường của một con người dành cho một con người. Nhưng, trong cái thế giới ngày càng tha hóa, vô tình của làng Vũ Đại, đây lại là lòng tốt hiếm hoi duy nhất mà Chí được hưởng, kể từ ngày về làng. Vì thế mà quý giá. Vì thế, Chí mới cảm động sâu xa đến vậy. Gửi niềm tin vào một lòng tót bình thường, Nam Cao đã tỏ rõ tầm cỡ một nhà văn nhân đạo lớn. Bởi cái mà nhân loại thiếu không phải là một lòng tốt xa vời và hư ảo của ông thánh hay lòng tốt suông của một nhà lập thuyết viển vông. "Cái mà nhân loại thiếu, đó là một lòng tốt bình thường". Lời nói ấy đã luôn vang lên như một điệp khúc khắc khoải trong các tác phẩm của Rơmac. Chỉ cần mỗi con người mang cho nhau lòng tốt bình thường, là đủ để cả hành tinh này tốt đẹp rồi.

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 18

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

"Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng, tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hóa học thuật của nhân loại. Nếu chúng ta mong tiến lên từ văn hóa, học thuật của giai đoạn này thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xóa bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ, thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu"

(*Bàn về đọc sách* – Chu Quang Tiềm)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn văn bản trên.

Câu 3: Vì sao tác giả lại cho rằng *"Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại"*?

Câu 4: Thông điệp mà anh/chị rút ra qua văn bản trên là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Đọc sách mang đến cho con người thật nhiều lợi ích. Từ việc đọc hiểu đoạn văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về một lợi ích của việc đọc sách.

Câu 2 (5,0 điểm):

- Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?
- Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…

(Trích *Việt Bắc* – Tố Hữu, Ngữ văn 12 Tập 1, Nxb Giáo dục, 2010, Tr 109)

Phân tích đoạn thơ trên để làm sáng tỏ ý kiến cho rằng: *Thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị*. Từ đó liên hệ với đoạn thơ sau trong bài *Từ ấy* để thấy được càng về sau chất trữ tình trong thơ Tố Hữu càng đậm nét:

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim…

(Trích *Từ ấy* – Tố Hữu, Ngữ văn 11 Tập 2, Nxb Giáo dục, 2007, Tr 44)

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt của đoạn văn bản: nghị luận/ phương thức nghị luận.

Câu 2 (1,0 điểm):

Nội dung chính của đoạn văn bản: Vai trò to lớn của sách. Sách là con đường quan trọng của học vấn, là kho tàng cất giữ những di sản tinh thần của nhân loại.

Câu 3 (1,0 điểm):

"*Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại*" vì: mọi tri thức mà nhân loại có được trong quá trình phát triển đều được lưu giữ trong sách vở. Nếu không có sách, những giá trị ấy sẽ bị "*vùi lấp*" đi.

Câu 4 (0,5 điểm):

Thí sinh có thể rút ra nhiều thông điệp khác nhau nhưng cần đảm bảo bám sát nội dung văn bản, sau đây là gợi ý:

- Cần biết trân trọng sách.
- Đọc sác là một con đường quan trọng của học vấn.

…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đọc sách có nhiều lợi ích nhưng đề bài yêu cầu trình bày suy nghĩ của em về một lợi ích của việc đọc sách. Nên các em chỉ chọn 1 trong các gợi ý của đáp án để viết, tránh ôm đồm, lan man.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm):

Lợi ích của việc đọc sách.

3. Triển khai vấn đề cần nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần làm rõ được một lợi ích của việc đọc sách đối với con người. Có thể lựa chọn một trong các lợi ích sau để viết thành đoạn văn:

- Đọc sách giúp nâng cao trí tuệ và hiểu biết
- Đọc sách giúp trau dồi vốn từ, cách diễn đạt
- Đọc sách bồi dưỡng tâm hồn
- Đọc sách giúp giải trí, bớt căng thẳng…

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài*. *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Phân tích đoạn thơ trong bài *Việt Bắc* để chứng minh phong cách thơ trữ tình – chính trị của Tố Hữu, liên hệ với đoạn thơ trong bài *Từ ấy* để thấy được chất trữ tình trong thơ Tố Hữu ngày càng đậm nét.

3. Triển khai vấn đề cần nghị luận:

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

a. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

- Tố Hữu là lá cờ đầu trong nền thơ ca cách mạng Việt Nam, những trang thơ của ông luôn luôn gắn bó với các chặng đường lịch sử của dân tộc.

- Thơ Tố Hữu là thơ của lí tưởng cộng sản. Nói đến thơ Tố Hữu là nói đến một hồn thơ trữ tình – chính trị tiêu biểu, nhất quán trong suốt cuộc đời cầm bút. Sáng tác của Tố Hữu tràn đầy chất men say hứng khởi đối với lí tưởng cộng sản. Tám câu đầu của bài thơ *Việt Bắc* rất tiêu biểu cho tính chất trữ tình – chính trị ấy.

b. Giải thích nhận định (0,5 điểm)

- *Thơ chính trị*: Là thơ trực tiếp đề cập đến những vấn đề chính trị, những sự kiện chính trị nhằm mục đích tuyên truyền, cổ động. Chính vì thế, thơ chính trị thường có nguy cơ rơi vào khô khan, áp đặt.

- Tuy nhiên, cái gốc của thơ nói chung, thơ Tố Hữu nói riêng vẫn là *trữ tình*. *Trữ tình* là bộc lộ trực tiếp ý thức, tình cảm, cảm xúc của con người đối với thế giới và nhân sinh. Mặt khác, cái tôi trữ tình luôn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước thực tại trên tư cách phổ quát, động chạm tới những vấn đề chung của tồn tại con người (cái chết, tình yêu, nỗi buồn, lẽ sống…). Cho nên, trữ tình trở thành tiếng lòng thầm kín của mọi người.

☐ Tố Hữu đã *"trữ tình hóa"* những vấn đề chính trị bằng tình cảm mộc mạc, chân thành, tạo nên những vần thơ có sức rung cảm sâu xa. *"Tố Hữu đã đưa thơ chính trị đạt đến trình độ rất đỗi trữ tình"* (Xuân Diệu).

c. Phân tích 8 câu đầu bài *Việt Bắc* để chứng minh nhận định (1,5 điểm):

CHÚ Ý

Để làm sáng tỏ chất trữ tình – chính trị của đoạn thơ này, các em có thể làm theo hai cách:

- Cách 1: Chia ra hai luận điểm rõ ràng: Tính chính trị và Chất trữ tình.

- Cách 2: phân tích lần lượt 4 câu đầu và 4 câu sau, trong mỗi phần chỉ rõ đâu là tính chính trị, đâu là chất trữ tình.

☐Đáp án này được xây dựng theo hướng thứ nhất

* ***Chất chính trị:***

- Đoạn thơ đề cập một sự kiện lịch sử có ý nghĩa lớn với cả dân tộc: Trung ương Đảng và chính phủ rời căn cứ địa Việt Bắc để trở về Hà Nội sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954. Có thể nói, thời khắc lịch sử này là một ranh giới đặc biệt: thời chiến và thời bình, độc lập tự do và nô lệ… Cuộc chia tay giữa *mình* và *ta* trong đoạn thơ thực chất là cuộc chia tay giữa đồng bào Việt Bắc với người cán bộ kháng chiến ☐ Mối quan hệ giữ quần chúng với nhân dân. Đây là một tình cảm lớn lao, mang tính chính trị, nó khác với những tình

cảm riêng tư cá nhân.

- Cảm hứng chủ yếu của đoạn thơ là cảm hứng ân tình cách mạng, niềm biết ơn sâu sắc với Đảng, Bác Hồ, với căn cứ địa Việt Bắc. Kỉ niệm được nhắc đến là kỉ niệm về một thời cách mạng, một vùng cách mạng:

+ Một thời cách mạng *(15 năm ấy)*: được tính từ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (1940) đến khi kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi (1954). Trong khoảng thời gian ấy Việt Bắc đã làm tròn sứ mệnh của một căn cứ địa cách mạng.

+ Một vùng cách mạng: những hình ảnh *cây, núi, sông, nguồn* gợi nhớ về không gian rừng núi, nơi thủ đô gió ngàn với rừng cây núi đá...

* ***Chất trữ tình:***

- Đoạn thơ được viết với kết cấu đối đáp giữa *mình* và *ta* trong một cuộc chia tay quyến luyến bịn rịn. Đó là cách xưng hô thân mật thường thấy trong ca dao, dân ca, là lời xưng hô trong tình yêu lứa đôi, nghe tha thiết, bâng khuâng. Cuộc chia tay lớn mang ý nghĩa lịch sử trọng đại bỗng ùa về trong dáng dấp của cuộc biệt li giữa đôi lứa yêu nhau.

- Nội dung đoạn thơ: là tiếng nói trữ tình tha thiết của người đi – kẻ ở

+ Bốn câu đầu là tâm trạng người ở lại.

++ Điệp ngữ *Có nhớ ta? Có nhớ không?* Được nhắc lại liên tiếp nhấn mạnh vào mối bận tâm đau đáu của người ở lại; đồng thời hé lộ: nỗi nhớ là cảm xúc bao trùm cả bài thơ, là khởi đầu cho mọi nỗi niềm tâm sự được bộc bạch. Giọng cất lên đã là giọng của yêu thương trìu mến, nhung nhớ chia xa.

++ Bao kỉ niệm tha thiết suốt 15 năm gắn bó đọng lại trong chữ *thiết tha mặn nồng* diễn tả tình cảm đậm sâu của những con người từng gắn bó lâu dài.

++ Câu thơ *Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn* không chỉ gợi nhắc về không gian kháng chiến mà còn chạm đến một tình cảm thiêng liêng của cả dân tộc: Cây sống được nhờ ân tình của núi, nước chảy về xuôi nhờ ngọn nguồn dào dạt. Đó là lời nhắc nhở về lối sống ân nghĩa thủy chung của nhân dân ta: *Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

+ Bốn câu sau diễn tả tâm trạng bâng khuâng, bồn chồn đầy lưu luyến, bịn rịn của người kháng chiến đối với cảnh và người Việt Bắc.

++ Đại từ *ai* – một đại từ rất quen thuộc trong ca dao, dân ca; một đại từ vừa phiếm chỉ, vừa cụ thể làm cho lời thơ trở nên trữ tình, tha thiết như khúc hát giao duyên quan họ.

++ Tâm trạng lưu luyến khi chia tay được gợi lên từ cả nội tâm (*trong dạ*) và dáng điệu (*bước đi*). Chỉ hai câu thơ lục bát nhưng đã diễn tả được 3 trạng thái tình cảm sâu sắc:

- Từ láy *thiết tha* trong lời người ở lại đã được chuyển hóa thành *tha thiết* trong lòng người ra đi □
  tạo nên sự đồng vọng, hô ứng về tình cảm: người ở lại thiết tha hỏi, người ra đi tha thiết nhớ.
- *bâng khuâng*: như tiếc nuối, hụt hẫng
- *bồn chồn*: cõi lòng không yên, nôn nao chờ đợi, phấp phỏng ngóng trông

□Các từ láy này đứng gần nhau tạo thành những vòng sóng cảm xúc, lan tỏa nhiều cung bậc, tạo không gian mến thương, nán níu

++ Hình ảnh *"Áo chàm"* vừa là hoán dụ chỉ người Việt Bắc, vì màu áo chàm là màu áo đặc trưng của người Việt Bắc, của vùng quê nghèo thượng du đồi núi, vừa là ẩn dụ, biểu tượng cho tấm lòng chung thủy sắt

son. *Trong tâm thức người Việt Nam, màu chàm nâu là màu đơn sơ chân thực, không kiểu cách lòe loẹt, nó là biểu tượng cho tấc lòng chung thủy của mọi người* (Tố Hữu nói về tác phẩm)

++ Hình ảnh: *Cầm tay nhau biết nói gì* thể hiện thật xúc động tình cảm của kẻ ở, người đi. Im lặng cũng là một trạng thái trữ tình sâu lắng. *Biết nói gì* bởi dường như điều gì cũng muốn nói, bởi lòng bộn bề cảm xúc nên chẳng biết bắt đầu từ đâu, bởi nói gì cũng là chưa đủ, chưa thỏa cho 15 năm ấy *thiết tha mặn nồng*. Cái cử chỉ cầm tay ấy cũng đã thay cho mọi lời muốn nói. Nhịp thơ cũng đổi khác: 3/3 – 3/3/2 ☐ diễn tả những bước chân ngập ngừng không nỡ rời xa.

☐Nếu như với kẻ ở, thương nhớ bật thành lời thì với người ra đi, lưu luyến nhớ thương lại biến thành im lặng. Nhưng lặng im mà không kém phần tha thiết mãnh liệt. Dù chưa nói lên bằng lời nhưng người ra đi cũng cùng một tâm trạng nhớ thương với người ở lại.

d. Liên hệ với đoạn thơ trong bài Từ ấy để thấy được càng về sau chất trữ tình trong thơ Tố Hữu càng đậm nét (1,0 điểm):

- Cảm nhận về đoạn thơ trong bài *Từ ấy*: Đoạn thơ diễn tả cảm xúc vui sướng, hạnh phúc, say mê của hồn thơ Tố Hữu khi lần đầu tiên bắt gặp ánh sáng lí tưởng cách mạng – một nguồn cảm xúc thiêng liêng và chân thành xuất phát từ chính trái tim của nhà thơ. Đây cũng là xúc cảm tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu.

+ Vẻ đẹp của lí tưởng cách mạng được thể hiện qua nghệ thuật ẩn dụ với các hình ảnh *nắng hạ, mặt trời chân lí*, các động từ *bừng, chói* ☐ Lí tưởng cách mạng như vầng mặt trời tỏa ánh sáng và hơi ấm, soi rọi khắp thế gian, mang lại sự sống cho muôn loài.

+ Hình ảnh so sánh: *Hồn tôi là một vườn hoa lá*, các từ chỉ mức độ: *rất đậm hương, rộn tiếng chim* đã cho thấy sự tác động to lớn của lí tưởng cách mạng tới tâm hồn nhà thơ, một nguồn sống dào dạt đang tuôn chảy trong trái tim người thanh niên trẻ tuổi. Niềm vui hóa thành âm thanh rộn ràng như chim hót, thành sắc lá, sắc hoa tươi xanh, thành âm thanh tỏa lan ngọt ngào.

- Chất trữ tình trong thơ Tố Hữu càng về sau càng đậm nét:

+ Bài *Từ ấy* được sáng tác năm 1938, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu ở thời kì đầu. Nhà thơ như choáng ngợp trước ánh sáng của lí tưởng cách mạng, thường sử dụng các hình ảnh rực rỡ, đẹp đẽ *(mặt trời, nắng hạ*), bút phát lí tưởng hóa, đôi khi là thần thánh hóa sức mạnh của lí tưởng cách mạng. Giọng điệu chủ đạo trong thơ ông là giọng ngợi ca, biết ơn với âm hưởng sôi nổi, vui tươi, tràn đầy hứng khởi.

+ Bài *Việt Bắc* được sáng tác sau khi kháng chiến chống Pháp kết thúc (1954), trải qua quá trình trải nghiệm với cuộc sống của nhân dân, thơ Tố Hữu ngày càng đằm thắm. Các hình cản có tính lí tưởng hóa *(nắng hạ, mặt trời chân lí)* với giọng điệu ngợi ca hào sảng đã được thay thế bằng giọng điệu tâm tình, nhắn nhủ của lứa đôi với các hình ảnh giản dị, đời thường *(áo chàm, cầm tay nhau…).* Từ sự tuyệt đối hóa sức mạnh của lí tưởng cách mạng đến đây Tố Hữu đã ý thức sâu sắc hơn về mối quan hệ gắn bó keo sơn, tình nghĩa bền chặt với nhân dân kháng chiến… Tất cả đã cho thấy sự vận động trong hồn thơ Tố Hữu: vẫn gắn bó mật thiết với những sự kiện chính trị của dân tộc nhưng các sự kiện chính trị ấy ngày càng được "trữ tình hóa" bằng một giọng thơ ngọt ngào, thương mến nên dễ đi vào lòng người hơn.

CHÚ Ý

Để làm sáng tỏ được chất trữ tình trong thơ Tố Hữu càng ngày càng đậm nét các em cần nhận thấy sự thay đổi từ nội dung đến hình thức biểu hiện từ bài *Từ ấy* đến *Việt Bắc*, có được điều ấy là do những trải nghiệm qua thực tế đấu tranh cách mạng khiến nhà thơ càng về sau càng gần gũi với đời sống nhân dân hơn.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

10 LỢI ÍCH KHÔNG NGỜ CỦA VIỆC ĐỌC SÁCH

Lần cuối cùng bạn đọc một cuốn sách hoặc tạp chí là khi nào? Có phải thói quen đọc hằng ngày của bạn đều xoay quanh những thông tin cập nhật từ Facebook, hay thậm chí chỉ là bảng hướng dẫn sử dụng trên các gói mì tôm? Nếu như bạn là một trong vô số người không có thói quen đọc sách hằng ngày, có nghĩa là bạn đã bỏ qua rất nhiều lợi ích của việc đọc sách. Dưới đây chỉ là 10 lợi ích trong số đó.

1. Kích thích tinh thần

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng, đọc sách giúp kích thích tinh thần. Sự kích thích tinh thần giúp làm chậm lại tiến độ (hoặc thậm chí có thể ngăn chặn) căn bệnh Alzheimer và mất trí nhớ, giữ cho bộ não của bạn hoạt động và tham gia ngăn không cho bị mất năng lượng.

Giống như bất kỳ các cơ quan khác trong cơ thể, não đòi hỏi phải được tập thể dục để luôn mạnh khỏe.

2. Giảm căng thẳng

Bất kể bạn gặp bao nhiêu căng thẳng trong công việc, các mối quan hệ cá nhân, hay vô vàn các vấn đề khác phải đối mặt trong cuộc sống hàng ngày, tất cả sẽ biến mất khi bạn tập trung vào một câu chuyện thú vị. Một cuốn sách hay có thể đưa bạn tới một thế giới khác, một bài báo hấp dẫn sẽ giúp ổn định bạn trong thời điểm hiện tại, khiến tình trạng căng thẳng dần dần tan biến và cho phép bạn thư giãn.

3. Kiến thức

Tất cả những gì bạn đọc sẽ lấp đầy tâm trí bạn với những thông tin mới mẻ, thú vị. Bạn không thể biết được lúc nào đó bạn sẽ cần đến những mảng kiến thức này. Càng hiểu biết, bạn càng được trang bị tốt để vượt qua bất cứ thử thách nào trong cuộc sống.

Đã bao giờ bạn rơi vào hoàn cảnh bi đát, cùng cực chưa? Hãy nhớ rằng bạn có thể mất tất cả - công việc, tài sản, tiền bạc, thậm chí cả sức khỏe – nhưng tri thức thì không bao giờ bạn đánh mất.

4. Mở rộng vốn từ

Lợi ích này đi cùng lợi ích thứ 3: Bạn càng đọc nhiều, bạn càng có được them nhiều từ vựng, chúng sẽ trở thành vốn từ hàng ngày của bạn. Nói lưu loát và thu hút là lợi thế trong bất cứ ngành nghề nào. Việc đọc hỗ trợ nhiều cho sự nghiệp của bạn. Những người có khả năng đọc tốt, nói tốt và hiểu biết rộng có xu hướng thăng chức nhanh hơn (và thường xuyên hơn) những người có vốn từ hạn hẹp và ít hiểu biết về văn học, khoa học hay các sự kiện trên thế giới.

Đọc sách cũng giúp ích nhiều cho việc học ngôn ngữ mới. Khi một người nói ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ được tiếp xúc với những từ được dung trong từng ngữ cảnh, khả năng nói cũng như viết của người đó sẽ thông thạo hơn.

5. Cải thiện trí nhớ

Khi bạn đọc sách, bạn phải ghi nhớ các nhân vật, thông tin về họ, hoài bão, lịch sử, sắc thái hay các tình tiết hình thành nên lối sống qua mỗi câu chuyện. Có thể là hơi nhiều nhưng não là một thứ tuyệt vời, chúng có thể nhớ tất cả những điều này dễ dàng. Rất kì diệu, mỗi ký ức mới sẽ khiến não tạo ra nếp nhăn não mới và củng cố nếp nhăn cũ, hỗ trợ việc nhớ lại và cân bằng cảm xúc. Thật thú vị phải không?

6. Khả năng phân tích của tư duy mạnh mẽ hơn

Bạn đã từng đọc một tiểu thuyết kỳ bí và tự giải quyết được bí ẩn trước đó khi đọc xong chưa? Nếu có, bạn đã có thể áp dụng tư duy phê bình và phân tích vào công việc bằng cách ghi lại tất cả những chi tiết được

cung cấp và xâu chuỗi chúng giống như "truyện trinh thám".

Khả năng phân tích các chi tiết cũng sẽ có ích khi nhận xét về tình tiết truyện, đánh giá xem phần đó được viết tốt hay chưa, tiến triển của nhân vật có hợp lý không, cốt truyện có mạch lạc không.

Nếu bạn thảo luận về một cuốn sách với người khác, bạn cũng có thể nêu rõ ràng ý kiến của mình, vì bạn đã dành thời gian thực sự để xem xét tất cả các khía cạnh liên quan.

7. Tăng khả năng tập trung, chú ý

Trong thời đại phát cuồng vì internet, sự tập trung của chúng ta bị phân tán ra nhiều hướng cùng lúc khi chúng ta xử lí nhiều việc hàng ngày.

Chỉ trong 5 phút, một người trung bình sẽ chia thời gian của họ giữa làm việc, kiểm tra e-mail, chat, đề mắt đến facebook, theo dõi điện thoại và trò chuyện với đồng nghiệp. Những hành vi này làm tăng mức độ stress và giảm năng suất làm việc.

Khi bạn đọc sách, tất cả sự chú ý được tập trung vào câu chuyện, phần còn lại của thế giới cứ thế trôi đi, và bạn có thể hòa mình vào từng chi tiết bạn đang cảm thụ.

Cố gắng đọc 15 đến 20 phút trước khi làm việc (ví dụ như buổi sáng trên phương tiện công cộng khi đi làm), và bạn sẽ bất ngờ về khả năng tập trung khi bắt tay vào công việc.

8. Kỹ năng viết tốt hơn

Lợi ích này đi cùng với lợi ích mở rộng vốn từ vựng: việc quan sát nhịp điệu, trạng thái, cách viết của tác giả sẽ ảnh hưởng tới lối viết của bạn. Cũng giống như các nhạc sĩ ảnh hưởng lẫn nhau, các họa sĩ dùng những kỹ thuật do chính các bậc thầy đi trước tạo ra, các nhà văn cũng học cách viết khi đọc tác phẩm của người khác.

9. Sự thanh tịnh trong tâm hồn

Ngoài việc thư giãn với một cuốn sách hay, đề tài mà bạn đọc có thể mang lại sự bình yên, thanh tịnh trong tâm hồn bạn.

Đọc một tác phẩm về mặt tâm linh có thể làm giảm bớt huyết áp và mang lại cảm giác êm đềm, trong khi đọc cuốn sách về kỹ năng rèn luyện bản thân sẽ giúp ích cho những người bị rối loạn cảm xúc và bệnh tâm thần nhẹ.

10. Giải trí miễn phí

Rất nhiều người thích mua sách để được chú thích và đánh dấu mép trang, tham khảo sau này. Tuy nhiên những cuốn sách hay thường khá đắt. Để giải trí với ngân sách thấp, bạn có thể đến các thư viện địa phương.

Ngoài ra, có nhiều thư viện điện tử mà bạn có thể mua hoặc thậm chí đọc đến hàng nghìn cuốn miễn phí như trên thư viện sách waka.vn. Thư viện sách điện tử Waka có đến 4.000 cuốn thuộc 20 thể loại và cho phép đọc miễn phí, ngay cả chế độ offline (không có internet hay 3G).

Mỗi người trên thế giới đều có riêng một thể loại sách yêu thích. Dù bạn thích văn học cổ điển, thơ ca, tạp chí thời trang, tiểu sử, tôn giáo, sách dành cho thanh niên, cẩm nang tự rèn luyện, văn học đường phố hay tiểu thuyết tình cảm, luôn có thứ gì đó kích thích được sự tò mò và trí tưởng tượng của bạn.

Hãy chọn một quyển sách và bổ sung năng lượng cho tâm hồn bạn nhé!

Theo Waka.vn

(Nguồn: báo điện tử *vietnamnet.vn*, ngày 25/05/2015)

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019
CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 19
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Hai cha con nghệ sĩ Quốc Tuấn và câu chuyện truyền cảm hứng

(ĐCSVN) – Những ngày qua, câu chuyện lay động về tình phụ tử, về hành trình khắc nghiệt 15 năm bên con của diễn viên - đạo diễn Quốc Tuấn như một "bản hòa âm" ấm áp và giàu tình yêu thương, truyền cảm hứng cho rất nhiều người.

Là một diễn viên nổi tiếng, được khán giả nhớ đến qua nhiều vai diễn hiền lành, chân chất trong "12A và 4H", "Luật đời", "Người vác tù và hàng tổng"... Thế nhưng số phận không may mắn mỉm cười với anh sau khi kết hôn và đón con trai đầu lòng. Bé Bôm (Nguyễn Anh Tuấn) con trai diễn viên Quốc Tuấn ngay từ khi ra đời đã mắc căn bệnh hiểm nghèo apert - xương cứng sớm cục bộ, căn bệnh hiếm gặp đến mức tỉ lệ chỉ là 1/88.000. Căn bệnh khiến các ngón tay, ngón chân dính nhau, xương sọ bị đóng kín sớm. Đi cùng với sự phát triển của cơ thể thì cần phải có nhiều đợt phẫu thuật để tách rời các ngón tay, ngón chân và nới xương sọ...

Bằng tình yêu con vô bờ bến của một người cha, diễn viên Quốc Tuấn tin rằng bé Bôm sẽ khỏe mạnh như những người bình thường và bắt đầu hành trình chữa bệnh cùng con suốt 15 năm qua. Trong 15 năm, Bôm trải qua hơn 10 ca đại phẫu khác nhau. Có những lần thành công cũng có lần thất bại, nhiều lúc cậu bé phải ở trong bệnh viện hàng tháng trời. Để có thời gian chăm sóc cũng như đưa con đi chữa bệnh, những năm qua, Quốc Tuấn gác lại công việc diễn xuất của mình. Quốc Tuấn không chỉ là một người cha của bé Bôm. Anh tự nhận, anh là mẹ, là anh, là người bạn của bé Bôm. "Ông bố, bà mẹ nào cũng mong con mình khỏe mạnh, xinh xắn. Nhưng khi số phận rơi vào mình, không thể cứ ngồi ủ rũ, trông chờ. Mình phải là chỗ dựa cho con, truyền cho con sự tự tin, nghị lực, lạc quan". Chính niềm tin đó của Quốc Tuấn đã tạo nên điều kỳ diệu.

Cuối cùng sau 15 năm kiên trì chữa bệnh, bệnh tình Bôm đã gần khỏi. Cậu bé chờ thêm hai năm nữa để phẫu thuật thẩm mỹ, chỉnh hình. Hành trình 15 năm miệt mài không ngừng nghỉ cùng con trai, trái ngọt đầu tiên mà vợ chồng Quốc Tuấn nhận được chính là ước mơ của bố con Bôm hằng ấp ủ cuối cùng cũng trở thành hiện thực khi cậu bé là một trong năm tân sinh viên xuất sắc nhất thi đỗ vào khoa Jazz, bộ môn piano của Học viện Âm nhạc Việt Nam.

(Ngọc Khánh – http://dangcongsan.vn, ngày 29/09/2017)

Câu 1: Nêu nội dung chính của văn bản trên.

Câu 2: Câu nói *"Nhưng khi số phận rơi vào mình, không thể cứ ngồi ủ rũ, trông chờ. Mình phải là chỗ dựa cho con, truyền cho con sự tự tin, nghị lực, lạc quan"* cho thấy Quốc Tuấn là người cha như thế nào?

Câu 3: Theo anh/chị vì sao câu chuyện về hành trình chữa bệnh của cha con diễn viên Quốc Tuấn lại có thể truyền cảm hứng cho nhiều người?

Câu 4: Thông điệp ý nghĩa nhất mà anh/chị rút ra được qua văn bản trên là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ việc đọc - hiểu văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về tình yêu thương và sự hi sinh cao cả của người cha.

Câu 2 (5,0 điểm)

"Tràng giang" hiện ra như một bức tranh tạo vật trường cửu, lớn lao, vừa hoang sơ, vừa cổ kính. Trong đó thi sĩ hiện ra như một lữ thứ đơn độc, lạc loài. (Chu Văn Sơn)

Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua hai khổ thơ sau:

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.
Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

(Tràng giang - Huy Cận, Sgk Ngữ Văn 1l, tập 2, Nxb Giáo dục, 2007, tr 28)

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Nội dung chính của văn bản: Hành trình 15 năm đầy gian khổ chữa bệnh cho con trai của diễn viên Quốc Tuấn

Câu 2 (1,0 điểm):

Câu nói cho thấy Quốc Tuấn là người cha giàu nghị lực, không đầu hàng trước số phận, có tình yêu thương con vô bờ bến

Câu 3 (1,0 điểm):

Câu chuyện về hành trình chữa bệnh của cha con diễn viên Quốc Tuấn có thể truyền cảm hứng cho nhiều người vì:

- Câu chuyện nói về tình phụ tử thiêng liêng, cao đẹp - một tình cảm gần gũi với bao người nên dễ làm ta xúc động

- Câu chuyện cho thấy sức mạnh của niềm tin và nghị lực đã giúp hai cha con Quốc Tuấn làm nên những điều kì diệu. Từ đó, cổ vũ động viên bao người dù gặp hoàn cảnh khó khăn, bi đát đến đâu (nhất là những người mắc bệnh hiểm nghèo) không đánh mất niềm tin, luôn cố gắng vượt qua những khó khăn, thử thách.

CHÚ Ý

Biết bao người có hoàn cảnh tương tự như cha con diễn viên Quốc Tuấn đã có thêm niềm tin chiến đấu với bệnh tật nhờ câu chuyện cảm động của cha con anh

Câu 4 (0,5 điểm):

Thí sinh có thể rút ra nhiều thông điệp khác nhau từ văn bản. Sau đây là một vài gợi ý:

- Nghị lực sống và niềm tin mãnh liệt giúp con người vượt qua những hoàn cảnh khắc nghiệt.

- Tình yêu thương con cái vô hạn của cha mẹ có thể giúp con làm nên những điều kì diệu.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Tình yêu thương và sự hi sinh cao cả của người cha

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần bày tỏ được sự biết ơn, trân trọng trước sự hi sinh cao cả của người cha đối với mỗi con người. Có thể theo hướng sau:

- Với mỗi người con, cha luôn là người định hướng cho tương lai, người bảo vệ vững vàng, giúp con tránh được những vấp ngã, vượt qua được những thử thách khắc nghiệt của cuộc sống. Vì con, người cha có thể hi sinh tất cả. Có thể nói người cha là một nền tảng vững chắc cho sự hình thành nhân cách của con.

- Tình yêu thương và sự hi sinh của cha mãnh liệt và bền vững nhưng ít khi biểu lộ ra ngoài. Vì vậy nếu con vô tâm hờ hững sẽ không thấu hiểu hết những hi sinh vất vả của cha.

- Phê phán những hành vi bạc đãi cha mẹ.

STUDY TIP

Khi làm bài các em có thể so sánh sự hi sinh của cha với tình thương con của mẹ để thấy được cha cũng hi sinh vất vả nhưng ít khi bộc lộ ra bên ngoài. Vì thế, cần biết lắng nghe, nhìn nhận và trân trọng điều ấy

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đề bài yêu cầu 2 luận điểm:

- Bức tranh tạo vật trường cửu, lớn lao, vừa hoang sơ, vừa cổ kính
- Thi sĩ hiện ra như một lữ thứ đơn độc, lạc loài

→ Các em có thể phân tích theo hai luận điểm đó hoặc có thể phân tích từng khổ thơ nhưng vẫn cần làm bật lên luận điểm

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài*. *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Phân tích hai đoạn thơ để làm sáng tỏ nhận định của Chu Văn Sơn

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm)

- Huy Cận là nhà thơ của nỗi ám ảnh không gian. Ông thường tìm đến những cảnh thiên nhiên rộng lớn và đem đối lập với những hình ảnh gợi lên cái nhỏ bé, bơ vơ của kiếp người.

- *Tràng giang* là bài thơ kiệt tác của Huy Cận được sáng tác trước cách mạng tháng Tám. Thông qua bức tranh thiên nhiên rợn ngợp trong một buổi chiều buồn ở một vùng bến bãi sông nước mênh mông, nhà thơ thể hiện nỗi buồn ảo não, cô đơn của mình trước cuộc đời, thiên nhiên và vũ trụ, đúng như TS. Chu Văn Sơn nhận xét: *"Tràng giang" hiện ra như một bức tranh tạo vật trường cửu, lớn lao, vừa hoang sơ, vừa cổ kính. Trong đó thi sĩ hiện ra như một lữ thứ đơn độc, lạc loài.*

b. Giải thích nhận định (0,5 điểm)

CHÚ Ý

- Cảm hứng lớn trong thơ Huy Cận trước cách mạng là cảm hứng vũ trụ. Nhà thơ thường tìm đến những không gian rộng lớn và đem nó đối lập với kiếp người nhỏ bé.
- Cái **tôi** Huy Cận trước cách mạng là cái tôi cô đơn lạc loài

Căn cứ vào mạch cảm xúc của bài thơ, nhận định trên đã khái quát hai tầng nội dung trong thi phẩm.

- Thứ nhất, đó là bức tranh tạo vật - bức tranh mang cảm hứng không gian (một không gian trải từ mặt sông lên tận chót vót đỉnh trời, không gian được mở ra từ thẳm sâu vũ trụ, hun hút vô cùng) nên *"trường cửu*

và lớn lao". Bức tranh ấy lại được nhìn bằng sự chiêm nghiệm cổ điển nên vừa "hoang sơ vừa cổ kính".

- Thứ hai, đó là chân dung cái "tôi" trữ tình trong bài thơ, *"một lữ thứ đơn độc, lạc loài"*. Bởi cái "tôi" ấy mang mối sầu muôn thuở của con người khi đứng trước cảnh sông dài, trời rộng lại vừa mang tâm thế cô đơn của một cái "tôi" hiện đại đặc trưng cho Thơ mới. Nỗi sầu buồn hiu hắt cứ tầng tầng lớp lớp dâng lên, đẩy thi sĩ vào chiếc đảo đơn côi, nhỏ bé, bơ vơ.

c. Phân tích, chứng minh (2,0 điểm)

- Khổ thơ đầu: miêu tả bao quát khung cảnh sông nước tràng giang trường cửu, ẩn sâu sau đó là nỗi buồn về thân phận lạc loài, phiêu dạt

+ Câu thơ thứ nhất là hình ảnh sóng *gợn tràng giang*: Hình ảnh thơ mang nhiều lớp nghĩa tương đồng, tương phản đan xen, hoà quyện tạo nên sức gợi cảm lớn lao. Tương phản *sóng gợn – tràng giang* như một điểm nhấn về sự nhỏ bé hữu hạn, cũng như về cái mênh mông, hoang vắng của tràng giang. Dòng sông được nhân hoá mang tâm tư *"buồn điệp điệp". "Điệp điệp"* diễn tả hình ảnh những con sóng đang loang xa, xô đuổi nhau đến tận chân trời. Mỗi con sóng mang một nỗi buồn, nỗi buồn dấy lên từ một điểm và không ngừng trải rộng mãi, xôn xao mãi. Sóng truyền nhịp triền miên vào lòng người nỗi buồn miên man hay nỗi buồn lan từ lòng thi sĩ mà toả ra trên sóng nước? Sóng nước và con người tìm đến nhau trong nỗi buồn, khiến nhịp buồn, màu buồn thấm thìa, trùm lên tất cả.

→ Như vậy trên bề mặt là tương phản, ở bề sâu là tương đồng, câu thơ đầu tiên đã thu vào trong nó cả hình ảnh của tràng giang và hình ảnh của chủ thể trữ tình, tụ lại trong nỗi buồn như thuộc về muôn thuở.

+ Câu thơ tiếp theo gợi sâu hơn nỗi buồn đó *"Con thuyền xuôi mái nước song song"*. Trong thơ ca, thuyền vốn là hình ảnh tượng trưng cho những cuộc đời lênh đênh, phiêu dạt *"Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh/ Giữa dòng ngao ngán nỗi lênh đênh"* (Hồ Xuân Hương). Ở đây, con thuyền ấy lại còn buông xuôi, trôi mãi mặc cho sự đưa đẩy của nước như thể những kiếp người tha phương, lạc loài, phó mặc cho sự nổi trôi của số phận, Còn nước, không hoà nhập với thuyền, những luồng nước song song, rong ruổi mãi về phía chân trời. Không gian vừa mở theo chiều rộng, vừa vươn theo chiều dài. Không gian ấy càng xoáy sâu vào sự đơn lẻ, vô định của con thuyền.

→ Hai câu thơ đầu tiên với việc vận dụng nghệ thuật đối của thơ Đường một cách linh hoạt cùng những từ láy *"điệp điệp, song song"* đã khắc hoạ thế giới tràng giang mênh mông khôn cùng, Thế giới ấy như đã có từ ngàn năm trước và bây giờ vẫn thế, thế giới mang một nỗi buồn lớn, nỗi buồn của không gian, nỗi buồn của lòng người vạn kiếp, nỗi buồn nhân sinh xót xa cho phận người nhỏ bé, bơ vơ.

+ Câu thơ thứ ba u uẩn một mối chia li khắc khoải *"Thuyền về nước lại sầu trăm ngả"*. Câu thơ có hai cách ngắt nhịp, tạo ra hai giá trị biểu cảm khác nhau. Nếu ngắt nhịp 2/5, "lại' là phó từ (chỉ sự lặp lại), câu thơ chỉ có một nỗi buồn mênh mang của nước. Nếu ngắt nhịp 2/2/3, "lại" là động từ, biểu thị chuyển động của nước. Cuộc chia li của thuyền và nước là ngoại cảnh diễn ra trên sóng tràng giang. Nhưng ngay từ đầu lòng người đã nhập vào lòng sông, chủ thể trữ tình đã miên man trong nỗi buồn sông nước nên cuộc chia li này còn là cuộc phân li bên trong chủ thể. Đây mới là địa điểm chia li đích thực, chủ thể đã nhìn thấy sự chia li của những thứ tưởng như không thể chia lìa. Ngôn từ xô đẩy *"về - lại - sầu - ngả"* tạo ra sự xô đẩy, điệp trùng của hình tượng. *"Thuyền về, nước lại"* chuyển động ngược chiều nối tiếp nhau tạo thành vòng xoáy loang xa *mối sầu trăm ngả*: mối sầu bao trùm, mối sầu vũ trụ. Đấy là cuộc chia li trên bề mặt sông nước. Còn cuộc chia li trong "tôi" lại khác, "tôi" là một điểm nhỏ bé nên thu nhận mối sầu trăm ngả, mối sầu ấy sẽ ngưng kết, đọng lại trong "tôi". Từ không gian sông nước mở ra không gian tâm trạng, ta nhận ra cái "tôi" bơ vơ, đơn độc của nhà thơ giữa dòng "tràng giang".

+ Khổ thơ khép lại mà vẫn không vợi bớt nỗi cô đơn *"Củi một cành khô lạc mấy dòng"*. Huy Cận đã rất

tinh tế trong việc chuyển tải cái hồn của cảnh khi dùng phép đảo "Củi một cành khô". Nếu viết *"một cành củi khô"* thì *"một"* chỉ đơn thuần là số đếm, *"củi một cành khô"* xác định sự tồn tại duy nhất, đơn nhất của cành củi, khơi gợi sự héo úa, tàn tạ, mong manh, nhỏ bé vô cùng. Lại có đối *"một - mấy"* thì dường như ám ảnh về thân phận lưu lạc càng sâu đậm. Đặt tương quan giữa hai vế của câu thơ, có thể hiểu "cành củi khô" là cảm giác, là nỗi buồn vô tận của kiếp người trước cái vô tận của sông dài, trời rộng. Dùng đối lập giữa cái hữu hạn và cái vô hạn là thủ pháp quen thuộc của Đường thi nhưng ở đây Huy Cận lại dùng chất liệu của đời sống *"cành củi"* nên hình ảnh vẫn có nét hiện đại. Cái 'tôi" cô đơn tội nghiệp của Thơ mới nói chung và Huy Cận nói riêng đã tìm thấy linh hồn của nó trong hình ảnh cành củi khô này.

→ Câu thơ thứ nhất tả sóng, câu thơ thứ hai tả những dòng trôi, trên sóng nước muôn trùng là hình ảnh con thuyền trôi im lìm và cành củi khô bơ vơ, lạc nẻo; bốn câu thơ tự nó đã dựng lên một tương quan đối lập: không gian tràng giang mênh mông – cõi nhân sinh bé nhỏ. Tương quan ấy thấp thoáng bóng dáng nỗi cô đơn của Trần Tử Ngang hàng ngìn năm trước "Ai người trước đã qua/ Ai người sau chưa đến/ Ngẫm trời đất vô cùng/ Một mình tuôn giọt lệ"

- Khổ hai: vẫn nằm trong mạch buồn của khổ thơ thứ nhất, khổ hai nhấn mạnh về một không gian mênh mông, hoang vắng, cô liêu, qua đó gợi tả nỗi buồn về sự sống tàn tạ, bị bỏ quên

+ Câu thơ thứ nhất là nét chấm phá về bãi cồn nhỏ trên dòng sông *"Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu"*. Không phải ngẫu nhiên mà từ hình ảnh *"cành củi"* cuối câu thơ thứ nhất, tác giả lại chuyển sang hình ảnh *"cồn"* ở đầu khổ thơ thứ hai, *"cành củi khô"* mang nặng ám ảnh về nhân thế lạc loài, còn *"cồn"* là niềm day dứt về một thế giới bị đóng kín, cô lập. Đảo ngữ *"lơ thơ"* miêu tả chuyển động nhẹ nhàng như có như không, phác một không gian mờ nhoà, xa xăm, những gì hiện hình lại quá bé nhỏ, thưa thớt. Vần lưng *"nhỏ-gió"* với điệp âm *"o-o"* khiến cảnh càng thu hẹp. Và đến cuối câu thơ, cái lạnh lẽo đã xâm chiếm qua từ láy "đìu hiu", cái lạnh đến từ cổ thi khiến lòng người rợn ngợp *"Non Kì quạnh quẽ trăng soi/ Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò" (Chinh phụ ngâm)*

+ Đường nét mờ nhoè, hắt hiu, âm thanh lại càng xa xăm *"Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều"*. Từ "đâu" tạo nên cho câu thơ ba phương diện cấu trúc gắn với ba nét nghĩa khác nhau, bổ sung cho nhau. Trước hết, câu thơ giống như một câu hỏi *"(ở) đâu (có) tiếng làng xa vãn chợ chiều"* mang niềm khắc khoải về miền không gian của sự sống. Câu thơ còn gần với một câu miêu tả âm thanh lẻ loi, yếu ớt *"(ở) đâu (đây) (có) tiếng làng xa vãn chợ chiều".* Cũng có thể câu thơ là một phủ định *"(không) đâu (có) tiếng làng xa vãn chợ chiều"* đặc tả sự chìm khuất hoàn toàn của âm thanh, kể cả âm thanh nhỏ bé nhất, gợi buồn nhất *"tiếng làng xa vãn chợ chiều"*. Dù hiểu theo cách nào thì sự tĩnh lặng, quạnh vắng vẫn bao trùm câu thơ, không có dấu hiệu nào của hình ảnh hay sự sống

+ Con người càng bơ vơ, đơn lẻ thì dường như đất trời càng mênh mông, mở ra vô tận *"nắng xuống trời lên sâu chót vót"*. Câu thơ đồng hiện nhiều chiều không gian: xuống và lên, cao và sâu, không gian đang giãn nở theo trục thẳng đứng. *"Sâu chót vót"* là một sáng tạo độc đáo của Huy Cận. Ánh mắt tác giả không dừng lại ở đỉnh trời một cách thường tình để nhận biết về chiều cao mà nó như xuyên vào đáy vũ trụ để cảm nhận về chiều sâu, cho nên mới *"sâu chót vót"*, chỉ một độ cao chưa hoàn tất. Dường như cái nhìn của thi sĩ vươn tới đâu, trời sẽ cao lên tới đó, sâu đến đó, mỗi lúc một chót vót hơn. Đồng thời cụm từ này cũng mang sự lung linh của hình ảnh, *"sâu chót vót"* là cảnh *"trời trong nước"*, vừa có cái cao rộng của trời, vừa có cái thăm thẳm của nước.

+ Không gian tiếp tục mở ra theo chiều dài và rộng ở câu thơ thứ tư *"Sông dài trời rộng, bến cô liêu*". Đặt trong tương quan với chuyển động không gian ở câu thơ thứ ba thì dường như các tính từ *"dài"*, *"rộng"* và *"cô liêu"* được động từ hoá, sông dài ra, trời rộng thêm, bến cô liêu đi, không có một chút giao hoà, hội tụ

mà tứ tán và lạnh lùng. *"Bến cô liêu"* tương phản với *"sông dài – trời rộng"* đẩy nỗi cô đơn, lẻ loi đến đỉnh điểm, nỗi buồn vừa theo sông, theo trời trải ra,lại vừa thu lại trong một cái bến mà trở nên đặc quánh. Cái hồn buồn của thi nhân nương náu trong cái bến nhỏ để cảm nghe nhiều hơn về nỗi bơ vơ thấm đượm linh hồn.

+ Chủ thể trữ tình hoàn toàn là *"một lữ thứ đơn độc và lạc loài"* giữa tạo vật lớn lao. Hình thức đối của cổ thi, hình ảnh sông nước mang lại cho không gian vẻ cổ kính, trường cửu. Không gian đó chính là cái nền làm đậm thêm nỗi đơn độc kia, nỗi trống vắng mang niềm khao khát tim đến cõi nhân thế để được giao hoà với con người

d. Đánh giá chung (0,5 điểm):

CHÚ Ý

Khi đánh giá chung các em có thể mở rộng liên hệ với cái *"tôi"* cô đơn của các nhà Thơ mới khác như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên để thấy được: không chỉ riêng Huy Cận mà cả một thế hệ các nhà thơ trong thời đại ấy mang tâm sự cô đơn lạc loài.

- *"Tràng giang"* đã hài hoà được hình thức thơ ca cổ điển và những cảm hứng hiện đại. Bài thơ đã khắc hoạ không gian tràng giang *"lớn lao, trường cửu, cổ kính"* như đến từ thời tiền sử và sẽ mãi chảy trôi vĩnh hằng, mang chứa đến nghìn đời nỗi buồn sầu của con người về kiếp người nhỏ bé hữu hạn.

- Cái "tôi" thi sĩ đã in bóng vào *Tràng giang* nỗi cô đơn, niềm bi phẫn của một tâm hồn nhạy cảm, của một thời đau thương, nô lệ, gợi ra hình ảnh *"người lữ thứ đơn độc, lạc loài"* mãi miên man trên sóng tràng giang và mãi ám ảnh trong lòng bạn đọc.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo

Sinh ra trên cuộc đời, mỗi người không chỉ được yêu thương che chở trong vòng tay của mẹ mà còn được bình yên trong vòng tay của cha. Với con, cha luôn là người định hướng cho tương lai, người bảo vệ vững vàng, giúp con tránh được những vấp ngã, vượt qua được những thử thách khắc nghiệt của cuộc sống. Vì con, người cha có thể hi sinh tất cả: cha làm việc nặng nhọc, lo lắng cho con từ chuyện học hành đến công việc tương lai. Có thể nói người cha là một nền tảng vững chắc cho sự hình thành nhân cách của con. Thương yêu, hi sinh cho con là thế nhưng cha ít khi biểu lộ điều ấy ra ngoài. Vì vậy nếu con vô tâm hờ hững sẽ không thấu hiểu hết những hi sinh vất vả của cha. Thật đáng buồn cho những kẻ làm con vô tâm, tàn nhẫn với cha. Xót xa thay khi ta vẫn còn bắt gặp cảnh con cái bạc đãi cha mẹ, có khi còn đuổi cha mẹ già ra khỏi nhà khi cha mẹ không còn sức lao động nữa. Đó là những hành động đi ngược lại truyền thống đạo lí của dân tộc, cần lên án.

- Câu chuyện về cha con diễn viên Quốc Tuấn:

Quốc Tuấn và hành trình 15 năm đầy nước mắt chữa bệnh cho con

Diễn viên Quốc Tuấn, người quen mặt với khán giả qua những bộ phim như *12A 4H, Người thổi tù và hàng tổng, Những người sống quanh tôi, Người thừa của dòng họ*... và là một trong những ngôi sao, diễn viên kỳ cựu của làng phim truyền hình miền Bắc.

Quốc Tuấn còn tham gia nhiều bộ phim điện ảnh và để lại ấn tượng không kém như: *Nơi núi rừng yên ả, Ai chết cho người đẹp, Vầng trăng lửa, Lời thì thầm của chiến tranh, Hà Nội mùa đông năm 46, Điện Biên Phủ trên không, Đường thư*... Anh từng thử sức với vai trò đạo diễn trong bộ phim *Trái tim kiêu hãnh*.

Mải mê với sự nghiệp, năm 39 tuổi, diễn viên Quốc Tuấn mới lập gia đình và hai năm sau, vào năm 2002 anh mới được lên chức bố. Khi biết vợ mang thai con trai, lại sắp được làm bố ở tuổi 40, Quốc Tuấn vui mừng khôn xiết. Nhưng khi được bế con trai trên tay lúc con lọt lòng, cũng là lúc Quốc Tuấn chết lặng.

Bé Nguyễn Anh Tuấn (tên ở nhà là Bôm) bị mắc hội chứng APERT (bệnh xương cứng sớm cục bộ) và đường thở hẹp, một căn bệnh hiếm gặp trên thế giới (tỉ lệ 1/160.000 người)... Hội chứng này khiến khuôn mặt của bé bị biến dạng ngay từ khi lọt lòng.

Kể từ đó Quốc Tuấn xác định sẽ đồng hành cùng con trai trong cuộc hành trình chữa bệnh gian nan. Từ lúc chào đời cho tới khi 7 tuổi, đêm nào vợ chồng Quốc Tuấn cũng chỉ được ngủ 2-3 tiếng/đêm vì cu Bôm rất khó thở, vợ chồng anh phải thay phiên nhau bế liên tục. 3 năm đầu từ khi chào đời, bé Bôm ở viện Nhi Trung ương nhiều hơn ở nhà.

Từ năm 3 tuổi rưỡi, bé Bôm đã phải trải qua liên tiếp những cuộc phẫu thuật ở Australia, Hàn Quốc vì xương hộp sọ đã cứng, rồi bé vẫn khó thở. Trong những thử thách khắc nghiệt đó, Quốc Tuấn luôn bên con trong hành trình chữa bệnh gian nan.

Sau những cuộc phẫu thuật đó, con trai Quốc Tuấn phải đeo một cái khung to trên mặt và mỗi ngày phải chịu đau đón để nới vít, nâng khuôn mặt lên. 4 tháng đeo khung sắt trên mặt, sức khỏe của bé Bôm dần tốt lên, không bị khó thở nữa và khuôn mặt cũng trở lại bình thường.

Cũng trong thời gian bé Bôm phải đeo khung trên mặt, Quốc Tuấn chủ yếu dành thời gian ở nhà để chăm sóc cho con. Hàng ngày anh tắm rửa, tự tiêm, làm thuốc cho con, chở con vào viện. Không chỉ làm mọi việc vì con mà ngay trong tâm tưởng, Quốc Tuấn cũng luôn muốn gánh bớt đen đủi cho con trai, chính vì thế mà anh đặt tên con trùng tên mình.

Tính đến năm 2016, bé Bôm đã trải qua 10 cuộc phẫu thuật 5 lần trong số đó là những cuộc đại phẫu sinh tử và lần gần đây nhất ở Hàn Quốc đã phẫu thuật thất bại. Có thể nói Quốc Tuấn chính là người đã sinh ra con trai lần thứ hai khi anh luôn cố gắng tìm mọi cách để chữa bệnh cho con, bất kể khó khăn nào.

Năm 2017, bé Bôm lại tiếp tục ca phẫu thuật từng thất bại ở Hàn Quốc một năm trước và lần này ca mổ tiến hành ở Việt Nam. Ca mổ tiến hành sớm so với quy trình 2-3 năm nhưng Quốc Tuấn vẫn quyết định thực hiện vì hàm trên của con trai ngày càng thụt vào, ảnh hưởng tới thẩm mỹ khuôn mặt, chức năng nói và ăn uống. Mỗi lần ngồi đợi con mổ trong suốt 15 năm qua đối với nam diễn viên sinh năm 1961 như là địa ngục.

Theo chia sẻ của Quốc Tuấn, những cuộc phẫu thuật quan trọng của con trai đã xong giờ anh chỉ lo kiếm tiền để cho con phẫu thuật thẩm mỹ khuôn mặt. Những vất vả, đau khổ của vợ chồng Quốc Tuấn suốt 15 năm qua đã được đền đáp bằng kết quả mổ mỹ mãn vừa qua và hơn tất cả là cậu con trai của vợ chồng anh đã thi đỗ vào học viện âm nhạc. Bé Bôm đang học hệ trung cấp Piano Jazz 7 năm tại Học viện âm nhạc.

Nguồn: *Thái An (TH) - Báo mới.com*

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

(Đề thi có 02 trang)

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 20

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc bài thơ sau đây và thực hiện các yêu cầu:

TỰ SỰ

Dù đục dù trong con sông vẫn chảy,
Dù cao dù thấp cây lá vẫn xanh,
Dù là người phàm tục hay kẻ tu hành,
Cũng phải sống từ những điều rất nhỏ.

Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó,
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm.
Đất ấp ôm những hạt nảy mầm,
Những chồi non tự vươn mình tìm ánh sáng.

Nếu tất cả đường đời đều trơn láng,
Thì chắc gì ta nhận được ra ta.
Ai trong đời cũng có thể tiến xa,
Nếu có khả năng tự mình đứng dậy.

Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy,
Không chỉ dành cho một riêng ai?

(Lưu Quang Vũ)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chính của đoạn văn bản trên.

Câu 2: Anh/chị hiểu thế nào về ý nghĩa 2 câu thơ sau:

"Đất ấp ôm những hạt nảy mầm,
Những chồi non tự vươn mình tìm ánh sáng".

Câu 3: Vì sao tác giả lại cho rằng "Nếu tất cả đường đời đều trơn láng/Thì chắc gì ta nhận được ra ta".?

Câu 4: Thông điệp nào của đoạn văn bản trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa được gợi ra từ hai câu thơ ở phần đọc - hiểu:

Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó,

Sao ta không tròn ngay tự trong tâm.

Câu 2 (5,0 điểm):

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc,
Quân xanh màu lá dữ oai hùm.
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới,
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.
Rải rác biên cương mồ viễn xứ,
Chiến trường đi chẳng tiếc trời xanh,
Áo bào thay chiếu anh về đất,
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Trích Tây Tiến - Quang Dũng, SGK Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục, 2008, Tr89)

Cảm nhận về vẻ đẹp của người lính Tây Tiến qua đoạn thơ trên. Từ đó liên hệ đến hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong trận công đồn (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc – Nguyễn Đình Chiểu*) để thấy được tinh thần bi tráng của các tác phẩm khi viết về những hi sinh mất mát của người nghĩa sĩ, chiến sĩ chống quân thù.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phong cách ngôn ngữ chính của văn bản: nghệ thuật/ phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 2 (1,0 điểm)

STUDY TIP

Ở câu 2, khi lí giải ý nghĩa của hai câu thơ, trước hết cần hiểu được ý nghĩa của hai hình ảnh *Đất* và *Những chồi non*

Ý nghĩa 2 câu thơ

"Đất ấp ôm những hạt nảy mầm,
Những chồi non tự vươn mình tìm ánh sáng".

- Đất – nguồn sống, nguồn dinh dưỡng cho hạt nảy mầm. Nhưng đất không phải của riêng cho một hạt mầm nào.

- Những chồi non: Mầm sống của cây, nhưng muốn phát triển thành cây xanh tốt buộc phải *tự vươn lên tìm ánh sáng*

→ Mượn câu chuyện về *đất* và *chồi non* nhà thơ muốn nhắn nhủ: cuộc sống trong cõi đời này không dành riêng cho một ai mà cho tất cả chúng ta. Hạnh phúc ở quanh ta nhưng không tự nhiên đến. Nếu muốn có cuộc sống tốt đẹp, muốn có hạnh phúc, tự mỗi người phải có suy nghĩ và hành động tích cực; phải nỗ lực vươn lên.

Câu 3 (1,0 điểm):

Tác giả cho rằng:

"Nếu tất cả đường đời đều trơn láng,
Thì chắc gì ta nhận được ra ta".

Bởi vì "Đường đời trơn láng" tức là cuộc sống quá bằng phẳng, yên ổn, không có trở ngại, khó khăn. Con người không được đặt vào hoàn cảnh thử thách; không phải nỗ lực hết mình để vượt qua trở ngại… con người sẽ không có cơ hội để thể hiện mình nên cũng không khám phá và khẳng định được hết những gì mình có; không đánh giá hết ưu điểm của bản thân. Vì thế, chỉ có trải qua thử thách con người mới hiểu rõ chính mình và trưởng thành hơn.

CHÚ Ý

Có thể lên hệ câu nói của Đặng Thùy Trâm: "Đời người phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"

Câu 4 (0,5 điểm):

Văn bản có nhiều thông điệp ý nghĩa, thí sinh có thể chọn một trong những thông điệp sau:

- Dù là ai, làm gì, có địa vị xã hội thế nào cũng phải sống từ những điều rất nhỏ; biết nâng niu, trân trọng những cái nhỏ bé trong cuộc sống mới có được hạnh phúc lớn lao.

- Con người có trải qua thử thách mới hiểu rõ chính mình và trưởng thành hơn.

- Muốn có được hạnh phúc phải tự mình nỗ lực vươn lên.

- Cuộc sống không phải lúc nào cũng như ta mong muốn, biết đòi hỏi nhưng cũng phải biết chấp nhận,

biết nhìn đời bằng con mắt lạc quan, biết cho đi thì mới được nhận lại.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Cái nhìn lạc quan, tích cực trước cuộc đời

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận nhưng cần bày tỏ được cái nhìn lạc quan, tích cực trước cuộc đời. Sau đây là gợi ý:

- Giải thích:

+ *Cuộc đời méo mó*: cuộc đời không bằng phẳng, chứa đựng nhiều ngang trái, trớ trêu, oái ăm, thậm chí là xấu xa, tồi tệ. Vì bản chất cuộc đời là không đơn giản, không bao giờ hoàn toàn chỉ là những điều tốt đẹp. Không nên đòi hỏi sự hoàn hảo.

+ *Tâm*: là tấm lòng, l tình cảm chân thành.

+ *Tròn tự trong tâm*: là cái nhìn, thái độ, suy nghĩ đúng đắn của con người, tích cực, lạc quan trước cuộc đời cho dù hoàn cảnh thế nào.

- Bàn luận:

+ Thói đời, con người thường hay chê bai, oán than, cay cú, hậm hực khi cuộc sống không được như mong muốn. Chính cái "chê" ấy nhiều khi khiến cuộc đời trở nên "méo mó" hơn trước mắt chúng ta. Thái độ "tròn tự trong tâm" là thái độ tích cực, chủ động trước hoàn cảnh. Đây là thái độ sống đúng, làm đúng, không gục ngã trước khó khăn, trước phi lý bất công. Thái độ này sẽ giúp ích nhiều cho cá nhân và xã hội.

+ Con người hoàn toàn có thể thay đổi cuộc sống chỉ cần mỗi cá nhan chủ động, tích cực từ trong tâm. "Thiên đường" hay "địa ngục" đều do mình quyết định. Câu thơ như một lời nhắc nhở, nêu lên một phương châm sống cho mỗi người trước cuộc đời.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

STUDY TIP

Ở câu hỏi này, đề bài yêu cầu liên hệ với hình tượng người nông dân nghĩa sĩ *trong trận công đồn*. Các em lưu ý, *trận công đồn* là đoạn văn miêu tả khí thế chiến đấu của các nghĩa sĩ Cần Guộc, không phân tích dàn trải cả tác phẩm.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Vẻ đẹp của người lính Tây Tiến, liên hệ với hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong trận công đồn *(Văn*

tế nghĩa sĩ Cần Giuộc – Nguyễn Đình Chiểu) để làm nổi bật tinh thần bi tráng của các tác phẩm.

3. Triển khai vấn đề cần nghị luận

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm)

- Quang Dũng thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Thơ Quang Dũng hấp dẫn bởi sự lãng mạn, hồn hậu, phóng khoáng. *"Tây Tiến"* là bài thơ tiêu biểu của Quang Dũng thể hiện nỗi nhớ về đoàn quân Tây Tiến, về cảnh vật và con người Tây Bắc một thời gian khổ và oai hùng.

- Ở đoạn ba của bài thơ, hình tượng người lính Tây Tiến hiện lên vừa hào hùng, vừa hào hoa, phảng phất bóng hình các tráng sĩ thời trung đại. Ở khía cạnh này, hình tượng người lính Tây Tiến rất gần với hình tượng người nghĩa sĩ trong trận công đồn *(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu) bởi cảm hứng chính của các tác giả đều là bi tráng.

b. Cảm nhận về vẻ đẹp của hình tượng người lính trong đoạn thơ của Quang Dũng (2,0 điểm)

STUDY TIP

Cần phân biệt giữa yêu cầu phân tích đoạn thơ này một cách thuần túy với phân tích hình tượng người lính Tây Tiến qua đoạn thơ: Ở đây, các em tập trung vào làm nổi bật hình tượng người lính Tây Tiến có những phẩm chất nào?

- 4 câu đầu: Cuộc sống gian khổ, khó khăn và vẻ đẹp tâm hồn người lính

+ 2 câu đầu là bức chân dung người lính hiện lên với những nét vẽ chân thực qua hình ảnh so sánh, tương phản:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

++ Quang Dũng đã không né tránh việc mô tả cuộc sống gian khổ mà người lính phải chịu đựng: Hình ảnh *không mọc tóc, quân xanh màu lá* là hậu quả của những trận sốt rét rừng, của thiếu lương thực, thiếu thuốc men… Tất cả làm cho mái tóc xanh của các chàng trai trẻ không còn nữa, da xanh như tàu lá. Nhà thơ Chính Hữu trong bài *"Đồng chí"* cũng từng viết về những trận sốt rét rừng như thế:

Anh với tôi từng cơn ớn lạnh

Sốt người vầng trán ướt mồ hôi

++ Tuy vậy, cái vẻ xanh xao vì đói rét, bệnh tật ấy của người lính Tây Tiến, qua cái nhìn của Quang Dũng vẫn toát lên vẻ oai phong, dũng mãnh như những con hổ nơi rừng thiêng: *Dữ oai hùm* → Bút pháp lãng mãn đã tạo ra cái nhìn xoáy vào bên trong khiến hình tượng người lính hiện lên ốm mà không yếu, khắc khổ mà không tiều tụy.

++ Hai chữ *đoàn* binh âm Hán Việt đã gợi ra một khí thế nghiêm trang, hùng dũng kết hợp với các thanh trắc rơi vào trọng âm đầu của câu thơ như *"tiến", "mọc tóc"* khiến âm hưởng của câu thơ vút lên mạnh mẽ, làm vợi đi ấn tượng xót xa về cuộc sống khó khăn, thiếu thốn.

+ 2 câu sau là vẻ đẹp đậm chất hào hao, lãng mạn của các chàng trai Tây Tiến

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

++ Hình ảnh *mắt trừng* thể hiện ý chí quyết tâm của người lính Tây Tiến trong nhiệm vụ bảo vệ biên cương, thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình.

++ Hình ảnh "*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"* lại là phút giây mơ mộng của tâm hồn trở về mái trường góc phố. Bên trong cái dữ dội, oai hùng của người lính là những tâm hồn, những trái tim rạo rực, khao khát yêu thương. Họ là những chàng trai ra đi khi mới mười tám, đôi mươi, chắc hẳn ai cũng ôm ấp trong tim một bóng hình. Ba chữ *dáng kiều thơm* gợi vẻ đẹp yêu kiều thanh lịch của các thiếu nữ Hà thành. Đã một thời, với cái nhìn ấu trĩ, người ta cho rằng những câu thơ này là *buồn rơi, mộng rớt, ủy mị, tiểu tư sản* mà không thấy được rằng nhờ vẻ đẹp ấy của tâm hồn mà người lính có sức mạnh vượt qua mọi gian khổ.

Quang Dũng đã tạo nên một tương phản hết sức đặc sắc – những con người chiến đấu kiên cường với

ý chí sắt thép cũng chính là con người có một đời sống tâm hồn phong phú. Người lính Tây Tiến không chỉ biết cầm súng cầm gươm theo tiếng gọi của non sông mà còn rất hào hoa, giữa bao nhiêu gian khổ, thiếu thốn trái tim họ vẫn rung động trong một nỗi nhớ về dáng kiều thơm, nhớ về vẻ đẹp của Hà Nội – Thăng Long xưa.

- 4 câu thơ sau: Những sự hi sinh mất mát và ý chí quyết tâm của người lính

+ Quang Dũng một lần nữa nhìn thẳng vào những mất mát hi sinh mà người lính phải trải qua:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

++ Từ láy tượng hình *rải rác* diễn tả hình ảnh những nấm mồ hoang lạnh trải khắp một vùng biên cương tổ quốc. Nếu tách riêng câu thơ ra khỏi đoạn ta có cảm giác đang được chứng kiến một bức tranh với màu sắc xám lạnh, u uất như vọng về từ thời chinh phu tráng sĩ

Hồn tử sĩ gió về ù ù thổi
Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai mạc mặt nào ai gọi hồn

++ Tuy nhiên, cái bi như vợt bớt đi khi tác giả sử dụng ba từ Hán Việt liên tiếp: biên cương – mồ - viễn xứ gợi không khí thiêng liêng, trang trọng, làm nhòe đi nét nghĩa đau thương mà vang về âm thanh hào hùng. Những nấm mồ hoang lạnh nơi rừng sâu biên giới bỗng trở thành những mộ chí tôn nghiêm vĩnh hằng.

+ Câu thơ tiếp theo vang lên như một lời thề *Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*. Đó cũng chính là lý tưởng quên mình, xả thân vì Tổ quốc của những chàng trai đô thành này.

+ Sự hi sinh của người lính còn được tráng lệ hóa trong câu thơ

Áo bào thay chiếu anh về đất

++ Hình ảnh *áo bào thay chiếu* thực chất là hiện thực thiếu thốn, gian khổ: tiễn đưa người lính về nơi vĩnh hằng không có cả một chiếc quan tài, thậm chí không cả manh chiếu che thân. Hoàng Lộc trong *Viếng bạn* cũng đã viết về cảnh tiễn đưa thiếu thốn như thế :

Ở đây không gỗ ván
Vùi anh trong tấm chăn
Của đồng bào Cửa Ngàn
Tặng tôi ngày phân tán.

Chỉ có điều câu thơ của Quang Dũng không dừng lại ở mức tả thực mà đẩy lên thành cảm hứng tráng lệ, hai chữ "*áp bào"* lấy từ văn học cổ, gợi hình ảnh tấm áo choàng màu đỏ của các dũng tướng ra trận thuở xưa.

++ Nghệ thuật nói giảm, nói tránh *anh về đất* gợi tư thế ung dung, thanh thản, nhẹ nhõm của người lính khi đón nhận cái chết.

+ Đoạn thơ kết thúc bằng hình ảnh sông Mã *gầm lên khúc độc hành*. Sự hi sinh của người lính Tây Tiến

còn lay động đến cả đất trời, khiến dòng sông Mã gầm lên đau đớn, tiếc thương. Trong âm hưởng hào hùng và dữ dội của thiên nhiên, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng.

Tây Tiến xứng đáng được xem là một tượng đài kỉ niệm bằng thi ca về đoàn quân Tây Tiến nói riêng
về con người Việt Nam nói chung của một thời đại đầy gian lao mà anh dũng.

c. Liên hệ với hình tượng người nông dân nghĩa sĩ trong trận công đồn để thấy được tinh thần bi tráng của các tác phẩm khi viết về sự hi sinh anh dũng của những người nghĩa sĩ, chiến sĩ trong trận chiến chống quân thù (1,0 điểm)

CHÚ Ý

Người nông dân nghĩa sĩ trong trận công đồn:

- Bước vào trận chiến với trang bị vũ khí thô sơ, không được đào tạo về binh pháp…
- Họ chiến đấu dũng cảm và giành được thắng lợi bước đầu

- Hình tượng người nghĩa sĩ trong trận công đồn *(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)*:

+ Họ bị đặt vào một tình huống thử thách: Đất nước có giặc ngoại xâm, triều đình phong kiến đã khoang tay, bỏ mặc. Họ đứng lên chống giặc nhưng tương quan lực lượng không cân sức: giặc được trang bị *"tàu sắt tàu đồng", "đạn nhỏ, đạn to",* họ chỉ là những người nông dân không có kiến thức gì về trận mạc, chỉ có *"một manh áo vải", "một ngọn tầm vông"*, chỉ có *"lưỡi dao phay"*.

+ Nhưng chính trong tình thế ấy, bản hùng ca của dân tộc đã cất lên. Những người nông dân nghĩa sĩ đã chiến đấu dũng cảm, ngoan cường: *Chi nhọc quan quản gióng trống kì trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc như không; Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có…; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu sắt đàu đồng súng nổ… Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rơi đầu quan hai nọ… Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ní hồn kinh…*

Trong văn chương Việt Nam, cho đến thời Nguyễn Đình Chiểu, quả chưa hề có một bức tranh hào hùng như thế về tư thế chiến đấu của người lính áo vải. Người nông dân Cần Giuộc đã đi vào bất tử.

- Nhận xét về *tinh thần bi tráng* trong hai tác phẩm: Tinh thần bi tráng trong văn học được thể hiện ở việc miêu tả hiện thực không né tránh cái *bi* tức là cái gian khổ, đau thương, mất mát. Tuy nhiên *bi* mà không lụy, dù hi sinh mất mát mà vẫn hào hùng, tráng lệ.

+ Khi viết về những người nghĩa sĩ, chiến sĩ các tác giả Nguyễn Đình Chiểu, Quang Dũng đều không né tránh cái đau thương, mất mát. Hình tượng những người chiến sĩ, nghĩa sĩ trong *Tây Tiên* và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đều phải trải qua nhiều đau thương, mất mát, hi sinh: các nghĩa sĩ Cần Giuộc thì vào trận với vũ khí thô sơ, thiếu thốn, tuy giành được thắng lợi bước đầu nhưng cuối cùng cuộc khởi nghĩa vẫn bị chìm trong biển máu; người lính Tây Tiến phải chiến đấu trong điều kiện núi rừng hoang lạnh, khắc nghiệt, thiếu lương thực, thuốc men, số chiến sĩ chết vì sốt rét rừng thậm chí còn nhiều hơn số chiến sĩ hi sinh vì bom đạn kẻ thù. Tuy nhiên, sự hi sinh của các nghĩa sĩ Cần Giuộc hay người lính Tây Tiến đều là sự hi sinh anh hùng, quả cảm, trở thành tấm gương về tinh thần yêu nước, về ý chí nghị lực sống phi thường.

+ Tuy cùng mang tinh thần bi tráng nhưng do thời đại, hoàn cảnh sáng tác khác nhau nên hình tượng

người lính Tây Tiến và các nghĩa sĩ Cần Giuộc cũng có những điểm khác biệt:

++ Các nghĩa sĩ Cần Giuộc chiến đấu tự phát, họ chưa được tập hợp thành một lực lượng đông đảo, có tổ

chức quy mô, bị triều đình phong kiến bỏ mặc. Tính chất *tráng ca* thể hiện chủ yếu ở tinh thần dũng cảm chiến đấu, lấy ý chí, sức mạnh tinh thần mà vượt qua khó khăn của điều kiện chiến đấu. Đồng thời khi viết về sự hi sinh mất mát và tinh thần chiến đấu của họ, Nguyễn Đình Chiểu đã phê phán mạnh mẽ triều đình phong kiến nhà Nguyễn lúc bấy giờ đã hèn nhát đầu hàng Pháp, đẩy nhân dân ta vào tình cảnh khốn cùng. Người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc tiêu biểu cho những anh hùng chống Pháp buổi đầu.

++ Người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp của những chiến sĩ thời đại cách mạng, họ được giác ngộ, tự nguyện đứng trong một đội ngũ đông đảo, hùng mạnh. Tính chất *tráng ca* không chỉ biểu hiện ở việc ca ngợi tinh thần chiến đấu dũng cảm mà còn là ở vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn, hào hoa, trẻ trung yêu đời của những chàng trai Hà Nội.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩa sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Mong ước được sống trong cuộc đời công bằng, hạnh phúc là mong ước thiết tha và chính đáng của mỗi con người. Tuy nhiên cuộc đời vốn không bằng phẳng mà chứa đừng nhiều ngang trái, trớ trêu, oái oăm, thậm chí là xấu xa, tồi tệ. Vì bản chất cuộc đời là không đơn giản, không bao giờ hoàn toàn chỉ là những điều tốt đẹp. Con người thường hay chê bai, oán than, cay cú, hậm hực khi cuộc sống không được như mong muốn. Chính cái "chê" ấy nhiều khi khiến cuộc đời trở nên "méo mó" hơn trước mắt chúng ta. Thay vì việc oán trách và đổ lỗi cho người khác, mỗi người nên tự nhìn nhận lại hành vi của mình để điều chỉnh theo hướng tích cực hơn: khi tham gia giao thông, đừng trách móc những người đi đường vì họ cứ chen lên, lấn chiếm phần đường của mình trong khi chính bản thân mình cũng đang cố gắng tranh mọi khoảng trống trên đường; khi gặp giám thị coi khó trong mỗi kì thi đừng oán trách thầy cô mà hãy xem lại quá trình học tập của mình thế nào mà lại không làm được bài?... Nếu mỗi người đều biết *"tròn tự trong tâm"* thì chắc chắn cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Câu thơ của Lưu Quang Vũ như một lời nhắc nhở, nêu lên một phương châm sống cho mỗi người trước cuộc đời.

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

(Đề thi có 02 trang)

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 21

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

XIN ĐỔI KIẾP NÀY

Nếu được đổi kiếp này tôi xin hóa thành cây
Thử những nhát rìu rạch sâu da thịt
Trong biển lửa bập bùng thử mình cháy khét,
Thử chịu thói độc tàn, thử sống kiên trung.

Nếu đổi được kiếp này, tôi xin hóa ruộng đồng,
Thử nếm vị thuốc sâu, thử sặc mùi hóa chất,
Thử chịu bão giông, thử sâu rày, khô khát,
Thử ngập mặn, triều cường, núi lửa, sóng thần dâng.

Nếu đổi được kiếp này, tôi xin làm không khí,
Thử khói bụi ngày đêm, thử ngột ngạt trưa hè,
Thử không còn trong xanh vì lũ người ích kỷ,
Thử tiếng ồn đinh tai, thử cái chết cận kề.

Tôi làm gì đây? Khi vẫn kiếp con người!
Tôi nhận về bao nhiêu? Tôi lấy gì trả lại?
Tôi phá hoại những gì? Tôi đã từng hối cải?
Xin đổi được kiếp này…!
Trời đất có cho tôi ???

(18/5/2016 – Nguyễn Bích Ngân – Lớp $8A_1$ - THCS Nguyễn Đình Chiểu- Hà Nội)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Nội dung văn bản gợi cho anh/chị nhớ đến những thảm họa môi trường nào xảy ra trong thời gian gần đây.

Câu 3: Nêu tác dụng của việc lặp cấu trúc "*Nếu đổi được kiếp này, tôi xin hóa…"* ở đầu khổ thơ.

Câu 4: Thông điệp mà anh/chị rút ra qua văn bản trên là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ việc đọc – hiểu văn bản trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi:

Tôi làm gì đây? Khi vẫn kiếp con người!
Tôi nhận về bao nhiêu? Tôi lấy gì trả lại?

Câu 2 (5,0 điểm):

Phân tích nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng trong đoạn trích *Hạnh phúc một tang gia* (trích *Số đỏ*, Ngữ văn 11, tập một, Nxb Giáo dục 2008, tr.123-128)

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Biểu cảm/ phương thức biểu cảm.

Câu 2 (1,0 điểm):

STUDY TIP

Ở câu 2, phần đọc hiểu, các em cần vận dụng kiến thức ngoài thực tế đời sống: thông tin về các vụ gây ô nhiễm môi trường được báo chí phản ánh trong thời gian gần đây để làm.

Những thảm họa môi trường được gợi ra từ văn bản:

- Các vụ chặt phá rừng ở Đắc Lắc, Điện Biên, Nghệ An, … năm 2017.
- Tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn ở Nam Bộ.
- Vụ cá chết hàng loạt ở 4 tỉnh miền Trung do hoa chất từ nhà máy Formosa – Hà Tĩnh.
- Vụ việc hặt nhiều cây xanh ở Hà Nội.

Cho điểm:

+ Nếu thí sinh kể được 1 sự kiện thì cho **0,25 điểm.**

+ Kể được 2 sự kiện thì cho **0,5 điểm**.

+ Kể được từ 3 sự kiện trở lên cho tối đa **1,0 điểm.**

Câu 3 (0,5 điểm):

Tác dụng của phép lặp cấu trúc "*Nếu đổi được kiếp này, tôi xin hóa…"*

- Tạo nên nhịp điệu dồn dập, da diết, khắc khoải như những lời tự vấn lương tâm.
- Cho thấy những tác hại ghê ghớm đối với môi trường sinh thái do những tham vọng, sự vô trách nhiệm của con người.

Câu 4 (0,5 điểm): Thí sinh có thể rút ra nhiều thông điệp khác nhau nhưng cần bám sát vào nội dung của văn bản. Có thể tham khảo một trong các gợi ý sau:

- Thiên nhiên chính là môi trường sống của con người nhưng con người lại đang tàn phá, hủy diệt nó.
- Con người cần phải có hành động thiết thực để cải tạo môi trường sống.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

CHÚ Ý

Nội dung vấn đề cần nghị luận được ẩn dưới các câu thơ có hình thức câu hỏi tu từ. Các em cần thấy được hiệu quả của biện pháp tu từ này: những câu hỏi dồn dập như lời tư vấn lương tâm, như sự thôi thúc mãnh liệt cần hành động để cứu lấy môi trường sống của chúng ta.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích, hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Trách nhiệm của con người với thiên nhiên, môi trường sống.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận nhưng cần làm rõ trách

nhiệm của con người với thiên nhiên, môi trường sống. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích ý nghĩa hai câu thơ: Hai câu thơ được viết dưới hình thức các câu hỏi như lời tự vấn lương tâm: Mẹ thiên nhiên đã ban tặng cho con người cả sự sống và nhiều điều quý giá khác nhưng con người đã làm gì để trả lại thiên nhiên? Con người đang ngày tàn phá, hủy diệt chính môi trường sống của mình. Vậy cần làm gì để thay dổi thực trạng đó?

- Thực trạng của vấn đề: Ô nhiễm môi trường đang là một vấn đề nhức nhối của cuộc sống hiện nay: rừng bị chặt phá, nước biển bị nhiễm hóa chất, đất đai bị ngập mặn, không khí bị nhiễm độc… Thực trạng này ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe con người, là một thách thức với sự phát triển trong tương lai của xã hội.

- Mỗi người đều có một phần trách nhiệm trước hiện tượng ấy. Vì vậy cần có những hành động thiết thực để giữ gìn môi trường sinh thái, trả lại cho thiên nhiên sự trong lành.

- Phê phán những kẻ vì lợi ích cá nhân mà tàn phá môi trường tự nhiên, thờ ơ vô cảm trước những vấn đề cấp bách của xã hội.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Với câu hỏi này, các em cần định hướng được ngay mình cần triển khai những ý chính sau:

- Giải thích khái niệm *nghệ thuật trào phúng.*
- Phân tích: 4 ý
  + Mâu thuẫn trào phúng
  + Xây dựng chân dung trào phúng
  + Xây dựng cảnh tượng trào phúng
  + Xây dựng ngôn ngữ, giọng điệu trào phúng

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. *Mở bài* giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Nghệ thuật trào phúng của Vũ Trọng Phụng trong đoạn trích *Hạnh phúc một tang gia*

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.

a. Giới thiệu khái quát về tác giả, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

- Vũ Trọng Phụng là một nhà văn hiện thực tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Tác phẩm của ông đã lên án gay gắt xã hội lố lăng, ô trọc thời bấy giờ. Ông từng khẳng định nguyên tắc sáng tác của mình: *" Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và những nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời".*

- *Số đỏ* (1936) được xem là tiểu thuyết thành công nhất của Vũ Trọng Phụng. Tác phẩm là bức tranh

biếm họa đặc sắc về bộ mặt giả dối của tầng lớp thượng lưu trong cuộc chay đua Âu hóa nhố nhăng. Một trong những chương truyện tiêu biểu là *Hạnh phúc một tang gia*, nằm ở chương XV của tác phẩm. Đây là một chương đặc sắc, thể hiện ngòi bút trào phúng độc đáo của Vũ Trọng Phụng.

b. Giải thích khái niệm: *Nghệ thuật trào phúng* (0,5 điểm)

- *Nghệ thuật trào phúng* là nghệ thuật tạo tiếng cười mang ý nghĩa đả kích, lên án, vạch trần bản chất xấu xa của đối tượng thông qua việc phát hiện ra những mâu thuẫn trái với tự nhiên, sự đối lập giữa hình thức bên ngoài và bản chất bên trong.

- Một trong những thủ pháp nghệ thuật quen thuộc và cơ bản nhất của *Nghệ thuật trào phúng* chính là phóng đại. Nhà văn thường phóng đại cái xấu, cái lố lăng, kệch cỡm, rởm đời lên để gây tiếng cười.

c. Phân tích *Nghệ thuật trào phúng* đặc sắc của Vũ Trọng Phụng thể hiện trong đoạn trích *Hạnh phúc một tang gia* (2,0 điểm):

- Nghệ thuật tạo dựng mâu thuẫn trào phúng:

Mâu thuẫn trào phúng được thể hiện trước hết ở nhan đề chứa đựng nghịch lí: *Hạnh phúc của một tang gia.*

+ *Hạnh phúc* là trạng thái thỏa mãn, sung sướng của con người khi được đáp ứng một nhu cầu nào đó về tinh thần hoặc vật chất.

+ *Tang gia* là gia đình có tang, có người thân mất đi, thường gợi lên sự buồn đau, thương tiếc, xót xa.

Tang gia mà lại *hạnh phúc*. Đó là *tang gia* song không ai nghĩ đến người chết và việc báo hiếu. Mỗi người đều có mối quan tâm riêng nhưng đều hướng đến hai chữ danh lợi thu được từ cái chết ấy. Đó là *tang gia* song không ai đau buồn, thương tiếc. Nêu có đau buồn, thương tiếc cũng chỉ là cái mặt nạ, là màn kịch được dựng lên để che đậy những nhu cầu, mưu đồ, toan tính. Ẩn sau lớp mặt nạ là niềm vui thực sự của cả người thân trong gia đình và những người ngoài gia đình. Niềm vui ấy khiến đam tang có xu hướng trở thành đám hội tưng bừng, náo nhiệt. Vì sao tồn tại sự thực quái gở này? Bởi vì người mất đi là cụ cố Tổ – chủ một gia tài kếch xù. Cụ để lại di chúc sẽ chia gia tài cho các con cháu khi cụ qua đời, vì thế cụ còn sống ngày nào là đám con cháu khát bạc còn phải mòn mỏi vì phải chờ đơi ngày ấy. Cụ chết đi, *cái chúc thư kia sẽ đi vào thời kì thực hành của nó*, mang lại *hạnh phúc* cho đám con cháu. Qua đó Vũ Trọng Phụng vạch trần bộ mặt giả dối, tham lam của những kẻ giàu có trong xã hội thượng lưu.

- Nghệ thuật xây dựng chân dung trào phúng:

Trong nghệ thuật biếm họa , chỉ với đôi ba nét, người họa sĩ tóm được thần thái của đối tượng trào phúng, lột tả được mâu thuẫn, phơi bày được bản chất của con người xấu xa để tạo tiếng cười đầy chất trí tuệ, góp sức công phá lớn. Lần lượt các chân dung biếm họa hiện lên dưới ngòi bút như có thần của Vũ Trọng Phụng.

+ Đó là cụ cố Hồng – con trai cả của người chết. Với vị trí này trách nhiệm của ông là lo cho ma chay của cha mình cho chu tất nhưng những hành động cụ thể của ông lại hoàn toàn trái ngược. Ông nằm dài, hút thuốc phiện và *mơ màng* theo khói thuốc. Ông nghĩ đến việc cưới chạy cho cô con gái Tuyết nhưng lại đùn đẩy việc cưới xin cho vợ. Cái danh mà ông mơ ước và tô vẽ là gia thế của một gia đình nề nếp, gia phong, danh gia vọng tộc. Vì thế ông đã tỏ ra già cả dù chưa đến 60 để được gọi là "*cụ cố*". Ông sẵn sàng mùa hè mặc áo bông, trả nhầm tiền xe đển chứng minh mình lẩm cẩm; luôn gắt gỏng để chứng tỏ mình già cả, ốm yếu. Nghĩ đến cái chết của bố mình, ông sung sướng đến độ đê mê nên " *đã nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc, vừa khóc mếu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ: Úi kìa, con giai lớn đã già đến thế kia kìa!"* và khen "*một cái đám ma như thế, một cái gậy như thế*"…. Rõ ràng, hiện lên trước mắt người đọc là một ông con trai không phải đang đau đớn đến hao gầy vì mất cha

mà là đang lâng lâng sung sướng vì đám ma của bố là dịp để ông khoe khoang sự giàu có và những sở thích gàn dở của mình.

CHÚ Ý

Cụ cố Hồng: biến đám ma thành cơ hội để:

- Khoe khoang sự giàu có
- Thực hiện sở thích quái gở (thích khen già, yếu)

+ Ông Văn Minh là đứa cháu đích tôn, là "*nhà cải cách xã hội*" danh giá, thì sung sướng tột đỉnh vì " *từ nay mà đi, cái chúc thư kia sẽ đi vào thòi kì thực hành không còn là lí thuyết viển vông nữa*". Mọi hành động của ông đều đối lập với trách nhiệm và tình cảm của một người cháu. Ông mời luật sư đến chứng kiến cái chết của ông nội để đảm bảo tính pháp lí của chúc thư. Ông còn nghĩ đến cách đối xử với Xuân Tóc Đỏ mà thực chất là tìm cách bịt miệng Xuân Tóc Đỏ biết những bí mật tày đình của ông. Ông quan niệm tội bôi nhọ danh dự của người thân trong gia đình là tội nhỏ và tội làm chết người thân trong gia đình mới là cái ơn to. Đẻ trả cái ơn to lớn ấy, ông đã dùng hạnh phúc trăm năm của cô em gái lá ngọc cành vàng để trả ơn cho một kẻ vô học. Ở ông tồn tại sự mâu thuẫn giữa cái bên ngoài là vẻ mặt " *đăm đăm chiêu chiêu*" của cái bối rối lo lắng rất hợp thời trang nhà có tang với cái bên trong là việc nghĩ cách đối xử với người đã mang đến cái ơn to cho gia đình.

CHÚ Ý

Ông Văn Minh: đối lập với cái tên văn minh là một kẻ bỉ ổi, tham lam:

- Hành động mời luật sư đến
- Suy nghĩ về Xuân: *Hai cái tội nhỏ, một cái ơn to*

+ Cô Tuyết, cô cháu gái giữ gìn *nửa chữ Trinh, mới chỉ hư hỏng có một nửa*. Mặt cô phảng phất vẻ buồn lãng mạn vì nhớ nhung nhân tình chứ không phải vì thương xót ông nội. Đám tang mang đến niềm hạnh phúc cho cô vì cô được mặc bộ y phục *ngây thơ* để chứng tỏ phẩm giá mới chỉ đánh mất nửa chữ trinh. Bộ y phục nửa kín nửa hở làm cho các ông tai to mặt lớn bạn của cụ cố Hồng cảm động thật sự, còn hơn cả "*những khi nghe tiếng kèn xuân nữ ai oán, não nùng"* Tuyết là đại diện cho những cô gái *tân thời* lẳng lơ, chạy theo
lối sống lai căng mà đánh rơi mất cả nhân phẩm.

+ Cậu Tú Tân thì " *cứ điên người lên vì cậu đã sẵn sang mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không được dùng đến"*. Ông nội chết là dịp để cậu trổ tài đạo diễn, chụp ảnh trong dịp đám tang. Cậu tỏ ra là một tài tử chụp ảnh, những chiếc máy ảnh được chuẩn bị từ lâu nay sẽ có dịp dùng đến. Cậu và bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngôi mộ khác nhau để chụp ảnh ở những góc khác nhau. Cậu đạo diễn mọi người gục đầu, cong lưng, khóc rồi đóng kịch xót thương cho đúng không khí đám tang Một kẻ ham chơi, vô tâm, vô học.

+ Ông Phán mọc sừng là con rể của cụ cố Hồng. Ông sung sướng vì " *không ngờ rằng giá trị đôi sừng hươu vô hình trên đầu ông lại đến như thế*" nó có giá đến " *vài nghìn đồng*" Đông Dương. Ông trù tính ngay một cuộc doanh thương với Xuân Tóc Đỏ để nhân cái sô vốn ấy lên. Là một diễn viên đại tài, ông Phán đã hoàn thành xuất sắc màn kịch vờ tỏ ra khóc thương. Trong đám tang ông vợ, ông mặc cái khăn trắng to tướng, áo thụng trắng lòe xòe và khóc mãi không thôi. Ngay cả Xuân Tóc Đỏ - kẻ chuyên đi lừa đảo người khác cũng bị ông lừa: Tưởng rằng ông khóc đến là oặt người đi nên đã đưa tay ra đỡ, nhưng đến khi ông

Phán dúi vào tay tờ 5 đồng gấp tư hắn mới hiểu ra bộ mặt thật tham lam đến mức tình người khô héo, trái tim vô cảm và thậm chí là việc bán rẻ cả danh dự bản thân. Ngay trước mặt cha vợ, trước linh hồn ông vợ, ông ta vẫn thản nhiên hoàn thành công việc thanh toán tiền để chuẩn bị chuyển sang công việc toan tính khác.

CHÚ Ý

Phán mọc sừng: lẽ ra phải nhục nhã vì bị vợ cắm sừng, nhưng hắn lại thấy tự hào về *đôi sừng hươu vô hình trên đầu mình* chỉ quan tâm đến tiền, tiền là trên hết, dù có phải đổi bằng lòng tự trọng.

+ Không chỉ khắc họa chân dung châm biếm cá nhân, tác giả còn khắc họa hình tượng đám động. Những tốp người đó là nhóm các vị quan chức cao cấp thì long trọng gắn lên ngực đủ các thư huy chương: *Bắc Đẩu bội tinh, Long bội tinh*,… đủ các kiểu râu ria trên cằm "*hoặc dài hoặc ngắn, hoặc đen hoặc hung hung, hoặc lún phún hoặc rầm rậm, loăn quăn*,…". Các vị đi cạnh linh cữu bị kích động, bởi " *làn da trắng thập thò trong làn áo voan trên cánh tay và ngực Tuyết"*. Nhóm đông đảo nhất gồm toàn " *giai thanh gái lịch, nên họ chim nhau, cười tình với nhau, chê bai nhau, ghen tuông hẹn hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma"* Một đám đông ô hợp, láo nháo, dâm đãng.

- Nghệ thuật xây dựng cảnh tượng trào phúng: Cảnh đám ma.

Cảnh trào phúng là những cảnh tượng trái với lẽ thông thường, tập trung rất nhiều điều trái với thuần phong mĩ tục được phóng đại lên để gây cười. Cảnh đám tang là một cảnh trào phúng vì bề ngoài là đam tang nhưng thực chất lại mang tính chất đam hội, đám rước.

+ Đám ma được tổ chức linh đình, to tát:

++ *Theo cả lối Ta, Tàu, Tây, có kiệu bát cống, lợn quay đi long, cho đến lốc bốc xoảng và bú – dích, và vòng hoa, có đến ba trăm câu đối, vài ba trăm người đi đưa* như một mớ hỗ lốn, một dàn nhạc phức hợp nhiều bè, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược.

++ Người đi đưa đông đảo, thuộc đủ mọi tầng lớp: từ già đến trẻ, từ cảnh sát đến sư sãi, từ những vị chức sắc đến phường lưu manh… Mỗi người diễn một vai khác nhau nhưng tất cả chỉ là những con rối kệch cỡm, những tên hề không hơn không kém.

+ Cảnh đưa ma được miêu tả bằng một câu văn ngắn được nhắc lại hai lần: " *Đám cứ đi*" cho thấy tốc độ đi chậm chạp, dềnh dàng của đám ma mà mục đích không phải thể hiện sự quyến luyến, thương tiếc người chết mà là để trưng ra cả phố sự giàu có đến thừa thãi của gia đình mình. Thiên hạ tha hồ ngắm thật kĩ cái giả dối, vô nhân đạo của đám người ấy. " *Đám cứ đi*" nghĩa là sự vô liêm sỉ không khép lại mà kéo dài tưởng như vô tận, nó kéo theo cái xác chết đến tận miệng huyệt.

+ Cảnh hạ huyệt: được xây dựng như một màn đại hài kịch. Trong đó, cậu Tú Tân là nhà đạo diễn đại tài và ông Phán mọc sừng là diễn viên đại tài nhất với tiếng khóc giả tạo*: " Hứ! Hứ! Hứ!"* Khóc mà như đang nấc lên vì sung sướng.

- Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu trào phúng mỉa mai:

+ Tác giả đã sử dụng những kết hợp từ độc đáo trong các câu văn để tạo nên tiếng cười hài hước như: "*Ông cụ già chết thật*", "*Cả cái gia đình ấy đã nhao lên mỗi người một cách…", "vẻ buồn lãng mạn đúng mốt", " chưa đánh mất cả chữ trinh"*…; những so sánh gây cười như: " *Tuyết như bị kim châm vào lòng" vì " không thấy bạn giai đâu cả"*

+ Nhà văn cũng sử dụng cách nói ngược với giọng điệu mỉa mai: " *Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu…!"*

d. Đánh giá, bình luận (0,5 điểm):

- Bằng tiếng cười mang ý nghĩa đả kích phê phán, nhà văn đã vạch trần bản chất xấu xa của xã hội thượng lưu tư sản thành thị đương thời. Đó là một xã hội băng họa đạo đức, khô héo tình người, chạy theo lối sống văn minh rởm, vô cùng đồi bại, lố lăng. Đằng sau tiếng cười không phải niềm vui mà là nỗi đau đời,là khao

khát đổi thay, muốn chôn vùi xã hội ấy. Qua đó thể hiện tấm lòng cao đẹp, mong muốn con người tránh được sự suy đồi về đạo đức do xã hội bất lương tác động.

- Ngòi bút trào phúng của Vũ Trọng Phụng sắc bén đến lạnh lùng. Nhà văn đã lựa chọn được những chi tiết đắt giá để vạch trần được bản chất của đối tượng, ngôn ngữ có vẻ khách quan nhưng cứ như cái roi mây lợi hại mà mỗi nhát quất xuống là lằn vào da thịt.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 1:

- Bài báo về thực trạng ô nhiễm môi trường:

Thực trạng môi trường: Những con số gây sốc

Hàng năm cả nước "*xài*" hơn 100.000 tấn hóa chất bảo vệ thực vật; phát sinh hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại trong khi việc xử lý chất thải, nước thải còn rất hạn chế.

Những con số giật mình của được Bộ TNMT tổng hợp báo cáo tại hội nghị toàn quốc về bảo vệ môi trường tổ chức sáng ngày 24.8 để thẳng thắn nhìn vào bức tranh tổng thể về thực trạng môi trường tại Việt Nam hiện nay.

Theo Bộ TNMT, môi trường nước ta đang chịu nhiều áp lực lớn từ phát triển kinh tế – xã hội trong nước, theo dòng thương mại quốc tế và tác động xuyên biên giới. Hàng năm, có hơn 2000 dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

Đáng chú ý, trên cả nước hiện có 283 khu công nghiệp với hơn 550.000m^3 nước thải/ngày đêm; 615 cụm công nghiệp nhưng trong đó chỉ khoảng hơn 5% có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Hơn 500.000 cơ sở sản xuất trong đó có nhiều loại hình sản xuất ô nhiễm môi trường, công nghệ sản xuất lạc hậu. Trên 5.000 doanh nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng; hơn 4.500 làng nghề. Hơn 13.500 cơ sở y tế hàng ngày phát sinh hơn 47 tấn chất thải nguy hại và 125.000 m^3 nước thải y tế.

Cả nước hiện có 787 đô thị với 3.000.000 m3 nước thải ngày/đêm nhưng hầu hết chưa được xử lý và đang lưu hành gần 43 triệu môtô và trên 2 triệu ôtô.

Hàng năm, trên cả nước sử dụng hơn 100.000 tấn hoá chất bảo vệ thực vật; phát sinh hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại.

Hiện có 458 bãi chôn lấp rác thải, trong đó có 337 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh; có hơn 100 lò đốt rác sinh hoạt công suất nhỏ, có nguy cơ phát sinh khí dioxin, furan.

Tình trạng chuyển đổi đất rừng, khai thác khoáng sản, xây dựng thủy điện, khai thác tài nguyên đa dạng sinh học đã dẫn đến thu hẹp diện tích các hệ sinh thái tự nhiên, chia cắt các sinh cảnh, suy giảm đa dạng sinh học.

(Nguồn: Khánh Hòa, báo điện tử *laodong.vn*)

ĐỀ SỐ 22

Đề thi gồm 02 trang

******

BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA CHUẨN CẤU TRÚC BỘ GD&ĐT

Môn: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút.

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CON LỪA GIÀ VÀ NGƯỜI NÔNG DÂN

Một ngày nọ, con lừa của một ông chủ trang trại xảy chân rơi xuống một cái giếng. Con vật kêu la hàng giờ liền. Người chủ trang trại cố nghĩ xem nên làm gì. Và cuối cùng ông quyết định: con lừa đã già và cái giếng cũng cần được lấp lại và không ích lợi gì khi cứu con lừa lên cả. Thế là ông nhờ vài người hàng xóm sang giúp mình.

Họ xúc đất đổ vào giếng, con lừa như hiểu được chuyện gì đang xảy ra và nó kêu la thảm thiết, sau hồi lâu, con lừa bỗng trở nên im lặng. Sau một vài xẻng đất, ông chủ trang trại nhìn xuống giếng và ông vô cùng sửng sốt. Mỗi khi bị một xẻng đất đổ lên lưng, lừa lắc mình cho đất rơi xuống và bước chân lên trên. Cứ như vậy, đất đổ xuống, lừa lại bước chân lên cao hơn. Chỉ một lúc sau, mọi người nhìn thấy chú lừa xuất hiện trên miệng giếng và lóc cóc chạy ra ngoài.

(Theo *Quà tặng cuộc sống)*

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2: Tác giả đặt con lừa vào tình huống bị rơi xuống một cái giếng, theo anh/chị tình huống ấy có ý nghĩa gì?

Câu 3: Theo anh/chị, vì sao ban đầu con lừa *kêu la thảm thiết* nhưng sau hồi lâu nó bỗng *im lặng?*

Câu 4: Sự khác nhau trong quyết định của người nông dân và con lừa là gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Qua câu truyện được trích ở phần đọc hiểu, anh (chị) hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ về vấn đề: *Con người và những thử thách trong cuộc sống.*

Câu 2 (5,0 điểm)

Từ đấy, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biền bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam - đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã nhìn thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non. Giáp mặt thành phố ở Cồn Giã Viên, sông Hương uốn một nhánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hen; đường cong ấy làm cho dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu. Và như vậy, giống như sông Xen của Pa - ri, sông Đa - nuýp của Bu - đa - pét; sông Hương nằm ngay giữa lòng thành phố yêu quý của mình; Huế trong tổng thể vẫn giữ nguyên dạng một đô thị cổ, trải dọc hai bờ sông. Đầu và cuối ngõ thành phố, những nhánh sông đào mang nước sông Hương tỏa đi khắp phố thị với những cây đa, cây cừa cổ thụ tỏa vầng lá u sầm xuống những xóm thuyền xúm xít; từ những nơi ấy, vẫn lập lòe trong đêm sương những ánh lửa thuyền chài của một linh hồn mô tê xưa cũ mà không một thành phố hiện đại nào còn nhìn thấy được. Những chi lưu ấy cùng với hai hòn đảo nhỏ trên sông đã làm giảm hẳn lưu tốc của dòng nước, khiến cho sông Hương khi qua thành phố đã trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh. Tôi đã đến Lê - nin - grát, có lúc đứng nhìn sông Nêva cuốn

trôi những đảm băng lô xô, nhấp nháy trăm màu dưới ánh sáng của mặt trời mùa xuân; moi phiến băng chở một con hải âu nghịch ngợm đứng co lên một chân, thích thú với chiếc thuyền xinh đẹp của chúng; và đoàn tàu tốc hành lạ lùng ấy với những hành khách tí hon của nó băng băng lướt qua trước cung điện Pê - téc - bua cũ để ra bể Ban - tích. Tôi vừa từ trong khói lửa miền Nam đến đây, lâu năm xa Huế, và chính Lê - nin - grát đã đánh thức trong tâm hồn tôi giấc mơ lộng lẫy của tuổi dại; ôi, tôi muốn hóa làm một con chim nhỏ đứng co một chân trên con tàu thủy tinh để đi ra biển. Tôi cuống quýt vẫy tay, nhưng sông Nê - va đã chảy nhanh quá, không kịp cho lũ hải âu nói một điều gì với người bạn của chúng đang ngẩn ngơ trông theo. Hai nghìn năm trước, có một người Hi Lạp tên là Hê -ra- clít, đã khóc suốt đời vì những dòng sông trôi đi quá nhanh, thế vậy! Lúc ấy, tôi nhớ lại con sông Hương của tôi; chợt thấy quý điệu chảy lặng lờ của nó khi ngang qua thành phố... Đấy là điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế, có thể cảm nhận được bằng thị giác qua trăm nghìn ánh hoa đăng bồng bềnh vào những đêm hội rằm tháng bảy từ điện Hòn Chén trôi về, qua Huế bỗng ngập ngừng như muốn đi muốn ở, chao nhẹ trên mặt nước như những vấn vương của một nỗi lòng.

Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya. Đã nhiều lần tôi thất vọng khi nghe nhạc Huế giữa ban ngày hoặc trên sân khấu nhà hát. Quả đúng như vậy, toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này, trong một khoang thuyền nào đó, giữa tiếng nước rơi bán âm của những mái chèo khuya. Nguyễn Du đã bao năm lênh đênh trên quãng sông này, với một phiến trăng sầu và từ đó những bản đàn đã đi suốt đời Kiều. Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỷ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc Kiều, "Trong như tiếng hạc bay qua — Đục như tiếng suối mới sa nửa vời"... Đến câu ấy, người nghệ nhân chợt nhổm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên: "Đó chính là Tứ đại cảnh!"

(Trích "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" - Hoàng Phú Ngọc Tường, *Ngữ văn 12,* Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.199 - 200)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của sông Hương trong đoạn văn trên. Từ đó, liên hệ với vẻ đẹp của dòng sông trong khổ thơ sau để làm sáng tỏ nhận định của Hoàng Phú Ngọc Tường: *dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm nhận của các nghệ sĩ:*

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

(Trích *Đây thôn Vĩ Dạ,* Ngữ văn 11, tập 2, Nxb Giáo dục, 2007, Tr39)

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự/ phương thức tự sự

Câu 2 (1,0 điểm):

CHÚ Ý

Ở câu 2 phần đọc hiểu: các em cần thấy rằng tình huống mà con lừa gặp phải trong câu chuyện cũng là những thử thách, bất trắc trong cuộc sống mà ai cũng có thể phải đối mặt

Ý nghĩa của tình huống con lừa bị rơi xuống giếng:

-Đây là một điều không may mắn với con lừa, cũng là biểu tượng cho những bất trắc, khó khăn, thử thách mà bất kì ai cũng có thể gặp phải trong cuộc sống

-Tình huống có tính thử thách: chúng ta sẽ ứng xử như thế nào trước những khó khăn đó? Qua đó thể hiện rõ bản lĩnh sống của mỗi người.

Câu 3 (1,0 điểm):

-Ban đầu con lừa *kêu la thảm thiết* vì nó sợ hãi, đau đớn, tuyệt vọng khi bị rơi xuống giếng và nhất là ông chủ (người nó chờ đợi có thể cứu nó lên) lại bỏ mặc, thậm chí còn định lấp đất vùi nó đi cùng với cái giếng.

-Sau đó, nó *im lặng* vì nhận ra không thể dựa vào ông chủ, không thể trông chờ vào người khác được. Nó chỉ có thể dựa vào chính bản thân mình. Và lừa tìm cách thoát khỏi cái giếng!

Câu 4 (0,5 điểm): Sự khác nhau trong quyết định của người nông dân

-Người nông dân nhanh chóng buông xuôi và bỏ cuộc.

-Con lừa khôn ngoan, dùng chính những xẻng đất muốn vùi lấp nó để tự giúp mình lên khỏi giếng.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Với câu hỏi này, các em cần định hướng được ngay mình cần triển khai những ý chính sau:

- Những thử thách trong cuộc sống mà con người gặp phải là gì?
- Trước những thử thách ấy ta cán có thái độ và hành động như thế nào?
- Liên hệ, phê phán những người thiếu nghị lực và lòng dũng cảm không dám đối diện với những thử thách ấy.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Con người cần đối diện như thế nào trước những thử thách trong cuộc sống?

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần làm rõ thái độ và cách ứng xử của con người trước những thử thách trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau:

- Những khó khăn thử thách trong cuộc sống: những điều không may mắn, bệnh tật hiểm nghèo, thất bại trong công việc, đổ vỡ trong tình cảm, hôn nhân... là những điều khó tránh khỏi. Chúng ta có thể gặp phải những thử thách ấy bất cứ lúc nào.
- Điều quan trọng là trước những thử thách ấy chúng ta phải:

+ Dũng cảm đối mặt, không vội buông xuôi, đầu hàng, tìm cách vươn lên. Con người phải biết dựa vào chính mình, đó là sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua được những giới hạn của cuộc sống.

+ Nhạy bén, sáng tạo, thông minh... để tìm cách vượt qua

- Phê phán những người trông chờ, ỷ nại vào người khác, không dám đối diện với khó khăn thử thách của cuộc sống.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Với câu hỏi này, các em cần bám sát vào đoạn văn được trích dẫn để phân tích vẻ đẹp của sông Hương. Sau đó đối sánh với cảm nhận của Hàn Mặc Tử trong đoạn thứ 2 bài Đây thô Vĩ Dạ để thấy được khám phá riêng của mỗi nghệ sĩ.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Có đủ ba phần *Mở bài, Thân bài, Kết bài*. Mở bài giới thiệu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Vẻ đẹp của sông Hương đoạn chảy qua thành phố Huế, liên hệ với đoạn thơ của Hàn Mặc Tử để thấy được những khám phá riêng của mỗi nhà văn, nhà thơ khi viết về dòng sông xứ Huế.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

- Huế, khúc ruột miền Trung của đất nước từ bao đời đã trở thành mảnh đất của thi ca, nhạc họa. Người dân Huế tự hào vì có những đền đài cổ kính và những miệt vườn xanh mướt vùng ngoại ô Vĩ Dạ... Nhưng có lẽ, Huế đẹp nhất là bởi vì có sông Hương. Sông Hương đến với Huế như một đặc ân mà tạo hóa đã ban tặng cho mảnh đất này. Từ cuộc đời, sông Hương đã chảy vào bao áng thơ ca và bắt lên những giai điệu ngọt ngào, say đắm. *"Ai đã đặt tên cho dòng sông?"* (Hoàng Phú Ngọc Tường) và *"Đây thôn Vĩ Dạ"* (Hàn Mặc Tử) là những tác phẩm xuất sắc viết về vẻ đẹp của sông Hương và Huế.

- Tuy nhiên, trong cảm nhận của mỗi tác giả, sông Hương lại hiện lên với một vẻ đẹp riêng. Đoạn sông Hương chảy giữa lòng thành phố Huế (trong *"Ai đã đặt tên cho dòng sông?)* và khổ thứ 2 bài *"Đây thôn Vĩ Dạ"* đã thể hiện rõ những khám phá riêng ấy.

b. Cảm nhận về vẻ đẹp của sông Hương trong đoạn văn (2,0 điểm)

CHÚ Ý

Vẻ đẹp của sông Hương:

- Mới về đến Huế: vui tươi, háo hức
- Đi giữa lòng thành phố: mang vẻ đẹp tâm hồn đặc trưng của Huế

+ Tinh tứ, nhẹ nhàng (qua lưu tốc của dòng nước)

+ Chất chứa nỗi niềm tâm sự thầm kín (người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya)

- Mới về đến Huế:

+ Sông Hương *vui tươi hẳn lên* như một người con xa quê đã tìm được đúng đường về. Nếu trước khi

về đến Huế, sông Hương phải *đổi dòng một cách liên tục* như *một cuộc tìm kiếm có ý thức* thì giờ đây, khi đã đi giữa lòng thành phố, dòng sông *kéo một nét thẳng thực yên tâm* Câu văn miêu tả dòng chảy của
dòng sông mà gợi lên được cái yên bình của tâm hồn người con gái đã tìm được người tình mà nó hằng mong đợi.

+ Khi giáp mặt thành phố *sông Hương uốn một cánh cung thật nhẹ khiến dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng "vâng" không nói ra của tình yêu. "Vâng"* là đã thuận tình nhưng chưa dám nói ra vì ngượng ngùng, e lệ. Cách so sánh độc đáo này đã biến sông Hương trở thành một cô gái Huế vừa e lệ, kín đáo vừa dịu dàng, duyên dáng biết bao!

- Đi giữa lòng thành phố thân yêu, sông Hương mang vẻ đẹp đặc trưng của tâm hồn Huế:

+ Lưu tốc chậm chạp như tính cách tình tứ nhẹ nhàng của người con gái Huế: *dòng sông trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh,* nhà văn gọi đó là *điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế.* Nhà văn giải thích điều này từ đặc điểm địa lí của dòng sông (do có hai hòn đảo nhỏ trên sông cùng rất nhiều chi lưu đã làm chậm lại tốc độ của dòng nước). Nhưng có lẽ, sông Hương trôi đi chậm như vậy là bởi vì quá yêu mến thành phố Huế xinh đẹp, không nỡ rời xa. Điệu chảy lững lờ ấy đã từng đi vào thơ Thu Bồn:

Con sông dùng dằng con sông không chảy
Sông chảy vào lòng nên Huế rất sâu
(Tạm biệt)

Ở đây Hoàng Phú Ngọc Tường còn đặt sông Hương bên cạnh dòng sông Nê - va với lưu tốc mạnh mẽ, rồi dẫn ra cả câu nói nổi tiếng của nhà triết học Hi Lạp cổ đại để càng thấy yêu mến điệu chảy lững lờ của sông Hương.

+ Dòng sông còn như chất chứa tâm sự thầm kín khi trở thành *người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya.*

++ Nhà văn nhắc đến nền âm nhạc cổ điển Huế và nhấn mạnh: *"Toàn bộ nền âm nhạc cổ điển Huế đã được sinh thành trên mặt nước của dòng sông này".* Quả thật, giữa mênh mang sông nước, tiếng mái chèo khua, tiếng nước vỗ vào mạn thuyền đã như một chiếc hộp cộng hưởng khổng lồ nâng cánh cho những điệu hò dân gian xứ Huế. Không có sông Hương, cũng không thể có nhã nhạc cung đình Huế ngày nay.

++ Ở đoạn này, tác giả còn liên tưởng đến *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du. Theo nhà văn, những bản đàn từng đi suốt đời Kiều cũng được Nguyễn Du lấy cảm hứng từ đây. Không phải ngẫu nhiên nhà văn lại nhắc đến *Truyện Kiều* - tập đại thành của văn học Việt Nam. Rõ ràng, sông Hương đã hòa vào dòng văn hóa của dân tộc, trở thành điệu tâm hồn của biết bao người.

Như vậy, sông Hương từng là *bà mẹ phù sa* đem màu mỡ cho đất đai nuôi sống con người, *làm người*
gái đẹp nằm ngủ mơ màng giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại, nay sông Hương lại sản sinh ra âm nhạc để bồi đắp tâm hồn con người. Tình cảm của *người gái đẹp* sông Hương dành cho Huế thật sâu đậm biết bao!

c. Liên hệ với đoạn thơ trong *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử để làm sáng tỏ nhận định của Hoàng Phú Ngọc Tường (1,0 điểm)

- Đoạn thơ trong bài *Đây thôn Vĩ Dạ*

+ Dòng Hương thơ mộng như nhuốm màu tâm trạng: hòa vào khung cảnh gió mây chia lìa thì dòng nước cũng *buồn thủu.* Nghệ thuật nhân hóa độc đáo khiến sông Hương mang nỗi buồn của lòng người, nỗi buồn đến độ héo hon, làm cho con người gần như mất đi cả sự sống. Đây cũng là cách nói đặc trưng của người dân xứ Huế.

+ Hai câu cuối, dòng sông mang vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng với hai hình ảnh: *bến sông trăng* và

thuyền chở trăng. Cảnh đẹp nhưng lại ẩn chứa bi kịch lỡ dở bởi hai câu hỏi tu từ khắc khoải: *Thuyền ai? Có... kịp? Thuyền ai* phiếm chỉ gợi lên bao ngỡ ngàng bâng khuâng, tưởng như quen mà lạ, gần đó mà xa xôi. Con thuyền đơn côi nằm trên bến đợi *sông trăng* là một nét vẽ thơ mộng và độc đáo. Con thuyền không chở người (vì người xa cách chia li) mà chỉ *chở trăng về.* Phải về *kịp tối nay* vì đã cách xa và mong đợi sau nhiều năm tháng. Con thuyền tình của ước vọng nhưng đã thành vô vọng! Bến sông trăng trở nên vắng lặng vì *"thuyền ai"* phiếm chỉ, như có, như không.

- Những khám phá riêng của mỗi nghệ sĩ khi viết về sông Hương: Lời khẳng định đầy tự hào của Hoàng Phú Ngọc Tường *dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm nhận của các nghệ sĩ* cho thấy sông Hương có vẻ đẹp tiềm ẩn, phong phú khiến mỗi nghệ sĩ khi tìm đến lại khám phá thấy một vẻ đẹp mới.

+ *Đây thôn Vĩ Dạ:* Chọn điểm nhìn cảm xúc ở một không gian hẹp, thu nhỏ, đồng thời đó là cái nhìn được gợi hứng từ bức ảnh, cái nhìn của kí ức nên Hàn Mặc Tử đã làm nổi bật vẻ đẹp của xứ Huế qua những nét đặc trưng rất bình dị, gần gũi, quen thuộc và đầy chất lãng mạn: Đó là cảnh sông nước, con người xứ Huế trong vẻ đẹp sâu đậm của cảm xúc về tình đời, tình người. Cảm hứng chủ đạo của tác giả khi tái hiện hình tượng sông Hương là bâng khuâng, tha thiết nhưng cũng hoài nghi, tuyệt vọng.

+ *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* Chọn điểm nhìn là sông Hương giữa lòng thành phố Huế. Đặt trong một không gian phóng khoáng, rộng lớn hơn, Hoàng Phú Ngọc Tường có cái nhìn bao quát, trải dài từ quá khứ cho đến hiện tại, từ dòng sông cho đến văn hóa Huế. Vì thế, vẻ đẹp của sông Hương hiện lên toàn diện hơn, chân thực hơn với dòng chảy lững lờ, với những đêm trình diễn nhã nhạc cung đình... Dưới ngòi bút của Hoàng Phú Ngọc Tường sông Hương chính là linh hồn của Huế, là nơi tích tụ những trầm tích văn hóa lâu đời của mảnh đất kinh thành cổ xưa. Cảm hứng chủ đạo của nhà văn khi viết về sông Hương ở đoạn này là vui tươi, say mê, tự hào.

Có những khám phá riêng như thế là do:

+ Hoàn cảnh sáng tác và phong cách văn chương khác nhau.

+ Do đặc điểm thể loại của thơ và bút kí. Thơ chủ yếu nghiêng về cảm xúc, bút kí đòi hỏi không chỉ cảm xúc mà ít nhiều còn có tính xác thực và khách quan của hiện thực phản ánh.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm)

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II - Câu 1:

- Đoạn văn tham khảo:

Alexander Graham Bell từng nói: *"Thành công sẽ đến với những ai biết rõ mình muốn gì và không bao giờ bỏ cuộc cho đến khi đạt được điều đó",* thử thách là một phần quan trọng của cuộc sống và phải sử dụng nó ta mới có được thành công. Nếu muốn bản thân sinh ra đã hoàn hảo, giỏi giang ngay từ đầu thì là điều không thể. Những khó khăn, thử thách trong cuộc sống như: điều không may mắn, bệnh tật hiểm nghèo, thất bại trong công việc, đổ vỡ trong tình cảm, hôn nhân... có thể ập đến với ta bất cứ lúc nào. Điều quan trọng là trước những thử thách ấy chúng ta phải dũng cảm đối mặt, không vội buông xuôi, đầu hàng mà phải tìm cách vươn lên. Chúng ta cũng không nên trông chờ, dựa dẫm vào người khác mà nên dựa vào chính mình, nhạy bén, sáng tạo, thông minh để tìm thấy giải pháp trong mọi hoàn cảnh. Những ai trông chờ, ỷ nại vào người khác, không dám đối diện với khó khăn thử thách của cuộc sống mãi mãi không thể đạt được ước mơ, khát vọng của chính mình.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 23

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

(1) ... Ai cũng biết, người biết suy nghĩ phải trái, biết lý lẽ là những người không sống tùy tiện. Mọi lời nói, suy nghĩ và việc làm của họ luôn hướng tới cái hay, cái đẹp; hướng tới lợi ích bản thân trong mối quan hệ với lợi ích chung của những người xung quanh. Cách sống đó là món trang sức quý giá nhất mà mỗi người tự trang bị cho mình thông qua học vấn, cụ thể là từ việc đọc sách.

(2) Đọc sách thể dục thể thao, chúng ta biết rèn luyện sức khỏe dẻo dai bền bỉ hơn. Đọc sách triết học, chúng ta nhận ra những quy luật và những diễn biến ý thức hệ trong cuộc sống, từ đó hình thành cách nhìn và cách nghĩ của bản thân. Đọc sách vật lý chúng ta hiểu biết về quy luật vận động của thế giới tự nhiên hơn, từ đó ứng dụng vào cuộc sống. Đọc sách văn học để hình thành cảm xúc, thái độ hợp lý trước mọi cảnh ngộ, cuộc đời; xây dựng đời sống hài hòa, nhân văn, có chiều sâu... Tóm lại, sách đem đến cho con người một cuộc sống tốt đẹp, hòa hợp giữa bản thân với cộng đồng, môi trường xung quanh, xã hội và cả nhân loại.

(3) Dĩ nhiên, những điều được trình bày phía trên không phải là tất cả những lợi ích mang lại của việc đọc sách. Chúng ta còn có thể thấy, người đọc nhiều sách có kiến thức sâu rộng, hội tụ nhiều năng lực, lời nói có cơ sở và có uy tín nên được mọi người lắng nghe, xem trọng... Nhưng ai cũng biết, đọc sách trước tiên là để giúp mình sống tốt hơn.

(Trích *Lợi ích của việc đọc sách* – Theo *www.ttn.php/16*)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên?

Câu 2: Trong đoạn (2), tác giả chủ yếu sử dụng thao tác lập luận nào?

Câu 3: Chỉ ra *"Cách sống đó"* được tác giả đề cập trong đoạn (1).

Câu 4: Anh (chị) hãy giải thích ngắn gọn thực trạng: đọc sách chưa phải là lựa chọn hàng đầu của người trẻ hiện nay.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu ra ở phần đọc hiểu: *Đọc sách trước tiên là để giúp mình song tốt hơn.*

Câu 2 (5,0 điểm): Nhận xét về bài thơ ***Sóng*** của Xuân Quỳnh, có ý kiến cho rằng *"Bài thơ gợi lên sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi"* (Dẫn theo *Sách Giáo viên - Ngữ Văn Nâng cao 12*, tập một, NXB Giáo dục, 2007, tr.118).

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua đoạn thơ sau:

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được

Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh – một phương

Ở ngoài kia đại dương
Trăm nghìn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

(Trích ***Sóng***, Xuân Quỳnh, Ngữ Văn 12, tập một, NXB Giáo dục 2010, tr.155-156)

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận/phong cách chính luận.

Câu 2 (0,5 điểm):

Thao tác lập luận phân tích/thao tác phân tích/lập luận phân tích/phân tích.

Câu 3 (1,0 điểm):

Học sinh căn cứ vào nội dung văn bản để đưa ra giải thích phù hợp. Gợi ý:

"Cách sống đó" được tác giả đề cập trong đoạn (1) là: Cách sống của *người biết suy nghĩ phải trái, biết lý lẽ là những người không sống tùy tiện. Mọi lời nói, suy nghĩ và việc làm của họ luôn hướng tới cái hay, cái đẹp; hướng tới lợi ích bản thân trong mối quan hệ với lợi ích chung của những người xung quanh.*

Câu 4 (1,0 điểm):

STUDY TIP

Cần triển khai các ý chính sau:

- Sự phát triển của công nghệ số (3.0 - 4.0);
- Sở thích, thói quen, gu thưởng thức thẩm mĩ thay đổi theo thời đại;
- Những hạn chế, bất cập của thị trường sách.

Học sinh có thể đưa ra nhận xét theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục. Gợi ý:

- Áp lực công việc, không còn thời gian rảnh rỗi để đọc sách, sử dụng các phương tiện khác sẽ nhanh và tiện ích hơn;
- Sự phát triển của công nghệ thông tin, công nghệ điện tử số làm cho hình thức và phương thức đọc sách có nhiều thay đổi việc đọc sách không nhất thiết là đọc các trang in mà giới trẻ có thể đọc những trang sách điện tử bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu;
- Sự phát triển rầm rộ của các ngành công nghệ giải trí với những chương trình mới lạ, đặc sắc thu hút giới trẻ *(theo khảo sát nhanh cỏ tới 41,7% bạn trẻ trả lời là lên mạng, 20% xem phim, 16,7% nghe nhạc và chỉ cỏ 15% trả lời là đọc sách);*
- Lối sống dễ dãi, yêu thích những thú vui tầm thường, chỉ nghiêng về bình diện giải trí: facebook, fan cuồng thần tượng, phim kinh dị, thậm chí những ấn phẩm có nội dung đồi trụy...
- Các nhà xuất bản chạy theo lợi nhuận xuất bản nhiều loại sách kém chất lượng nhưng được phát hành ồ ạt làm mất niềm tin và tình yêu vào sách...

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Giá trị của việc đọc sách.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

STUDY TIP

Cần triển khai các ý chính:

- Sách là kho tàng tri thức, văn hóa của nhân loại. Con người đọc sách cũng đồng nghĩa với việc tiếp thu vốn tri thức và văn hóa khổng lồ cho bản thân;
- Sách giúp con người được thư giãn;
- Sách làm giàu có tâm hôn và phát triển các kỹ năng sống

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về việc lựa chọn cách sống vì cá nhân hay vì cộng đồng. Tham khảo các gợi ý sau:

- *Sách giúp con người được thư giãn*

Cuộc sống, công việc, học tập vốn tồn tại nhiều căng thẳng, áp lực, mệt mỏi. Những lúc như vậy, chúng ta sẽ tìm đến các hình thức giải trí khác nhau để giải tỏa bớt đi những cảm xúc tiêu cực của bản thân. Mỗi cá nhân sẽ có mỗi cách khác nhau để "đặc trị" căng thẳng, mệt mỏi của bản thân. Có những người lựa chọn vận động bằng các hoạt động thể chất, có những người về với gia đình để tình yêu thương xua tan đi nỗi bực dọc; có những người chọn tìm đến những người bạn thân để trút hết nỗi tâm sự; có những người xem phim; nhưng cũng có những người lại lựa chọn đọc sách bên tách cà phê ấm sau một ngày ngược xuôi ở bên ngoài thế giới rộng lớn...

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đây là dạng bài nghị luận một ý kiến bàn vé tác phẩm văn học. Yêu cầu:

- Đọc kỹ ý kiến, xác định yêu cầu nội dung cần bàn luận, đánh giá;
- Phân tích, chứng minh qua đoạn thơ;
- Phần kết bài ngoài việc khẳng định giá trị của ý kiến, cần đánh giá, khẳng định giá trị của tác phẩm.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Ket bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

STUDY TIP

Hướng triển khai:

- Đặc trưng của hồn thơ Xuân Quỳnh: hồn hậu, chân thành giàu trực cảm, da diết trong khát vọng hạnh phúc đời thường;
- Nội dung chủ đạo: Cảm xúc mãnh liệt, nồng nàn khi sống trong tình yêu và những dự cảm lo âu về sự mong manh khó bền chặt của hạnh phúc trước biển đời. Từ đó xây dựng ý thức giữ gìn, trân trọng;
- Sáng tạo hình tượng nghệ thuật hấp dẫn: sóng và em, trong đó sóng biểu tượng cho tâm hồn người con gái khi yêu, em là cái tôi Xuân Quỳnh luôn tha thiết, mãnh liệt trong tình yêu và ý thức sống.

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Xuân Quỳnh là nhà thơ nữ tiêu biểu của thơ ca Việt Nam hiện đại. Thơ của chị là tiếng nói nhân hậu, thủy chung, giàu trực cảm và da diết khát vọng hạnh phúc đời thường. *Sóng* là bài thơ được làm năm 1967 nhân chuyến đi thực tế ở biển Diêm Điền. Bài thơ sau đó được in trong tập *Hoa dọc chiến hào*. *Sóng* là bài thơ tiêu biểu nhất cho phong cách thơ tình yêu của Xuân Quỳnh. Đoạn thơ trích trong bài thơ *Sóng* là sự bồi hồi của trái tim người con gái đang yêu, là sự nhớ thương, thao thức của một tâm hồn nhiều nhung nhớ.

Bài thơ *Sóng* gợi lên sự phong phú trong tâm hồn người con gái đang yêu: vừa nồng nhiệt vừa dè dặt, vừa tin tưởng vừa hoài nghi.

b. Nhận xét khát quát về hồn thơ nữ Xuân Quỳnh (0,5 điểm)

- Tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ giàu lòng trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi mát vừa chân thành đằm thắm, luôn da diết khắc khoải về hạnh phúc bình dị đời thường;
- Cái tôi trữ tình thiết tha, mạnh mẽ táo bạo, luôn nói hộ biết bao người phụ nữ còn e dè, ngại ngùng, không dám bộc bạch tâm sự riêng của mình.

c. Triển khai cụ thể vấn đề nghị luận: Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

- *Tâm hồn nồng nhiệt, tin tưởng vào tình yêu:*

+ Thường trực nỗi nhớ tha thiết, khắc khoải:

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức

+ Hòa cùng những con sóng: sóng thơ, sóng lòng, ta tìm về cõi sâu kín của tâm hồn thi sĩ và cũng là của muôn kiếp "má hồng". Bài thơ *Sóng* ra đời khi những con sóng lòng dâng lên dữ dội, những con sóng nhớ thương, thao thức của một tâm hồn đang yêu. Cả bài thơ là những đợt sóng nối nhau vỗ vào tâm hồn người đọc. *Sóng* và nhân vật em đan quyện vào nhau để thi thầm những nỗi niềm, những tâm tư. Đây là một khổ thơ vô cùng đặc biệt bởi trong bài thơ chỉ tuy nó có sáu câu. Sáu câu thơ trải dài như nỗi thao thức, băn khoăn của tâm hồn thi sĩ trong đêm.

+ Hai câu thơ đầu với hình thức lặp cấu trúc quyện hòa cùng nghệ thuật đối *"dưới lòng sâu - trên mặt nước"* tạo nên sự điệp trùng của những con sóng với nhiều dạng thức khác nhau. Có con sóng gầm gào trên mặt đại dương nhưng cũng có con sóng cuộn trào trong lòng biển cả. Con sóng ngầm còn mãnh liệt hơn

cả con sóng trên mặt nước. Cả hai kết hợp với nhau làm nên sự đa dạng của sóng biển. Sóng là em, em là sóng. Cũng như sóng kia, tâm hồn em cũng vô vàn những phức tạp khó hiểu. Lúc lặng lẽ, êm đềm khi nồng nàn dữ dội, nhưng thế nào đi nữa, em vẫn mãi là em, vẫn mãi ôm trong lòng một nỗi nhớ thương không dứt. Cũng như sóng kia thôi, dù dịu êm hay dữ dội thì sóng vẫn luôn nhớ bờ, và em vẫn luôn nhớ anh.

+ Xuân Quỳnh vô cùng tinh tế khi mượn một hình tượng rất động để diễn ta nỗi niềm của người phụ nữ khi yêu. Sóng muôn đời vẫn thế, có bao giờ thôi vỗ sóng, có khi nào chẳng cồn cào, có khi nào thôi ngừng hành trình đến với bờ dù muôn vời cách trở. Sóng chẳng còn là sóng nếu tĩnh yên, lặng lẽ. Vì vậy mà sóng đã được Xuân Quỳnh diễn tả bằng một từ ngữ rất sáng tạo *"không ngủ được"*. Sóng là vậy, dù lặng yên dưới lòng biển hay dữ dội trên mặt đại dương thì ngàn đời vẫn khát khao tìm về bến bờ tĩnh tại. Chưa đến được bờ thì nhớ thương, thương nhớ thì thao thức một nỗi niềm. Nên con sóng đã hành trình vượt qua không gian bao la và thời gian xa thẳm. Nó bất chấp cả thời gian *"ngày đêm không ngủ được"* để quyết tâm hướng vào bờ cho thỏa nỗi niềm mong nhớ.

+ Quy luật sóng nhớ bờ - em nhớ anh. Lòng là nơi sâu kín nhất của tâm hồn con người. Nơi bí mật thẳm sâu của tình yêu và nỗi nhớ. Khi Xuân Quỳnh nói lòng em nhớ nghĩa là chị đã phơi bày tất cả tâm hồn của mình để dốc hết yêu thương mà gửi về người mình yêu. Nỗi nhớ không chỉ có mặt trong thời gian được ý thức mà còn gắn với tiềm thức - thời gian trong mơ. Vị ngọt ngào mê đắm của tình yêu lan tỏa trong cách nói nghịch lý *''cả trong mơ còn thức"*. Câu thơ *"cả trong mơ còn thức"* lóe lên điểm sáng của nghệ thuật. Nó làm đảo lộn nhịp sống, nỗi nhớ không chỉ làm lòng em *"bồi hồi bồi hồi, như đứng đống lửa như ngồi trong than"* mà nó còn làm cho em nhớ nhung, thao thức ngay cả trong giấc ngủ. Có thể nói, với câu thơ ấy, Xuân Quỳnh đã có thể được xem là thi sĩ tài năng bật nhất của thơ ca hiện đại Việt Nam.

+ Tấm lòng son sắt, thủy chung, tin tưởng vào kết quả tốt đẹp của tình yêu;

+ Khát khao tận hiến, tận dâng, nguyện hi sinh hết mình cho tình yêu đích thực;

- *Tâm hồn dè dặt, hoài nghi:*

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

Lo âu trước sự hữu hạn của cuộc đời, sự mong manh khó bền chặt của tình yêu, hạnh phúc.

- *Nghệ thuật:*

Hình ảnh ẩn dụ *sóng*, phép nhân hóa, các thủ pháp hô ứng, đăng đối, trùng điệp, thể thơ ngũ ngôn trường thiên tạo nên nhịp điệu sóng, âm điệu sóng...

d. Bàn luận (0,5 điểm):

- Đoạn thơ thể hiện những cung bậc cảm xúc phong phú, phức tạp trong tâm hồn người con gái đang yêu (yêu thương, nhớ nhung, khát khao, say đắm, thoáng vui, thoáng buồn...);
- Tiếng nói tình yêu chân thành, mãnh liệt *vừa có tính chất truyền thống như tình yêu muôn đời vừa có tính hiện đại như tình yêu hôm nay*;
- Đặc trưng hồn thơ Xuân Quỳnh: giàu trực cảm, da diết khát vọng hạnh phúc đời thường;

→ Cảm thức về tình yêu luôn là điểm nhấn trong thơ Xuân Quỳnh - một hồn thơ đa cảm mà dung dị, một trái tim yêu mãnh liệt dữ dội và dịu êm", "ồn ào mà lặng lẽ", khiêm nhường đấy nhưng cũng ào ạt, đam mê như sẵn sàng cháy đến tận cùng nỗi khát khao được yêu và dâng hiến. Thơ Xuân Quỳnh không chỉ hay, đẹp

qua ý, tình, con chữ mà hồn thơ thật giản dị, triết lý thắm sâu, lay thức vào những góc khuất lòng người để lại những dư ba cảm xúc. Dấu ấn về phong cách thơ Xuân Quỳnh còn được khẳng định mạnh mẽ hơn khi thơ không chỉ là thơ mà còn hòa quyện, nhuần nhuyễn, đồng điệu giữa chuyện thơ và chuyện đời làm nên hồn thơ đa sắc điệu, quyến rũ lòng người.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 24

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

... Sáng nào bom Mỹ dội
Phượng đổ ngổn ngang, mái trường tốc ngói
Mặt bảng đen lỗ chỗ vết bom bi
Thầy cầm súng ra đi
Bài tập dạy chúng em dang dở

Hoa phượng
Hoa phượng cháy một góc trời như lửa

Năm nay thầy trở về
Nụ cười vẫn nguyên vẹn như xưa
Nhưng một bàn chân không còn nữa
Ôi bàn chân
In lên cổng trường những chiều giá buốt
In lên cổng trường những đêm mưa dầm
Dấu nạng hai bên như hai hàng lỗ đáo
Chúng em nhận ra bàn chân thầy giáo
Như nhận ra cái chưa hoàn hảo
Của cuộc đời mình…

(Trích *Bàn chân thầy giáo* – Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời,* NXB Văn học, Hà Nội, 2009)

Câu 1: Văn bản gợi cho anh (chị) liên tưởng tới ca khúc nào cũng viết về người thầy giáo thương binh của nhạc sĩ Trần Tiến?

Câu 2: Chỉ ra giai đoạn lịch sử được phản ánh trong đoạn thơ?

Câu 3: Xác định và chỉ ra giá trị của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong nhưng câu thơ sau?

Ôi bàn chân
In lên cổng trường những chiều giá buốt
In lên cổng trường những đêm mưa dầm

Câu 4: Bằng nhận thức của bản thân anh (chị) hãy cắt nghĩa để làm sáng tỏ thêm ý thơ:

Chúng em nhận ra bàn chân thầy giáo
Như nhận ra cái chưa hoàn hảo

Của cuộc đời mình…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của anh/chị về người thầy giáo trong xã hội xưa và nay?

Câu 2 (5,0 điểm): Phân tích nhân vật cụ Mết trong truyện ngắn *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành) và nhân vật chú Năm trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi) để thấy rõ vai trò của sự tiếp nối những giá trị truyền thống.

---------- **HẾT** ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Với câu hỏi về giai đoạn lịch sử học sinh cần căn cứ vào một số yếu tố: nhan đề; nội dung văn bản; nhận diện qua những từ khóa; thông tin về năm sáng tác, liên hệ với những hiểu biết của bản thân để trả lời, cắt nghĩa.

Câu 1 (0,5 điểm):

Văn bản gợi liên tưởng tới ca khúc "*Vết chân tròn trên cát*" viết về hình ảnh người thầy giáo thương binh của nhạc sĩ Trần Tiến.

Câu 2 (0,5 điểm):

Đoạn thơ phản ánh giai đoạn lịch sử thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước – giai đoạn lịch sử cam go, thử thách, đòi hỏi lòng kiên trì, ý chí quyết tâm.

Câu 3 (1,0 điểm):

Biện pháp tu từ được sử dụng:

- Điệp ngữ (*in lên cổng trường*…).

- Giá trị của biện pháp tu từ: Nhấn mạnh, tạo ấn tượng sâu sắc về hình ảnh đôi bàn chân của người thầy trờ về sau cuộc chiến tranh (có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đảm bảo hợp lí, thuyết phục).

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra ý nghĩa của đoạn thơ theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục.

Gợi ý:

- Đoạn thơ thể hiện tình cảm trân trọng, kính yêu sâu sắc và sự ngưỡng mộ về ý chí, nghị lực của tác giả đối với người thầy giáo thương binh.

- Bài học nhận thức về ý thức sống: Sống gắn liền với cống hiến.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Đây là dạng bài nghị luận về một vấn đề xã hội, học sinh cần kết hợp kiến thức trên sách vở và hiểu biết thực tế để trả lời đặc biệt những kiến thức trong lịch sử văn hóa, xã hội của dân tộc với truyền thống *tôn sư trọng đạo*.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Trình bày nhận thức của bản thân về tình thầy – trò trong xã hội xưa và nay.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về tình thầy – trò trong xã hội xưa và nay. Tham khảo các gợi ý sau:

- Đặt vấn đề: "Tôn sư trọng đạo" là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Từ ngàn đời vẫn được lưu truyền gìn giữ…

- Triển khai vấn đề:

Người thầy trong xã hội xưa

+ Là người hiểu biết rộng do đọc sách nho giáo và thướng sống rất mực thước theo cốt cách nhà nho và trở thành tấm gương đạo đức cho học trò noi theo;

+ Là người "duy nhất" truyền đạt kiến thức trực tiếp cho trò nên học sinh cũng gần như phụ thuộc hoàn toàn vào kiến thức của thầy.

+ Là người bề trên. Học trò phải tuân theo mọi yêu cầu, mệnh lệnh của thầy. Thầy có thể trừng phạt trò nghiêm khắc, thậm chí đánh phạt học trò nhưng cha mẹ không dám phản đối mà có nhiều bậc cha mẹ lại rất biết ơn thầy đã nghiêm khắc giáo dục con cái họ thành người có ích sau này.

+ Thầy đồ xưa thường rất gần gũi với nhân dân vì nhiều người trong số họ cũng xuất thân từ giai cấp lao động nghèo.

+ Xã hội xưa để thành danh duy nhất chỉ có một con đường khoa cử. Nhờ có thầy dạy dỗ chữ mà học trò mới có thể thi đỗ ra làm quan có địa vị xã hội và có cuộc sống vinh hoa phú quý và mang lại vinh dự cho cả gia đình và dòng họ hay cả làng xã nơi họ sinh ra. Do đó, những học sinh dù có đỗ đạt hơn vẫn biết ơn và kính trọng thầy giáo cũ của mình. Vào dịp lễ, tết, họ thường tự nguyện mang đồ lễ đến để tỏ lòng biết ơn thầy.

Mối quan hệ gắn bó, khăng khít; người thầy dạy học xưa được cả xã hội kính trọng, kính nể.

Người thầy trong xã hội nay

+ Người thầy là người hiểu biết, có vốn kiến thức, có kỹ năng sư phạm, tấm gương sáng; nhưng người thầy sẽ là người trợ giúp cho học sinh lĩnh hội tri thức và không còn là người "độc quyền" truyền đạt kiến thức cho học sinh nữa. Học sinh sẽ tự mình chủ động tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau như sách báo, Internet. Học sinh sẽ có quyền đánh giá thầy và quyền chọn thầy cô hướng dẫn mình.

+ Ảnh hưởng của kinh tế thị trường, một số thầy cô bị tha hóa, xuống cấp về đạo đức, lối sống. Thậm chí nhiều thầy cô xúc phạm nhân phẩm, đánh đập học sinh, bị dư luận lên án. Tất cả những điều đó đã làm xấu đi hình ảnh người thầy, người cô mẫu mực, mô phạm một thời của nghành giáo dục.

Mối quan hệ thầy – trò bình đẳng, gần gũi, tôn trọng.

- Kết thúc vấn đề: Một quy luật tất yếu là quan hệ thầy trò sớm hay muộn sẽ thay đổi khi xã hội và nền giáo dục chúng ta thay đổi sâu sắc. Nhưng suy cho cùng nếu thầy ra thầy, thì người thầy vẫn được trò kính trọng, quý mến (trừ số trò rất cá biệt) và được phụ huynh học sinh, được những người công tác trong các nghành khác tôn trọng.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Vẻ đẹp của nhân vật cụ Mết trong truyện ngắn *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành) và nhân vật chú Năm

trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi) để thấy rõ vai trò của sự tiếp nối những giá trị truyền thống.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

STUDY TIP

Hướng triển khai:

- Phân tích những nét riêng đặc trưng của từng nhân vật trong các điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của dân tộc

+ Cụ Mết – già làng, cây xà nu của dân làng Xô – Man trong những buổi đầu chống Pháp;

+ Chú Năm – khúc thượng nguồn trong dòng sông truyền thống của gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước đánh giặc ngoại xâm

- Chỉ ra những điểm chung của hai nhân vật:

+ Họ đều là những con người đại diện cho truyền thống tốt đẹp của dân tộc: yêu nước, chống ngoại xâm, kinh nghiệm sống trong các thời kỳ lịch sử;

+ Họ là linh hồn của cuộc sống giữa người giữ lửa, truyền lửa để làm nên mạch ngầm truyền thống;

- Thái độ trân trọng, đối với quá khứ, nguồn cội; lay thức ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ cần viết tiếp truyền thống cha ông.

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,25 điểm):

- Khái quát về tác phẩm:

+ Nguyễn Trung Thành từng có thời gian dài hoạt động ở Tây Nguyên. Những năm tháng lăn lộn trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên Khu V đã giúp ông hiểu sâu sắc về Tây Nguyên có gắn bó mật thiết và có duyên nợ với mảnh đất và con người Tây Nguyên từ đó rất nhiều tác phẩm thành công về mảnh đất, con người Tây Nguyên được xuất bản. Truyện ngắn *Rừng xà nu* ra đời năm 1965, in trong tập *Trên quên hương những anh hùng Điện Ngọc*, được viết trong bối cảnh khi đế quốc mĩ bắt đầu đổ bộ ào ạt vào miền Nam. Đây là câu truyện kể về cuộc nổi dạy của dân làng Xô – Man.

+ Nguyễn Thi quê ở miền Bắc nhưng đã gắn bó rất sâu nặng với nhân dân miền Nam và thực sự xứng đáng với danh hiệu "Nhà văn của người nông dân Nam Bộ" trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước. *Những đứa con trong gia đình* được sáng tác ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác ở tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng*. Truyện ngắn tái hiện lại một dòng sông truyền thống trong lịch sử đấu tranh của một gia đình nông dân ở Nam Bộ. Đây là câu chuyện kể về một gia đình nông dân Nam Bộ giàu truyền thống yêu nước và cách mạng.

b. Nhận xét khái quát về hai nhân vật (0,25 điểm)

- Nhân vật cụ Mết (*Rừng xà nu*) và chú Năm (*Những đứa con trong gia đình*) tuy được đặt trong những bối cảnh khác nhau nhưng ở họ toát lên vẻ cương nghị, chất phát. Họ chính là nhịp cầu nối giữa quá khứ và hiện đại, người lưu giữ truyền thống và là điểm tựa của tương lai, là pho lịch sử sống của dân tộc, đất nước.

c. Có thể trình bầy theo nhiều cách nhưng cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau (2,5 điểm):

- Nhân vật cụ Mết

+ Tuy không được miêu tả thật nhiều nhưng cụ Mết là một trong những nhân vật rất quan trọng của tác phẩm. Nhân vật này được xây dựng với vai trò người kể truyện và phát ngôn tư tưởng của nhà văn trong tác phẩm.

+ Nói về nhân vật cụ Mết, Nguyễn Trung Thành từng viết: "ông là cội nguồn, là Tây Nguyên của một

thời đất nước đứng lên còn trường tồn đến hôm nay". Có thể thấy hình tượng cụ Mết mang dáng hình anh hùng Núp – người con ưu tú thời kháng chiến chống Pháp được nhà văn khắc họa trong tác phẩm Đất nước đứng lên. Cũng như Tnú, cụ đại diện cho vẻ đẹp và phẩm chất anh hùng của người dân Xô – Man trong kháng chiến gian khổ.

+ Những nét nổi bật về ngoại hình:

++ Cụ Mết không xuất hiện ở ngay đầu tác phẩm nhưng sự xuất hiện của cụ qua ngòi bút của nhà văn Nguyễn Trung Thành cũng thực sự để lại những ấn tượng mạnh mẽ trong lòng bạn đọc. "Một bàn tay nặng trịch nắm chặt lấy vai anh như một kìm sắt… Ông cụ vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt sáng và xếch ngược, vết sẹo ở má bên phải vẫn láng bóng!... ngực căng như một cây xà nu lớn…"

++ Cụ Mết hiện lên với một thân hình khoẻ mạnh, hùng tráng; mang dáng dấp của một già làng trí tuệ, tinh nhanh và uy cường. Cụ Mết là sức mạnh của núi rừng Tây Nguyên.

++ Cụ Mết hiện thân cho truyền thống thiêng liêng, biểu tường cho sức mạnh dân tộc của các đồng bào vùng Tây Nguyên, là niềm tự hào của cộng đồng dân làng Xô – Man. Tiếng nói của cụ là tiếng của cội nguồn, của núi rừng, của lịch sử, lời nói của cụ là sấm truyền sử thi, lời phán quyết của lịch sử, là sức mạnh hào hùng của thời đại.

+ Vẻ đẹp tâm hồn:

++ Cụ Mết là một già làng trầm tính, kín đào, uy nghi: Là người đứng đầu bản, cụ được người Xô – Man từ bé đến già yêu mến, kính trọng. Tiếng nói của cụ ồ ồ vang dội trong lồng ngực như âm vang của núi rừng, như lời phán truyền của lịch sử, quá khứ. Cách nói của cụ như ra lệnh, ngôn ngữ giản dị mà dứt khoát thể hiện sự quyết đoán của người đứng đầu. Mỗi khi cụ cất lời cả dân làng đều im lặng, lũ trẻ con như nuốt lấy từng lời. Hầu như nét nào ở cụ Mết cũng đặc biệt, cụ không bao giờ khen giỏi, khen tốt, khi vừa ý nhất cụ chỉ nói "Được". Mệnh lệnh chiến đấu phát ra chắc nịch đó được thể hiện trong đêm Tnú bị giặc đốt mười ngón tay. Tiếng hô vang "Chém! Chém hết!" của cụ như tiếng sấm bên tai không chỉ thúc giục tinh thần trong mỗi người xông lên cứu Tnú, mà còn phần nào đã khiến cho bọn thằng Dục bị đòn bất ngờ và có phần khiếp sợ. Nhưng cũng có lúc giọng cụ Mết cũng thật đầm ấm, trang nghiêm, linh thiêng như một huyền thoại – đó là khi cụ Mết kể về câu truyện của Tnú cho dân làng Xô – Man. Mọi người vây quanh đống lửa trong không gian của nhà ưng và nghe cụ kể về Tnú với "tiếng nói rất trầm"

++ Người giàu tình yêu thương:

+++ Là già làng, trưởng bản, cụ luôn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với tất cả mọi người bằng tấm lòng nhường nhịn và san sẻ. Khi Dít đi dự hội nghị chiến sĩ thi đua được thưởng muối dành phần biết cụ nhưng cụ không ăn mà để phần cho người già và người ốm. Đặc biệt cụ hết mực thương yêu Tnú, người con mồ côi, trung thực và anh hùng của Xô – Man. Khi Tnú về thăm làng một đêm, cụ đón anh về nhà tiếp đãi chu đáo.

+++ Cụ luôn tự hào về vẻ đẹp và truyền thống của bản làng Xô – Man. Theo cụ "gạo của người Strá là ngon nhất núi rừng… không cây nào mạnh bằng cây xà nu đất ta". Niềm kiêu hãnh về vẻ đẹp quê hương làm sang trọng vẻ đẹp tâm hồn của cụ Mết. Vì tự hào vẻ đẹp truyền thống của bản làng nên cụ luôn lấy truyền thống Xô – Man để giáo dục con cháu.

++ Cụ ca ngợi tính cách trung thực của Tnú "Đời nó khổ nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta". Trong đêm mưa rừng Tây Nguyên, giữa nhà rông, bên ánh lửa xà nu cụ kể lại cuộc đời bị tráng của Tnú cho thế hệ con cháu kế tiếp nghe. Cụ nhắc nhở: "Nhớ lấy, ghi lấy sau này tau chết chúng bay kể cho con cháu chúng bay nghe". Cụ là nhịp cầu kết nối quá khứ và hiện tại, mang trong mình sức mạnh của truyền thống

cộng đồng. Cụ rất mực yêu thương và đặt niềm tin vào thế hệ kế cận tiếp theo như: Tnú, Mai, Dít, bé Heng,… Trong niềm tự hào về Xô – Man, có lẽ niềm tự hào lớn nhất của cụ chính là tự hào về những đứa con ưu tú của buôn làng.

++ Người một lòng tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng:

+++ Trong mối quan hệ với Đảng và cách mạng cụ Mết càng là sợi dây gắn kết dân làng với lí tưởng, chỉ dẫn của Đảng, bởi cụ luôn có niềm tin sâu sắc vào những đường lối của Đảng, tinh thần này càng được giáo dục một cách nghiêm khắc cho đám đông làng Xô – Man để khắc cốt ghi tâm. Đã có lần cụ từng khẳng định niềm tin ấy: "Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn". Nhưng quan trọng hơn là cụ Mết đã đưa chân lí đó vào thực tiễn của cuộc đấu tranh chống bọn đế quốc Mĩ bằng những chân lí giản dị:"Nhớ lấy, ghi lấy sau này tao chết rồi, bay còn sống kể lại cho con cháu: Chúng nó cầm súng, mình phải cầm giáo!". Nhờ vào ý thức luôn giáo dục truyền thống vẻ vang của làng cho các thế hệ tiếp cận đó mà dân làng Xô – Man giữ được truyền thống kiên cường bất khuất, khả năng giữ bí mật tuyệt đối, để làng Xô – Man mãi tự hào trong suốt 5 năm kháng chiến chưa có cán bộ nào bị giặc bắt hay bị giết trong cánh rừng xà nu này.

+++ Cụ Mết có niềm tin sâu sắc vào Đảng là nhờ vào sự am hiểu tường tận và rành rọt đường lối kháng chiến. Không chỉ là phương châm kháng chiến lấy bạo lực cách mạng để đập tan bạp lực phản cách mạng (chúng nó đã cầm sứng, mình phải cầm giáo) mà đặc biệt hơn cụ còn am hiểu về cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc: " đánh thằng Mĩ phải đánh lâu dài". Ngoài ra, qua ngòi bút của nhà văn Nguyễn Trung Thành ta còn thấy được tính kỉ luật cao trong con người cụ Mết qua cách chỉ huy dân làng khi trốn vào rừng lánh giặc chờ đợi thời cơ tiến hành khởi nghĩa: "thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dụ, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông". Chính vì thế cụ Mết được nhà văn miêu tả với hình tượng cây xà nu đại thụ trong rừng xà nu, luôm là bóng lớn cho dân làng Xô – Man chống bọn Mĩ nguỵ, góp phần vào sự thành công của cuộc cách mạng trong cả nước.

+++ Cụ Mết không phải là nhân vật chính trong ý đồ miêu tả của nhà văn nhưng qua tác phẩm ta cũng thấy được vai trò to lớn của cụ Mết trong việc tô đậm hình tượng nhân vật Tnú với lối kể chuyện lồng trong truyện, qua chuyện một đêm mà dài như cả đời người ở làng Xô – Man. Hình ảnh cụ Mết tuy ít xuất hiện nhưng những gì nhà văn miêu tả về người già làng một lòng tin theo Đảng, tin tưởng cách mạng càng làm tăng thêm giá trị cho tác phẩm *Rừng xà nu* để nó có sức âm vang tới hôm nay và mai sau. Trong lòng bạn độc cụ Mết mãi là hình tượng bất từ của cây xà nu đại thụ vươn sức bảo vệ cho thế hệ trẻ phát triển, để thực hiện thắng lợi công cuộc giải phóng dân tộc.

- Nhân vật chú Năm:

+ Nhân vật chú Năm không phải nhân vật chính nhưng góp phần quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Nhân vật này được khắc hoạ qua dòng hồi tưởng của nhân vật Việt và là đối tượng để thông qua đó, Nguyễn Thi gửi gắm những tư tưởng của mình.

+ Chú Năm là người nông dân Nam Bộ yêu lao động, sống gắn bó với quê hương, đồng ruộng

++ Theo dòng hồi ức của Việt, chú Năm được nhắc tới là "người đi đây đi đó nhiều, ham sông ham biển"; dấu tích cuộc đời trải qua bom đạn còn hằn rõ qua chi tiết "Bả vai chú còn một đầu đạn của thằng Tây hồi chín năm"… Cuộc sống trải nghiệm giúp chú trở thành người hiểu rộng, biết nhiều.

++ Lòng yêu quê hương, xứ sở của chú Năm được thể hiện qua giọng hò đặc biệt của chú. Trong con người chú có sự hoà quyện đến lạ lùng giữa chất nông dân thuần hậu với chất tài tử, nghệ sĩ, chính vì vậy mà nhà văn dành nhiều ưu ái khi miêu tả chi tiết giọng hò của chú Năm. Chú Năm không hay hò bởi chú đã già,

giọng chú đục và tức như gà gáy. Chú chỉ hò khi kể lại sự tích của gia đình, cuối câu chuyện thế nào chú cũng hò mấy câu nói về cuộc đời cay cực của chú. Qua giọng hò, chú muốn nhắc Việt và Chiến về cội nguồn, về những truyền thống đấu tranh anh dũng của gia đình và chú muốn hai chị em khắc sâu vào trí nhớ. Khi thấy Chiến và Việt đã đủ lớn, đủ sức gánh vác việc gia đình và cách mạng thì: "câu hò của chú Năm nổi lên giữa ban ngày, cất lên như hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, kéo dài từng tiếng một rồi vỡ ra, nhắn nhủ tha thiết cuối cùng ngắt lại như một lời thề dữ dội". Giọng hò của chú chứa đựng bầu nhiệt huyết, lời kêu gọi thế hệ trẻ lên đường đánh Mĩ cứu nước, nhắc họ hướng về gia đình, quê hương.

+ Chú Năm là con người có tình cảm đôn hậu, luôn tự hào về truyền thống của gia đình mình.

++ Bên cạnh giọng hò tha thiết chú Năm còn là người lưu giữ cuốn sổ ghi chép của gia đình – là cuốn gia phả không đơn thuần ghi lại các thế hệ của gia đình mà nơi đó còn lưu lại những chứng tích và nỗi đau của gia đình. Nó không chỉ có ý nghĩa là một cuốn gia phả mà nó còn là tấm bia ghi món nợ máu với bọn đế quốc. Chú Năm ghi chép cuốn sổ với một sứ mệnh đặc biệt. Chú quý cuốn sổ như báu vật, ghi chép tỉ mỉ những sự kiện gia đình với mục đích giữ gìn truyền thống để giáo dục con cháu. Bởi vậy khi Việt và Chiến lớn lên, chú yêu cầu hai chị em đọc hết cuốn sổ gia đình. Mong ước của chú là lấy truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước của gia đình để giáo dục các cháu, để từ đó có trách nhiệm đứng lên chiến đấu và sống đúng nghĩa.

++ Lòng tự hào về truyền thống gia đình của chú Năm còn được chú Năm nói với Việt và Chiến qua một thông điệp giàu tính triết lí: "Chú thường ví chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó. Chú kể chuyện con sông nào ở nước ta cũng đẹp, cũng lắm nước bạc, nhiều phù sa, vườn rộng mát mẻ cũng sinh ra từ đó, lòng tốt của con người cũng sinh ra từ đó. Trăm sông đổ về một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm, chị em Việt lớn lên rồi sẽ biết, rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta". Câu nói khẳng định mỗi con người là một khúc sông, mỗi gia đình là một dòng sông để đổ vào biển lớn của nhân dân, đất nước. Từ đó nhắc nhở mỗi người phải biết kế thừa, trân trọng, tôn vinh giá trị truyền thống của cha ông.

++ Về tính cảm gia đình: chú luôn yêu thương và đùm bọc chị em Chiến như con đẻ của mình. Chú luôn đặt niềm tin vào thế hệ con cháu. Khi thấy Chiền thu xếp ổn thỏa công việc gia đình trước khi ra mặt trận, chú khen: "Khôn. Việc nhà nó thu gọn được thì việc nước nó mở rộng được. Gọn bề gia thất đặng bề nước non. Con nít chúng bay đánh giặc kì này khôn hơn các chú kì trước".

+ Chú Năm có niềm tin tưởng tuyệt đối vào cách mạng

++ Từng kinh qua lửa bom trận mạc nhưng khi về già không trực tiếp cầm súng đánh giặc, chú bày tỏ lòng nhiệt thành với cách mạng, tinh thần yêu nước khi khích lệ các cháu đăng kí nhập ngũ. Khi hai chị em Chiến, Việt tranh nhau đi độ đội, chú đồng ý cho cả hai chị em đi. Chú nói với huyện đội: "Hai đứa cháu tôi một lòng theo Đảng như vậy tôi cũng mừng. Việc lớn ta tính theo việc lớn, việc thỏn mỏn trong nhà tôi thu xếp khắc xong". Chú Năm đã đặt quyền lợi đất nước lên trên quyền lợi của gia đình. Chú nhắc nhở hai chị em phải giữ vững truyền thống của gia đình, thù cha mẹ chưa trả được mà trốn về thì chú chặt đầu. Qua đó cho thấy dũng khí yêu nước mãnh liệt phảng phất tinh thần trượng nghĩa, bộc trực của người Nam Bộ.

- Điểm gặp gỡ giữa hai nhân vật:

+ Cùng lấy cảm hứng từ tinh thần đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhà văn Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi đã gặp nhau trong việc xây dựng hình tượng cụ Mết (trong *Rừng Xà Nu*) và chú Năm (trong *Những đứa con trong gia đình*). Đó là hai nhân vật được ví như khúc thượng nguồn của một dòng sông về lòng yêu nước, truyền thống cách mạng được chảy từ thế hệ này sang thế hệ khác.

+ Đều là hiện thân cho vẻ đẹp của những người đi trước, là cầu nối giữa những giá trị quá khứ và hiện đại, người lưu giữ, nhắc nhở và giáo dục con cháu về truyền thống, có niềm tin son sắt vào Đảng, vào cách mạng.

+ Cùng sống trong cảnh đất nước đang phải gánh gồng với các cuộc kháng chiến chống đề quốc, thực dân, cùng chứng kiến và chịu nhiều đau thương mất mát do giặc Mỹ gây ra.

+ Người sâu sắc, trọng nghĩa tình và ít nói.

+ Đều là người có niềm tin và tầm ảnh hưởng (con cháu, buôn làng, cộng đồng...).

+ Đều có lòng tự hào về quê hương, con người.

+ Đều được xây dựng bằng ngòi bút cá thể hóa, được khắc họa bằng những chi tiết đặc sắc, mang tầm khái quát cao.

- Điểm khác biệt:

+ Cụ Mết: Nhân vật cụ Mết mang dáng dấp của người anh hùng, của già làng Tây Nguyên, là người lãnh đạo dân làng trong cuộc nổi dậy chống giặc ngoại xâm. Cụ Mết là nhân vật tượng trưng cho lịch sử, truyền thống hiên ngang bất khuất, cho sức sống bền bỉ. Ở cụ có những nét gần gũi với các tù trưởng hùng mạnh, thể hiện khát vọng, hoài bão của cả một cộng đồng trong một số sử thi Tây Nguyên. Viết về cụ Mết tác giả đã phát huy cao độ bút pháp sử thi và cảm hứng lãng mạn, lý tưởng hóa, trên hình tượng một nhân vật có thật, người đã lập nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (được ví như anh hùng Núp vậy).

+ Chú Năm: mang dáng dấp của người dân Nam Bộ yêu nước, hiền lành, chất phác, giàu cảm xúc, là người hun đúc tinh thần chiến đấu cho thế hệ con cháu.

+ Hai nhân vật đại diện cho vẻ đẹp tâm hồn cho con người Tây nguyên và người nông dân Nam Bộ. Lòng yêu nước và căm thù giặc của họ đã phản ánh chân thực và tình thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Qua hai câu chuyện một cộng đồng buôn làng Tây Nguyên, một gia đình Nam Bộ, các tác giả còn đề cập tới tầm khái quát rộng hơn đó chính là đại gia đình Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ gian khổ.

d.Bàn luận (0,5 điểm):

- Nhân vật cụ Mết trong *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và chú Năm trong *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi đều là kết tinh những vẻ đẹp của con người Việt Nam, là điểm sáng của truyền thống cách mạng của dân tộc Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước .

- Xây dựng các hình tượng văn học trên, cả hai nhà văn đều hàm chứa ẩn ý: Tự hào về truyền thống, lời nhắc nhở cháu con hãy biết trân trọng những giá trị cội nguồn, giá trị lịch sử...tri ân với quá khứ.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 25 **BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA CHUẨN CẤU TRÚC BỘ GD&ĐT**

(Đề thi gồm 01 trang) **Môn thi: NGỮ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

THỜI GIAN NHÀN RỖI

Người ta thường chia thời gian mỗi ngày thành ba phần: Tám giờ làm việc, tám giờ ngủ và tám giờ nhàn rỗi, mặc dù không phải ai cũng có được tỉ lệ đều đặn như thế. Hai tiếng "nhàn rỗi" gây cho ta ấn tượng tám giờ không làm gì, có vẻ "vô thưởng vô phạt", không quan trọng.

Kỳ thực thời gian nhàn rỗi là cực kỳ quý báu. Đó là thời gian để mỗi người sống cuộc sống riêng của mình. Đó là thời gian để đọc sách báo, tự học, xem ti vi, chơi thể thao, đàn hát, nhảy múa, vẽ tranh, làm thơ, đi mua sắm, giao lưu với bạn bè, thăm viếng những người ruột thịt,... Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ. Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn, thậm chí là không có cuộc sống riêng nữa!

Đánh giá đời sống của mỗi người cao hay thấp hãy nhìn vào thời gian nhàn rỗi của họ. Có người làm việc "đầu tắt mặt tối" không có lấy chút nhàn rỗi. Có người phung phí thời gian ấy vào các cuộc nhậu nhẹt triền miên. Có người biết dùng thời gian ấy để phát triển chính mình. Phải làm sao để mỗi người có thời gian nhàn rỗi và biết sử dụng hữu ích thời gian ấy là một vấn đề lớn của xã hội có văn hóa.

Đánh giá đời sống một xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi như thế nào. Công viên, bảo tàng, thư viện, nhà hát, nhà hàng, câu lạc bộ, sân vận động, điểm vui chơi,... là những cái không thể thiếu. Xã hội càng phát triển thì các phương tiện ấy càng nhiều, càng đa dạng và càng hiện đại. Xã hội ta đang chăm lo các phương tiện ấy, nhưng vẫn còn chậm, còn sơ sài, chưa có sự quan tâm đúng mức, nhất là ở các vùng nông thôn.

Thời gian nhàn rỗi chính là thời gian của văn hóa và phát triển. Mọi người và toàn xã hội hãy chăm lo thời gian nhàn rỗi của mỗi người.

(Theo Hữu Thọ, *Ngữ Văn 11 Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục, 2017, tr.94)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Chỉ ra một thành ngữ dân gian được sử dụng trong văn bản.

Câu 3: Theo tác giả, vì sao *"Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn"?*

Câu 4: Anh (Chị) hãy giải thích tại sao *"Đánh giá một đời sống xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi như thế nào"?*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Cha ông ta thường nói *"Nhàn cư vi bất thiện"* (nhàn rỗi thường nảy sinh những hành vi xấu), còn Hữu Thọ lại khẳng định *"Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ".*

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề trên.

Câu 2 (5,0 điểm):

Hãy phân tích những biểu hiện của khát vọng sống ở nhân vật *thị* trong tác phẩm *Vợ Nhặt* của nhà văn Kim Lân và nhân vật Mị trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của nhà văn Tô Hoài để thấy được khát vọng sống mãnh liệt là niềm tin và động lực giúp con người vượt qua mọi bất hạnh trong cuộc sống.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: nghị luận/ phương thức nghị luận.

Câu 2 (0,5 điểm):

Có thể chỉ ra được một trong hai thành ngữ dân gian sau:

- *Vô thưởng vô phạt.*
- *Đầu tắt mặt tối.*

Câu 3 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra lý giải cơ bản theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lý, thuyết phục.

Gợi ý:

"Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nàn," vì:

- Đó là thời gian để mỗi người sống cuộc sống của riêng mình;
- Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ.

Câu 4 (1,0 điểm):

STUDY TIP

Với dạng câu hỏi yêu cầu giải thích một cụm từ hoặc một câu có trong văn bản, học sinh cần đọc kỹ lại văn bản, lấy ra những ý chính đã được đề cập ở phần trước hoặc phần sau của cụm từ hoặc câu nói cần giải thích đồng thời kết hợp với nhận thức của bản thân về vấn đề lý giải cho sâu sắc.

Học sinh có thể đưa ra ý kiến nhận xét theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lý, thuyết phục.

Gợi ý:

"Đánh giá đời sống một xã hội cũng phải xem xã hội ấy đã tạo điều kiện cho con người sống với thời gian nhàn rỗi như thế nào" vì:

- Mỗi cá nhân là một tế bào của xã hội, nên khi đánh giá một xã hội phải dựa trên đời sống của từng cá nhân.
- Thời gian nhàn rỗi lại là một tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng đời sống, trình độ nhận thức cao hay thấp của mỗi người.
- Sự quan tâm của xã hội đối với đời sống con người khẳng định sự tiến bộ, phát triển của xã hội đó.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

STUDY TIP

Giải thích và phân tích sơ lược khái quát hàm ý của hai câu nói sau đó mới rút ra phần cần bàn luận để có nhận thức đúng đắn về cách sử dụng quỹ thời gian nhàn rỗi, một cách hữu ích nhất đối với bản thân mỗi người…

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn đạt, quy nạp, móc xích, song hành…

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Cách đánh giá khác nhau về tác động của thời gian nhàn rỗi.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề cần nghị luận nhưng cần làm rõ sự quý báu của thời gian đối với cuộc sống của con người. Có thể theo hướng sau:

- Hai quan điểm trái ngược nhau:

+ Quan điểm của ông cha ta đánh giá mặt tiêu cực của thời gian nhàn rỗi.

Giải thích: Nhàn cư vi bất thiện là câu thành ngữ chỉ việc sống trong nhàn hạ lâu ngày, không có việc gì để làm, rảnh rỗi quá thì cũng sẽ không tốt, sẽ dễ làm nảy sinh các hành động không tốt.

Khi làm việc tâm trí ta sẽ tập trung vào công việc để đạt đến kết quả. Và chỉ có công việc giúp ta vận dụng trí óc, những suy nghĩ hăng hái điều tốt đẹp. Nếu như rỗi rảnh với dân gian quá dư thừa trí óc ta không có hướng để đi khiến ta suy nghĩ điều này nghĩ điều kia, đôi khi những suy nghĩ ấy bị lệch dần đến hậu quả nghiêm trọng.

Câu tục ngữ khuyên chúng ta phải lao động không sống quá rỗi rảnh.

+ Quan điểm của Hữu Thọ đánh giá mặt tích cực của thời gian nhàn rỗi.

Thời gian nhàn rỗi làm cho người ta giàu có hơn về trí tuệ, tăng cường thêm về sức khỏe, phát triển thêm về năng khiếu, cá tính, phong phú thêm về tinh thần, quan hệ. Thiếu thời gian nhàn rỗi, đời sống con người sẽ nghèo nèn, thậm chí là không có cuộc sống riêng nữa!

Con người có thời gian để thư giãn,...

Nhận xét, đánh giá hai quan điểm:

- Cả hai quan điểm mới chỉ nhìn nhận tác động của thời gian nhàn rỗi ở một phương diện.

- Tác động tích cực hay tiêu cực của thời gian nhàn rỗi phụ thuộc vào ý thức sử dụng của mỗi người…

- Rút ra bài học về cách sử dụng hữu ích thời gian nhàn rỗi:

+ Cần hài hòa cân đối quỹ thời gian

+ Sử dụng thời gian cuộc sống một cách hữu ích

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

- Đây là dạng bài nghị luận bàn về nội dung trọng tâm (đích hướng tới) của hai tác phẩm qua hai hình tượng nhân vật.
- Bài làm cần phân tích những cảnh đời, những số phận bất hạnh nhưng đều tập trung làm sáng tỏ khát vọng sống giúp họ vượt lên trên hoàn cảnh, chiến thắng hoàn cảnh và chính bản thân mình.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Khát vọng mãnh liệt là niềm tin và động lực giúp nhân vật *thị (Vợ Nhặt* – Kim Lân) và nhân vật Mị (*Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài) vượt qua mọi bất hạnh trong cuộc sống.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

STUDY TIP

Hướng triển khai:

Học sinh cần lựa chọn các dẫn chứng tiêu biểu cho khát vọng sống trong hai nhân vật:

- Ở nhân vật Thị đó là sự nỗ lực vượt lên trên cái chết, quyết tâm bám trụ lấy cuộc sống:

+ Cảnh vòi ăn;

+ Diễn biến tâm trạng tinh tế, và hành động ý tứ của một nàng dâu mới để nhen nhúm lên niềm yêu sống trong túp lều tồi tàn rách nát.

- Ở nhân vật Mị: khát vọng phản kháng chống lại cường quyền và thần quyền của Mị:

+ Cảnh Mị trỗi dậy niềm yêu sống trong đêm tình mùa xuân

+ Diễn biến tâm trạng cùng hành động táo báo trong đêm cởi trói giải thoát cho A Phủ cũng như giải thoát cho chính cuộc đời mình.

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lý lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- Tô Hoài là một trong những nhà văn lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông có vốn hiểu biết sâu sắc về phong tục tập quán của nhiều cùng văn hóa khác nhau trên đất nước ta. Thành công nhất của Tô Hoài là những tác phẩm viết về hiện thực cuộc sống, con người vùng Tây Bắc. Tiêu biểu là truyện ngắn "Vợ chồng A Phủ". Tác phẩm vừa là một bức tranh chân thực về số phận bi thảm của người dân nghèo miền núi dưới ách áp bức phong kiến và thực dân, vừa là một bài ca về sức sống và khát vọng tự do, hạnh phúc của con người.

- Kim Lân cây bút chuyên viết truyện ngắn, ông có những trang viết đặc sắc về con người, phong tục làng quê với những thú chơi và sinh hoạt văn hóa cổ truyền của người dân đồng bằng Bắc Bộ được gọi là những "thú đồng quê", "phong lưu đồng ruộng" như: chơi núi non bộ, thả chim, đánh vật, chọi gà… Cách viết chân thực xúc động về những người dân quê mà ông am hiểu sâu sắc, cảnh ngộ và tâm lý. Truyện ngắn "Vợ nhặt" tái hiện nạn đói thê thảm 1945, đồng thời thể hiện được vẻ đẹp tình người và sức sống diệu kỳ. Kim Lân tự đánh giá: "Chất nhân ái, tình thương của người đối với người trong cảnh khốn cùng. Điều đáng nói nhất là trong cái đói con người ta vẫn nghĩ tới điều sung sướng cho nên người ta mới lấy nhau" đó là nội dung cơ bản nhất của tác phẩm.

b. Nhận xét khái quát về hoàn cảnh sống của hai nhân vật (0,5 điểm)

- Mị - thân phận con dâu gạt nợ, nạn nhân trực tiếp của xã hội phong kiến chúa đất ở Hồng Ngài…

- Thị - nhân vật không tên trong tác phẩm – nạn nhân trực tiếp của nạn đói 1945…

c. Có thể trình bày theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

- Phân tích để thấy những đau khổ, bất hạnh mà nhân vật phải trải qua, từ đó thấy được khát vọng sống mãnh liệt là niềm tin và động lực giúp Thị và Mị vượt qua tất cả để có một cuộc sống đích thực.

- ***Nhân vật thị:***

+ Thị - người vợ được nhặt là nạn nhân của nạn đói năm 1945. Thị xuất hiện trong cái đói quay đói quắt của phố huyện. Cùng cái đó, thị trôi dạt. Vì cái đói, thị thay đổi… (dẫn chứng minh họa).

+ Cận kề với cái chết, thị vẫn giữ được niềm tin và khát vọng sống mãnh liệt. Vì sự sinh tồn, thị trở nên chai sạn, chao chát, chỏng lỏn (dẫn chứng minh họa). Để tìm cho mình một cơ hội được sống, thị liều lĩnh

theo không một người đàn ông xa lạ. Khát vọng sống thôi thúc thị phải hành động theo bản năng để chống chọi với hoàn cảnh, bám trụ với cuộc sống.

+ Khát vọng sống mãnh liệt của thị được bộc lộ khi *thị* trở thành nàng dâu mới. Thị đã nhen nhóm lên ánh sáng của niềm tin trong túp lều xiêu vẹo của mẹ con Tràng. Không muốn cơ hội sống tuột khỏi tầm tay, *thị* âm thầm vun vén, hy sinh *nén tiếng thở dài trong lồng ngực khép kín* khi nhìn thấy gia cảnh nhà Tràng, *thản nhiên nuốt miếng cháo cám chát xít* trong bữa ăn ngày đói để Tràng và bà cụ Tứ không mặc cảm vì hoàn cảnh. Thị trở về với bản chất thực của người phụ nữ *hiền hậu, đúng mực, không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ngoài tỉnh.* Thị thắp lên tia hy vọng về sự sống trong cái đói tối tăm trời đất…

+ Khắc họa nhân vật qua tình huống độc đáo, diễn biến tâm lý tinh tế, màn đối thoại chân thực, sinh động khiến nhân vật vừa có tính cụ thể vừa có tính khái quát.

- Nhân vật Mị:

+ Mị - người con dâu gạt nợ, là nạn nhân của nghèo đói, của thần quyền, cường quyền và hủ tục lạc hậu ở vùng núi cao Tây Bắc. Mị tồn tại với danh nghĩa con dâu nhưng danh phận con ở. Mị chấp nhận thân phận nàng dâu gạt nợ, bị đầy đọa cả về thể xác và tinh thần. Cô tồn tại như một con *rùa nuôi trong xó cửa,* cam chịu thân phận *ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi*...

+ Tận cùng bất hạnh, Mị vẫn khao khát được sống: Mị không chấp nhận thân phận gạt nợ; bị dồn đến đường cùng, Mị phản kháng bất lực, tìm đến cái chết như một sự giải thoát nhưng Mị không thể chết (dẫn chứng minh họa); đêm tình mùa xuân, Mị quên đi mọi đau khổ của hiện tại để *sống về những ngày trước.* Mị thức tỉnh về bản thân và ý thức về bi kịch cá nhân (dẫn chứng minh họa). Khát vọng sống bị chà đạp, Mị trở về cuộc sống của *con rùa nuôi trong xó cửa*; tất cả đã tích tụ thành cao trào trong hành động cởi trói cho A Phủ và tự giải phóng cho chính mình trong đêm mùa đông. Mị thương mình, thương người, vượt qua nỗi sợ hãi, Mị quyết định cắt dây trói cho A Phủ… Trong khoảnh khắc ấy, sức sống tiềm tàng trỗi dậy, Mị lao theo A Phủ, chạy theo tiếng gọi của sự sống… (dẫn chứng minh họa).

→ Quá trình phản kháng với thần quyền, cường quyền và sự tự nhận thức khẳng định sức sống tiềm tàng của nhân vật Mị.

+ Khắc họa nhân vật từ hoàn cảnh éo le, những mâu thuẫn nghiệt ngã, những giằng xé nội tâm dữ dội được đặt trong một không gian bình lặng như một câu chuyện cổ *ai ở xa về, có việc vào nhà Thống Lí*… những điều nhìn thấy và nghe được mới chỉ là phần nổi của tảng băng, số phận con người luôn là nỗi ám ảnh.

- Nhân vật *thị* và *Mị* tiêu biểu cho thân phận bất hạnh của người phụ nữ trong xã hội cũ. Hai số phận, hai cảnh ngộ éo le, nhưng họ đều đã vượt qua bất hạnh đó bằng ý chí, nghị lực và sự vận động tự thân. Đó là hành trình đòi lại quyền sống, quyền làm người, khẳng định sức sống tiềm tàng của con người trong mọi hoàn cảnh.

- Giá trị nhân đạo sâu sắc và mới mẻ của văn học giai đoạn 1945 – 1975: Con người không chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh mà còn biết vươn lên đấu tranh để chống lại hoàn cảnh; các nhà văn không chỉ dừng lại ở thái độ đồng cảm, sẻ chia mà còn nhận ra sự vận động mạnh mẽ trong suy nghĩ và hành động của những con người đau khổ, hướng cho họ con đường đi đúng đắn để đến với tương lai…

d. Bàn luận (0,5 điểm):

- Nhân vật Mị và thị chính là điển hình sinh động cho sức sống tiềm tàng, sức vươn lên mạnh mẽ của con người từ trong hoàn cảnh tăm tối, hướng tới ánh sáng của nhân phẩm và tự do. Đó cũng chính là phẩm chất

của con người Việt Nam: niềm tin và lòng lạc quan vào cuộc sống giúp con người Việt Nam chiến thắng tất cả mọi thế lực bạo tàn, đen tối.

- Ngợi ca sức sống kì diệu của con người là chiều sâu ngòi bút nhân đạo của hai nhà văn Tô Hoài và Kim Lân đồng thời làm nên sức sống trường tồn cho tác phẩm văn học.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần II – Câu 2:

Nhà văn Tô Hoài tâm sự về tác phẩm Vợ Chồng A Phủ

Thưa nhà văn!

Đời sống văn hóa của người Mèo giờ đây vẫn mới lạ và bí ẩn đối với chúng ta. Họ có những truyền thống văn hóa độc đáo. Nhưng trong Vợ chồng A Phủ, thân phận người đàn bà thật không khác gì con trâu con ngựa. Điều đó có thật hay chỉ là một cốt truyện hư cấu của tác giả?

Nhà văn Tô Hoài:

Câu chuyện Vợ chồng A Phủ là câu chuyện hoàn toàn có thực. Tức là nguyên mẫu ở ngoài đời sống. Đợt ấy tôi đi công tác từ Tà Sùa sang Phù Yên (Sơn La). Ở Tà Sùa tôi gặp một cặp vợ chồng người Mèo vào đúng dịp tết truyền thống của họ, tức khoảng tháng 11 âm lịch, trước tết Nguyên Đán của ta 1 tháng. Tết người Mèo kéo dài cả tháng. Tôi cùng đôi vợ chồng nhà kia đi ăn tết từ bản này sang bản khác. Ăn tết và uống rượu, rồi anh chồng kể chuyện. Anh kể về cuộc đời anh, cuộc đời chị vợ, về chuyện thống lý ở bản anh làm tay sai cho Pháp, rất tàn ác, cho nên anh phải đưa vợ chạy trốn đi nơi khác. Câu chuyện của đôi vợ chồng nọ cộng với vốn hiểu biết của tôi về đời sống người Mèo làm cho cốt truyện sáng tỏ dần. Và tôi bắt tay vào viết.

- *Nhân vật chính của truyện là cô Mị. Mở đầu truyện, Mị đã xuất hiện như một ấn tượng buồn, khi "quay sợi, thái ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước", bao giờ "cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi". Cô ấy không phải là con gái Pá Tra, vì con gái Pá Trá không bao giờ biết khổ để buồn. Nhưng chỉ cần một câu trả lời: Cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý Pá Tra, là người ta đã hiểu ra nỗi buồn ấy là đương nhiên. Tại sao vậy?*

Nhà văn Tô Hoài:

Trên danh nghĩa Mị là vợ A Sử, là con dâu nhà Pá Tra. Làm dâu nhà giàu ắt phải sung sướng, nhưng đó chỉ là cái lý do thông thường của người Kinh ta. Với các cô gái Mèo, làm dâu nhà giàu là cả một nỗi kinh hoàng. Mị là con dâu gạt nợ của nhà Pá Tra, món nợ đâu từ thời kiếp nào, từ ngày cha mẹ Mị lấy nhau, ngày Mị chưa trào đời. Mị phải đem thân mình phục dịch, làm trâu ngựa cho nhà Pá Tra vì những việc không do Mị làm, những món nợ không vay bởi Mị. Đó là những hủ tục của người Mèo, và bọn thống lý đã lợi dụng những hủ tục đó để bóc lột dân chúng. Vậy thân phận Mị, nỗi khổ của Mị không thể là trường hợp cá biệt.

- *Vậy là hoàn cảnh đã thực sự chôn vùi Mị khiến cô không còn nhớ đến "con người tự do" của mình trước kia…*

Nhà văn Tô Hoài:

Không phải là Mị không bao giờ nhớ đến "con người tự do" của mình nữa, mà cái chính là không có một tác nhân nào gợi cho Mị nhớ đến điều đó. Đời sống tủi nhục, mỏi mòn đã hủy hoại Mị, cô ngày càng bị thu hẹp lại trong cái xó buồn bã, nhẫn nhịn: "mỗi ngày Mị càng không nói, lầm lũi như con rùa nuôi trong xó nhà". Mị là con rùa, là tù nhân. Ở buồng nơi Mị nằm chỉ có một chiếc cửa sổ nhỏ "lỗ vuông vuông bằng bàn tay". Trong căn buồng đó, Mị được chốc lát một mình, vậy cô có thể suy nghĩ, có thể nhớ lại quá khứ lắm chứ. Nhưng không. Cái cửa sổ đó quá bé, và lúc mà nhìn ra Mị cũng chỉ có thể thấy "trăng trắng, không biết là sương hay nắng". Đấy là cái mờ mịt của tâm hồn, của số kiếp Mị. Chỉ có chết đi Mị mới thôi nhìn thấy cái mờ mịt ở nơi cái lỗ vuông kia. Như vậy rõ ràng đời sống tủi cực và tăm tối đã lấn át và che giấu đi con người thật của Mị, con người trẻ trung, ham yêu, ham sống ngày trước, đến nỗi Mị cũng không nhận ra. Mị là cô gái có cá tính, nhưng thời gian và khổ hạnh ở nhà Pá Tra đã làm cá tính ấy không phải bị mài mòn mà bị

nhấn chìm hẳn. Đó là sự tha hóa, vào thời Mị, là sự tha hóa do xã hội.

- *Vâng, Mị đã hoàn toàn trở thành một cái bóng. Tưởng chừng cái bóng mãi mãi dật dờ, quên hết yêu thương, thù hận. nhưng không, trong đêm mùa xuân, Mị được hồi sinh. Khoảng khắc ngắn ngủi nhưng vô cùng lộng lẫy. Mị sống lại những âm thanh náo nức, Mị "thiết tha bồi hồi" nghe tiếng sáo gọi bạn tình.*

Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu.

Nhà văn Tô Hoài:

Khi viết đoạn này tôi thích lắm. Tôi muốn nhấn mạnh và mô tả tâm hồn Mị. Cô gái vì nợ của cha mẹ bị bắt về trình ma nhà Pá Tra, bị đày đọa cả thể xác lẫn tâm hồn, giờ đây, trong đêm mùa xuân, nghe tiếng sáo từ xa vọng lại, trong khí trời rạo rực và niềm vui vẻ tràn khắp bản làng, dưới tác động của rượu, Mị thấy lòng thiết tha bồi hồi, được "sống về ngày trước". Cuộc sống trâu ngựa ở nhà thống lý Pá Tra không còn đáng sợ với Mị nữa. Mị trở lại là thiếu nữ ngày xưa "uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo" và "có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo". Ký ức tưởng như vùi lấp chợt bừng sáng khiến Mị "thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng". Toàn bộ sức sống, toàn bộ cảm xúc thanh xuân bấy lâu bị vùi lấp trỗi dậy và Mị biết Mị còn trẻ, trẻ lắm. Mị muốn đi chơi. Nhưng tại sao Mị không đi chơi luôn mà lại "từ từ bước vào buồng"? Sự trở lại chậm chạp với cái lỗ vuông "mờ mờ trắng trắng" giúp Mị bất ngờ liên hệ được quá khứ với thực tại. Mị hiểu rõ rằng "A Sử và Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau". Đấy là hiện thực. Chưa bao giờ Mị cảm đến tận cùng nỗi đau đớn và đọa đày của số phận mình như thế. Mà giờ đó, Mị vẫn phải là vợ A Sử, là con dâu nhà Pá Tra, vậy thì niềm vui nho nhỏ, khát vọng thoáng chốc mang đầy "tính người" ấy sẽ không thể cứu vớt được Mị khỏi số phận của cô… Mị lại nghĩ đến nắm lá ngón. Nhưng tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lơ lững bay ngoài đường, tiếng sáo mê hoặc, dẫn dụ Mị. Mị không còn biết gì khác nữa. Tinh thần Mị đã thăng hoa đến một cõi khác, thoát hẳn đời sống cô, con người cô, và cô mặc kệ A Sử, không nhìn thấy A Sử…

- *Cả khi bị A Sử trói đứng vào cột, Mị vẫn "như không biết mình bị trói", trong đầu vẫn văng vẳng tiếng sáo gọi đến những cuộc chơi…*

Nhà văn Tô Hoài:

A Sử trói Mị nhưng chỉ trói được thể xác Mị, khi đó lòng Mị còn nồng nàn hơi rượu, hơi men của ký ức. Tiếng sáo kia quá tha thiết, quá mạnh mẽ, nó dìu hồn Mị bay lên trên hoàn cảnh, nó là biểu tượng những cuộc vui, và bài ca rất đẹp từ ngày xưa quấn quít:

Em không yêu

Quả pao rơi rồi

Em yêu người nào…

Tiếng sáo, lời ca ấy là tiếng thổn thức của tâm hồn Mị. Mị "yêu người nào", Mị "bắt quả pao nào"… Tiếng thổn thức cứ láy đi láy lại, trong phút chốc Mị quên mất mình bị trói, "Mị vùng bước đi". Nhưng ngay khi ấy, sự đau đớn thể xác liền kéo Mị ra khỏi cơn mê, nhắc nhở Mị nhớ đúng thân phận đau đớn của mình. Tiếng sáo biến mất. Tình yêu ấy, khát vọng rực rỡ ấy bỗng chốc lại bị vùi lấp, Mị "chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách", và âm thầm trong vòng dây trói, "Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa".

- *Nhưng dường như Mị còn mơ hồ chờ đợi một điều gì đó. Đêm đã khuya, giờ này là giờ con gái chờ bạn yêu đến phá vách nhà để đi chơi. Có lẽ Mị mong một phép lạ?*

Nhà văn Tô Hoài:

Mị không nghĩ đến điều đó. Tâm trạng Mị lúc bấy giờ là "lúc mê, lúc tỉnh". Suốt đêm "lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ". Mị chập chờn giữa hiện tại và quá khứ, cho đến khi bàng hoàng tỉnh, ý thức về thân phận trở lại một cách cụ thể. Mị nhớ lại câu chuyện kể về người đàn bà chết trói trong nhà Pá Tra. Người đàn bà ấy là Mị, hay Mị là điển hình của rất nhiều kiếp đàn bà làm dân nhà giàu. Mị sẽ chết, chết đứng, chết trói như người đàn bà kia. Nghĩ thế Mị sợ quá, và "cựa quậy xem mình còn sống hay chết". Sự sống chết ở đây khác hẳn sự sống chết ở đoạn trên, nó là cái sống – chết có tính bản năng. Nhưng cả lần này, cái khát vọng sống ở cấp độ bản năng này cũng bị chôn vùi. Cho nên khi người chị dâu đến cởi trói, không phải Mị đổ xuống, ngã xuống mà là "ngã sụp xuống". Từ đó Mị trở lại là cô Mị "cúi mặt, mặt buồn rười rượi".

Tóm lại, Mị, nhân vật của tôi, là điển hình của con người bị tước đoạt hết quyền làm con người, bị dìm xuống kiếp ngựa trâu. Nhưng những thoáng chốc trỗi lên làm người sẽ là tiền đề cho những phản ứng của Mị về sau, mà bởi nó số phận cô đã thay đổi.

- *Trước bi kịch của A Phủ, Mị vẫn thản nhiên, "nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi". Nghĩa là lòng Mị đã hoàn toàn câm lặng, Mị không còn chỗ để nhói thương cho một người khốn khổ giống Mị. Vậy phép màu nào đã khiến Mị hồi sinh?*

Nhà văn Tô Hoài:

Quả vậy. Đời sống trong nhà Pá Tra không có chỗ cho lòng thương và lương tri. Mỏi mòn, tủi nhục, bị chà đạp tận cùng cả về thể xác lẫn tinh thần, Mị đã thành một con rùa, một con trâu, con ngựa. Lòng Mị đã chai lì, vô cảm. Từ lâu, từ sau đêm mùa xuân kia, ngay chính bản thân mình Mị cũng không xót thương nữa, huống chi với người khác, vì nếu có tự xót thương, hẳn Mị đã thêm một lần nữa nghĩ đến nắm lá ngón. Mị đã bị đè bẹp trong ý nghĩ mình là trâu, là ngựa nhà Pá Tra, đến nỗi không còn thấy dằn vặt, khổ sở. Mị mặc nhiên tồn tại, một cách chai lì, xơ cứng trong tủi nhục, buồn bã, như gương mặt "buồn rười rượi" là định mệnh vậy. Cho nên, trong những đêm dài dậy hơ lửa, nhìn thấy A Phủ, lòng Mị vẫn dửng dưng, lạnh lùng. Mị không cần ai, không cần gì, Mị "chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa".

Nhưng dường như trong sâu thẳm, trong vô thức Mị, điều này chính Mị cũng không thể hiểu được, vẫn mong manh như một ước vọng, cái ước vọng được chút hơi ấm sưởi nóng cuộc đời lạnh lẽo của mình. Hằng đêm, Mị trở dậy hơ lửa là vì thế. Ngọn lửa là hình ảnh có tính chất tượng trưng, nó ở trong sự vô vọng của cuộc đời Mị, dù rất mơ hồ nhưng nó níu kéo không để sự vô vọng lùa đi đến tuyệt cùng.

- *Giọt nước đã làm tràn ly để dẫn tới hành động nổi loạn của Mị?*

Nhà văn Tô Hoài:

Mị đã không xúc động trước tình cảnh của A Phủ. Nhưng vào một đêm… Mị hé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ vừa mở, "một dòng nước lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại". Bấy giờ, sau mấy ngày bị trói, nhịn đói, nhịn khát, và thương tâm nhất là sự dửng dưng của đồng loại, A Phủ đã đứng bên lề cái chết, đã hoàn toàn tuyệt vọng. A Phủ đứng dưới trời lạnh lẽo, trong đêm thẳm sâu, bên kia là một người đàn bà và bếp lửa. Tôi không miêu tả tâm trạng A Phủ vào thời khắc đó, nhưng bạn đọc có thể hình dung, A Phủ cô độc và yếu đuối dường nào. Không còn là chàng A Phủ nhanh nhẹn và dũng cảm như trước, bây giờ A Phủ sắp chết… Và chính dòng nước mắt "lấp lánh" kia đã chạm được vào đáy sâu chút tình người bị chôn vùi nơi Mị, nó làm Mị nhớ lại nỗi tuyệt vọng của mình ngày nàng bị A Sử trói "nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được". Ký ức nhắc Mị nhớ đến thân phận mình. Cùng với nó, lần này là sự trỗi dậy ý thức về kẻ thù. Lần đầu tiên Mị hiểu một cách cặn kẽ "chúng nó thật độc ác". Mị đã xót thương,

xót thương mình và xót thương người.

- *Con người trong Mị lại hồi sinh. Mị cắt dây trói cho A Phủ. Nhưng khi hành động như thế trong Mị chưa xuất hiện ý định chạy trốn cùng A Phủ. Vậy phải chăng Mị giải thoát cho A Phủ một cách vô thức…*

Nhà văn Tô Hoài:

Ở đây phải chú ý đến từng chi tiết nhỏ. Không phải Mị hành động một cách vô thức, trái lại, Mị hiểu rất rõ việc mình làm. Khi bếp lửa tắt, Mị không thổi lửa, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình rồi Mị tưởng tượng ra cảnh A Phủ trốn đi, Mị đứng thay vào chỗ đó, Mị sẽ chết ở chỗ đó. Trong đầu Mị không phải là hình ảnh của A Phủ mà là hình ảnh của chính Mị. Cắt dây trói cho A Phủ là Mị giải thoát (hay là mong giải thoát) cho chính tâm hồn mình. Khi cắt dây trói xong Mị mới hốt hoảng. Ấy là lúc cuộc sống thực tại ập đến. Mị thì thào "Đi ngay…" Đó là mệnh lệnh đối với A Phủ đồng thời là một lời kiên quyết đối với tâm hồn mình.

- *Tức là nguyên do dẫn đến hành động chạy trốn của Mị là nỗi sợ hãi?*

Nhà văn Tô Hoài:

Lúc đó nếu suy nghĩ kỹ Mị sẽ sợ nhiều thứ: chạy trốn, cuộc sống Mị sẽ ra sao, con "ma" nhà Pá Tra có buông tha Mị.v..v… Nhưng cận kề nhất là cái chết, chắc chắn là chết, nếu Mị ở lại. Đồng thời cái hình ảnh của A Phủ "quật sức vùng lên" tác động mạnh vào Mị. Mị đứng lặng trong bóng tối. Rồi cũng vụt chạy ra. "Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi". Nghĩa là phía trước mọi cái vẫn tối tăm và bất định lắm, nhưng đó là sự bất định chưa rõ ràng, còn cụ thể ngay giờ đây là cái chết. Trong tình huống đó, cả A Phủ và Mị không thể có con đường nào khác là chạy đi. Và từ đó cuộc sống của người này liên quan đến người kia. Mị đuổi kịp A Phủ, nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt "Cho tôi đi với; ở đây thì chết mất". Và A Phủ hiểu, người đàn bà này vừa cứu sống mình. A Phủ đỡ Mị, nói "Đi với tôi". Không thể khác, từ đây, số phận hai người sẽ phải gắn chặt với nhau.

- *Thưa ông, xin ông cho biết hướng trọng tâm cần khai thác trong trích đoạn Vợ chồng A Phủ ở sách Ngữ Văn 12 là gì?*

Nhà văn Tô Hoài:

Tôi đã nghe vài bài giảng về tác phẩm này, nhưng có lẽ các thầy giáo đã quá chăm chú đến nội dung tố cáo xã hội và giải phóng phụ nữ. Theo tôi giảng tác phẩm này là phải chú trọng đặc biệt đến nhân vật Mị, số phận của cô là sự hồi sinh mãnh liệt của con người cô. Sự hồi sinh của một con người là vô cùng quý giá. Hơn nữa tôi phải nói thật, dù có hiểu văn hóa dân tộc Mèo đến mấy, tôi cũng chỉ là người dân tộc khác viết về người Mèo, cho nên tôi không có tham vọng đi sâu vào văn hóa Mèo. Ý tưởng của tôi ở đây là khả năng hồi sinh nơi con người, mà để làm điều đó, nhiều khi con người cần phải được trợ lực, được giúp đỡ bởi ai đó…

Cảm ơn ông!

(Tô Hoài, "Vợ chồng A Phủ", in trong Tác giả nói về tác phẩm, Hỏi chuyện các tác giả có tác phẩm giảng dạy trọng nhà trường, Nguyễn Quang Thiều chủ biên, NXB Trẻ, 2000).

Nhà văn Kim Lân nói về tác phẩm Vợ Nhặt

Quan điểm của nhà văn Kim Lân: "Khi viết về nạn đói người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nhĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người".

Thưa nhà văn, dịch đói năm 1944 – 1945 đã cướp đi rất nhiều sinh mạng của đồng bào ta. Ở các vùng nông thôn Bắc Bộ, hầu như gia đình nào cũng có người chết đói, anh em, vợ chồng, cha mẹ, con cái ly tán khắp nơi. Sự sống của mỗi người bị cái đói đe dọa từng ngày. Trong bối cảnh xã hội đó, truyện Vợ Nhặt lại được viết ra thì thật lạ. Một cuộc sống vợ chồng, một nguồn sống cho một mầm sống tương lai tại sao lại được bắt đầu ảm đạm và phấp phỏng như thế?

Nhà văn Kim Lân:

Dịch đói dạo đó thật khủng khiếp. Nhiều gia đình vừa có người chết đói, vừa có người bỏ đi, dần dần mất hẳn. Tôi tận mắt chứng kiến người chết đói nằm rải rác ở khắp nơi. Khi con người bị đẩy đến bờ vực cuối cùng của cuộc sống thì toàn bộ số phận và tính cách con người họ sẽ biểu lộ ra. Chết đói là một thực tế khốc liệt. Đó là cái chết từ từ, hao mòn dần, quằn quại dần. Tôi được biết nhiều chuyện qua những năm tháng đó. Cái đói hành hạ tất cả mọi người nhưng không át được sức sống đơn sơ của tâm hồn họ. Có những người đó ngày ngày bới rác tìm một mẩu thức ăn thừa, buổi tối họ lại về nằm cạnh nhau bàn tán về chuyện làng quê, chuyện mùa màng. Có người giữ nề nếp rất nghiêm dù đói khát, con cái đi xin mang phần về cho, ông ta vẫn áo the, đội khăn xếp ngồi giữa nhà để ăn. Có người đói xô vào cướp cám để ăn, bị đánh cũng chịu không đánh lại, họ biết rằng chuyện cướp cám của họ là sai nhưng vẫn phải làm vì đói. Nói tóm lại, bi kịch sống của mọi người vào thời điểm đó hầu như giống nhau: Đói. Nó vừa cay đắng, vừa đau đớn, đồng thời một mặt nào đó nó lại lóe lên một tia sáng về đạo đức, danh dự.

Truyện *Vợ nhặt* khai thác khía cạnh sau cùng của cái bi kịch ấy.

- *Cái đói là đề tài của rất nhiều nhà văn. Cái đói trong Vợ Nhặt có khác gì những cái đói khác mà các nhà văn thường mô tả?*

Nhà văn Kim Lân:

"Cái đói" là nỗi lo lắng của con người tất cả mọi dân tộc và mọi thời đại. Cho nên đó là một đề tài cũng thuộc về bản chất của đời sống. Các nhà văn viết về cái đói ở khía cạnh tăm tối và bất lực của con người trước nó. Con người phạm tội và làm đủ mọi chuyện dại dột khác chỉ vì đói. Khi tôi viết, ý tưởng thường trực trong tôi là những người đói dù thế nào đi nữa vẫn luôn khao khát cuộc sống tốt hơn, vẫn tin tưởng một cách mơ hồ vào cuộc sống tương lai. Cái "mơ hồ" ấy là do cuộc sống thực tại luôn hành hạ họ.

Truyện ngắn Vợ nhặt được viết từ một tình huống có thật trong cuộc sống?

Nhà văn Kim Lân:

Ban đầu tôi viết một truyện dài có tên là *Xóm ngụ cư*. Tôi viết đến chương thứ V thì dừng lại. Sau khi hòa bình lập lại, tôi và Nguyên Hồng làm tờ báo Văn. Trong bản thảo Xóm ngụ cư có một đoạn luôn ám ảnh tôi là đoạn viết về những người đói, về những buổi sáng ở vùng quê người ta ra chợ nhặt xác người đi chôn. Tôi viết lại chương đó thành truyện ngắn Vợ nhặt mà không đọc lại bản thảo cũ. Chuyện *Vợ nhặt* hoàn toàn không có thực mà do tôi sáng tạo ra. Không thể có một bà mẹ như thế, một cô con dâu như thế trong đời sống thực. Tôi muốn phân tích tâm trạng và thân phận của con người trong cái hoàn cảnh cùng đường ấy, nơi cuộc sống dường như không còn lối thoát. Tôi muốn hướng họ vào sự sống, sự yêu thương nhau, không phải là sự giành giựt nhau. Hoàn cảnh đặc biệt quá nên câu chuyện là lạ đó lại được hiện ra với vẻ chân thật. Vợ nhặt được rút ra từ tập *Con chó xấu xí,* sau khi in ở tờ tuần báo Văn. Bối cảnh của truyện là khi cái đói hoành hành khắp nơi. Nhưng các nhân vật của truyện thì đứng ở ngưỡng cửa của cái đói. Nơi ngưỡng cửa khốn khổ đó, họ sẽ chứng tỏ số phận và tính cách của mình, đồng thời ở nơi đó họ sẽ bắt đầu một niềm tin mới, dù là rất mong manh.

Dân ngụ cư là dân đi ở đợ, không phải dân gốc nên thiệt thòi đủ thứ. Mở đầu truyện là mẩu hồi ức "trước

kia mỗi chiều" có vẻ yên ả nhưng cái hồi ức này quá ngắn, trôi qua quá nhanh. Hiện tại là cảnh đói khát ủ rũ, cảnh những người ăn xin "xung quanh như bóng ma", cảnh thây người chết "nằm còng queo bên đường". Vậy mà một buổi chiều anh chàng Tràng trở về với một vẻ mặt có "vẻ gì phởn phơ khác thường", một nụ cười tủm tỉm và "hai mắt thì sáng lên lấp lánh", bên cạnh lại có người đàn bà rón rén e thẹn. Đó là một sự kiện quá ư là lạnh lùng giữa lúc người ta chỉ nghĩ đến sự sống – chết.

Tại sao việc Tràng và người đàn bà ngang qua xóm ngụ cư lại khiến cho những "khuôn mặt hốc hác u tối" từ những hiên nhà xác xơ đột nhiên "rạng rỡ hẳn lên"? Sự xuất hiện của Tràng và người vợ như thể thổi vào cuộc sống tăm tối tuyệt vọng của họ một luồng sinh khí tươi mát?

Nhà văn Kim Lân:

Trước kia, chiều nào Tràng cũng đi về qua xóm, nhưng hình ảnh đơn độc của Tràng không gây ra bất kỳ một xao động nào trong đời sống của cái xóm ngụ cư tồi tàn ấy. Sự biến đổi chốc lát như thế phụ thuộc vào hình ảnh người đàn bà bên Tràng. Mọi người bàn tán và cũng đôi phần đoán ra được câu chuyện của Tràng. Họ đoán bằng chính hoàn cảnh của họ. Việc lấy vợ lấy chồng luôn là một niềm vui và quan trọng, nó chuẩn bị cho một cuộc sống khác, cuộc sống tương lai của đứa con. Nhìn Tràng và người đàn bà, bất chợt họ cũng mơ hồ đến tương lai của chính họ. Tràng đã khiến cho họ tin vào cuộc sống thêm một chút. Nếu họ ý thức được niềm vui của mình trong giây lát đó, họ sẽ nghĩ rằng "Đó, anh ta không những sống mà còn nuôi thêm được một người nữa trong hoàn cảnh này". Nhưng niềm vui trôi qua rất nhanh. Một tiếng "ôi chao" và lời than thở đưa họ về thực tại cuộc sống đói khát, cùng quẫn, "họ nín lặng".

Chuyện Tràng "nhặt" vợ là một sự lạ, nhưng mọi người như thể thừa nhận điều đó một cách dễ dàng?

Nhà văn Kim Lân:

Sự kiện đó chỉ gây ra sự tò mò một chút ban đầu thôi. Do hoàn cảnh khắc nghiệt của đời sống, mọi người không còn đủ sức để nhận ra điều đó là ngược đời. Và nó còn được dùng như một cái thước đo vô hình, kiểm lại cuộc sống hiện tại của họ. Nhưng câu chuyện của Tràng nhanh chóng không còn được bàn tán nữa khi họ "cùng nín lặng" hiểu ra số phận khắc nghiệt đang treo lơ lửng trên đầu họ.

- *Hoàn cảnh đã xô đẩy người đàn bà đến với Tràng. Vậy giữa họ liệu có tình cảm thực sự không?*

Nhà văn Kim Lân:

Sao lại không. Câu chuyện giữa hai người diễn ra như bất cứ với cặp tình nhân nào. Ban đầu là bắt chuyện vu vơ, rồi trêu trọc nhau. Khi câu chuyện ra chiều "thân thân", người đàn bà đã "tủm tỉm" cười phá đi vẻ mặt cau có, ngượng ngập. Chị ta bắt đầu quen với hoàn cảnh mới. Và khi Tràng đùa "vợ mới vợ miếc" và cười cợt, thị đã "phát đánh đét" vào lưng hắn. Đây là cử chỉ "tỏ tình" của thị đối với ân nhân, nó đầy âu yếm và cũng đáng yêu. Nó làm cho Tràng hạnh phúc. Anh chàng "thích chí ngửa cổ cười khanh khách". Cuộc sống thường thật khốn khổ bị quên lãng. Với Tràng, thị là người đàn bà thứ hai sau mẹ anh yêu thương và cần đến anh. Yêu thương có thể chưa rõ nhưng cần thì đã rõ. Anh ta hớn hở vì điều đó. Riêng với người đàn bà, hiểu hoàn cảnh mình nên cử chỉ "tỏ tình" trên kia vừa hàm chứa sự biết ơn vừa tỏ thái độ ưng thuận.

- *Đi đến cổng nhà Tràng người đàn bà nhìn quanh và "cái ngực gầy lép nhô hẳn lên nén một tiếng thở dài". Phải chăng thị thất vọng vì sự nghèo túng thái quá mà căn nhà của Tràng đập vào mắt?*

Nhà văn Kim Lân:

Không hẳn tiếng "thở dài" ấy là bởi nhìn thấy cảnh nghèo túng xác cơ của nhà Tràng. Thị chắc thừa hiểu và đoán được hoàn cảnh của một người đi kéo xe bò thuê. Thị theo về nhưng trong lòng thị vẫn chưa dứt khoát lắm. Thị theo như một sự liều lĩnh. Nhưng khi đặt chân vào ngõ, khi không thể thêm lần thay đổi được tình cảnh, phải thực sự chấp nhận cuộc sống mới dù cuộc sống đó có thế nào đi nữa, thì một tiếng thở dài và

không tránh khỏi.

- *Trong tâm trạng bồn chồn của Tràng và sự tủi thân câm lặng của cô vợ, việc bà cụ Tứ trở về đã xua tan được không khí bế tắc. Tràng vui vẻ hẳn, còn người đàn bà lạ cất một câu chào ấm áp: "U đã về ạ". Bà cụ Tứ có ngỡ ngàng chút ít, nhưng bà cũng đồng ý chóng vánh. Không thấy bà lục vấn hỏi han gì con trai, điều mà các bà mẹ thường làm. Vậy trong mạch truyện, sự đồng ý nhanh chóng của người mẹ có quá gượng ép?*

Nhà văn Kim Lân:

Chúng ta nên hiểu tâm trạng của bà mẹ. Bà cụ Tứ ngay từ khi về đến nhà đã bị ngạc nhiên vì sự vui vẻ và chờ đợi "nóng cả ruột" của con trai mình. Bà càng ngạc nhiên khi có người đàn bà lạ ở trong nhà mà lại đứng ở "đầu giường thằng con". Người đó lại chào bà bằng u. Cái cảnh đó chưa được giải thích đến nỗi bà cụ tưởng nhầm mình đang mơ thấy cái Đục – cô con gái đã chết hiện về. Và khi Tràng giải thích, bà "nín lặng" hiểu ra mọi chuyện. Bà tủi phận vì đã không xứng đáng là một người mẹ, không lo cho con một cách đàng hoàng như người khác. Hơn cả đứa con, bà hiểu rõ hơn hoàn cảnh của chúng. "Người ta có gặp bước khó khăn đói khổ này, người ta mới lấy mình. Mà con mình mới có được vợ", bà nghĩ. Có thể bà hơi ngao ngán về chuyện đó một chút nhưng cảm giác "hàm ơn" đối với người đàn bà là nhiều hơn, người đã giúp bà "lo" cho con trai bà bằng cách làm vợ anh ta. Bà không dám tin rằng "Chúng nó có nuôi nổi nhau qua được cơn đói khát này". Ý nghĩ về cuộc sống tương lai, và hiện tại gian nan có người đàn bà lạ tham dự vào một cách bà đồng ý với Tràng. Cuộc sống không cho họ đòi hỏi nhiều hơn. Dù họ có vật lộn, có làm khó dễ, có khó tính đòi hỏi điều này điều nọ thì câu trả lời họ vẫn là cái đói treo lơ lửng trước mặt.

Đêm tân hôn của cặp vợ chồng là đêm hạnh phúc. Mọi khó khăn đều tạm thời quên đi. Hai người hưởng cái niềm vui tột cùng mà thiên nhiên trao tặng. Nhưng cái niềm vui ấy được bao quanh bởi "tiếng khóc tỉ tê nghe càng rõ". Một đêm tân hôn trong tiếng khóc người chết và mùi trấu hun khê nồng. Tràng có cảm thấy hạnh phúc không?

Nhà văn Kim Lân:

Tôi tả đêm tân hôn trong hoàn cảnh đó và để phân tích xem hạnh phúc tột cùng đó có chiến thắng cái đói không. Tràng hạnh phúc. Trong khung cảnh tăm tối và ghê rợn như thế nhưng niềm vui của con người vẫn không mất đi. Sáng hôm sau, Tràng thức dậy rất muộn khi "mặt trời lên bằng con sào", chứng tỏ niềm hạnh phúc mà anh được nếm trải. Anh ta trở thành một con người khác. Một người chồng thực sự. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa soi vào hai con mắt của Tràng và mọi thứ bỗng nhiên thay đổi.

Đó là thay đổi thực hay Tràng chỉ cảm thấy thế?

Nhà văn Kim Lân:

Cuộc sống thay đổi thực dù không nhiều với gia đình ấy. Tràng thấy mọi thứ "mới mẻ, khác lạ". Nhà cửa, vườn tược được thu vén gọn gàng. Các lu đựng nước đầy ắp. Quần áo cũ được giặt giũ và phơi nắng. Một nếp sống khác bắt đầu xuất hiện. Người làm thay đổi nếp sống ấy là người vợ đang "quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sàn sạt trên mặt đất". Cái âm thanh ấy, ngày thường Tràng cũng nghe nhưng chưa bao giờ gợi cảm như thế. Người vợ muốn quét mạnh tay để tạo ra những âm thanh rộn rã khẳng định sự có mặt của mình trong ngôi nhà.

Cảnh tượng đó đã khiến Tràng thấy "thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng". Tràng là con, là chồng, Tràng có nhiều trách nhiệm hơn với ngôi nhà. Cái trách nhiệm, cái niềm vui của cuộc sống mới đã khiến cho Tràng có "một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng" và "cũng muốn làm một việc gì để dự phần sửa lại căn nhà". Tất cả mọi người đều hiểu phải tiến gần nhau hơn?

Nhà văn Kim Lân:

Ở đây tôi không chủ tâm diễn tả cái đói mà là muốn thể hiện cuộc sống của một cặp vợ chồng mới trong nạn đói. Cho nên cuộc sống đói khỏi chỉ là cái nền thôi. Tuy nhiên chính vì nó mà niềm vui của cặp vợ chồng luôn bấp bênh. Ở đây có một ẩn ý: Cả ba người đều không quên thực tại và cố gắng của họ là tìm thấy niềm vui trong cuộc sống tối tăm. Cái bữa ăn đầu tiên ba người ngồi ăn chung mang ý nghĩa như bữa "tiệc cưới" tội nghiệp. "Giữa cái mẹt rách có độc một chùn rau chuối thái rối và một đĩa muối ăn với cháo". Sự tồi tàn của bữa ăn trông tương phản niềm vui của họ. Họ đều "ăn rất ngon lành" và "vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn gia cảnh". Họ gắn bó nhau và yêu thương nhau hơn. Tràng trở nên ngoan ngoãn và nghe lời mẹ. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại hòa hợp thế". Tầm quan trọng của bữa ăn đầu thật rõ. Nhưng "tiệc cưới" kéo dài không lâu, mỗi người chỉ được hai lưng cháo "lõng bõng". Màn cuối của bữa hoàn toàn phũ phàng khiến mọi người nhớ đến thực tại khắc nghiệt. Cô dâu đón lấy bát ăn và "đưa lên mắt nhìn" rồi "hai con mắt thì tối lại" vì cảm nhận tận cùng cái cơ cực của cuộc sống mới. Nhưng thị đã "điềm nhiên và vào miệng". Đấy dù sao cũng là lối tốt nhất cho cuộc đời của thị.

Nồi cháo cám đã đập tan không khí vui tươi ở phần đầu bữa ăn. "Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau, một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người". Trong sách văn học lớp 12, phần được trích giảng cũng dừng ở đoạn này. Câu văn dường như bóc nốt lượt cuối lớp vỏ bên ngoài của cuộc sống để cho cả ba thấy cái "đắng chát", "cái nghẹn bứ trong cổ". Cuộc sống không báo hiệu một tia hi vọng nào?

Nhà văn Kim Lân:

Thực ra với tứ truyện "Vợ nhặt" truyện nên kết thúc ở đây. Thâm tâm tôi cũng định thế nhưng do điều kiện của tờ báo bấy giờ, truyện mới được kéo dài ra thêm. Tôi muốn cho độc giả thấy dù hoàn cảnh thế nào đi nữa thì tình người vẫn vượt lên trên tất cả. Có tình người là có cuộc sống. Có tình người là có hi vọng vào tương lai.

Thưa nhà văn, đoạn nào trong truyện là đoạn gây xúc động nhất cho riêng nhà văn?

Nhà văn Kim Lân:

Phần gây xúc động nhất cho tôi khi đọc lại truyện là đoạn bà cụ Tứ trở về. Ở đây tình của người mẹ thật lớn. Bà nhanh chóng hiểu rõ hoàn cảnh và chấp nhận ngay. Bà không chỉ thương con trai mà còn đầy lòng thương xót với người đàn bà cùng quẫn kia dù hoàn cảnh bà cũng không khá hơn lắm. Đó chính là bản chất nhân đạo trong tâm hồn con người Việt. Đó cũng là chủ đề của câu chuyện.

Xin cảm ơn ông.

(Kim lân, *"Vợ nhặt",* in trong **Tác giả nói về tác phẩm, Hỏi chuyện các tác giả có tác phẩm giảng dạy trong nhà trường,** Nguyễn Quang Thiều chủ biên, NXB Trẻ, 2000).

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC - ĐỀ 26

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:……

Số báo danh:…….

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

... Với học sinh, thách thức của các em cũng vô cùng to lớn.

Là thế hệ của thế kỷ 21, các em sẽ phải đối mặt với một thế giới đầy biến động: những biến đổi khí hậu bất thường, nguồn tài nguyên đang cạn kiệt, môi trường đang ô nhiễm và bị tàn phá ghê gớm. Ngoài ra, những định hướng nghề nghiệp em chọn cho mình trong hôm nay, chưa chắc có thể tồn tại ở ngày mai. Trong 1 công trình nghiên cứu của mình, Howard Gardner, cha đẻ của thuyết đa trí tuệ đã từng chỉ ra: đến năm 2013, 47% nghề nghiệp hiện nay sẽ biến mất. Nghĩa là có những nghề nghiệp mới ra đời và thay thế nghề nghiệp cũ, em đã chuẩn bị tâm thế cho mình trước sự thay đổi đó chưa?

Lại thêm 1 câu hỏi nữa đặt ra "Liệu chúng ta, thế hệ của một Việt Nam đầy sức trẻ có tụt hậu với cuộc cách mạng 4.0 như khi ta tụt hậu với cuộc cách mạng 3.0 hay không?"

*Cốt lõi của sự thay đổi là sự **dũng cảm** của mỗi người. Dũng cảm để thừa nhận, dũng cảm để học hỏi, dũng cảm để tìm giải pháp, cách thức, dũng cảm để đối đầu.*

Các em dũng cảm để đối mặt với việc lười nhác, với việc học tập thụ động. Đối mặt với những thói hư tật xấu của mình và xã hội. Đối mặt với sự vô cảm của mình ngay cả với những người thân yêu nhất. Đối mặt với thách thức để các em nhận ra mình thiếu tư duy phản biện, một phẩm chất không thể thiếu của công dân thế kỷ 21…

(Bài phát biểu khai giảng - Thầy Nguyễn Minh Quý - THPT Trần Nguyên Hãn - Hải Phòng 05/09/2017)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản trên.

Câu 2: Người viết đã chỉ ra những thách thức gì mà các em học sinh phải đối mặt ở thế kỷ 21?

Câu 3: Anh/chị hãy cho biết tác dụng của phép điệp cấu trúc "Đối mặt với…" được sử dụng ở đoạn văn cuối?

Câu 4: Nêu một số thông điệp quan trọng mà thầy giáo muốn nhắn gửi đến các em học sinh qua nội dung bài phát biểu.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về quan niệm được đưa ra trong văn bản Đọc - hiểu nói trên: *"Cốt lõi của sự thay đổi là sự dũng cảm của mỗi người".*

Câu 2 (5,0 điểm): Bàn về truyện ngắn "Hai đứa trẻ", Nguyễn Tuân đã cho rằng đối với hai chị em Liên và An *"Hình ảnh đoàn tàu và tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và ước vọng"*. Hãy

phân tích cảnh đợi tàu của hai chị em Liên và An trong tác phẩm “Hai đứa trẻ” - Thạch Lam (SGK Ngữ

văn 11 tập Một) để làm sáng tỏ nhận xét trên. Từ đó hãy liên hệ với cảnh lấy vợ của nhân vật Tràng trong truyện ngắn "Vợ nhặt" (SGK Ngữ văn 12, tập Hai) để nhận xét về khát vọng sống của những người lao động nghèo khổ.

----------HẾT----------

Phụ huynh, thầy cô và đồng đội vui lòng không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

STUDY TIP

Trong câu hỏi số 2 và số 4, các em cần chú ý: yêu cầu có xuất hiện các cụm từ như "một số", "những"… thì trong câu trả lời cần có ít nhất là từ hai phương án trở lên. Đáp án của những câu hỏi theo dạng thức như vậy thường là đáp án mở nên các em có thể đưa ra phương án theo quan niệm cá nhân, nhưng cần bám vào nội dung văn bản và có tính hợp lí.

Câu 1 (0,5 điểm):

Phong cách ngôn ngữ chính luận/ Phong cách chính luận.

Câu 2 (0,5 điểm):

Nêu được ít nhất hai thách thức: biến đổi khí hậu, tài nguyên cạn kiệt, môi trường ô nhiễm, thay đổi nghề nghiệp.

Câu 3 (1,0 điểm):

Tác dụng:

- Tạo nhịp điệu giục giã.

- Nhấn mạnh và khẳng định sự cần thiết của thái độ dũng cảm đối đầu với thách thức của các bạn học sinh.

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể tùy theo hiểu biết của cá nhân mà đưa ra các thông điệp khác nhau, cần đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục và logic. Nêu ra được ít nhất hai thông điệp.

Gợi ý:

- Cần chuẩn bị tâm thế để lựa chọn nghề nghiệp, tìm hiểu về nghề nghiệp hiện tại và nghề nghiệp trong tương lai để có lựa chọn cho đúng.

- Cần dũng cảm để thay đổi, phải có sự dũng cảm mới có thể thay đổi.

- Cần đối mặt với những thách thức trong cuộc sống, không nên lảng tránh, bị động mà cần chủ động, linh hoạt.

- Cần có tư duy phản biện, tư duy này cần được rèn luyện để giúp con người trưởng thành trong một xã hội đang phát triển với tốc độ nhanh chóng.

…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0):

STUDY TIP

Đối với dạng nghị luận xã hội này, đôi khi học sinh có thể xác định không đúng trọng tâm nghị luận: bàn về vấn đề sự thay đổi thay vì bàn về lòng dũng cảm. Các em cần chú ý đọc kĩ yêu cầu, thông thường vấn đề trọng tâm thường nằm ở phân cuối của quan điểm, ý kiến được nêu ra.

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành…

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm)

Sự cần thiết phải có lòng dũng cảm để thay đổi.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về sự quan trọng của lòng dũng cảm mang tới sự thay đổi trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích: "Cốt lõi" là chỉ yếu tố nòng cốt, quan trọng nhất → quan niệm khẳng định yếu tố quan trọng nhất tạo nên sự thay đổi là lòng dũng cảm.

- Quan niệm rất đúng đắn. Khi có lòng dũng cảm, mỗi bạn trẻ mới có thể thay đổi được bản thân mình, sống tốt hơn, đương đầu và vượt qua thách thức, góp phần thay đổi xã hội. (dẫn chứng từ các hoạt động tình nguyện của học sinh, sinh viên, từ các tấm gương những người trẻ tuổi vượt lên hòa cảnh để thay đổi chính mình như Nguyễn Công Hùng; Nguyễn Thảo Vân; Nguyễn Linh Chi…)

- Mỗi người đều cần rèn luyện sự dũng cảm và có ý thức thay đổi. Phê phán những bạn trẻ có thái độ sống ỷ lại, thụ động, hèn nhát, yếu đuối.

- Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân: bản thân đã lựa chọn lối sống, cách sống như thế nào, đã nỗ lực để thay đổi những điều gì nhằm tạo nên một cuộc sống tốt đẹp hơn.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

STUDY TIP

Cụ thể một số dẫn chứng:

- Nguyễn Công Hùng bị liệt từ năm hai tuổi, chỉ có một ngón tay cử động được. Song anh đã dũng cảm vượt lên hoàn cảnh, tự học, mở trung tâm dạy Tin học cho người khuyết tật, sáng lập trang web để tìm kiếm cơ hội việc làm cho người khuyết tật.

- Cô bé Nguyễn Linh Chi - Yên Bái sinh ra bẩm sinh đã không có chân, không có tay. Nhưng cô bé vẫn sống lạc quan, quyết tâm học tập. Cô bé đã tự rèn luyện để có thể viết và làm Toán như bao bạn bè đồng trang lứa.

Câu 2 (5,0 điểm)

STUDY TIP

Đối với dạng đề nghị luận văn học: minh chứng cho một ý kiến thông qua việc phân tích một phần, một yếu tố nào đó trong tác phẩm văn học, các em cần chú ý:

- Giải thích nội dung ý kiến và xác định chính xác phạm vi dẫn chứng sẽ sử dụng để làm sáng tỏ cho ý

kiến.

- Phân chia ý kiến thành các vế, các nội dung nhỏ hơn, bám vào nội dung đó để phân tích.

- Nhìn nhận, đánh giá các vấn đề trong bài làm trong mối quan hệ với tổng thể tác phẩm.

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khát quát được vấn đề và thế hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Ý nghĩa, giá trị tư tưởng của cảnh đợi tàu trong tác phẩm "Hai đứa trẻ" (làm sáng tỏ qua một ý kiến); liên hệ với cảnh lấy vợ trong truyện ngắn "Vợ nhặt".

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

Thạch Lam là cây bút văn xuôi xuất sắc của Tự lực văn đoàn. Mặc dù cuộc đời sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam rất ngắn ngủi nhưng nhiều tác phẩm của ông lại có sức sống mạnh mẽ và tồn tại bền vững với thời gian. - "Hai đứa trẻ" được in trong tập "Nắng trong vườn" (1938) là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam.

b. Giải thích ý kiến (0,25 điểm)

"Thói quen": chỉ hành động hoặc cách ứng xử lặp lại đã thành quen thuộc. Nhận xét của Nguyễn Tuân đã nêu bật giá trị, ý nghĩa cảnh đợi tàu của hai chị em Liên và An: đó là sự thể hiện của thói quen, đồng thời cũng là biểu hiện của cảm xúc, tâm trạng và những mơ ước, khát vọng.

c. Phân tích cảnh đợi tàu để chứng minh cho ý kiến (1,75 điểm):

STUDY TIP

Cảnh đợi tàu:

- Hình ảnh đoàn tàu là thói quen của cảm xúc: là cảnh tượng quen thuộc, luôn được mong chờ; đoàn tàu đến mang theo nhiều cung bậc cảm xúc.

- Hình ảnh đoàn tàu là thói quen của ước vọng: hình ảnh đoàn tàu đây âm thanh và ánh sáng; hình ảnh đoàn tàu thể hiện cho mơ ước, khát vọng vượt thoát khỏi cuộc sống phố huyện tối tăm..

- *Hình ảnh đoàn tàu và tiếng còi tàu là một thói quen của cảm xúc:*

+ Cảnh đợi tàu là cảnh tượng quen thuộc, đêm nào cũng như đêm nào, hai chị em luôn cố thức đợi chuyến tàu đêm đi qua phố huyện. Cảm xúc chờ đợi đã trở thành một thói quen, dường như không nhìn thấy chuyến tàu thì hai đứa trẻ chưa sống trọn vẹn một ngày. Bé An dù buồn ngủ gục trên vai chị vẫn cố dặn chị gọi dậy và khi nghe tiếng chị, bé lập tức tỉnh ngủ. Còn Liên, cô bé ngồi im lặng, lắng nghe âm thanh của đoàn tàu từ phía xa. Đoàn tàu được chờ đón như thể đó là sự kiện diễn ra duy nhất một lần trong năm.

+ Đoàn tàu mang đến nhiều cung bậc cảm xúc cho hai chị em: trước khi đến háo hức, mong chờ; khi tàu đến vui sướng, quan sát, ngắm nhìn tỉ mỉ, phấn khích với từng ô cửa kính sáng, với đồng và kền lấp

lánh; khi tàu đi qua tiếc nuối nhìn theo ngọn đèn sáng xanh ở toa sau cùng, hụt hẫng và buồn bã.

- *Hình ảnh của đoàn tàu và tiếng còi tàu là một thói quen của ước vọng:*

+ HÌnh ảnh đoàn tàu tràn đầy âm thanh, ánh sáng: *tiếng còi tàu từ xa, tiếng bánh xe rít mạnh vào ghi, tiếng hành khách ồn ào khe khẽ; ánh sáng của làn khói trắng sáng, những toa tàu sáng trưng, đồng và kền lấp lánh…* Hình ảnh đoàn tàu hoàn toàn đối lập với phố huyện tịch mịch và đầy bóng tối. Hình ảnh đó khơi gợi, khẳng định mơ ước, khát vọng của hai chị em: mơ tưởng về một thế giới khác, mơ tưởng về Hà Nội xa xăm và rực rỡ, nhớ lại tuổi thơ hạnh phúc; khao khát được đổi đời, khao khát được sống một cách đích thực…

+ Mơ tưởng đó, khát vọng đó dù nhỏ bé nhưng không chỉ là thoáng chốc mà rất bền bỉ, mãnh liệt. Hai chị em và những cư dân khác của phố huyện ngày nào cũng ngóng chờ đoàn tàu trong bóng đêm. Đó là thói quen cũng là sự thôi thúc từ bên trong của niềm hi vọng. Cuộc sống khó khăn, nghèo đói, mòn mỏi nhưng họ không thôi chờ đợi một tương lai sáng hơn đến với họ.

d. Đánh giá, bình luận (0,5 điểm):

Học sinh cần đánh giá mức độ hợp lí của ý kiến, có thể theo hướng:

- Ý kiến xác đáng, thế hiện giá trị, ý nghĩa nhân văn sâu sắc của cảnh đợi tàu trong câu chuyện. Có thể xem ý kiến là một định hướng cho người đọc khi tiếp cận nội dung tác phẩm.

- Cảnh tượng đợi tàu xuất hiện ở cuối truyện nhưng đã góp phần thể hiện tấm lòng, sự cảm thông, chia sẻ của Thạch Lam với những mảnh đời nhỏ bé, bất hạnh.

e. Liên hệ với cảnh lấy vợ của nhân vật Tràng trong truyện ngắn "Vợ nhặt" (0,75 điểm):

CHÚ Ý

- Cảnh lấy vợ của Tràng thể hiện khát vọng sống mãnh liệt của hai con người: Tràng và người vợ nhặt.

- Khát vọng đó cho thấy phẩm chất tốt đẹp, niềm tin và hi vọng của người lao động nghèo khổ dù bị dồn vào bước đường cùng.

- Tái hiện cảnh lấy vợ: Nhân vật Tràng lấy vợ một cách rất đặc biệt và rất éo le: nhặt được vợ. Một người đàn bà xa lạ từ những câu nói đùa vu vơ, từ khao khát được ăn, từ bốn bát bánh đúc đã nhận lời theo không Tràng về làm vợ. Tràng đã chặc lưỡi chấp nhận việc đó bất chấp sự đe dọa của cái chết trong nạn đói năm 1945. Một đám cưới nhỏ đã diễn ra giữa một đám ma to.

- Ý nghĩa: Cuộc hôn nhân ấy, xét đến cùng là biểu hiện cho khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc mãnh liệt của hai con người: Tràng và người vợ nhặt. Thị có một lòng ham sống mãnh liệt. Thị đồng ý theo Tràng là vì để được sống chứ không phải là loại đàn bà con gái lẳng lơ. Thị bất chấp tất cả để được ăn, ăn để được tồn tại. Đó là ý thức bám lấy sự sống. Cận kề bên cái chết, người đàn bà không hè buông xuôi sự sống. Trái lại, thì vẫn vượt lên trên cái thảm đạm để dựng xây mái ấm gia đình. Còn Tràng, xuất phát là từ lòng thương hại, sự đùm bọc, sẽ chia nhưng hơn thế, sâu thẳm trong tâm hồn người đàn ông khốn khổ vẫn là khát vọng hạnh phúc gia đình. Cái chết đang bủa vây cũng không làm Tràng sợ hãi. Trái lại, tràn ngập trong lòng anh là niềm vui, sự phấn khởi. Buổi sáng sau đêm tân hôn, anh thấy mình nên người nghĩa là cuộc hôn nhân đã thực sự giúp anh trưởng thành, lạc quan và tin tưởng hươn vào cuộc sống.

- Nhận xét: Cảnh lấy vợ của Tràng và cảnh đợi tàu đều cho thấy khát vọng sống mãnh liệt, bền bỉ của những người lao động nghèo khổ. Dù bị đẩy vào bước đường cùng, dù đối diện với muôn vàn khó khăn,

họ vẫn không thôi tin tưởng và hi vọng vào tương lai và hạnh phúc. Hai khung cảnh ở hai tác phẩm, của

hai nhà văn viết vào hai thời đại khác nhau nhưng đều mang giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần làm nên sức sống cho tác phẩm.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần I - Câu 1:

Bàn về lòng dũng cảm

Con người ta luôn có những phẩm chất nhất định để hoàn thiện nhân cách của mình. Trong xã hội của chúng ta, có người tốt, có người xấu nhưng ở họ luôn ẩn chứa những bí mật tiềm ẩn, giấu kín trong tầm hồn để đến một úc nào đó có thể vỡ vụn ra, giúp họ vượt qua được khó khăn, thử thách trong cuộc sống. Không ai trong chúng ta là hoàn hảo cả nhưng lòng dũng cảm thì nhất định phải có, là chìa khóa để giúp chúng ta thành công.

Lòng dũng cảm là gan dạ, quả quyết, vững tâm, dám đối đầu với những thách thức, nguy hiểm. Đôi lúc, nó tự bộc phát trong chính bản thân chúng ta khi gặp một chuyện gì đó mà ta không nghĩ là mình có được nó. Nhưng đôi khi, lòng dũng cảm cần được phải rèn luyện và kiên trì qua từng sóng gió để trưởng thành, hoàn thiện mình hơn.

Trong cuộc sống hiện nay, lòng dũng cảm rất cần thiết và có ý nghĩa vô cùng sâu sắc, đóng góp một phần khồn nhỏ vào phẩm chất đạo đức của bạn, giúp bạn có sức mạnh để vượt qua chông gai, sóng gió lớn trong cuộc đời. Lòng dũng cảm là một đức tính tốt, thể hiện sự mạnh mẽ, tự tin của con người trong cuộc sống. Bạn có thể dũng cảm vì bản thân mình nhưng bạn có thể dũng cảm về người khác, xả thân mình vì người khác, không mang đến lợi ích cá nhân.

Đối với bản thân, chúng ta dũng cảm khi chúng ta dám đối mặt với sự thật trớ trêu, chúng ta dũng cảm khi chúng ta dám làm những gì trước đây mình chưa dám thử, chúng ta dũng cảm khi dám nhận trách nhiệm về bản thân mình và không bao giờ đổ lỗi cho người khác, chúng ta dũng cảm khi chúng ta quên đi sự hèn nhát của chính bản thân mình. Điều đó thật tuyệt vời biết mấy… Khi con người ta dũng cảm vì người khác, con người ta sẽ cảm thấy hạnh phúc hơn về chính phẩm chất của mình. Nhà thơ Tố Hữu đã từng nhấn mạnh: "Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình". Cho đi là được nhận lại nhiều hơn. Có thể đó không phải là vật chất quý giá, ngay cả ở tinh thần cũng đã quý giá biết bao. Chắc hẳn ai trong chúng ta cũng biết đến những chiến sĩ công an, sẵn sàng hi sinh bản thân mình để mang lại sự bình yên cho Tổ quốc, xây dựng và phát triển đất nước ngày càng ấm no hạnh phúc… Con đường họ đang đi dẫu có nhiều khó khăn vất vả nhưng nhờ có lòng dũng cảm, họ có thể vượt qua được những điều đó… Ai trong chúng ta cũng đã từng nghe qua câu chuyện về chị Võ Thị Sáu - người anh hùng dân tộc. Tuổi còn nhỏ nhưng chị đã làm được những công việc nguy hiểm, khó khăn. Khi bị bắt, đối diện với sự tra tấn dã man của kẻ thù nhưng chị nhất quyết không hề khai ra những bí mật của quân ta. Chị đã hi sinh anh dũng và kiên tâm trên chiến trường. Giờ đây, đất nước đã bình yên và lòng dũng cảm của chị luôn được các thế hệ tiếp bước ghi nhận và phát huy mãnh liệt.

Không phải ai trong chúng ta cũng dám dũng cảm vì mỗi người có một tính cách và phẩm chất khác nhau. Có những người rất hèn nhát, không dám thừa nhận những lỗi lầm mà mình đã gây ra, không dám đương đầu với những khó khăn gian khổ, không dám và chẳng bao giờ biết hi sinh vì người khác. Những người như vậy sẽ không gây được thiện cảm với người khác, thành công sẽ không bao giờ đến với bản thân và thậm chí bị người khác coi thường.

Đôi lúc chúng ta hiểu sai về lòng dũng cảm. Nhiều người cho rằng dũng cảm để thể hiện mình. Điều đó là hoàn toàn sai lầm. Nếu chỉ là để thể hiện bản thân thì giá trị của dũng cảm đã mất đi ngay lập tức. Lòng dũng cảm chỉ xuất phát từ chính bản thân minh, muốn thể hiện điều tốt chứ không phải thể hiện mình một cách thái quá, không có điểm dừng.

Là một học sinh, sinh viên chúng ta cần rèn luyện cho mình một lòng dũng cảm thật vững chắc. Tương lai đang ở phía trước và đồng nghĩa với những khó khăn, thử thách sẽ đến với chúng ta bất cứ lúc nào vì vậy hãy chuẩn bị cho mình một hành trang vững cắc để bước vào cuộc sống…

(evan.edu.vn)

Phần II - Câu 2:

1. Mở bài:

Thạch Lam là cây bút văn xuôi xuất sắc của Tự lực văn đoàn. Mặc dù cuộc đời sáng tạo nghệ thuật của Thạch Lam rất ngắn ngủi nhưng nhiều tác phẩm của ông lại có sức sống mạnh mẽ và tồn tại bền vững với thời gian. "Hai đứa trẻ" là một tác phẩm như thế. Tiếp xúc với câu chuyện, người đọc rất ám ảnh và băn khoăn trước cảnh tượng đêm đêm hai đứa trẻ cố thức để đợi chuyến tàu đêm đi qua phố huyện. Khi bàn về truyện ngắn "Hai đứa trẻ", Nguyễn Tuân đã viết về cảnh tượng này như sau: "Hình ảnh đoàn tàu và tiếng còi tàu đã thành một thói quen của cảm xúc và ước vọng". Nhận xét đó có thể coi là sự chia sẻ và thấu hiểu với niềm xót thương mà Thạch Lam dành cho những kiếp người nhỏ bé, cơ cực cũng như khẳng định niềm hi vọng, niềm tin bền bỉ của họ.

2. Một đoạn văn về hình ảnh đoàn tàu là thói quen của ước vọng:

Đoàn tàu hiện ra từ trong bóng đêm đặc quánh với ánh sáng rực rỡ và âm thanh vang dội. Ánh sáng của những toa tàu mạ đồng, của làn khói sáng trắng. Liên và An thích thú nghe "tiếng dồn dập, tiếng rít mạnh vào ghi, tiếng còi" làm khuấy động không gian yên tĩnh. Liên còn dắt em đứng dậy để nhìn đoàn tàu vụt qua và thấy "ánh đèn sáng trưng chiếu rọi xuống đường". Đoàn tàu rực sáng, vui vẻ, huyên náo và sang trọng. Đoàn tàu tương phản hoàn toàn với phố huyện của bóng tối đặc quánh, của sự im lặng, của những thanh âm đang chìm dần trong vô vọng. Háo hức mong chờ chuyến tàu hàng đêm, Liên và An không phải chờ người thân hay muốn bán thêm ít hàng như lời mẹ dặn mà đằng sau đó là nhiều nguyên nhân sâu xa khác. Với An, đứa em ngây thơ, tội nghiệp của Liên, đoàn tàu là một thứ đồ chơi đẹp đẽ trong tuổi thơ nghèo khó, lam lũ của em. Em đợi tàu là để được chơi, được sống như một đứa trẻ, dù là cuộc chơi nhờ, chơi hờ thiên hạ. Đoàn tàu cũng gợi nhắc đến quá khứ, đến Hà Nội - vầng hào quang của tuổi thơ. Đoàn tàu cho hai đứa trẻ được sống lại trong giây lát những khoảnh khắc, những ngày tháng hạnh phúc, ấm áp, sung túc khi xưa, ngày tháng được đi chơi vô tư, vui vẻ, được uống cốc nước lạnh xanh đỏ. Đợi tàu, với chị em còn là đợi những mơ tưởng, mơ tưởng được sống khác đi, được sống sôi động hơn. Đoàn tàu cho Liên và An được mơ ước, khát vọng, tạm phá vỡ cái đặc quánh của bóng tôi, hé mở về tương lai, hé mở cho chúng thấy có một thế giới khác ngoài phố huyện, cố thức để đợi tàu là nỗ lực vừa mơ hồ, vừa quyết liệt của Liên và An hướng về một cuộc sống đích thực để ngoi lên khỏi cuộc sống tàn tạ, để không bị nhấn chìm trong ao tù phố huyện, để bứt ra khỏi nhịp sống tẻ ngắt. Chúng không dễ dàng chấp nhận số phận, không dễ dàng thỏa hiệp với hoàn cảnh.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 27

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

(1) Tranh Tết Đông Hồ rất phong phú về nội dung, có tranh đơn chiếc, nhưng đa số là tranh bộ đôi, bộ tứ, dường như chịu ảnh hưởng từ thể biến ngẫu trong văn học. Chúng đối với nhau từ màu nền, nội dung và cả chữ trên tranh. Chủ đề trừ tà, cầu phúc, chúc tụng như các tranh: Gà đại cát, Gà trống, Tiến tài Tiến lộc, Ông tướng trấn môn,... chủ đề cảnh vật, cảnh sinh hoạt quan hệ gia đình, xã hội có: Lợn đàn, Gà đàn, Thầy đồ cóc, Trạng chuột vinh quy, Đánh vật, Rước trống, Hứng dừa, Đánh ghen, Rước rồng, Múa kì lân,... hay những tranh có nội dung ca ngợi anh hùng dân tộc như: Hai Bà Trưng, Triệu Âu xuất quân, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, hoặc bắt nguồn cảm hứng từ các tác phẩm văn học cổ điển như: Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên…

(2) Hầu hết tranh Đông Hồ đều có thơ hoặc phương ngôn bằng chữ Nôm hay chữ Hán. Trong thơ có họa và trong họa có thơ đã thể hiện mĩ cảm của người phương Đông. Thơ và họa gắn bó với nhau vừa tạo nên vẻ đẹp hoàn chỉnh của bố cục, vừa nói lên tâm tư, tình cảm của người nghệ sĩ dân gian "đối cảnh sinh tình".

*(*Đặng Thế Minh, *Thuyết minh Bảo tàng Mĩ thuật Việt Nam, 2000)*

Câu 1: Anh (chị) hãy chỉ ra nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Đoạn văn (1) đã sử dụng phép tu từ gì? Chỉ ra tác dụng của phép tu từ ấy.

Câu 3: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các phép liên kết trong đoạn trích trên.

Câu 4: Qua bài viết trên, anh (chị) hãy nhận xét một cách ngắn gọn nét đặc sắc của tranh dân gian Đông Hồ.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Nhiều làng nghề truyền thống ngày nay đang bị mai một. Anh (chị) hãy viết một bài luận (khoảng 200 chữ) thể hiện suy nghĩ của bản thân về trách nhiệm của tuổi trẻ đối với việc giữ gìn các làng nghề truyền thống của dân tộc.

Câu 2 (5,0 điểm)

"Chi tiết nhỏ làm nên tác phẩm lớn" – Lev Tolstoy. Bằng việc phân tích chi tiết bát cháo hành trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao và bát cháo hành trong tác phẩm *Vợ Nhặt* của nhà văn Kim Lân, anh chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên?

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm):

Nội dung chính của đoạn trích trên đoạn trích trên nói về những đề tài chính và nội dung phản ánh của tranh Đông Hồ.

Câu 2 (0,5 điểm):

- Đoạn văn (1) sử dụng phép liệt kê. Ở đây, tác giả đã kể ra hàng loạt các đề tài, cảm hứng xuất hiện trong tranh Đông Hồ (0,25 điểm)

- Việc sử dụng phép tu từ liệt kê đã cho thấy sự phong phú, đa dạng trong đề tài, cảm hứng, nội dung của tranh Đông Hồ. Các chủ đề ấy bao phủ nhiều mảng của cuộc sống, từ những đề tài giản dị, dân dã, gần gũi với đời sống lao động nhưng cũng có những chủ đề mang tính bác học, cổ điển.

Câu 3 (1,0 điểm):

Các phép liệt kê trong đoạn trích trên:

- Phép điệp: *tranh, Đông Hồ.*
- Phép liên tưởng: *tranh Tết Đông Hồ, màu nền, tranh bộ đôi, bộ tứ, chủ đề, cảm hứng, thơ, họa, bố cục, thẩm mĩ, nghệ sĩ dân gian.*
- Phép thế: *chúng.*

Câu 4 (1, 0 điểm):

Học sinh tự triển khai theo suy nghĩ cá nhân. Tuy nhiên, có thể tham khảo một số gợi ý sau:

Tranh dân gian Đông Hồ thể hiện vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam:

+ Đời sống bình dị, chân chất: Từ các bức tranh đàn gà, đàn lợn cho đến hình ảnh chăn trâu thổi sáo thả diều. Hay là cuộc sống vui chơi của các em bé ôm gà, ôm vịt, ôm rùa, ôm cóc. Rồi thú vị ở các bức tranh được nhân cách hóa như: Đám cưới chuột, Thầy Đồ Cóc. Hay các bức tranh hội làng, hội đu, bắt trạch trong chum hay vinh quy bái tổ… đều thể hiện nét đẹp trong văn hóa phong tục của dân tộc;

+ Tâm hồn hào hoa, tinh tế;

+ Bàn tay cần cù, khéo léo;

+ Trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng…

☐Ẩn sâu trong những bức tranh dân gian Đông Hồ là những lời ước nguyện mang tính nhân văn cao đẹp trong cuộc sống con người.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

1. Đảm bảo yêu cầu hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành…

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,25 điểm)

Vấn đề lựa chọn cách sống phù hợp cho bản thân

3. Triển khai vấn đề cần nghị luận (1,0 điểm)

STUDY TIP

Với yêu cầu câu hỏi về một vấn đề của thực tế cuộc sống, học sinh cần triển khai theo các ý cơ bản:

+ Nêu thực trạng;

+ Lý giải nguyên nhân;

+ Đề xuất giải pháp (tầm vĩ mô và cả vi mô)

Nhận thức về sự mai một của các làng nghề truyền thống và ý thức giữ gìn làng nghề của thế hệ trẻ hiện nay.

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề đề nghị luận theo nhiều cách những cần làm rõ được suy nghĩ nhận thức của bản thân về thực trạng mai một của làng nghề. Có thể theo hướng sau:

- Thực tế về sự mai một của các làng nghề truyền thống của dân tộc trong giai đoạn hiện nay:

+ Trong thời kì hội nhập quốc tế, chuyển dần sang nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa hiện đại hóa, các làng nghề truyền thống đang phản đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách. Có hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này.

++ Nnguyên nhân khách quan là do

sản phẩm làng nghề làm ra không có thị trường tiêu thụ. Thay vì sử dụng những sản phẩm thủ công, khách hàng sẽ ưu tiên lựa chọn những sản phẩm công nghiệp có giá thành rẻ và nhiều mẫu mã hơn.

++ Nguyên nhân chủ quan phát triển từ chính bên trong các làng nghề truyền thống. Số thợ lành nghề, các nghệ nhân đã ở tuổi "xưa nay hiếm", còn lớp trẻ chưa thật sự có tình yêu với nghề truyền thống. Chính vì vậy, trước biến cố của thời gian, nhiều làng nghề đang có nguy cơ bị xóa sổ.

- Nguyên nhân dẫn đến sự mai một các làng nghề truyền thống:

+ Khó khăn lớn nhất đối với các làng nghề chính là không tìm được đầu ra cho sản phẩm. Các sản phẩm của những làng nghề chưa thể vươn ra thị trường trong nước và quốc tế. Tính chất khép kín trong việc sản xuất hàng hóa đã kìm hãm sự phát triển của làng nghề trong thời đại công nghệ và hội nhập như hiện nay;

+ Ngoài ra, thì yếu tố nhân lực cũng là một nguyên nhân dẫn đến thực trạng làng nghề hiện nay: những thợ nghề, những nghệ nhân của các làng nghề hiện nay còn rất ít, giới trẻ thì không còn mặn mà với nghề "cha truyền con nối" như trước;

- Giải pháp: Trước tình trạng nhiều làng nghề đang bị mai một, những người trẻ tuổi – là tương lai của đất nước, nắm trong tay vận mệnh dân tộc càng cần phải có trách nhiệm trong việc gìn giữ và phát huy những nét đẹp truyền thống đó.

+ Mỗi người cần phải trang bị một thái độ trân trọng, tích cực tìm hiểu về những làng nghề truyền thống, đồng thời, thay vì sử dụng nhiều vật dụng hiện đại không cần thiết, người trẻ có thể sử dụng chính những sản phẩm thủ công của người lao động nước ta. Bên cạnh đó, tuyên truyền và giới thiệu những sản phẩm truyền thống của dân tộc đến bạn bè quốc tế cũng là một việc làm có ý nghĩa;

+ Nhà nước, chính quyền địa phương cần phải có những biện pháp hỗ trợ để quy hoạch và phát triển làng nghề. Bên cạnh đó, chính bản thân các làng nghề cần phải có những bước thay đổi về mẫu mã, tích cực quảng bá thương hiệu,…để giúp làng nghề tồn tại trong thời kì đổi mới và cả sau này.

+ Khi mà các làng nghề truyền thống bị mất hoặc mai một đi thì những lợi ích kéo theo của nó như: du lịch văn hóa, khai thác tiềm năng kinh tế, việc làm, gìn giữ và phát triển văn hóa truyền thống, giáo dục văn hóa truyền thống… cho thế hệ sau trở thành điều cần phải quan tâm suy nghĩ.

Thông điệp: Một dân tộc mất đi bản sắc văn hóa là tự giết chết chính mình, tự xóa tên của mình trên bản đồ thế giới.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm)

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm):

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm)

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chúc thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm)

Phân tích giá trị, ý nghĩa các chi tiết tiêu biểu trong hai tác phẩm tự sự, từ đó khẳng định giá trị của tác phẩm văn học và tầm cỡ của nhà văn.

3. Triển khai vấn đề cần nghị luận

CHÚ Ý

Hướng triển khai:

- Luận về vai trò của chi tiết tiêu biểu trong một tác phẩm tự sự.

- Chứng minh qua hai chi tiết tiêu biểu:

+ Chi tiết bát cháo hành: cần phân tích, kết nối các sự kiện trong cuộc đời Chí để làm nổi bật ý nghĩa, giá trị của bát cháo hành – bát cháo tình, cháo nghĩa, sự thơm thảo của tình đời tình người đã dấy lên khát vọng hoàn lương. Thông điệp: Cái thiện góp phần nâng đỡ, chiến thắng cái ác, cái xấu;

+ Chi tiết nồi cháo cám: cần phân tích, kết nối các sự kiện để làm nổi bật ý nghĩa, giá trị của chi tiết bát cháo cám – biểu trưng cho sức mạnh của tình yêu thương, lòng lạc quan giúp con người vượt lên trên hoàn cảnh, chiến thắng số phận, chiến thắng chính bản thân mình.

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiện. Bình giá khái quát: hai chi tiết làm nên giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo cho hai tác phẩm.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm)

- *Chí Phèo* (1939) là truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Truyện ngắn kết tinh những tìm tòi, khám phá của nhà văn từ hình tượng người nông dân, bộc lộ tư tưởng nhân đạo thống thiết của tác giả.

- *Vợ nhặt* là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân viết về nông thôn Việt Nam trước Cách mạng khi mà cái đói cái chết đang rình rập. Truyện được in trong tập *Con chó xấu xí* (1962). Qua *Vợ nhặt* Kim Lân đã tái hiện hình ảnh của người nông dân lao động nghèo trong đời sống xã hội chênh vênh cực nhọc. Thế nhưng, khác với Nam Cao, khác với người nông dân bị tha hóa, bị ruồng bỏ gay gắt, bị hủy hoại về cả hình lẫn nhân tính, người nông dân trong sáng tác của Kim Lân là những con người bình dị ở những làng quê bình dị nhưng phải chịu cảnh cái đói hành hạ, cái chết rình rập. Nhưng trong cái cảnh khốn cùng ấy, ở những người nông dân như Tràng, như bà cụ Tứ, như thị vẫn sáng lên tình yêu thương tha thiết.

Nét đặc sắc trong hai truyện ngắn là sự phát hiện những chi tiết đặc sắc.

b. Giải thích ý kiến (0,5 điểm)

Chi tiết là những tình tiết nhỏ nhặt, thậm chí là vụn vặt của đời sống, chi tiết tiêu biểu có tác động lớn đến diễn biến tâm lí, số phận nhân vật; thúc đẩy cốt truyện phát triển.

- Tài nghệ của nhà văn là biết phát hiện và sử dụng những chi tiết đó làm nên ý nghĩa cho tác phẩm văn học.

+ Chi tiết "bát cháo hành" của Thị Nở là chi tiết quan trọng, đánh thức khao khát muốn làm người lương thiện trong Chí Phèo;

+ Chi tiết "nồi cháo cám" trong bữa ăn ngày đời của gia đình Tràng lại là hình ảnh về một hiện thực khốc liệt của đói nghèo và chết chóc.

Hai chi tiết đó đều là phát hiện quan trọng của Nam Cao và Kim Lân.

c. Có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

- Nhận xét khái quát: Mỗi tác phẩm có một sự khám phá về hình tượng người nông dân, bộc lộ tư tưởng mà các nhà văn muonosn gửi gắm. Khám phá người nông dân Việt Nnam, hai nhà văn đã khám phá những điều nhỏ bé, hạnh phúc đời thường.

+ Trong tác phẩm, Nam Cao đã khá thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật Chí Phèo sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở khi hắn tỉnh rượu, suy ngẫm về cuộc đời. Cuộc gặp gỡ đó đã thức tỉnh Chí, khiến Chí từ một "con quỷ dữ của làng Vũ Đại" trở lại thành người nông dân lương thiện khát khao cuộc sống con người mãnh liệt cho dù phải chết.

+ Ở tác phẩm *Vợ nhặt* là niềm tin, tình yêu thương con người giauxw nạn dối và cái chết. Đặc biệt, ở cả hai tác phẩm đều có những chi tiết nghệ

thuật đặc sắc, là bước ngoặt trong đời sống tinh thần của nhân vật.

+ Chi tiết *"bát cháo hành"* trong truyện ngắn *Chí Phèo* và chi tiết *"nồi cháo cám"* trong truyện ngắn *Vợ nhặt* là hai chi tiết đặc sắc, làm nên giá trị tác phẩm.

- Chi tiết bát cháo hành:

+ Chi tiết báo cháo hành được Nam Cao miêu tả là bát cháo hành do Thị Nở mang đến giải rượu cho Chí Phèo. Đêm hôm trước, trong cơn say, Chí gặp Thị và giữa hắn và thị đã có một đêm bên nhau. Sáng hôm sau, biết Chí Phèo bị thổ một trận thừa sống thiếu chết, thị đã nghĩ ngay đến việc cho hắn cháo hành *"ra được mồ hôi thì nhẹ người ngay đó mà"*, nghĩ là làm sáng thị chạy ngay đi tìm gạo, hành thì thì may ra nhà thị còn.

+ Nam Cao miêu tả nguồn gốc bát cháo hành rất kĩ càng, trước hết đó là liều thuốc giải rượu, sau cùng đó là bát cháo của tình yêu thương, của lòng người ấm áp. *"Bát cháo hành"* là tượng trưng cho tình yêu của hai con người bị đặt ra ngoài lề của xã hội, Chí thì là *"con quỷ dữ của làng Vũ Đại"*, thị Nở lại là *"người đàn bà xấu ma chê quỷ hờn"* hơn nữa lại *"dở hơi"*, *"nhà lại có má hủi"*. Hai con người khốn khổ đó đã bị xã hội làng Vũ Đại từ chối, không chấp nhận đặt họ trong xã hội lương thiện của con người. Nam Cao với viejc khắc họa chi tiết này, ông xứng đáng là nhà văn của chủ nghĩa nhân đạo, khi đã phát hiện ra tình yêu giữa hai con người dị hợm, và miêu tả tình yêu đó với mọi cung bậc tình cảm, giống như những tình yêu khác.

+ Ngoài ra *"bát cháo hành"* còn tượng trưng cho tình cảm đồng loại, cho tình thương mà con người dành cho nhau khiến người ta tưởng rằng cái cách thị đối xử với Chí như là mẹ đối xử với con, như là chị chăm sóc em. Qủa thật, nếu thị Nở với bát cháo hành đánh thức niềm khao khát làm người lương thiện của Chí, thì Chí đã đánh thức bản năng của người phụ nữ nằm tỏng con người dị hợm, xấu xí như Thị. Hai con người khốn khổ ấy đã tìm thấy nhau, đã khơi dậy cho nhau những niềm khát khao về một cuộc sống bình thường.

+ Chi tiết đó được miêu tả qua dòng suy nghĩ của nhân vật thị Nở *"Tiếng vợ chồng thấy ngường ngượng mà thinh thích"*. Đó là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng. Hay sự khoái lạc về xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

+ *"Bát cháo hành"* của thị đã tác động rất lớn đến tâm lí, nhận thức của Chí Phèo. Nếu trước khi thị bước vào, hắn đã có những cảm nhận về cuộc sống xung quanh, về âm thanh của cuộc sống lương thiện, rồi những âm thanh đó đánh thức suy nghĩ về một giấc mơ xa xôi trong quá khứ của hắn, khiến hắn bừng tỉnh nhận thức được tương lai với tuổi già, đói rét và cô độc, thì bây giờ, sau khi được "người đàn bà cho" bát cháo hành. Hắn "ngạc nhiên" bởi từ trước đến nay chưa có ai cho không hắn cái gì, tất cả đều là hắn phải cướp giật, dọa nạt mới có được. Sau đó là hàng loạt những cảm xúc ở Chí Phèo: bang khuâng, vừa vui lại vừa buồn, vừa như là ăn năn, hối hận. Chí đã thấy được tình yêu thương trong bát cháo hành và cả tình thương giữa những con người, mở ra nhiều lối đi trong cuộc đời hắn. Dù rằng lối đi đó rất mơ hồ nhưng hắn cũng lờ mờ cảm nhận được, đánh dấu sự thức tỉnh dần dần của Chí Phèo. Bản tính lương thiện của Chí không biến mất hoàn toàn mà chỉ bị che lấp đi. Giống như một đốm sáng nhỏ nhoi trong cuộc đời tăm tối. Bản tính đó vẫn tồn tại trong sâu thẳm trái tim Chí Phèo mà "bát cháo hành" của thị Nở đã đánh thức bản tính vốn đã bị che lấp từ lâu ấy. Hắn thèm lương thiện, hắn muốn trở thành người lương thiện biết bao. Tất cả những khát khao đó của Chí đều đặt cả vào Thị Nở. Thị sẽ là người mở đường cho hắn, thị đã chung sống được với hắn tại sao mọi người lại không thể. Đối với Chí, Thị không chỉ là người yêu mà thị còn là cây cầu nối hắn với thế giới người lương thiện mà bấy lâu nay hắn bị đặt ra ngoài.

+ *"Bát cháo hành"* đã gợi cho Chí nhiều suy nghĩ, nhiều khát khao, đầu tiên là khát khao

được chung sống với Thị Nở. Chí Phèo ướm lời "Giả sử thế này mãi thì thích nhỉ" câu nói đó thể hiện niềm mong ước nhỏ nhoi của Chí: ốm thì được ăn cháo hành, ốm thì có người cham sóc. Đó là ước muốn bình dị, nhưng xa vời với người nông dân khốn khổ này. Mơ hồ cảm thấy điều ấy nên Chí nói với thị bằng một tâm trạng phấp phỏng lo lắng *"Hay là mình sang đây ở chung với tớ một nhà cho vui"*. Lời tỏ tình bình dị của Chí Phèo nhưng chứa đựng niềm khát khao có một gia đình nho nhỏ, mơ ước từ cái thuở xa xưa của anh canh điền hiền lành có chồng cuốc mướn, cày thuê vợ dệt vải.

☐Chi tiết "bát cháo hành" là sự phát hiện tinh tế của nhà văn Nam Cao. Qua đó nhà văn muốn khẳng định phẩm chất tốt đẹp của con người. Đối với Nam Cao bản chất tốt đẹp của người nông dân không bao giờ bị mất đi, Chí Phèo sau khi gặp thị Nở, nhận được tình yêu thương từ thị thông qua bát cháo hành, hắn đã khát khao được trở lại cuộc sống lương thiện. Và khi sự khát khao lương thiện đã trở lại thì nó sẽ không mất đi, cho dù người nông dân có phải trả giá bằng cái chết để bảo vệ điều đó.

- Cuối truyện, Chí Phèo bị Thị Nở cự tuyệt, những lời lẽ của bà cô thị cũng là định kiến của xã hội. Chí đã bị gạt ra khỏi xã hội thì hắn không thể nào trở về nữa. Nhưng không chấp nhận kiếp sống của con quỷ dữ, Chí Phèo đã cầm dao đâm chết Bá Kiến rồi tự sát. Cái chết của Chí Phèo khiến người đọc chúng ta cứ băn khoăn mãi: Lối thoát nào cho người nông dân khốn khổ này. Cho đến lúc chết, hắn vẫn cứ thấy thoảng hương cháo hành – hương vị của cuộc sống lương thiện.

- Chi tiết "nồi cháo cám"

+ Chi tiết "nồi cháo cám" là chi tiết xuất hiện ở phần gần cuối của truyện *Vợ nhặt.* Chi tiết được nhà văn miêu tả trong bữa cơm đầu tiên khi người vợ nhặt về làm dâu.

+ Trở lại chuyện *Vợ nhặt*, câu chuyện là bức tranh ngày đói tàn tạ xơ xác của nông dân Việt Nam trước cách mạng. Anh cu Tràng là anh phu xe cục mịch, xấu xí ế vợ. Nhưng trong những ngày đói kém, tình cờ anh "nhặt" được vợ. Người đàn bà theo không anh về là người đàn bà xa lạ, không tên, không quê quán. Chỉ với bốn bát bánh đúc và câu hò vu vơ, Thị đã theo về làm vợ Tràng. Cái đói đã hủy hoại nhân hình của thị, biến thị thành người đàn bà gầy khô, quần áo rách "như tổ đỉa", cái đói cũng hủy hoại luôn cả nhân cách của con người, khiến thị bỏ qua sĩ diện của một người con gái theo không về làm vợ người đàn ông xa lạ. Qua ngòi bút miêu tả của Kim Lân, số phận của con người hiện lên thật rẻ rúng, nhỏ nhoi. Trong cái đói, thị lấy Tràng để có nơi bấu víu, để chạy trốn cái chết đnag rình rập. Nhưng không, gia cảnh Tràng cũng nghèo đói, khó khăn không kém. Thị nhìn gia cảnh ấy và "thở dài". Cái thở dài của thị là sự chấp nhận làm hòa với số phận. Thị lấy Tràng để chạy trốn cái đói, nhưng cũng không thể trốn được. Nhưng bù lại, thị được Tràng và bà cụ Tứ hết lòng đón nhận, hết lòng yêu thương. Sau một ngày về làm vợ Tràng, thị đã trở lại là một người phụ nữ nết na, hiền thục, không còn cái vẻ chao chát, chỏng lỏn như khi Tràng gặp thị ngoài chợ nữa. Sáng hôm sau, trong bữa cơm đầu tiên khi thị về làm vợ Tràng được nhà văn Kim Lân miêu tả thật thảm hại "chỉ có độc một cái mẹt chuối thái rối, một đĩa muối ăn cháo"… bữa cơm trôi qua trong vui vẻ, nhưng chỉ một loáng là hết sạch. "Nồi cháo cám" được bà cụ Tứ chuẩn bị rồi mang lên cho con trai và con dâu ăn.

+ Nếu chi tiết "bát cháo hành" là biểu trưng cho tình yêu thương của thị Nở dành cho Chí thì "nồi cháo cám" cũng là biểu trưng cho tình yêu thương của bà cụ Tứ dành cho các con. Trong ngày đói kém, tình yêu thương của người mẹ già ấy hiện lên thật đáng thương. "Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bưng lên một cái nồi nghi ngút", "vừa khuấy vừa cười"… Hình ảnh của người mẹ nông dân dưới ngòi bút miêu tả của nhà văn Kim Lân hiện lên thật xót xa. Nhưng ở đây nhà văn đã rất tinh ý khi miêu tả phản ứng của các nhân vật khi ăn "cháo cám". Cô con dâu mới được nhà văn

miêu tả "Hai con mắt thị tối lại", "thị điềm nhiên và vào miệng".

+ Có thể nói Kim Lân là nhà văn thấu hiểu tâm lí con người nông dân rất sâu sắc. Cái "tối mắt lại" của người vợ nhặt là chi tiết miêu tả hiện thực đói kém và chết chóc. Thị lấy Tràng để chạy trốn cái chết, nhưng cuối cùng cái chết cái đói lại vẫn không buông tha thị. Nhưng thái độ của thị lại "điềm nhiên và vào miệng" tức là thị chấp nhận. Chấp nhận gắn bó với gia đình này, chấp nhận thỏa hiệp với cuộc sống đói nghèo, thỏa hiệp với cái chết. Hiện thực cay đắng đói khổ len lỏi vào trong tâm tư của từng người. Hiện thực ấy xua tan đi những ảo vọng về tương lai mà mẹ con bà cụ Tứ vừa mới vẽ lên "Khi nào có tiền ta mua mấy đôi gà…ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho xem".

+ Hiện thực của đói nghèo hiện diện ngay trong "nồi cháo cám": "Tràng nhăn mặt, chun mũi" "miếng cám đắng chát nghẹn bứ trong cổ", "không khí gia đình vui vẻ đã biến mất, bữa cơm không ai nói với ai câu gì… có một nỗi tủi hờn len lỏi vào trong tâm trí họ.

☐Bằng việc phát hiện và miêu tả chi tiết "nồi cháo cám", Kim Lân đã lên tiếng tố cáo hiện thực đen tối đương thời. Nạn đói và cái chết luôn rình rập cuộc sống của người nông dân. Nhưng đằng sau đó cũng lấp lánh niềm tin, tình yêu thương của nhà văn vào con người, rằng Tràng, thị, bà cụ Tứ, họ sẽ đổi đời, sẽ có một cuộc sống tương lai tươi sáng hơn. Chi tiết "lá cờ đỏ bay phấp phới" trong suy nghĩ của Tràng là chi tiết thể hiện niềm tin đó.

- Điểm gặp gỡ giữa hai chi tiết:

+ Hai chi tiết "bát cháo hành" và "nồi cháo cám" đều là phát hiện tinh tế và giàu sức gợi của nhà văn.

+ "Bát cháo hành" của thị Nở và "nồi cháo cám" của bà cụ Tứ tuy đơn giản về vật chất nhưng chứa đựng tình cảm yêu thương lớn lao vô bờ.

+ Có giá trị thức tỉnh và niềm tin vào tương lai, cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Phơi bày hiện thực xã hội đen tối, khổ cực và lên tiếng tố cáo xã hội nông thôn Việt Nam thối nát đương thời, xã hội mà bóp nghẹt người nông dân, không cho họ con đường trở về lương thiện *(Chí Phèo)*, xã hội mà cái đói cái chết luôn lẩn khuất rình rập *(Vợ nhặt)*.

+ Nhưng trên hết, qua hai chi tiết đó, nhà văn muốn khẳng định niềm tin vào tình yêu thương của con người và sự đổi thay xã hội.

- Điểm riêng biệt:

+ "Bát cháo hành" là hiện thân cho tình yêu thương cùng cảnh ngộ giữa hai con người đều "không được coi là con người" như Chí Phèo và Thị Nở.

++ Mang giá trị thức tỉnh, đánh thức bản năng trong Chí và Thị, để Chí tỉnh táo nhận ra hiện thực cuộc đời mình, để khát khao trở về làm người lương thiện, để Thị được sống đúng với bản năng của một người phụ nữ bình thường.

+ "Nồi cháo cám" là chi tiết tố cáo hiện thực xã hội bấy giờ, khi mà cái đói, cái chết luôn rình rập cuộc sống của con người.

++ Là hiện thân cho tình thương yêu bao la của bà cụ Tứ dành cho các con của mình trong những ngày đói kém. Tuy nó mặn chát nơi đầu lưỡi nhưng chan chứa tình yêu của người mẹ.

++ Cụ thể hóa cho những giá trị vật chất nhỏ nhoi trong những năm đói kém.

d. Bàn luận: (0,5 điểm)

- Cả hai chi tiết đều là phát hiện rất độc đáo, mới mẻ và giàu giá trị của nhà văn. Nó là minh chứng sống động cho tình yêu thương bao la giữa con người và con người. Tuy mộc mạc, giản đơn về mặt vật chất nhưng những chi tiết đó lại chứa đựng những giá trị tinh thần lớn lao, giúp con người biết yêu thương và trân trọng nhau hơn. Mặc dù không được tác giả gia công, tô vẽ cầu kì những "bát cháo hành" của Thị Nở và "nồi cháo cám" của bà cụ Tứ sẽ mãi là những biểu tượng đẹp đẽ cho lòng trắc ẩn và tình yêu thương.

- Qua hai chi tiết đó càng khẳng định tài năng và

phong cách của hai nhà văn. Nam Cao và Kim Lân xứng đáng là hai cây bút truyện ngắn xuất sắc nhất nền văn học Việt Nam hiện đại.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm)

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm)

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Câu 2 - Phần II:

Tham khảo về tranh dân gian Đông Hồ

Làng tranh Đông Hồ thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Từ bao đời nay, người dân Việt Nam đã quen cái tên Đông Hồ gắn liền với nghề về tranh dân gian nổi tiếng. Trước đây, hầu như nhà nào cũng làm tranh, nhưng nay, số gia đình chuyên về làm tranh Đông Hồ còn lại không nhiều, điều đó càng khiến cho những gì còn lưu lại trở nên quý giá.

Không ai biết chính xác nghề tranh Đông Hồ ra đời từ bao giờ, nhưng căn cứ vào các gia phả trong làng thì muộn nhất là vào đời Lê, tức là cách đây khoảng 500 năm. Còn theo lịch sử của làng thì gia đình đã gắn bó với nghề lâu nhất ở đây là gia đình ông Nguyễn Đăng Chế. Đến nay, gia đình ông đã có 20 đời làm nghề. Cả đại gia đình ông ba thế hệ đều tâm huyết với tranh Đông Hồ. Trung tâm giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ do con cháu ông đóng góp xây dựng rộng 5.500 mét vuông vừa mới khánh thành thực sự tạo ra được một không gian văn hóa độc đáo, trở thành một địa chỉ không thể thiếu với các tua du lịch làng nghề cho du khách trong và ngoài nước.

Khác với nhiều loại tranh trên thị trường hiện nay, tranh làng Đông hồ không phải vẽ theo cảm hứng nghệ thuật mà là dùng ván để in. Để có những bản khắc đạt đến trình độ tinh xảo phải có người vẽ mẫu. Những người vẽ mẫu vào bản khác ván đòi hỏi họ phải có lòng yêu nghệ thuật và tâm hồn nghệ sĩ, đặc biệt phải có trình độ kỹ thuật cao. Công đoạn in tranh có lẽ không khó lắm bởi lẽ ai cũng có thể phết màu lên ván rồi in.

Giấy dùng in tranh là loại giấy dó mịn mặt. Trước khi in, giấy được bồi điệp làm nền, chất điệp óng ánh lấy từ vỏ con sò, con hến đã tạo nên chất liệu riêng biệt của tranh dân gian Đông Hồ. Để có được một bức tranh đẹp, các màu in tranh thường được lấy từ chất liệu thiên nhiên màu đen người ta phải đốt lá tre rồi lấy than của nó, màu xanh lấy từ vỏ lá tràm, màu vàng lấy từ hoa hòe, màu đỏ thẫm lấy từ thân, rễ cây vang, màu sơn lấy từ sỏi núi, màu trắng là điệp… Những năm gần đây có một số người khi in tranh đã từng dùng một số màu và hóa chất hiện (làm như thế sản phẩm có tăng nhưng chất liệu màu của tranh không tươi màu sắc như tranh truyền thống. Đã thế, chỉ trong một thời gian ngắn màu sắc sẽ phai nhạt, không bền màu).

Tranh dân gian Đông Hồ không áp dụng chặt chẽ về cơ thể học, các nguyên lí về ánh sáng hay luật xa gần như tranh hiện đại. Những nghệ sĩ sáng tác tranh dân gian mang nhiều tính ước lệ trong bố cục, trong cách miêu tả về màu sắc. Tất cả đều sử dụng lối vẽ đơn tuyến bình đồ để thể hiện, do đó xem tranh dân gian thường bắt gặp cái thú vị ở những nét ngây ngô đơn giản nhưng hợp lý hợp tình.

Bởi thế, không chỉ có người Hà Nội và dân một số tỉnh thành trong nước thích tranh dân gian Đông Hồ đã cất công về tận làng tranh để tham quan tìm hiểu và chọn mua, mà không ít du khác, những người trong lĩnh vực hội họa, mỹ thuật của nước ngoài cũng tìm về tận đây để nghiên cứu về nghệ thuật tranh dân gian nổi tiếng của làng Hồ. Đây cũng là một trong những cách để bảo tồn và phát triển tranh.

(*Theo http://vanhochay.com.vn*)

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019
CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 28
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi đã bắt đầu biết... nói dối

Thủa nhỏ, tôi được dạy rằng, phải sống trung thực không dối trá với bản thân mình và với mọi người vì đó là con đường sáng duy nhất của kiếp người. Khi đó, tôi chưa hiểu thế nào là trung thực, thế nào là dối trá mà chỉ biết rằng những hành động nào của tôi làm vừa lòng người lớn, được khen là ngoan ngoãn thì đấy là những hành động trung thực. Nhưng đến một hôm, tôi đã biết sự thật trong những lời khen ấy. Tôi bắt đầu biết nói diisi, những lời nói dối chân thành nhất của đời mình.

Tôi có người bạn quanh năm lênh đênh trên con tàu nhỏ, đã cũ, đi câu mực, đánh cá trên biển, vài tháng mới trở lại đất liền vài ngày. Một lần, anh đi biển và thời tiết thay đổi đột ngột khiến biển động dữ dội. Nhà anh chỉ còn người mẹ già ốm yếu. Vì quá lo lắng cho con trai, bệnh tim tái phát khiến bà phải vào viện trong tình trạng hôn mê. Khi đó gió biển gào thét dữ dội. Các bác sĩ quyết định phải mổ ngay nhưng họ không thể tiến hành ca mổ trong lúc bà mẹ lâm vào tình trạng hôn mê, suy kiệt tinh thần hoàn toàn. Trong những lúc tỉnh táo ngắn ngủi, bà thều thào hỏi bão đã tan chưa, con trai bà đã về chưa? Khi đó có một người làng bên cho biết đã tìm thấy mảnh vỡ của con tàu nhà bà dạt vào bờ biển. Bà hỏi các bác sĩ nhưng không ai trả lời.

Tôi đứng ở đó và thật rồ dại khi trung thực kể cho bà nghe rằng cơn bão khủng khiếp lắm, kéo dài vài ngày nữa mới thôi, con tàu đã bị vỡ, sóng xô vài mảnh vào bờ, con trai bà (bạn thân của tôi) không biết số phận ra sao. Các bác sĩ không kịp cản tôi. Câu chuyện tôi vừa kể đã đánh gục những sức lực yếu ớt cuối cùng của bà. Bà nấc nhẹ và thiếp đi. Bác sĩ bó tay. Tôi tình cờ phạm phải một tội ghê gớm mà suốt đời tôi không tha thứ cho mình. Sau khi tan bão người bạn tôi sống sót trở về do một chiếc tàu khác cứu. Anh không trách tôi mà chỉ gục bên mộ mẹ khóc nức nở. Sự trung thực ngu ngốc đã vô tình khiến tôi phạm sai lầm khủng khiếp...

(Theo *Sống đẹp*, xitrum.net)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong văn bản.

Câu 2: Em có nhận xét gì về hành động của nhân vật "tôi" khi nói cho bà mẹ đang ốm yếu biết về tin cơn bão và đứa con trai của bà?

Câu 3: Nhân vật "tôi" đã có sự thay đổi như thế nào trong quá trình nhận thức về sự thật?

Câu 4: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói *"Một lời nói dối trong tình yêu có thể cứu người và một lời nói thật phũ phàng có thể giết người"*?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị qua một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về ý kiến sau: *"Một người chưa biết nói những lời nói dối đẹp đẽ thì người đó không bao giờ biết đến thế giới chân thực*". (A.France)

Câu 2 (5,0 điểm)

Qua những phát hiện của nghệ sĩ Phùng trên bờ biển trong tác phẩm *"Chiếc thuyền ngoài xa"* của nhà văn Nguyễn Minh Châu, anh (chị) hãy liên hệ đến khát vọng của nhân vật Vũ Như Tô trong đoạn trích *"Vĩnh biệt Cửu Trùng đài"* của Nguyễn Huy Tưởng. Từ đó, nhận xét về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.

Câu 2 (0,5 điểm):

Nhận xét về hành động của nhân vật "tôi":

- Hành động cho thấy sự trung thực, thật thà của nhân vật.

- Nhân vật "tôi" suy nghĩ chưa thật thấu đáo, chín chắn nên đã gây ra hậu quả đáng tiếc.

Câu 3 (1,0 điểm):

Sự thay đổi trong quá trình nhận thức của nhân vật về sự thật:

- Ban đầu anh ta nghĩ trung thực là không dối trá với bản thân và mọi người, là con đường sáng duy nhất của kiếp người.

- Sau đó anh ta nhận ra sự thật không phải được cảm nhận bằng mắt, bằng tri thức mà sự thật phải đồng nghĩa với tình yêu, nó giúp con người có thêm niềm tin, sức mạnh....

Câu 4 (1,0 điểm):

Câu nói "Một lời nói dối trong tình yêu có thể cứu người và một lời nói thật phũ phàng có thể giết người" có nghĩa là:

Câu nói muốn đề cập đến sức mạnh của lời nói.

+ Một lời nói dối nhưng xuất phát từ tình yêu thương, từ mục đích tốt đẹp thì có thể nâng đỡ, tiếp thêm sức mạnh, giúp người khác vượt qua khó khăn.

+ Trái lại, một lời nói thật nhưng vô tâm, phũ phàng, nghiệt ngã có thể khiến con người rơi vào bi quan, tuyệt vọng. Do vậy, điều quan trọng không phải là nói thật hay nói dối mà quan trọng là mục đích, ý nghĩa của lời nói đó như thế nào.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Giá trị của những lời nói dối nhân ái

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

CHÚ Ý

Để luận tốt được yêu cầu học sinh cần:

- Phân biệt được mức độ, tính chất của các lời nói dối:

+ Lời nói dối ác ý;

+ Lời nói dối thiện chí

- Hiểu nghệ thuật ứng xử trong cuộc sống: cuộc sống vốn nhiều nước mắt, ít nụ cười, để sống nhân ái, hướng thiện cần phải lựa lời mà nói, cần có những lời nói dối nhân ái giúp con người có niềm tin và có tình yêu cuộc sống.

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần

làm rõ được suy nghĩ về giá trị của những lời nói dối nhân ái. Có thể theo hướng sau:

- Giải thích:

+ Nói dối tức là không nói đúng sự thật. Con người thường tôn vinh sự thật, thế nhưng những lời nói dối vẫn tồn tại trong cuộc sống hàng ngày, cần phân biệt giữa lời nói dối đẹp đẽ với những lời nói dối xấu xa, tội lỗi vì lợi ích của bản thân.

+ Lời nói dối đẹp đẽ là những lời nói dối "ngọt ngào", vô hại, mang lại cho con người niềm vui, quên đi mệt mỏi... làm cho cuộc sống không còn tẻ nhạt mà trở nên muôn màu, muôn vẻ, đáng yêu hơn.

+ Lời nói dối đẹp đẽ xuất phát từ trái tim nhân hậu, chân thành, mong ước mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác.

+ Biết đến thế giới chân thực: thế giới không có sự giả dối, biết sống chân thực, biết nghĩ, biết quan tâm đến người khác bằng tấm lòng và tình cảm chân thành.

→ Ý nghĩa của câu nói: Khẳng định giá trị của những lời nói dối đẹp đẽ. Người biết nói những lời nói dối đẹp đẽ chính là người biết đến thế giới chân thực.

- Bàn luận: Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề:

+ Không phải lúc nào cũng nên nói thật vì "sự thật mất lòng" – có những sự thật phũ phàng, con người ta không dễ đối diện với nó, khi đó nếu ta biết nói những lời dối đẹp đẽ sẽ xoa dịu được nỗi đau, bớt đi gánh nặng lo lắng, vực dậy một con người đang tuyệt vọng trở nên lạc quan, tự tin, có thể hàn gắn những mối quan hệ, làm cho gương vỡ lại lành, có thể giải quyết vấn đề theo chiều hướng tích cực... (phân tích dẫn chứng)

+ Cần phân biệt lời nói dối đẹp đẽ với những lời xu nịnh, tâng bốc vì vụ lợi cá nhân.

+ Biết sử dụng đúng lúc, đúng hoàn cảnh những lời nói dối đẹp đẽ sẽ không là những lời sáo rỗng mà sẽ mang lại hiệu quả thực sự.

- Rút ra bài học: cần biết lúc nào nên nói thật, nói dối và dù nói gì cũng cần cân nhắc thấu đáo, xuất phát từ tình yêu thương chân thành, từ trái tim tha thiết với cuộc đời.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Nhận xét, bình giá về mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

CHÚ Ý

Hướng triển khai:

- Phân tích, so sánh sự đối lập trong hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng về nghệ thuật và hiện thực đời sống;
- Phân tích, chỉ ra sự đối lập giữa ước mơ, khao khát và hiện thực đời sống làm nên tấn bi kịch Vũ Như Tô;
- Bình luận về mối quan hệ khăng khít giữa nghệ thuật và cuộc sống; yêu cầu sáng tạo của người nghệ sĩ: nghệ thuật vị nhân sinh.

Có thể triển khai theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận

* Tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu

Nguyễn Minh Châu – *người mở đường tài hoa và tinh anh của văn học thời kỳ đổi mới*. Với một khao khát mãnh liệt *đi tìm hạt ngọc ẩn dấu trong tâm hồn mỗi người*, ông đã có những trang văn độc đáo, giàu tính triết luận về con người và cuộc sống. Chiếc thuyền ngoài xa (1983) rút ra từ tập truyện ngắn cùng tên (in 1987). Đây là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Minh Châu mang đậm phong cách tự sự - triết lí của nhà văn. Với ngôn từ dung dị, đời thường truyện kể lại chuyến đi thực tế của một nghệ sĩ nhiếp ảnh và những chiêm nghiệm sâu sắc của người nghệ sĩ đó về nghệ thuật – cuộc đời.

* Tác phẩm Vĩnh biệt Cửu trùng đài – Nguyễn Huy Tưởng

Nguyễn Huy Tưởng, nhà văn có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử, ông có rất nhiều đóng góp nổi bật ở thể loại tiểu thuyết và kịch, một trong những vở kịch để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho người đọc là vở kịch *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*. Thông qua nhân vật Vũ Như Tô, nhà văn đã gửi một bức thông điệp về mối quan hệ mật thiết giữa nghệ thuật và cuộc sống đến với người đọc

* Vấn đề nghị luận

- Nghệ thuật luôn đi lên từ cái nhìn chân chính. Nói đến nghệ thuật ta không thể không nhắc đến cuộc sống vì *văn chương, nghệ thuật luôn là tấm gương lớn rong chơi trên đường phố để thu nhận vào mình mọi biến động xã hội*. Nhận thức được tầm quan trọng đó, hai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Minh Châu tuy viết hai tác phẩm ở hai giai đoạn khác nhau nhưng họ cùng hướng đến quan niệm về nghệ thuật chân chính tiến bộ: nghệ thuật vị cuộc sống.

- Quan niệm đó được gửi gắm qua hai hình tượng: nhân vật Phùng trong Chiếc thuyền ngoài xa và Vũ Như Tô trong Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài. Hai nhân vật có nhiều nét tương đồng, trùng hợp giữa tài và tâm; giữa khát vọng nghệ thuật và hiện thực cuộc sống. Qua những tình huống đó hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người đều được họ tìm thấy và nâng tầm giá trị.

b. Triển khai chi tiết vấn đề nghị luận:

** Phát hiện nghệ thuật và sự trưởng thành trong nhận thức của nghệ sĩ Phùng*

- Nguyễn Minh Châu được xem là một trong những nhà văn tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, văn của ông giản dị mà sâu sắc, thấm thía nhiều dư vị về cuộc đời, thấm đẫm nghệ thuật, cái mà ông luôn xem là bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Cũng nhờ như thế mà nhân vật Phùng đã ra đời qua chính ngòi bút của ông.

- Phùng là một nhiếp ảnh gia, theo lời đề nghị của trưởng phòng, ông phải chụp một bức ảnh để đăng cho bộ lịch cuối năm, sau nhiều ngày lao lực tìm kiếm, cuộc sống đã trả ơn cho Phùng bằng cách giúp anh đi hết từ bất ngờ này đến bất ngờ kia

+ Phát hiện lần thứ nhất: Bức tranh thiên nhiên đầy thơ mộng

++ Sau tháng ngày săn ảnh, trước mắt anh là một cảnh tượng trời cho, hình ảnh chiếc thuyền đang từ từ ghé vào bờ trong một buổi sáng sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu trời mù sương... Quá thăng hoa trong cảm xúc khi khám phá ra được một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ, anh nhanh chóng bấm máy liên thanh và có những bức ảnh ăn ý không dễ gì có được trong một đời làm nghệ thuật.

++ Cảm giác vui sướng trước khoảnh khắc trong ngần của cảm xúc mà trong suốt cả cuộc đời làm nghệ thuật của anh không dễ gì có được...

+ Phát hiện lần thứ hai: Bức tranh hiện thực đời sống đầy nhọc nhằn, cay đắng.

++ Trong con mắt Phùng thì phát hiện thứ hai là xấu xí, tồi tệ. Anh ta không thể ngờ một vùng bờ phá đẹp, bình yên mà anh ta vừa thu vào chiếc máy ảnh Pra-ti-ca nay lại tối sầm lại trong nạn bạo lực gia đình, không còn màn sương mai, ánh mặt trời mà thay vào đó là bão táp, là giông tố của biển khơi. Nó được đẩy lên đến cao trào khi người đàn ông rút chiếc thắt lưng và đánh tới tấp vào lưng người đàn bà. Lão như một con mãnh thú gầm thét lao vào con mồi, còn người đàn bà thì cam chịu, nhẫn nhục. Mụ "không kêu lên một tiếng, cũng không tìm cách trốn chạy"... Rõ ràng đối với Phùng cảnh này là không thể tưởng tượng được đến "há hốc mồm ra mà nhìn". Anh ta không hình dung được trong đầu mình cuộc sống lai có những sắc màu, vết cứa như vậy. Anh ta nghĩ rằng, vùng bờ phá này chỉ có sự thanh bình, khoáng đạt nhưng ý nghĩ và nhận thức đó là đơn điệu, sai lầm. Bởi vì bản chất của cuộc sống là bức tranh đa màu sắc, ngoài vẻ đẹp nó còn cả sự tăm tối, xấu xí.

+ Chứng kiến buổi làm việc giữa Đẩu, một người đồng đội cũ nay là chánh án toà án huyện, với người phụ nữ khốn khổ kia, Phùng mới vỡ lẽ ra rằng, người phụ nữ phải cam chịu một bề, không chống trả những trận đòn của chồng và không chịu giải phóng là vì tình yêu vô bờ bến đối với những đứa con. Phùng cay đắng nhận ra rằng, đằng sau cảnh đẹp như mơ kia là bao ngang trái, éo le của đời thường mà anh chưa hiểu hết.

→ Tình huống được tạo nên từ ngòi bút của Nguyễn Minh Châu là sự tương phản giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ thuật thì ở ngoài xa còn cuộc đời thì lại thật gần, nghệ thuật thì đẹp nhưng cuộc đời sao đầy rẫy bao ngang trái:

++ Nếu như so sánh với phát hiện thứ nhất, thì phát hiện thứ hai này tuy không có giá trị về vật chất nhưng lại trở nên vô giá đối với một con người. Bởi vì, trước khi làm nghệ sĩ, Phùng phải sống như một con người, phải có nhận thức đầy đủ và ứng xử với mọi thứ xung quanh cho nên sự can thiệp của anh ta với nạn bạo lực gia đình là điều đáng khích lệ trong tư duy người nghệ sĩ.

++ Chính sự đối lập trong hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm đến người đọc một vấn đề nhân sinh rất mới mẻ. Đó chính là cuộc sống đầy đau khổ, bạo lực, tàn nhẫn mà con người phải chịu đựng. Chiến tranh đã đi qua nhưng những đau thương mà nó để lại vẫn còn đó, cuộc chiến với đói nghèo, với những bất cập thời hậu chiến vẫn còn đó, vẫn ngang nhiên thách thức với con người. Và đó mới chính là mối lo thực sự ẩn sau những áng mây hồng hồng đầy thơ mộng. Phùng những tưởng anh đã chạm đến cảnh giới cao nhất của nghệ thuật, nhìn thấy vẻ đẹp được coi là "đạo đức" của cuộc đời nhưng Nguyễn Minh Châu đã làm trọn vẹn thiên mệnh của người nghệ sĩ đã khai sáng cho Phùng và cho cả chúng ta nữa về đời sống nhân sinh. Chiến tranh kết thúc không chỉ có nụ cười hoa nở mà còn có cả những dòng nước mắt (gia đình hàng chài chính là nạn nhân của thời hậu chiến – nền kinh tế lạc hậu, thất học). Hiện thực cuộc sống còn nhiều bất hạnh, mà con người phải đối mặt. Viết tác phẩm năm 1987, Nguyễn Minh Châu đã anh dũng dám nói đến phần hiện thực gai góc, sẫm màu của xã hội.

- Những nhận thức tiến bộ, tích cực của nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng giúp anh tạo được sức sống lâu bền cho tác phẩm nghệ thuật: Trưởng phòng rất hài lòng về tấm ảnh. Mãi về sau, nó vẫn được treo ở nhiều nơi, nhất và những gia đình sành nghệ thuật. Nhưng mỗi khi nhìn kỹ bức ảnh, cảm xúc của anh luôn lẫn lộn trào dâng. Anh luôn luôn nhìn thấy hình ảnh một người đàn bà lam lũ với tấm lưng áo bạc phếch, nửa thân người ướt sũng đi ra từ bức ảnh đó. Chất sống của hiện thực đã giúp tác phẩm nghệ thuật của nghệ sĩ Phùng bất tử trước thời gian.

**** Khát vọng nghệ thuật và bi kịch không lối thoát của nhân vật Vũ Như Tô***

- Vũ Như Tô được biết đến qua tác phẩm của ông là một kiến trúc sư thiên tài một nghệ sĩ có nhân cách và có khát vọng nghệ thuật cao cả, lớn lao. Ông luôn khao khát xây dựng được những công trình vĩ đại trở thành niềm tự hào cho con cháu muôn đời sau. Bắt tay vào xây dựng Cửu Trùng Đài – một công trình nghệ thuật thế kỷ dưới sự chỉ đạo của hôn quân Lê Tương Dực ông đã gặp phải sự cản trở rất lớn của quần chúng nhân dân...và dẫn đến bi kịch Vũ Như Tô.

+ Cửu trùng đài – một công trình nghệ thuật thế kỷ, một khát vọng nghệ thuật cao đẹp: "đem hết tài ra xây cho nòi giống một toà đài hoa lệ, thách cả những công trình sau trước, tranh tinh xảo với hoá công". Xây Cửu Trùng Đài với Vũ Như Tô vừa là để bộc lộ trọn vẹn cái tài trời phú, vừa để thực hiện giấc mộng lớn - giấc mộng sáng tạo một công trình nghệ thuật kì vĩ, mĩ lệ, cao cả, huy hoàng, một "cảnh Bồng Lai" giữa cõi trần lao lực, góp phần điểm tô cho đất nước. Cửu Trùng Đài chính là tâm huyết, là linh hồn của Vũ Như Tô: "Tôi sống với Cửu Trùng Đài, chết cũng với cửu Trùng Đài. Tôi không thể xa Cửu Trùng Đài một bước. Hồn tôi để cả đây..."

+ Cửu trùng đài – một hiểm họa khôn lường: một công trình nghệ thuật thế kỷ dưới sự chỉ đạo của hôn quân Lê Tương Dực lại trở thành một thảm họa khôn lường đối với quần chúng nhân dân.

++ Cửu Trùng Đài trong mục đích của Lê Tương Dực chính là hiện thân của cuộc sống xa hoa đầy lạc thú. Công trình nghệ thuật theo khao khát của Vũ Như Tô lại chỉ là nơi vui đùa của những cung nữ để mua vui cho vị hôn quân, bạo chúa Lê Tương Dực; nó sẽ tiêu tốn tiền của công khố, bòn rút mồ hôi xương máu của nhân dân.

++ Cửu Trùng Đài trong cuộc sống của nhân dân là một thảm họa. Giữa lúc cuộc sống của nhân dân vô cùng lầm than, khổ cực ("mấy nghìn người chết vì Cửu Trùng Đài, mẹ mất con, vợ mất chồng") vì vậy Cửu Trùng Đài càng xây cao bao nhiêu thì mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của nhân dân ngày càng tăng lên bấy nhiêu. Tình cảnh khốn cùng ấy tất sinh biến loạn: khi quân phản nghịch nổi lên, thợ xây Cửu Trùng Đài quá nửa theo về quân phản nghịch. Vũ Như Tô là đối tượng đầu tiên trong kế hoạch báo thù của quần chúng lao khổ.

- Cửu trùng đài và bi kịch Vũ Như Tô:

+ Bi kịch bị hiểu lầm và kết tội: Vì mượn tay Lê Tương Dực để thực hiện khát vọng nghệ thuật của mình nên Vũ Như Tô bị đánh đồng với kẻ xa hoa tàn ác, với tên hôn quân bạo chúa, bị coi là kẻ gây tội ác: "ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khố hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông". Trong hoàn cảnh ấy, cả Vũ Như Tô và Cửu Trùng Đài đều trở thành mục tiêu của sự oán giận, trở thành đối tượng để nhân dân và quân phiến loạn tàn phá, huỷ hoại, giết hại. Chỉ có Đan Thiềm là người duy nhất hiểu được khát vọng và quý trọng tài năng của ông nhưng Đan Thiềm cũng hoàn toàn bất lực, không thể khuyên nhủ, cũng không thể bảo vệ được Vũ Như Tô.

+ Bi kịch bị vỡ mộng: Cho đến phút cuối cùng, Vũ Như Tô vẫn không thể hiểu và không thể tin rằng việc mình làm là trái với quyền lợi của nhân dân. Ông vẫn một mực khẳng định rằng mình không có tội và không

thể hiểu vì sao dân chúng lại nổi lên phá cửu Trùng Đài, không hiểu vì sao xây dựng Cửu Trùng Đài lại là việc làm hại nước, hại dân. Điều bi thương nhất của Vũ Như Tô là sự lạc lõng của ông giữa những kẻ nông nổi và tàn ác, là sự cô đơn đến đáng thương trước lòng hận thù của nhân dân. Khi Cửu Trùng Đài bị đốt cháy cũng là khi Vũ Như Tô vỡ mộng, bừng tỉnh, đau đớn đến tuyệt vọng: "Trời ơi! Phú cho ta cái tài làm gì? Ôi mộng lớn! Ôi Đan Thiềm! Ôi Cửu Trùng Đài!".

→ Cửu Trùng Đài là một công trình kiến trúc tuyệt tác. Được xây bằng tài hoa tuyệt đỉnh của Vũ Như Tô – được xây dựng bằng tâm huyết của Vũ Như Tô: với ông thì Cửu Trùng Đài là phần tâm hồn, là sinh mệnh. Đặt trong bối cảnh lúc đó, Cửu Trùng Đài còn là hiện thân cho cái đẹp xa hoa, đi ngược lại với lợi ích của người lao động. Vì vậy với nhân dân: Cửu Trùng Đài là món nợ mồ hôi, xương máu cần phải trả.

→ Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra những vấn đề sâu sắc và có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lý tưởng nghệ thuật cao siêu thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thực và trực tiếp của nhân dân.

** Bình luận*

- Cả hai tác phẩm này đều xây dựng lên một nhân vật hết lòng đam mê nghệ thuật nhưng chỉ vì chưa thấy rõ sự đối lập mà dẫn đến những kết cục đáng buồn.

+ Nghệ sĩ Phùng đã thấy được mặt trái của sự việc và đã kịp thời sửa sai. Bằng hành động tự ý thức, Phùng đã nhận ra cái chưa đến được của mình để rồi đấu tranh tự hoàn thiện. Đây cũng chính là khát vọng kết nối Chân – Thiện – Mĩ mà suốt đời nhà văn Nguyễn Minh Châu luôn khao khát và tìm kiếm.

+ Nhà kiến trúc thiên tài Vũ Như Tô do quá bàng quan, mù quáng trong khát vọng nghệ thuật cao siêu của bản thân mà xa rời hiện thực đã phải lấy cả cái giá của nghệ thuật để đổi bằng chính mạng sống của mình.

- Hai tác phẩm được viết vào hai bối cảnh xã hội khác nhau, văn hóa mà đối tượng tồn tại khác nhau và phong cách của hai nhà văn cũng hoàn toàn khác nhau, nhưng họ đều có một điểm chung đã lật ra lá bài của nghệ thuật:

+ Nghệ thuật phải gắn liền với cuộc sống, phục vụ cuộc sống, nếu nghệ thuật xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng thì chỉ đem lại bi kịch thảm khốc như của Vũ Như Tô hay cái nhìn phiến diện về cuộc sống của nghệ sĩ Phùng. Tuy rằng nghệ thuật là cái đẹp của cuộc sống nhưng không phải lúc nào nó cũng đẹp. Đằng sau của tấm huy chương rạng rỡ luôn gồ gề và nhiều khuyết điểm.

+ Ngoài ra, nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì cuộc sống, phục vụ cho cuộc sống, nghệ thuật đích thực phải gắn với quyền lợi của con người. Nghệ thuật xa rời cuộc sống chỉ là nghệ thuật suông và khi nghệ thuật không vì đời sống thì chính đời sống sẽ hủy hoại nó.

- Trước yêu cầu khắt khe trên, đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết tìm tòi, khám phá cuộc sống, hiểu nó trên nhiều phương diện. Nghệ sĩ chân chính cũng giống như nghệ thuật chân chính phải là thứ nghệ thuật vị nhân sinh không chỉ bó hẹp nghệ thuật vị nghệ thuật.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Câu 1 – Phần I:

Tham khảo bài thơ:

Lời nói dối nhân ái

Gió nói với chiếc lá úa:

"Trong vòng tuần hoàn bất tận của chiếc lá,

Màu vàng của mi trong khoảnh khắc này

Là sắc đẹp vĩnh hằng của nhan sắc mùa Thu tàn phai nhanh;

Đừng buồn cái đẹp nào cũng phù du vì chỉ có cái phù du mới đẹp"

Lá biết gió nói dối nhưng lá vẫn vui vẻ bay vèo theo gió.

"CHÀNG thấy NÀNG đẹp rồi chàng mới yêu

Anh thì ngược lại, anh yêu trước rồi sau đó mới biết rằng em đẹp"

Lời nói dối ngược ngạo luật phản xạ của anh chồng làm ửng hồng đôi má cô vợ trẻ.

Cô gái nói với ông già:

"Bố đẹp lão quá! Hồi còn trai chắc bố có số đào hoa"

Ông già – héo queo như cây kiểng còi – uống lời nói dối cực kỳ khó tin của cô gái như uống giọt nước thần có dược chất hồi xuân

Tiếc thay! những lời nói dối ta phải nghe hằng ngày lại là những lời nói dối không nhân ái.

(1989 - ***Trang Thế Hy****)*

Câu 2 – Phần II:

Tham khảo kiến thức về nhà văn Nguyễn Minh Châu:

Trong những sáng tác của Nguyễn Minh Châu thời kì trước Cách mạng, nhà văn đam mê với cảm quan lãng mạn, nhìn cuộc sống, chiến tranh, người lính bằng con mắt rất đẹp, lí tưởng, tràn đầy niềm lạc quan. Vì vậy mà hình ảnh con người trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu thời kì này là những mẫu hình, chuẩn mực cho thời đại. Bởi vì, ông thường "tắm các nhân vật của mình trong bầu không khí vô trùng" như Nguyệt trong Mảnh trăng cuối rừng. Tuy nhiên, từ sau Cách mạng, văn chương của Nguyễn Minh Châu mang đậm tính chất triết lí, suy tưởng. Ông trở về với thực tại trong đối tượng của văn học cho nên các nhân vật hiện lên có phần xấu xí, thô ráp song lại chuyển tải được những quan niệm văn chương sâu sắc.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 05

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Cuộc sống bộn bề tấp nập, ta thênh thang giữa cuộc đời... thấy sao cuộc đời này rộng lớn quá! Ai đó nói: hạnh phúc không phải là một đích đến mà là một cuộc hành trình. Ta có đủ sức để đi hết cuộc hành trình mang tên Hạnh phúc ấy không? Đôi lúc ta thấy thèm một sự sẻ chia, thèm một tâm hồn đồng điệu, thèm sự cảm thông, thấu hiểu từ ai đó, từ một trái tim chân thành.

Ta còn thiếu sót rất nhiều, còn chưa đủ mạnh mẽ. Dường như ta đánh mất mình trong cái xô bồ, trong tất bật, trong dòng chảy vô tận và không đích đến. Ta thoáng nhìn về quá khứ: những việc ta đã làm, những người ta đã gặp, những thành công ta đạt được, những khổ đau ta đã nếm trải.

Lâu lắm rồi ta không khóc, vì nước mắt cứ đong đầy khóe mi nhưng chẳng thể rơi. Ta ghét vị mặn của nước mắt. Ta ghét phải tự mình lau khô. Ta ghét ta khi khóc, xấu xí, nguệch ngoạc vô cùng. Ta muốn hét thật to, muốn đi thật xa, muốn kêu lên rằng: Cuộc đời ơi, ta mệt mỏi quá!

Trưa nay ở cơ quan, đêm về ở xóm trọ, ta một mình ngồi lặng. Bỗng ngân vang lên trong cõi lòng câu thơ của Bạch Cư Dị: Thử thời vô thanh thắng hữu thanh (Tiếng tơ lặng ngắt bây giờ càng hay). Trong Tì bà hành, ngoài những lời thơ miêu tả âm thanh sống động, thần tình vang lên từ ngón đàn của người ca nữ, Bạch Cư Dị còn nắm được cả khoảnh khắc ngưng lặng kì diệu của tiếng đàn như thế!

(Nguồn Facebook)

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên?

Câu 2: Hãy giải thích ngắn gọn vì sao nói: *hạnh phúc không phải là một đích đến mà là một cuộc hành trình?*

Câu 3: Hãy đặt một nhan đề mà anh/chị thấy phù hợp cho văn bản.

Câu 4: Anh/chị thích một cuộc sống như thế nào? Êm đềm, phẳng lặng hay đua chen, tranh đấu?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Câu thơ *"Thử thời vô thanh thắng hữu thanh (Tiếng tơ lặng ngắt bây giờ càng hay)*" của Bạch Cư Dị được nhắc đến trong phần Đọc hiểu khiến cho anh/chị suy nghĩ gì về vai trò của những khoảng lặng trong nghệ thuật và trong cuộc sống? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị.

Câu 2 (5,0 điểm): Anh/ chị cảm nhận như thế nào về cảnh vượt thác trong *Người lái đò sông Đà* và cảnh cho chữ trong *Chữ người tử tù?* Qua đó, chỉ rõ sự thay đổi về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên: Phương thức biểu đạt biểu cảm/ phương thức biểu cảm/ biểu cảm.

Câu 2 (0,5 điểm):

Giải thích ngắn gọn câu nói: *hạnh phúc không phải là một đích đến mà là một cuộc hành trình*

- *Hạnh phúc không phải là một đích đến mà là một cuộc hành trình* vì đó là quá trình sống, trải nghiệm cả đời như một con đường chứ nó không chỉ là một khoảnh khắc. Từ sự trải nghiệm trên hành trình ấy ta sẽ cảm nhận được hạnh phúc.

- Hiểu được ra hạnh phúc không phải chỉ là một khoảnh khắc mà là cả một quá trình, bản thân mỗi người sẽ biết trân trọng cuộc sống, chắt chiu hạnh phúc ở hiện tại.

Câu 3 (1,0 điểm):

Nhan đề cho văn bản: Có thể đặt những nhan đề khác nhau nhưng cần phù hợp với nội dung văn bản. Yêu cầu chung: ngắn gọn, súc tích có tính gợi hình, biểu cảm và làm nổi bật nội dung trọng tâm.

Tham khảo một số nhan đề như: *Khoảng lặng, Tự tình, Nói với "tôi"...*

Câu 4 (1,0 điểm):

Học sinh có thể đưa ra Ý nghĩa của đoạn thơ theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục. Gợi ý:

+ Đưa ra được ý kiến của mình

+ Có sự lí giải hợp lí, thuyết phục cho ý kiến bản thân nêu ra.

+ Dùng ngôn ngữ chính xác, mạch lạc, có cảm xúc…

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Giá trị của khoảng lặng trong nghệ thuật và cuộc sống

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

CHÚ Ý

- Biểu hiện của khoảng lặng

+ khoảng lặng trong nghệ thuật được xuất hiện do dụng ý tư tưởng của người nghệ sĩ;

+ Khoảng lặng trong cuộc sống là do bản thân con người tạo nên để lấp đầy những khoảng trống vô hình trong cuộc đời

- Giá trị của khoảng lặng

+ trong nghệ thuật là tạo nên sức hấp dẫn, điều đặc sắc;

+ trong cuộc sống giúp cho con người được sống là chính mình.

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về giá trị của khoảng lặng trong nghệ thuật và cuộc sống. Có thể theo hướng sau:

- Xác định được thế nào là khoảng lặng trong nghệ thuật và trong cuộc sống.

+ Trong nghệ thuật: Là phút dừng lại của bản đàn, nốt trầm hay sự ngưng lại trong bài thơ, khoảng trống - khoảng tối trong bức tranh…

+ Trong cuộc sống: là giây phút con người bứt mình khỏi dòng chảy của công việc, của cuộc đời để được sống là chính mình, chiêm nghiệm, suy ngẫm.

- Bàn luận về vai trò của khoảng lặng trong nghệ thuật và trong cuộc sống.

+ Trong nghệ thuật: nốt lặng làm tôn lên giá trị của âm thanh, khoảng trống là nơi dồn nén chứa nhiều ám ảnh, màu trầm là màu của suy nghĩ, gợi nhiều hơn tả…

+ Trong cuộc sống: khoảng lặng là lúc con người nhìn lại chính mình, nhìn lại chặng đường đã qua, ngẫm nghĩ cho cuộc đời phía trước, khoảng lặng cũng là nơi con người được sống với chính mình, sống đúng là mình, góp phần gìn giữ nhân cách của mỗi cá nhân.

- Nêu cách sống của mỗi cá nhân sau khi thấy được vai trò quan trọng của những khoảng lặng.

+ Sống cần nhìn lại và tin rằng mỗi khoảng lặng không phải là một sự thất bại mà là một sự bắt đầu cho một thành công mới.

+ Tuy nhiên cũng cần thấy được không phải hiểu được vai trò của khoảng lặng là khuyến khích cho một cuộc sống bằng lòng an phận, làm giảm ý chí phấn đấu của con người.

- Dẫn chứng: có thể lấy những dẫn chứng trong nghệ thuật và trong đời sống.

*** Bình luận:**

- Khoảng lặng còn giúp tâm hồn con người yên tĩnh lại để cảm nhận được những vẻ đẹp bình dị, đời thường, thấy được những điều nhỏ bé, giản dị nhưng vô cùng ý nghĩa mà vô tình hay cố ý con người hiện đại đã lãng quên như một chiếc lá rơi, một tiếng chim hót cũng có khi khiến mặt nước tâm hồn mỗi người xao động…

- "Khoảng lặng" không chí giúp ta hiểu rõ hơn về bản thân, chỗ mạnh, chỗ yếu của mình mà còn góp phần làm cho cuộc sống của mỗi người trở nên ý nghĩa. Cuộc sống luôn cần có những "khoảng lặng", nhưng điều đó không có nghĩa là khuyến khích con người ta bằng lòng, an phận với những gì mình có. Đó không phải là khoảng lặng mà chính là "khoảng trống". Bởi khi đó ta sẽ trở thành kẻ hèn nhát trước cuộc đời, không dám đương đầu với những khó khăn, thử thách. Nếu cứ kéo dài như vậy thì "khoảng trống" ấy trong mỗi chúng ta sẽ ngày càng lớn lên. Đến một lúc nào đó, thì có nhiều "khoảng lặng" đi chăng nữa, cũng không thể lấp đầy.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề;

phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Cảm nhận vẻ đẹp về cảnh vượt thác trong *Người lái đò Sông Đà* và cảnh cho chữ trong *Chữ người tử tù* để thấy sự thay đổi trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

CHÚ Ý

Vấn đế chính cần triển khai:

- Phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyên Tuân: Khát vọng khám phá cái đẹp trong cuộc sống, đẩy sự vật hiện tượng được mô tả lên tới đỉnh điểm cảm xúc: đẹp đến mức tuyệt vời, dữ dội đến khủng khiếp, tài hoa đến độ trác Việt.
- Phân tích hai nhân vật với hai cảnh tượng xưa nay chưa từng có.

+ Cảnh cho chữ trong không gian tù ngục tối tăm, giữa cái xấu cái ác cái thiện lên ngôi;

+ Cảnh vượt thác kiêu hùng, ngạo nghễ đầy chất nghệ sĩ của người anh hùng sông nước.

- Bình luận vẽ sự chuyển biến tích cực trong quan điểm nhìn nhận con người và cuộc sống của Nguyễn Tuân trước cuộc cách mạng.

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại. Trước cách mạng, ông được biết đến với tư cách là một nhà văn lãng mạn nổi tiếng với quan niệm cái đẹp chỉ có trong quá khứ *Vang bóng một thời* và tài hoa nghệ sĩ chỉ có ở những con người xuất chúng của thời trước còn vương sót lại. Còn sau cách mạng, ông không đối lập quá khứ với hiện tại và cái đẹp có cả ở quá khứ, hiện tại, đặc biệt phẩm chất tài hoa có thể có ở cả nhân dân đại chúng. Dù ở giai đoạn sáng tác nào, văn Nguyễn Tuân cũng đem đến cho người đọc sự cuốn hút đặc biệt bởi ngòi bút tài hoa uyên bác.

- Trong văn nghiệp của Nguyễn Tuân, truyện ngắn *Chữ người tử tù* (trong tập *Vang bóng một thời*- sáng tác trước cách mạng) và *Người lái đò Sông Đà* (trong tùy bút *Sông Đà*- sáng tác trong sau cách mạng) là hai thành công nổi bật, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của tác giả ở hai giai đoạn sáng tác. Đặc biệt là *cảnh cho chữ và cảnh vượt thác* được xem là những trang văn miêu tả đẹp nhất trong văn học Việt Nam. Qua hai cảnh tượng không những chúng ta cảm nhận được sự tài hoa uyên bác của Nguyễn Tuân mà còn thấy *được nét ổn định và nét mới trong phong cách nghệ thuật của tác giả trước và sau cách mạng.*

b. Triển khai vấn đề nghị luận:

Có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

- Khái quát vấn đề nghị luận:

+ Về tác giả: Nguyễn Tuân là một trong những nhà văn tài hoa, uyên bác bậc nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. Cuộc đời sáng tác của ông là hành trình đi săn tìm cái đẹp. Cho nên, trong con mắt của tác giả mọi đối tượng từ thiên nhiên đến con người đều tồn tại trên phương diện thẩm mĩ, lấy cái đẹp làm tiêu chuẩn.

+ Về *Chữ người tử tù:* là truyện ngắn tiêu biểu của dòng văn xuôi lãng mạn, nó vượt qua giới hạn của hiện thực đương thời để đạt đến không gian của những liên tưởng nghệ thuật độc đáo. Nguyễn Tuân tìm về với một vẻ đẹp của truyền thống - nghệ thuật thư pháp. Nhưng nét độc đáo của câu chuyện này là nó được thực hiện trong một không gian rất đặc biệt nơi nhà tù tăm tối với một kẻ tử tù chịu án chém nhưng lại diễn ra cảnh tượng xưa nay chưa từng có: cảnh Huấn Cao cho chữ trước giờ khắc Huấn Cao bị giải ra pháp

trường. Trong khoảnh khắc đó, Nguyễn Tuân đã để cái đẹp lên ngôi và tỏa sáng. Đó cũng là ý đồ mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm này: Cái đẹp có thể tồn tại và tỏa sáng ngay cả trong những không gian tăm tối, nơi cái ác hoành hành.

+ Về *Người lái đò Sông Đà:* Cảm hứng chủ đạo của tác phẩm là lòng nhiệt tình ca ngợi Tổ quốc, ca ngợi nhân dân của một nhà văn mà trái tim đang tràn đầy niềm hứng khởi khi mình không còn "thiếu quê hương". Chính vì vậy, người đọc nhận ra tình yêu say đắm của Nguyễn Tuân trước thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc Tổ quốc.

+ Trong thiên tùy bút này, Nguyễn Tuân viết về con sông Đà hung bạo và trữ tình, cùng hình ảnh một người lái đò trí dũng, tài hoa. Dưới ngòi bút tài hoa của nhà văn mọi thứ trở nên thật đẹp, thật đáng quý, một "thứ vàng mười" núi rừng miền Tây.

* *Phân tích, bình giá hai cảnh trong hai tác phẩm*

- Cảnh cho chữ trong *Chữ người tử tù*

+ "Cảnh tượng xưa nay chưa từng có" Chứng minh cho sự thăng hoa của tài năng nghệ thuật Huấn Cao, giúp nhân vật được tỏa sáng:

++ Cảnh cho chữ được Nguyễn Tuân gia công rất kĩ lưỡng bằng thủ pháp nghệ thuật đối lập. Ở đó, có sự đối lập: ánh sáng - bóng tối, nhà tù - tự do; cao cả - tầm thường,.. .tất cả đều chứng minh cái đẹp đã thống trị trong cảnh huống này. Mọi hình ảnh, chi tiết đều được đẩy đến cao trào làm cho giá trị biểu đạt của nó đạt đến mức tối đa. Cảnh cho chữ đó độc đáo, lạ lẫm, giàu tính chất biểu tượng:

+++ Cho chữ là thú vui tao nhã của người xưa thường được diễn ra trong không gian mang tính nghệ thuật nhưng ở đây lại diễn ra trong nhà tù, tối tăm.

+++ Người ta thường cho chữ ở những khung cảnh thanh cao, tao nhã, sang trọng nhưng tình huống cho chữ trong tác phẩm lại diễn ra trong một buồng giam chật hẹp, tối tăm, ẩm thấp, đất bừa bãi phân chuột, phân dán. Đồng thời cảnh cho chữ phải diễn ra vào ban ngày, trong thời khắc sáng sủa nhưng ở đây lại diễn ra trong không gian khuya khoắt, chỉ còn vẳng tiếng mõ vọng canh, dưới ánh sáng lờ mờ của bó đuốc mà khói tỏa ra làm cay xè cả mắt.

+++ Con người cũng là một điều hiếm thấy trong văn học và đời sống xã hội. Vì người cho chữ thường là bậc danh nhân tài tử trong tư thế thoải mái để sáng tạo cái đẹp nhưng Huấn Cao lại là một kẻ tử tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng và ngày mai phải vào kinh chịu án chém. Cả tình huống cho chữ cũng diễn ra rất đối lập và oái ăm. Bởi người đi xin chữ lại là viên coi ngục, sống bằng lừa lọc, đòn roi và tàn nhẫn nhưng ông ta lại có sở nguyện rất cao quý là đam mê cái đẹp.

++ Một cảnh tượng giàu ý nghĩa bởi mọi ranh giới và quyền lực của sự tối tăm bị xóa mờ, thay vào đó là cái đẹp lên ngôi. Nó không còn là hình ảnh của người tử tù, thầy thơ lại, quản ngục mà chỉ còn lại những người bạn tri âm tri kỉ được tận hiến trong không gian nghệ thuật.

Từ những chi tiết như trên khẳng định con đường săn tìm cái đẹp của Nguyễn Tuân rất lạ lẫm và riêng
biệt, đôi khi ông phát hiện ra cái đẹp ở cả không gian tăm tối vì thế mà giá trị của nó càng trở nên lớn lao và cao cả.

+ Giá trị của cảnh cho chữ:

++ Cảnh cho chữ của Nguyễn Tuân khẳng định được giá trị bất tận của cái đẹp. Nó không những soi sáng cho con người trong thiên lương mà còn cả hóa và thanh lọc tâm hồn con người hướng con người đến đời sống văn minh, trong sạch hơn. Rõ ràng, cảnh cho chữ diễn ra trong nhà tù, nhưng mọi rào cản của tù tội đã

biến mất. Lúc này không còn kẻ tử tù, coi ngục và thầy thơ lại mà chỉ còn lai những người bạn tri âm tri kỉ,

cùng đam mê cái đẹp "trong không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của bó đuốc tẩm dầu chỉ còn ba người ngồi đấy, chăm chú trên một tấm lụa còn nguyên vẹn lần hồ". Lúc này, điều họ quan tâm không còn là xiềng xích, tù giam mà là những nét chữ bay bổng trên miếng lụa trắng.

++ Từ vị thế quản ngục và kẻ tử tù, chúng ta hiểu hơn về giá trị nhân văn của tình huống này. vốn dĩ họ mâu thuẫn, đối lập với nhau, là những thái cực đối lập không thể dung hòa trong xã hội nhưng ở đây họ đã trở thành những người bạn tâm giao. Huấn Cao chỉ là người sáng tạo ra cái đẹp, quản ngục là người biết giữ gìn và trân trọng cái đẹp. Như vậy, đích thị nghệ thuật đã hóa giải mọi mâu thuẫn để cho con người đến gần nhau hơn.

++ Khi kết thúc cảnh cho chữ Huấn Cao đã khuyên quản ngục chuyển chỗ ở để giữ thiên lương cho lành vững và thầy quản đã bái lĩnh trong niềm xúc động nghẹn ngào "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh". Điều đó chứng minh cho giá trị của nghệ thuật: cảm hóa và hướng thiện cho con người. Vì thế, chúng ta tin tưởng rằng, thầy quản ngục sẽ rời khỏi chốn ngục tù và trở về cuộc sống trong sáng hơn để giữ niềm đam mê với cái đẹp.

++ Bằng đam mê và khát vọng săn tìm cái đẹp, Nguyễn Tuân đã khẳng định được vị thế của nó đối với con người và xã hội. Tuy nó không có sức mạnh, không có quyền lực nhưng nó lại mang tính thống trị, có thể hóa giải mọi khổ đau, tăm tối trong cuộc đời này.

- Cảnh vượt thác trong *Người lái đò Sông Đà*

+ Nếu cảnh cho chữ là cảnh xưa nay chưa từng có đã làm sống dậy ánh hào quang của một thời nghệ thuật thư pháp thì cảnh vượt thác trong *Người lái đò Sông Đà* lại là bức tranh phi thường về sức mạnh và ý chí của con người trong cuộc đấu tranh với lực lượng tự nhiên để sinh tồn. (tái hiện cảnh)

+ Ông lái đò trong tác phẩm là một người lao động, là hình ảnh sống động về con người Tây Bắc trong công cuộc lao động, xây dựng cuộc sống mới đồng thời cũng là một nghệ sĩ trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh. Tác giả đã miêu tả ông lái đò trong tư thế tương phản với lực lượng tự nhiên hùng hậu: sông Đà - mang diện mạo và tâm địa của thứ kẻ thù số một đối với con người (diện mạo đó được thể hiện qua địa thế hiểm trở: bờ đá, ghềnh, xoáy nước, đang lồng lộn giữa rừng tre nứa đỏ lửa...Đáng sợ hơn là tâm địa của nó qua cách bày binh bố trận nham hiểm với vô số boong ke chìm, pháo đài đá nổi và ba lớp trùng vi thạch trận như muốn thách thức, tiêu diệt con người).

+ Đọc *Người lái đò Sông Đà* đến cảnh vượt thác ta không thể nào quên hình ảnh ông già Xantiago giữa đại dương bao la, một mình đánh bại con cá kiếm khổng lồ, vừa phải đương đầu với đàn cá mập hung dữ. Con người hiện lên trên nền thiên nhiên ấy thật đẹp, thật kì vĩ biết bao. Sự tương đồng trong ý đồ xây dựng hoàn cảnh thử thách con người của hai nhà văn nhằm ca ngợi sức mạnh và ý chí của con người "con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại". Và để chinh phục một đối thủ cao tay như thế, đòi hỏi ở người lái đò một sự từng trải, dày dặn kinh nghiệm, một bản lĩnh gan dạ can trường, một sự thông minh khôn khéo và đặc biệt là tài năng siêu việt. Sự am hiểu kỹ càng về đối tượng chính là một yếu tố quan trọng giúp cho ông có được tư thế chủ động trong cuộc chiến với sông Đà. Cảnh vượt thác chính là tâm điểm đáng chú ý nhất, một trận thủy chiến vô cùng ác liệt, gay go, đầy kịch tính, từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của ông lái đò: người lao động - người nghệ sĩ trí, dũng, tài hoa.

++ Không khí trận mạc ngay từ câu văn mở đầu cảnh vượt thác:

"Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới . Phối hợp với đá, thác nước reo hò làm thanh viện cho đá". Cảnh hỗn chiến ác liệt diễn ra. "mặt *nước hò la vang dậy, ùa vào mà bẻ gãy cản chèo, sóng nước như thủy quân liều mạng xông vào mà "đá trái" mà "thúc gối vào bụng và hông thuyền...* Có *lúc chúng đội*

cả thuyền lên"....Sóng thác đã đánh miếng đòn hiểm độc nhất bóp chặt lấy hạ bộ" khiến cho ông đò đau điếng mặt méo bệch đi. Nguy hiểm là vậy nhưng *"ông lái đò vẫn cổ nén vết thương, hai chân kẹp chặt cuống lái ",* bình tĩnh *"hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng",* vẫn nghe tiếng chỉ huy ngắn gọn, tỉnh táo, của người cầm lái, con thuyền thoát khỏi nguy hiểm. Vậy là phá xong cái trùng vi thạch trận thứ nhất.

+ Thế nhưng trận chiến chưa dừng ở đó mà mỗi lúc càng quyết liệt hơn. Không một chút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và phải thay đổi chiến thuật.Nhờ kinh nghiệm già dặn, ông đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá, nắm vững quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước nguy hiểm này: "*Trùng vi thứ hai tăng thêm nhiều cửa tử hơn đánh lừa con thuyền, cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn: "Dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh trên sông đá".* Ông lái đò bắt đầu cuộc tấn công bằng cách "*nắm chặt được cái bờm sóng đúng luồng rồi" ông cho con thuyền "phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy".* Bọn tướng đá, đứa thì *"ông tránh mà rảo bơi chèo lên",* đứa thì bị *"ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến".* Cuối cùng ông thắng còn bọn đá tướng thất bại thảm hại *"tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng".*

+ Trùng vi thứ ba, bên phải bên trái đều là "luồng chết cả". Đã vậy, còn bố trí "*luồng sống ngay giữa bọn đá hậu vệ".* Ông lái đò mưu trí *"phóng thẳng con thuyền, chọc thủng cửa giữa đó"* rồi đưa thuyền *"vút qua cổng đá cánh mở cánh khép". "Chiếc thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái lượn được. Thế là hết thác".* Tài nghệ lái đò vượt thác như ông cũng được xếp vào bậc siêu phàm xưa nay chưa từng có. Đọc đến đây người đọc có cảm giác vỡ òa, thở phào nhẹ nhõm.

+ Đoạn văn huy động sức mạnh của quan sát, tưởng tượng, liên tưởng, các phép nhân hóa, so sánh, tương phản; vận dụng linh hoạt, ngôn ngữ phong phú, giàu tính tạo hình, vận dụng kiến thức nhiều nghành nghệ thuật, đặc biệt là quân sự, võ thuật, qua đó tác giả tạo nên một cảnh chiến trận giàu kịch tính, tạo cảm giác sống động, mãnh liệt. Sông Đà hùng hậu, hung bạo, lắm mưu nhiều kế, ông đò trí dũng giữa muôn trùng sóng nước nhưng có trí lực, tài nghệ phi thường. Hàng loạt những động từ mạnh thể hiện sự cuồng nộ của sông Đà: "*rống lên, nhom dậy, vồ lấy, đánh khủy, quật, túm lấy, thúc gối, đá trải, đội, lật ngửa, bóp chặt...".* Đối chọi với chúng, ông đò trong thế cưỡi hổ tung hoành: *"nam chặt, kẹp chặt, ghì cương, phóng nhanh, lái miết, đè sấn, chặt đôi, phóng thẳng, xuyên nhanh, chọc thủng...".* Mật độ động từ dày đặc diễn tả nhiều hành động liên tiếp dồn dập, mạnh mẽ khiến người đọc như nghẹt thở để rồi thở phào nhẹ nhõm khi cảnh vượt thác kết thúc. Cảnh vượt thác có thể xem là đoạn hay nhất trong bản anh hùng ca ngợi ca trí dũng tuyệt vời của con người lao động.

** Đối chiếu hai cảnh trên để thấy nét on định và đổi mới trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng:*

- Nét ổn định:

Phong cách tài hoa nghệ sĩ của Nguyễn Tuân qua hai cảnh trên:

+ Khám phá sự vật ở phương diện văn hóa thẩm mỹ, con người ở phương diện tài hoa nghệ sĩ. Cả hai hình tượng nhân vật: Huấn Cao và ông đò đều là những con người tài hoa nghệ sĩ. Cho dù họ thuộc những giai đoạn, tầng lớp khác nhau, làm những công việc khác nhau nhưng đều là đối tượng của cái đẹp trong văn Nguyễn Tuân (Huấn Cao trong cảnh cho chữ hiện lên với vẻ đẹp của tài thư pháp, của thiên lương, khí phách; ông đò trong vượt thác lại được thể hiện qua tài nghệ tay lái ra hoa).

+ Sự uyên bác của Nguyễn Tuân được thể hiện qua việc vận dụng vốn hiểu biết sâu rộng về nhiều lĩnh vực: văn hóa, lịch sử, địa lý, điện ảnh, hội họa, quân sự, võ thuật ... đem đến cho người đọc những trải nghiệm và kiến thức bổ ích một cách thú vị.

+ Nguyễn Tuân đặc biệt có cảm hứng đối với những cảnh tượng tạo cảm giác mãnh liệt. Ông là nhà văn của những tình cảm lớn, những cảm giác mạnh, trong hai cảnh đã phân tích đều truyền đến cho người đọc những rung cảm mãnh liệt. Thủ pháp tương phản thường được vận dụng để tô đậm những cảnh tượng, khoảnh khắc gây ấn tượng dữ dội. Trong cảnh cho chữ, Huấn đã cho chữ trong hoàn cảnh ngục tù tăm tối, trong cảnh vượt thác ông đò tài hoa chinh phục sông Đà hung bạo.

+ Vốn ngôn ngữ phong phú, chuẩn xác, giàu giá trị tạo hình, gợi cảm, câu văn được gọt dũa cẩn trọng. Ngôn từ trong văn Nguyễn Tuân biến hóa khôn lường. Ông được mệnh danh là thầy phù thủy của ngôn ngữ. Ở cả hai cảnh trong hai tác phẩm đã khẳng định tài nghệ đó của ông.

- Nét đổi mới:

+ Trong cảnh cho chữ ông tìm cái đẹp vang bóng một thời đã lùi vào quá khứ, ở các bậc siêu phàm, trong cảnh vượt thác ông đã phát hiện và ngợi ca cái đẹp trong đời sống thực tại của đất nước, nhân dân lao động. Trước đây, Nguyễn Tuân đem cái tài hoa uyên bác để chống đối, phủ nhận thực tại đen tối, giờ đây, ông dùng nó để kiếm tìm và khẳng định những vẻ đẹp trong xã hội mới, đi tìm "chất vàng mười" trong tâm hồn con người.

+ Trước đây ông tuyệt đối hóa cái phi thường, nay ông phát hiện sự thống nhất giữa cái phi thường và bình thường.

+ Ngôn ngữ thời trước cách mạng cổ kính, đài các, giọng văn ngang tàng, kiêu bạc; sau cách mạng ngôn ngữ gắn với đời thường.

Nhận xét: Sự thay đổi đó làm văn phong Nguyễn Tuân vẫn tài hoa uyên bác mà không ngông ngạo, tài hoa uyên bác mà đôn hậu tin yêu.

c. Bàn luận (0,5 điểm):

- Sự chuyển biến tích cực trong quan điểm nhìn nhận con người và cuộc sống của Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng.

+ Trước cách mạng do chán ghét chế độ thực dân lắm nhiễu nhương, ông chán ghét luôn cuộc đời thực, ông quay về với quá khứ để tìm về với cái đẹp của một thời vang bóng - tài nghệ của Huấn Cao là những "bông hoa cuối mùa còn vương xót lại của một thời kỳ huy hoàng - một quá khứ vàng son trong lịch sử dân tộc.

+ Sau cách mạng: Hiện thực cuộc sống thay đổi đem đến cho nhà văn cái nhìn mới, nguồn cảm hứng mới, đặc biệt là dưới đường lối lãnh đạo của Đảng, xác định nhiệm vụ của người cầm bút trong giai đoạn mới. Cuộc sống mới con người mới xã hội chủ nghĩa đã khiến Nguyễn Tuân có cái nhìn tin yêu cuộc đời, tìm thấy cái đẹp trong chính cuộc đời thực. Người lái đò sông đà là một anh hùng sông nước, một chiến binh quả cảm giữa cuộc sống bình dị, đời thường là chất "vàng mười" đã qua thử lửa của con người vùng đất Tây Bắc mà Nguyễn Tuân đã chắt lọc và nâng niu trên trang viết cuộc đời.

- Hai cảnh tượng "xưa nay chưa từng có" trong cảnh cho chữ của Huấn Cao và cảnh vượt thác của ông lái đò đã cho thấy sự tài hoa, uyên bác trong ngòi bút của Nguyễn Tuân. Nó xứng đáng là những hình tượng nghệ thuật độc đáo trong nền văn học nước ta. Và chính những sự thay đổi trong phong cách nghệ thuật trước và sau cách mạng đã làm nên một "thể phách Nguyễn Tuân" toàn vẹn và uyên bác như ngày hôm nay. Và Nguyễn Tuân xứng đáng là một hiện tượng văn học độc đáo bậc nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Phần I – Câu 2:

Hạnh phúc không phải là đích đến mà là một cuộc hành trình

Có mấy ai nhận ra rằng khoảng thời gian hạnh phúc nhất chính là những giây phút hiện tại mà chính ta đang sống? Cuộc sống vốn chứa đựng nhiều thử thách, khó khăn và nghịch cảnh. Cách tốt nhất thích ứng cuộc sống này là chấp nhận thực tế và tin vào chính mình. Tự bản thân mỗi chúng ta, trong bất kì hoàn cảnh nào, phải biết cảm nhận và tìm lấy niềm hạnh phúc cho riêng mình. Đừng trông đợi một phép màu hay một ai đó sẽ mang hạnh phúc đến cho bạn. Đừng đợi đến khi bạn thật rảnh rỗi hay đến lúc tốt nghiệp ra trường, đừng đợi đến khi kiếm được thật nhiều tiền, có gia đình hoặc đến khi được nghỉ him mới thấy đó là lúc bạn được hạnh phúc. Đừng đợi đến mùa xuân, mùa hạ, mùa thu hay mùa đông rồi mới cảm thấy hạnh phúc. Đừng đợi tia ánh nắng ban mai hay ánh hoàng hôn buông xuống bạn mới nghĩ là hạnh phúc. Đừng đợi đến chiều thứ bảy, những ngày cuối tuần, ngày nghỉ, ngày sinh nhật hay một ngày đặc biệt nào mới thấy đó là hạnh phúc của bạn. Tại sao không phải lúc này? Hạnh phúc là một con đường đi, một hành trình. Hãy trân trọng những khoảnh khắc quý giá trong chuyến hành trình ấy. Hãy dành thời gian quan tâm đến người khác và luôn nhớ rằng, thời gian không chờ đợi một ai!

(Trích **Hạt giống tâm hồn,** NXB Văn học, 2012)

Không có con đường nào dẫn đến hạnh phúc, hạnh phúc là con đường.

Chúng ta thường hỏi nhau rằng con đường nào sẽ đi đến hạnh phúc? Chúng ta luôn tìm kiếm và đi suốt chặn đường dài để tìm đến cái gọi là hạnh phúc. Có bao giờ ta tự hỏi rằng hạnh phúc đang ở nơi đâu trên con đường đó. Ở giữa con đường, cuối con đường hay ở một nơi nào đó trên con đường đó. Hạnh phúc không xa vời cũng không ở điểm cuối con đường mà hạnh phúc chính là con đường ta đi.

Chúng ta luôn quan niệm rằng hạnh phúc ở phía trước,vì theo một ý nghĩ nào đó hạnh phúc là ở tương lai. Hạnh phúc luôn xa vời nói đúng hơn hạnh phúc rất xa tầm tay.

Nhưng không, hạnh phúc chính là hiện tại, chưa lúc nào bạn hạnh phúc như bây giờ vì thật sự bây giờ bạn không hạnh phúc thì mãi mãi bạn sẽ không bao giờ tìm thấy hạnh phúc. Cuộc sống của bạn luôn đầy những chong gai và thử thách. Nếu cứ tìm kiếm thì đến cuối cuộc đời bạn sẽ tiếc nuối rất nhiều. Tốt hơn hết là ngay bây giờ bạn hãy chấp nhận và tận hưởng hạnh phúc của chính mình.

Đơn giản, một cậu bé hai tuổi bảo rằng "hạnh phúc là khi con lớn lên và làm ra tiền", đến khi lớn lên cậu bé lại bảo "hạnh phúc là khi có một gia đình" rồi lại bảo "hạnh phúc là khi có một cậu con trai kháo khĩnh".., suốt con đường đi chưa bao giờ con người thỏa mãn với hiện tại chưa bao giờ con người chấp nhận dừng lại để cảm nhận được rằng mình đang rất hạnh phúc.

Họ mệt nhoài với cuộc hành trình trên con đường tìm kiếm hạnh phúc. Đến cuối cuộc đời họ vẫn không tìm thấy cái gọi là hạnh phúc.

Tôi lặng ngồi nghe một cụ già tâm sự. "Suốt cuộc đời tôi chưa bao giờ thấy hạnh phúc của cuộc đời mình,lúc còn đi học tôi không học giỏi, khi tôi vào đại học tôi cũng chẳng có gì nổi bật giữa cái môi trường to lớn đó, đến khi tôi lấy vợ tôi cũng chẳng mấy tự hào, và bây giờ tôi vẫn chỉ là một cụ già không gì nổi bật không để lại gì cho đời". Tôi khẻ mĩm cười hỏi cụ già rằng, khi cụ là học sinh cụ có cảm thấy vui khi cuộc sống lạc quan không lo nghĩ. Khi cụ đậu vào đại học cụ có cảm thấy hạnh phúc và tự hào về mình. Khi cụ lấy vợ cụ có thấy hạnh phúc với một gia đình của cụ. Rồi khi cụ có được người con trai đầu lòng cụ có hạnh

phúc không? Rồi bây giờ khi cụ ngồi đây nói chuyện với cháu và không còn lo nghĩ về miếng ăn miếng ngủ nữa cụ có hạnh phúc không?

Sự thật là "không có con đường nào dẫn đến hạnh phúc, hạnh phúc là con đường"

Hãy trân trọng từng giây từng phút bạn đang có, trân trọng những gì bên cạnh bạn, những gì bạn thấy trên con đường đó.

Đừng bao giờ đợi đến khi bạn được sinh ra một lần nữa mới hiểu được rằng chẳng có bao giờ bạn hạnh phúc như lúc này.

"Hạnh phúc là một quá trình", không phải là điểm cuối cùng cũng chẳng phải là nơi cuộc đời mình dừng lại. Đừng bao giờ tìm kiếm những gì quá xa vời, đừng bao giờ xem hạnh phúc quá xa tầm tai, vì hạnh phúc không ở tương lai cũng chẳng phải là thứ gì quá mờ ảo hạnh phúc chính là đây là hiện tại là "con đường" chúng ta đang đi.

(songdep.net)

Phần II – Câu 1:

Cuộc sống là những va đập

Hãy nghe một viên sỏi kể về nguồn gốc của mình: "Tôi vốn là một tảng đá khổng lồ trên núi cao, trải qua bao năm tháng dài đăng đẳng bị mặt trời nung đốt, người tôi đầy vết nứt. Tôi vỡ ra và lăn xuống núi, mưa bão và nước lũ cuốn tôi vào sông suối.

Do liên tục bị va đập, lăn lộn, tôi bị thương đầy mình. Nhưng rồi chính những dòng nước lại làm lành những vết thương của tôi. Và tôi trở thành một hòn sỏi láng mịn như bây giờ".

Bạn nghĩ gì khi nghe câu chuyện trên? Cảm thấy lý thú với chuyến đi của hòn sỏi hay xúc động trước ánh mắt lạc quan của nó đối với cuộc đời đầy biến động? Đã bao giờ bạn thấy được rằng chính những chông gai mới tạo nên những hình hài đẹp và ấn tượng, dù là hình hài được tạo bởi chính những vết thương và sự đớn đau?

Có thể là bạn, có thể là tôi, cuộc sống chẳng bao giờ chỉ mang đến nỗi đau, cũng chẳng bao giờ chỉ mang đến niềm hạnh phúc. Vượt qua được gian khổ, vượt qua những cuộc thử thách, vượt qua được những nỗi đau là bạn đã tự làm hoàn thiện chân dung mình.

Cuộc sống là vô vàn những điều biến động. Vì vậy, cho dù trong khó khăn hay trong hạnh phúc, cũng mong bạn luôn nhớ cuộc hành trình của hòn sỏi để sống tự tin hơn, để mang những yêu thương xoa dịu và làm lành những vết thương. Sự va đập của cuộc sống chẳng có gì đáng sợ đâu bạn ạ!

(songdep.xitrum.net/nghethuatsong/292html)

ĐỀ SỐ 30 **BỘ ĐỀ THI THPT QUỐC GIA CHUẨN CẤU TRÚC BỘ GD&ĐT**

(Đề thi gồm 01 trang) **Môn thi: NGỮ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Phó thủ tướng Vũ Đức Đam: "Cách mạng công nghệ 4.0 là thời cơ và chúng ta phải nắm lấy nó

Cuộc cách mạng công nghệ (CMCN) 4.0 là một thời cơ nhưng để không bỏ lỡ, các trí thức, nhà khoa học trong nước cần có khát vọng, lòng tin và hãy là người trong cuộc.

Đây là những chia sẻ của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam khi tham dự chương trình kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt nam 2018 được tổ chức vào chiều 19/8. Chương trình do Bộ KH&ĐT chủ trì tổ chức, đã quy tụ được hơn 100 trí thức và chuyên gia người Việt Nam đang sống và làm việc tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Cảm động và vui mừng trước sự góp mặt của hơn 100 trí thức trẻ trong sự kiện kết nối mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam 2018, Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cho biết: "Đất nước chúng ta đã đi một quãng đường dài với những thành tựu vô cùng to lớn. Nói như vậy để chúng ta có thêm niềm tin là chúng ta có thể làm được. Đất nước này không thể mãi nghèo. Muốn phát triển thì chỉ có người Việt Nam nhận trách nhiệm đầu tiên. Không ai có thể bảo vệ và xây dựng nước, ngoài người Việt Nam. Chúng ta trân trọng sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế nhưng sứ mệnh đó là của chính chúng ta. Phải truyền cho nhau khát vọng xây dựng đất nước giàu mạnh".

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cho rằng: "Cuộc CMCN 4.0 là một thời cơ và chúng ta phải nắm lấy nó. Chúng ta đang nhắc nhiều đến công nghệ về cuộc CMCN 4.0 về những ngành khoa học đang thịnh vượng như AI, BigData. Nhưng quan trọng nhất, theo tôi chúng ta phải nắm lấy tay nhau để truyền khát vọng đất nước này vươn lên, để củng cố niềm tin, cho nhau động lực không chỉ lúc thành công mà cả khi thất bại và kiên trì đi đến cuối con đường. Để một ngày nào đó chung ta có thể tự hào đã không bỏ lỡ cơ hội".

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam cũng không quên nhắn nhủ tới các nhà khoa học trong và ngoài nước: "Điều quan trọng nhất là hãy coi mình là người trong cuộc. Các nhà khoa học trong nước cần có khát vọng, lòng tin và hãy là người trong cuộc"...

Trong giai đoạn tiếp theo, đội ngũ tri thức hùng hậu, mạnh mẽ trong nước cần đẩy mạnh kết nối chặt chẽ, hiệu quả với các chuyên gia, nhà khoa học, trí thức Việt Nam đang ở nước ngoài tạo thành nguồn lực dồi dào, sức mạnh dân tộc to lớn để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(theo https://ictnews.vn/cntt/pho-thu-tuong-vu-duc-dam-cmcn-4-0-la-thoi-co-va-chung-ta-phai-nam-lay-no-171361.ict)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2: Theo Thủ tướng, mỗi con người Việt Nam cần phải nhận thức được những điều gì trong thời đại công nghệ 4.0?

Câu 3: Nêu những hiểu biết cơ bản của anh/chị về công nghệ 4.0?

Câu 4: Tại sao phó thủ tướng Vũ Đức Đam lại nhắn gửi các nhà khoa học trong nước là*: "Điều quan trọng*

nhất là hãy coi mình là người trong cuộc"?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Anh chị hiểu thông điệp: *động lực không chỉ lúc thành công mà cả khi thất bại* là như thế nào? (Hãy trình bày trong một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5,0 điểm):

Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gẫy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thế quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la não bạt. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn độc hiểm nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò. Mặt sông trong tích tắc lòa sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng, đánh đòn tỉa, đánh đòn âm vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hỗn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy gọn ngắn tỉnh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đổi luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cưỡi lên thác sông Đà, phải cưỡi đến cùng như là cưỡi hổ. Dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghì cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trấn lấy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác.

(Người lái đò Sông Đà – Nguyễn Tuân – SGK Ngữ văn 12 tập Một, tr188-189)

Phân tích hình tượng người lái đò Sông Đà trong đoạn văn trên để làm sáng tỏ ý kiến: "*Ngòi bút Nguyễn Tuân tả một cuộc chiến vượt thác sông Đà vẫn diễn ra thường nhật thành một trận đánh biến ảo, hấp dẫn, một khúc hát ca ngợi chiến công của một bậc anh hùng".* (Đỗ Kim Hồi – Giảng văn văn học Việt Nam – NXB Giáo dục, 2001). Từ đó anh (chị) hãy nhận xét về sự thay đổi trong thế giới nhân vật của nhà văn Nguyễn Tuân từ tác phẩm *"Chữ người tử tù"* đến tác phẩm *"Người lái đò Sông Đà"*.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phong cách ngôn ngữ chính được sử dụng trong văn báo trên: Phong cách ngôn ngữ báo chí/ báo chí.

Câu 2 (0,5 điểm):

Theo thủ tướng điều mà mỗi con người Việt Nam cần phải nhận thức trong thời đại công nghệ 4.0 là:

- Thời đại công nghệ 4.0 là một thời cơ và chúng ta phải nắm lấy nó.
- Để nắm được thời cơ, mỗi con người Việt Nam cần:

+ Có tinh thần đoàn kết "nắm lấy tay nhau để truyền khát vọng";

+ Có lòng tin vào sự thành công để xây dựng quyết tâm thực hiện;

+ Nhận trách nhiệm chính "Coi mình là người trong cuộc".

Câu 3 (1,0 điểm):

Những hiểu biết cơ bản về công nghệ 4.0:

- Công nghệ 4.0 được hiểu là một môi trường máy tính hóa, tự động hóa. Robot, hay máy móc nói chung sẽ được kết nối vào những hệ thống máy tính. Các hệ thống này sử dụng thuật toán machine learning để học hỏi và điều khiển máy móc, cần rất ít hoặc thậm chí là không cần sự can thiệp nào từ con người cả. Đây là lý do mà nhiều người gọi Industry 4.0 như là một "nhà máy thông minh".
- Ưu điểm:

+ Công nghệ tiên tiến, hiện đại đáp ứng nhu cầu cao của đời sống xã hội: giá thành rẻ, sản phẩm đảm bảo, môi trường sống được kiểm soát.

+ Hiệu quả lao động, năng suất lao động tăng: giảm lao động chân tay, hưởng lương cao hơn nhờ nâng cao trình độ (chất xám);

+ Có thời gian nhàn rỗi: hưởng thụ cuộc sống, hưởng thụ những thành quả lao động của bản thân, chất lượng đời sống tăng.

- Nhược điểm:

+ Mất bình đẳng, phá vỡ thị trường lao động, dôi dư lao động chân tay (thất nghiệp). Gây những bất ổn về chính trị ở một số quốc gia nếu không có những giải pháp ổn định kinh tế.

+ Nhiều quốc gia nếu không bắt kịp với tốc độ phát triển sẽ bị tụt hậu rất nhanh, dẫn đến sự phân cách giàu – nghèo càng gia tăng.

Câu 4 (1,0 điểm):

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam nhắn gửi các nhà khoa học trong nước là: *"Điều quan trọng nhất là hãy coi mình là người trong cuộc" có ý nghĩa :*

- Khẳng định tính đúng đắn trong lời kêu gọi của phó thủ tướng Vũ Đức Đam – nhà lãnh đạo có tâm, có tầm.
- Giải thích:

+ Cách mạng công nghệ 4.0 mang lại nhiều lợi ích, tuy nhiên nó không tự đến và tự diễn ra mà cần có sự vào cuộc của con người trong quốc gia đó (đặc biệt là các nhà khoa học để đi đầu nắm bắt công nghệ);

+ Đòi hỏi các nhà khoa học phải là *"Người trong cuộc":* hiểu nội tình, tích cực trong việc tiếp thu công nghệ, có trách nhiệm đối với yêu cầu thời cuộc.

+ Tránh hiện tượng thờ ơ vô cảm, ích kỷ; hoặc hiện tượng chảy máu chất xám.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành, tổng – phân – hợp…

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Vấn đề quan điểm và cách sống thực tế để đạt đến thành công

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

CHÚ Ý

Hướng triển khai: Yêu cầu của câu hỏi là đề cao tính thực tế, chính vì vậy trong quá trình làm bài từ lý luận đến cách nêu dẫn chứng đều phải rất cụ thể, nên lấy dẫn chứng từ chính bản thân.

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về cái nhìn và cách sống thực tế để có được thành công. Có thể theo hướng sau:

Thông điệp: *động lực không chỉ lúc thành công mà cả khi thất bại* có nghĩa là:

- Động lực: là sự thôi thúc, tiếp thêm niềm tin, ý chí nghị lực để con người có thể hoàn thành công việc đạt kết quả tốt.

- Động lực lúc thành công: tiến hành công việc suôn sẻ giúp con người có thêm niềm vui, sự hào hứng để tiếp tục phấn đấu trong cuộc sống.

- Động lực khi thất bại:

+ Thất bại giúp con người trở nên mạnh mẽ hơn, kiên cường hơn và rút ra những bài học quý;

+ Rèn luyện cho con người tinh thần sẵn sàng học hỏi từ thất bại và khả năng vượt khó, vượt lên chính mình.

+ Đôi khi sự thất bại sẽ báo hiệu cho chúng ta những cách làm mới, hướng đi mới hiệu quả hơn, thành công hơn. Mỗi khó khăn chính là một cơ hội tiềm ẩn.

+ Chấp nhận thực tế cuộc sống để có lòng tin vào tương lai.

(Trong quá trình bàn luận, học sinh lấy dẫn chứng chứng minh)

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Phân tích hình tượng người lái đò Sông Đà qua một đoạn trích để làm sáng tỏ cho một ý kiến, trên cơ sở đó để nhận xét về sự thay đổi trong thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

CHÚ Ý

Hướng triển khai:

- Phân tích đoạn văn làm nổi bật tài năng, trí dũng, lòng quả cảm của người lái đò;
- Nhận xét về sự thay đổi trong thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng tháng tám;

+ Trước cách mạng: khao khát tìm kiếm cái đẹp của một thời vang bóng (ông nghè, ông cử, bậc nho sĩ tài danh…)

+ Sau cách mạng: tìm kiếm cái đẹp trong chính cuộc đời thực với những con người bình thường, giản dị (ông lái đò, chị bán hàng cốm…)

Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách thức khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

Một số gợi ý:

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, đoạn trích, vấn đề nghị luận và trích dẫn ý kiến (0,5 điểm):

b. Giải thích ý kiến (0,25 điểm)

- Giải thích: "thường nhật" chỉ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, "biến ảo" chỉ sự kỳ ảo, lý thú, "khúc hát" có ý nghĩa ẩn dụ, chỉ âm hưởng của một khúc hùng ca trong thiên tùy bút.

- Ý kiến đã khẳng định sự tài hoa trong ngòi bút Nguyễn Tuân khi miêu tả cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người lái đò thành một trận thủy chiến kỳ ảo, lý thú và đưa thiên tùy bút thành một khúc hùng ca để ngợi ca người anh hùng sông nước.

c. Phân tích nhân vật người lái đò Sông Đà trong đoạn trích để minh chứng cho ý kiến trên (2,0 điểm):

*Sự tài hoa của ngòi bút Nguyễn Tuân khi đưa cuộc sống sinh hoạt đời thường thành một trận thủy chiến kinh thiên động địa:

- Đoạn văn đã dựng lại cảnh vượt thác của người lái đò trên dòng Sông Đà hung bạo.

- Cuộc vượt thác vốn là công việc mưu sinh hàng ngày của người lái đò. Ông đã qua lại trên sông Đà hàng trăm chuyến như thế. Ông cũng chỉ là một người lao động bình thường và vô danh.

- Tuy nhiên ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân đã khắc họa cuộc vượt thác như một cuộc chiến phi thường thể hiện sức mạnh và ý chí của con người trong cuộc đấu tranh với lực lượng tự nhiên để sinh tồn (tái hiện cảnh).

+ Tác giả đã miêu tả ông lái đò trong tư thế tương phản với lực lượng tự nhiên: người lái đò là một dũng tướng, sông Đà hung dữ, hùng hậu, mang diện mạo và tâm địa của thứ kẻ thù số một đối với con người (liên hệ phần trước đoạn trích).

+ Không khí trận mạc ngay từ câu văn mở đầu cảnh vượt thác. Cuộc vượt thác được chia thành ba trùng vi thạch trận, li kỳ, sống động.

Trùng vi thạch trận thứ nhất diễn ra cảnh hỗn chiến ác liệt, sông Đà chủ động, hung dữ mang sức mạnh thần thánh (mặt *nước hò la vang dậy, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo, sóng nước như thủy quân liều mạng xông vào mà "đá trái" mà "thúc gối vào bụng và hông thuyền… Có lúc chúng đội cả thuyền lên"...)* nhưng người lái đò vẫn bình tĩnh, tỉnh táo đưa con thuyền thoát khỏi nguy hiểm. → chiến thắng của sự ngoan cường, lòng dũng cảm, ý chí quyết tâm vượt những thử thách khốc liệt của cuộc sống.

Sang trùng vi thạch trận thứ hai, nhờ kinh nghiệm già dặn, ông đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần

đá, nắm vững quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước nguy hiểm này (*nắm chặt được cái bờm sóng đúng luồng rồi, phóng nhanh vào cửa sinh mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy…)* và đã thắng bọn đá tướng thất bại thảm hại. Trùng vi thứ ba, sông Đà bố trí thêm nhiều cửa tử ở cả hai bên, ông lái đò mưu trí, tay lái điêu luyện đưa thuyền *"vút qua cổng đá cánh mở cánh khép"*... → chiến thắng của tài trí con người, của sự hiểu biết kinh nghiệm.

*Sự tài hoa của ngòi bút Nguyễn Tuân khi biến đoạn văn thành một khúc ca có âm hưởng hào hùng ca ngợi chiến công của người anh hùng.

- Ông lái đò đã trở thành một nghệ sĩ tài hoa trong nghệ thuật vượt thác ghềnh. Mỗi động tác của ông lái đò như một đường cọ trên bức tranh thiên nhiên sông nước. Những chi tiết như *con thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượm được*... đã cho thấy tay lái ra hoa của người lái đò sông Đà.

- Đoạn văn huy động sức mạnh của quan sát, tưởng tượng, liên tưởng, các phép nhân hóa, so sánh, tương phản; vận dụng linh hoạt, ngôn ngữ phong phú, giàu tính tạo hình, vận dụng kiến thức nhiều ngành nghệ thuật, đặc biệt là quân sự, võ thuật, qua đó tác giả tạo nên một cảnh chiến trận giàu kịch tính, tạo cảm giác sống động, mãnh liệt. Sông Đà hùng hậu, hung bạo, lắm mưu nhiều kế, ông đò trí dũng giữa muôn trùng sóng nước nhưng có trí lực, tài nghệ phi thường. Mật độ động từ dày đặc diễn tả nhiều hành động liên tiếp dồn tập, mạnh mẽ khiến người đọc như nghẹt thở để rồi thở phào nhẹ nhõm khi cảnh vượt thác kết thúc. Cảnh vượt thác có thể xem là đoạn hay nhất trong bản ca ngợi trí dũng tuyệt vời của con người lao động.

- Vẻ đẹp của người lái đò Sông Đà là vẻ đẹp của người anh hùng lao động trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới của đất nước – đó là khối vàng mười quý báu. Vẻ đẹp đó có ý nghĩa tiêu biểu cho phẩm chất và tài năng của con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

d. Nhận xét về sự thay đổi trong thế giới nhân vật của Nguyễn Tuân từ "Chữ người tử tù" đến "Người lái đò Sông Đà" 0,75 điểm):

- Hình tượng nhân vật Huấn Cao, quản ngục và ông lái đò đều là những con người tài hoa nghệ sĩ hoặc có tâm hồn nghệ sĩ.

- Điểm khác biệt: những nhân vật trong tác phẩm "Chữ người tử tù" là những con người thuộc tầng lớp trí thức, là những nhà nho mang đầy hoài niệm về những vẻ đẹp xưa và mang mâu thuẫn sâu sắc với xã hội đương thời. Ông lái đò trong tác phẩm "Ông lái đò Sông Đà" thuộc tầng lớp những người lao động bình dị, con người của thực tại đang đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới.

- Sự thay đổi này có ý nghĩa: Hiện thực cuộc sống thay đổi đem đến cho nhà văn cái nhìn mới, nguồn cảm hứng mới, đặc biệt là dưới đường lối lãnh đạo của Đảng, xác định nhiệm vụ của người cầm bút trong giai đọa mới. Đồng thời, thể hiện tình yêu với quê hương đất nước, niềm lạc quan tin tưởng vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới hòa vào niềm đam mê sáng tạo nghệ thuật.

4. Chỉnh tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019

CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 31

Môn thi: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Với mỗi người dân Việt Nam, Vua Hùng là vị Tổ đã có công dựng nên quốc gia Văn Lang – Nhà nước sơ khai của dân tộc Việt Nam. Vua Hùng chính là nguồn gốc tổ tiên chung của cả dân tộc Việt Nam. Chính vì vậy, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có một vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh và tình cảm của các thế hệ người dân Việt Nam, vừa thiêng liêng, vừa cụ thể, vừa là điểm tựa tinh thần, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc cùng nhau dựng nước và giữ nước mà Bác Hồ đã khái quát thành chân lí của dân tộc và của thời đại: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Chính vì vậy, đã thành truyền thống, vào những ngày đất trời đón tiết Xuân ấm áp, dù là hòa bình hay thời chiến, dù đất nước thịnh vượng hay khó khăn thì trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng – Vua Hùng vẫn giang rộng vòng tay đón hàng triệu cháu con từ khắp mọi miền đất nước và trên khắp năm châu bốn biển về đất Tổ thắp nén tâm nhang tri ân công đức Quốc Tổ Hùng Vương. Trên núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng, trong sắc trời xanh cao lồng lộng của ngày Giỗ Tổ hàng năm ta như thấy có ánh hào quang rực rỡ cuốn theo trên những sải cánh chim Lạc.

(Hà Thanh, *Tín ngưỡng thờ củng Hùng Vương, bản sắc văn hỏa của người Việt,*
Tạp chí Khoa học và công nghệ, số 39, tháng 3/2015)

Câu 1: Đoạn trích trên đề cập đến vấn đề gì?

Câu 2: Nêu những hiểu biết khái quát của bản thân về thời đại Hùng Vương?

Câu 3: Hai đoạn văn đều lặp lại một từ ngữ rất có giá trị trong nghệ thuật lập luận. Đó là từ ngữ nào? Tác dụng của từ ngữ đó là gì?

Câu 4: Anh chị hãy nêu ngắn gọn ý nghĩa của hoạt động thờ cúng tổ tiên?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc biến tướng trong tổ chức lễ hội ở một số vùng miền trên đất nước ta hiện nay?

Câu 2 (5,0 điểm): Cùng tái hiện vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận mỗi nhà thơ lại có cách khám phá thể hiện riêng. Trong bài *Tây Tiến,* Quang Dũng viết:

"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá, dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm".

Trong bài *Việt Bắc,* Tố Hữu viết:

"Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng... ”

(trích *“Tây Tiến*” – Quang Dũng, *“Việt Bắc ”* – Tố Hữu, Sgk Ngữ văn 12, tập 1, Nxb Giáo dục 2008, trang 120).

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Vấn đề được đề cập đến trong đoạn trích là tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là một nét đẹp thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc ta hằng năm.

Câu 2 (1,0 điểm):

Những nét khái quát nhất về thời đại Hùng Vương

- Thời đại Hùng Vương là thời đại mở đầu dựng nước, xây dựng lên nền móng của đất nước Việt Nam ngày nay. Nhìn nhận về thời đại Hùng Vương trong lịch sử dân tộc, sách lịch sử Việt Nam của nhà xuất bản Khoa học Xã hội xuất bản năm 1971 có viết: "Thời kỳ Văn Lang, thời kỳ Hùng Vương là một giai đoạn trọng yếu của lịch sử Việt Nam. Chính trong thời kỳ này đã xây dựng nền tảng dân tộc Việt Nam, nền tảng văn hóa Việt Nam và truyền thống tinh thần Việt Nam";

- Thời đại Hùng Vương là bước tiếp nối của thời kỳ thị tộc bộ lạc sang thời kỳ có sự phân hóa giai cấp và xuất hiện nhà nước đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Theo ngọc phả Hùng Vương còn lưu truyền đến ngày nay thì 18 đời Hùng Vương kéo dài trên 2000 năm;

- Thời đại Hùng Vương có một ý nghĩa quan trọng trong lịch sử. Đây là thời đại hình thành nên những giá trị về văn hóa để rồi trở thành những hằng số trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Những thành tựu nghiên cứu về thời đại Hùng Vương đã góp phần chứng minh một sự thật lịch sử rằng mọi người dân sinh sống trên mảnh đất Việt Nam đều có chung một nguồn cội, rằng chúng ta đều là dòng giống con Lạc cháu Hồng và dòng máu Lạc Hồng luôn chảy trong huyết quản của mỗi người dân đất Việt. Đó là cũng là yếu tố quan trọng hàng đầu giúp gắn kết toàn dân tộc thành một khối thống nhất, đưa đất nước vượt qua muôn vàn thử thách để phát triển ngày một mạnh giàu.

Câu 3 (0,5 điểm):

- Hai đoạn văn trên đều lặp lại từ *"chính vì vậy"*. Cụ thể như sau:

*"**Chính vì vậy,** tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương có một vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh và tình cảm của các thế hệ người dân Việt Nam"* và *"**Chính vì vậy,** đã thành truyền thống, vào những ngày đất trời đón tiết Xuân ấm áp, dù là hòa bình hay thời chiến, dù đất nước thịnh vượng hay khó khăn thì trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh linh thiêng"*

- Tác dụng: Đây là cụm từ nối trong văn nghị luận, tác dụng của cụm từ này đối với việc lập luận là dùng để đưa ra kết luận, tổng kết. Việc lặp lại hai lần cụm từ khiến cho lập luận của đoạn văn trở nên chặt chẽ hơn, cấp độ khẳng định được tăng lên.

Câu 4 (1,0 điểm):

CHÚ Ý

Học sinh cần nắm 2 vấn đề chính:

- Thờ cúng tổ tiên là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc – đạo lý uống nước nhớ nguồn
- Hiện tượng cuồng tín dẫn đến mù quáng, trở thành hệ lụy trong cuộc sống.

Học sinh có thể đưa ra ý nghĩa của đoạn thơ theo quan điểm của bản thân, đảm bảo tính hợp lí, thuyết phục. Gợi ý:

Ý nghĩa của hoạt động thờ cúng tổ tiên.

- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là một biểu hiện của văn hóa, sản phẩm của văn hóa. Là một dạng văn hóa tinh thần đặc biệt mà qua thời gian đã trở thành một tập tục truyền thống mang tính phổ quát của người Việt Nam.

- Nhắc nhở mọi người phải biết kính trọng phụng dưỡng bố mẹ lúc sinh thời cũng như khi mất thì lo thờ phụng – một việc làm thanh cao, tinh khiết của văn hóa truyền thống. Song không nên quá nặng nề, biến việc thờ cúng tổ tiên mang màu sắc mê tín dị đoan ảnh hưởng đến đời sống kinh tế tinh thần.

- Thờ cúng tổ tiên là một hình thái đặc biệt của phép ứng xử, không đơn thuần chỉ là cách ứng xử giữa người với người mà là giữa con người với những giá trị vĩnh hằng. Điều đó giữ một vị trí rất quan trọng trong đời sống con người, nó có ý nghĩa thiêng liêng, điểm tựa tinh thần, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết gia đĩnh và dân tộc.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Hiện tượng biến tướng trong tổ chức lễ hội ở một số vùng miền trên đất nước ta hiện nay.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần thể hiện được nhận thức của bản thân về hiện trạng tổ chức lễ hội ở một số vùng miền hiện nay. Có thể theo hướng sau:

**** Thực trạng của việc tổ chức lễ hội:***

- Tổ chức tràn lan, thiếu chặt chẽ, thiếu nghiêm túc:

+ Các hiện tượng mang tính phản cảm trong lễ hội, điển hình là hiện tượng chen lấn, xô đẩy, lén lút đổi tiền lẻ, đốt vàng mã, đặt tiền lễ, tiền giọt dầu không đúng quy định; hiện tượng ăn mặc phản cảm trong lễ hội gây bức xúc trong dư luận xã hội.

+ Ảnh hưởng tiêu cực của đời sống kinh tế thị trường dẫn đến các lễ hội được tổ chức không chỉ đơn thuần mang màu sắc tâm linh, nhu cầu *"thương mại hóa"* làm biến tướng, mất đi giá trị văn hóa. Nhiều địa phương núp đằng sau danh từ lễ hội, nghi lễ truyền thống biến các lễ hội thành công cụ vừa để đạt được mục đích kinh tế vừa mở rộng tầm ảnh hưởng của địa phương.

- Văn hóa nhận thức, văn hóa ứng xử của người dự lễ hội xuống cấp kéo theo nhiều hệ lụy: người dự hội cuồng tín một cách mù quáng, người tổ chức lợi dụng niềm tin để thu lợi. Những nét văn hóa truyền thống từ phát lộc đầu Xuân, khai ấn hướng đến những mong muốn tươi đẹp bỗng bị đẩy lên thành nghi lễ chính, đẩy cơn khát tín ngưỡng thành cao trào mà chưa có biện pháp giải quyết.

**** Giải pháp:***

- Nâng cao nhận thức và vốn văn hóa cho người Việt;

- Xử lý nghiêm minh trước những hành vi tổ chức lễ hội biến tướng ở một số vùng miền, địa phương;

- Cấp phép tổ chức lễ hội cho các địa phương, nghiêm cấm việc tổ chức tràn lan theo phong trào.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Những khám phá riêng độc đáo trong việc khắc họa vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

CHÚ Ý

Hướng triển khai:

- Đi từ cái riêng, đặc sắc được thể hiện trong mỗi khổ thơ/bài thơ nhưng luôn đặt trong thế tương quan để vừa làm nổi bật cái riêng và nét chung trong đề tài. Từ đó khẳng định chất tài hoa, nghệ sĩ trong phong cách tác giả:

+ Hình ảnh người lính trong bài thơ Tây Tiến: Cuộc sống người lính trong buổi đáu kháng chiến chống Pháp với nhiều khó khăn gian khổ. Hình tượng được khắc họa theo bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn tạo nên chất bi hùng, ngạo nghễ;

+ Hình ảnh người lính trong bài thơ Việt Bắc được miêu tả trong khúc khải hoàn ca – chiến thắng. Hình tượng được khắc họa thiên về xu hướng ngợi ca, biểu dương nên hình ảnh thơ bay bổng, tự hào, mang tâm vóc lớn lao, kì vĩ của "Bốn mươi thế kỉ cùng ra trận".

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- Việt Bắc – Tố Hữu

+ Tồ Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam. Mỗi thời kì lịch sử, Tố Hữu lại để lại dấu ấn riêng mang đậm hồn thơ trữ tình chính trị, như: *Từ Ấy, Việt Bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa*...Trong đó, *Việt Bắc* là đỉnh cao của thơ Tố Hữu nói riêng và thơ ca chống Pháp nói chung. Cảm xúc bao trùm bài thơ là hoài niệm về một địa danh lịch sử biết bao gắn bó nghĩa tình. Trong hoài niệm ấy, sâu đậm nhất là nỗi nhớ cảnh, nhớ người, nhớ về những năm tháng gian nan mà hào hùng.

+ Việt Bắc là địa danh cách mạng gắn liền với cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc Việt Nam (1945 – 1954). Địa danh được thành lập vào năm 1946 do yêu cầu của kháng chiến, Đảng và Bác Hồ phải rời Thủ đô Hà Nội để hoạt động và củng cố lực lượng ở khu vực rừng núi phía Đông Bắc, gồm: Cao – Bắc – Lạng – Thái – Hà – Tuyên. Từ đó trở đi, Việt Bắc được coi là thủ đô cách mạng và trong thơ ca nó được gọi là "thủ đô gió ngàn".

++ Tháng 7/1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, cuộc kháng chiến chống Pháp của chúng ta đã thành công, thắng lợi, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng. Đây là cơ sở quan trọng để Đảng và cách mạng xây

dựng chủ nghĩa xã hội, để củng cố và phát triển đất nước.

++ Tháng 10/ 1954, Đảng và Chính phủ đã dời chiến khu Việt Bắc để về tiếp quản Thủ đô Hà Nội. Từ sự kiện lịch sử trọng đại này, Tố Hữu đã viết lên bài thơ Việt Bắc để ca ngợi tình cảm gắn bó quân dân sâu nặng giữa nhân dân và cách mạng.

- Tây Tiến – Quang Dũng:

+ Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài, ngoài viết văn, làm thơ, ông còn vẽ tranh, soạn nhạc. Và ở bất kì một lĩnh vự nào, Quang Dũng cũng để lại những dấu ấn đặc sắc cho nền nghệ thuật của chúng ta. Riêng ở lĩnh vực thơ ca, ông không chỉ là thi sĩ mà còn là thi nhân, sống hết mình cho thơ bằng cách tài hoa, lãng mạn. Những vần thơ của Quang Dũng có sức gợi rất sâu sắc với người đọc, nhất là thơ tình.

+ *Tây Tiến* được sáng tác năm 1948, in trong tập *Mây đầu ô* (1986), là tác phẩm tiêu biểu cho đời thơ của Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ. Tây Tiến là tên của một đơn vị bộ đội thành lập năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào để bảo yệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao sinh lực địch. Địa bàn hoạt động của người lính Tây Tiến rất rộng, đó là núi rừng Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng rất thơ mộng, trữ tình. Chiến sĩ Tây Tiến ra đi năm ấy phần đông là thanh niên Hà Nội, là những học sinh, sinh viên trí thức như Quang Dũng. Họ chiến đấu trong hoàn cảnh khắc nghiệt, điều kiện sinh hoạt thiếu thốn nhưng họ vẫn lạc quan, thể hiện được vẻ đẹp hào hùng, hào hoa của tuổi trẻ. Cuối năm 1948, Quang Dũng chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị mang theo nỗi nhớ tha thiết, một ngày ở Phù Lưu Chanh, nhớ về đơn vị cũ của mình, tâm hồn Quang Dũng đã rung lên và cứ thế nỗi nhớ về thiên nhiên và con người cứ trào ra và kết tinh lại thành Tây Tiến. Thi phẩm bộc lộ nỗi nhớ sâu sắc của nhân vật trữ tình đối với miền Tây Bắc và đoàn binh Tây Tiến, thông qua đó khắc họa chân dung người lính Tây Tiến bi tráng và hào hoa.

b. Có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau:

- *Phân tích đoạn thơ: "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc....Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"*

+ Hai câu thơ đầu, Quang Dũng khắc họa vẻ đẹp bi tráng của người lính:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

++ "Bi" là đau thương, "Tráng" là hùng tráng, hào hùng. Bi tráng có nghĩa là trong gian khổ, đau thương vẫn hào hùng, lẫm liệt. Đầu tiên đó là cái bi thương gợi lên từ ngoại hình ốm yếu, tiều tụy, đầu trọc, da dẻ xanh như màu lá. Đoàn quân trông thật khác lạ: "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc".

++ Trong thủ pháp tả thực, tác giả dũng cảm đối diện với thực tại của chiến tranh. Đó là con đường hành quân gian khổ, là những căn bệnh sốt rét rừng vì các anh sống ở nơi rừng sâu, nước độc làm cho người chiến binh Tây Tiến ốm yếu, bệnh tật, làm các anh xanh da, rụng tóc. Bằng cái nhìn lãng mạn, sự tếu táo của lính tráng thì điểm yếu của họ trở thành nét đẹp riêng mang thương hiệu của người chiến binh Tây Tiến, đó là đoàn quân "Vệ trọc".

++ Bằng thủ pháp nghệ thuật đảo ngữ, Quang Dũng đã nhấn mạnh riêng vào vẻ đẹp riêng của những người chiến binh. Đoàn binh Tây Tiến là những người không mọc tóc, là quân xanh màu lá. Cũng là hình ảnh người chiến binh bi bệnh tật làm rụng tóc, xanh da nhưng thông qua cách miêu tả của tác giả thì điều đó lại không trở nên đáng sợ bởi họ ở tư thế chủ động là không mọc tóc, xanh da để "dữ oai hùm".

++ Những cơn sốt rét rừng, những gian khổ mà người chiến binh phải vượt qua không chỉ xuất hiện trong thơ Quang Dũng mà còn để lại dấu ấn đau thương trong thơ ca kháng chiến chống Pháp nói chung:

Tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán đẫm mồ hôi.

(*Đồng chí* - Chính Hữu)

Hay

Cuộc đời gió bụi pha xương máu
Đói rét bao lần xẻ thịt da
Khuôn mặt đã lên màu bệnh tật
Đâu còn tươi nữa những ngày hoa!
Lòng tôi xao xuyến tình thương xót
Muốn viết bài thơ thấm lệ nhòa
Tặng những anh tôi từng rỏ máu
Đem thân xơ xác giữ sơn hà.

(*Lên Cấm Sơn* – Thôi Hữu)

++ Bên cạnh cái bi ta còn thấy cái hào hùng: thủ pháp nghệ thuật đối lập giữa ngoại hình ốm yếu và tâm hồn bên trong đã làm nên khí chất mạnh mẽ của người lính. "Không mọc tóc" là cách nói ngang tàng rất lính, hóm hỉnh vui đùa với khó khăn gian khổ của người lính. Mặt khác cái hào hùng còn hiện lên qua cách dùng từ Hán Việt "đoàn binh". Chữ "đoàn binh" chứ không phải là đoàn quân đã gợi lên được sự mạnh mẽ, hùng dũng lạ thường, trong đó có dáng dấp của "Quân đi điệp điệp trùng trùng" trong thơ Tố Hữu, của "Tam quân tì hổ khí thôn ngưu" (Sức mạnh ba quân nuốt trôi trâu) trong thơ Phạm Ngũ Lão. Ba từ "dữ oai hùm" gợi lên dáng vẻ oai phong lẫm liệt, oai của chúa sơn lâm. Qua đó, ta thấy người lính Tây Tiến vẫn mạnh mẽ làm chủ tình hình, làm chủ núi rừng, chế ngự mọi khắc nghiệt xung quanh, đạp bằng mọi khó khăn gian khổ.

+ Hai câu thơ tiếp theo là vẻ đẹp của tâm hồn của những chàng trai Hà Nội lãng mạn, hào hoa:

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.

++ "Mắt trừng" gợi nhiều liên tưởng: mắt trừng là mắt mở to nhìn thẳng về phía kẻ thù với chí khí mạnh mẽ, quyết liệt, thề sống chết với kẻ thù.

Nhưng đôi mắt trừng ấy còn "gửi mộng qua biên giới" là đôi mắt chan chứa tình, đôi mắt thao thức nhớ về quê hương Hà Nội, về một dáng kiều thơm trong mộng trong mơ. Với ý nghĩa đó ta thấy, người lính Tây Tiến không chỉ biết cầm súng cầm gươm theo tiếng gọi của non sông mà còn rất hào hoa, giữa bao nhiêu gian khổ, thiếu thốn trái tim họ vẫn rung động, nhớ nhung về vẻ đẹp của Hà Nội: đó có thể là phố cũ, trường xưa, những con đường mùa thu thơm lừng hoa sữa hay chính xác hơn là nhớ về một dáng kiều thơm, bóng dáng của những người bạn gái Hà Nội yêu kiều, diễm lệ. Có một thời người ta đã phiến diện hiểu rằng câu thơ này mang mộng tiểu tư sản quá nhiều làm giảm đi chất chiến đấu. Nhưng thời gian đã chứng minh rằng đó là một vẻ đẹp của tấm lòng luôn hướng về Tổ quốc, hướng về Thủ đô. Người lính dẫu ở nơi biên cương hay viễn xứ xa xôi nhưng lòng lúc nào cũng hướng về Hà Nội, về quê hương.

++ Thơ ca kháng chiến chống pháp cũng đã khắc họa bao gương mặt nỗi nhớ như thế. Đó là nỗi nhớ ruộng đồng *"Ba năm rồi gửi lại mái lều tranh/ Luống cày đất đỏ/ Tiếng mõ đêm trường/ Ít nhiều người vợ trẻ / Mòn chân trên cối gạo canh khuya"* (Hồng Nguyên). Đó là nỗi nhớ "giếng nước gốc đa nhớ người ra lính" (Chính Hữu). Mỗi gương mặt nỗi nhớ ấy là lính nông dân hay lính thành thị thì nỗi nhớ ấy cũng là nỗi nhớ của những tâm hồn luôn hướng về đất nước, Tổ quốc, quê hương.

- Phân tích đoạn thơ: "Những đường Việt Bắc của ta...Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan"

+ Bức tranh toàn cảnh về hình ảnh đoàn quân ra trận:

++ Đoạn thơ thể hiện không khí hào hùng trong cuộc kháng chiến của quân ta: Khung cảnh chiến đấu ở Việt Bắc với không gian núi rừng rộng lớn, với những hoạt động tấp nập, những hình ảnh, âm thanh sôi nổi, dồn dập làm náo nức lòng người. Ánh sáng cách mạng đã xua tan màn đêm, vẻ u ám, hiu hắt của núi rừng đồng thời khơi dậy sức sống mạnh mẽ của thiên nhiên và con người Việt Bắc. Đoạn thơ mang dáng vẻ của một khan sử thi hiện đại, tràn đầy âm hưởng anh hùng ca. Giọng điệu dìu dặt, du dương ở đoạn thơ trước đến đây đã chuyển thành giọng điệu dồn dập, rắn rỏi và phấn khích.

++ Hai từ "của ta" thể hiện quyền tự hào, tự chủ của đất nước và tự hào hơn nữa là những con đường kháng chiến, những con đường "Đêm đêm rầm rập như là đất rung". Trong câu thơ ta bắt gặp từ láy "đêm đêm". Từ láy ấy gợi không gian và thời gian, thời điểm hành quân của những người lính. Nó gợi tả cái khó khăn, gian khổ của đoàn quân. Thời gian kéo dài không chỉ còn là một đêm cụ thể mà có biết bao nhiêu đêm như thế, chính điều đó đã tô đậm những khó khăn, vất vả mà người lính gặp phải. Trong thơ ca kháng chiến, cũng có nhiều cuộc hành quân ban đêm như thế:

- Ta đi giữa ban ngày
Trên đường cái, ung dung ta bước
Đường ta rộng thênh thang tám thước
Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên
Đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên
Đường cách mạng, dài theo kháng chiến...

(Tố Hữu)

- Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu

(*Đất nước*, Nguyễn Đình Thi).

++ Trong đời sống hằng ngày, đêm xuống là lúc vạn vật chìm trong giấc ngủ, là thời điểm nghỉ ngơi của con người sau một ngày dài mệt nhọc. Thế nhưng trong chiến tranh, đêm đến là thời điểm chiến đấu, hành quân với khí thế âm vang "rầm rập" của những bước chân người lính. Nó diễn tả sức mạnh của đoàn quân, là sức mạnh của số đông và cũng là sức mạnh của tinh thần chiến đấu. Những bước chân chuyển động "như là đất rung" thể hiện tác động của con người tới thiên nhiên, dường như sức mạnh của con người làm thiên nhiên rung chuyển. Biện pháp cường điệu hóa được sử dụng đã nêu bật được sức mạnh của đoàn quân, sự quyết tâm của đoàn quân đạp bằng mọi chông gai, thử thách, tiêu diệt kẻ thù bảo vệ nền độc lập, tự do. Như vậy, qua không gian rộng lớn, thời gian đằng đẵng và khí thế hào hùng ở Việt Bắc, có thể thấy rõ cuộc kháng chiến chống Pháp là trường kì, là gian khổ nhưng dân tộc Việt Nam bằng tinh thần yêu nước, đấu tranh quật cường đã vững vàng, kiên định trong gian khổ, chung sức đồng lòng đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang.

Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu sủng bạn cùng mũ nan.

++ Đó là một hình ảnh vừa hào hùng, vừa lãng mạn. Từ láy "điệp điệp trùng trùng" khắc họa đoàn quân đông đảo, bước đi mạnh mẽ như những đợt sóng dâng trào, đợt này nối tiếp đợt kia tưởng chừng kéo dài vô

tận. Qua đó, ta thấy được sức mạnh và khí thế của quân ta trong kháng chiến chống Pháp.

++ Từ cái nhìn viễn cảnh, tác giả chuyển sang cái nhìn cận cảnh, từ những nét vẽ trải ra theo chiều rộng, có những nét vẽ theo chiều cao qua đó làm hiện lên vẻ đẹp bình dị của người chiến sĩ. Vẻ đẹp đó hiện ra qua hình ảnh chiếc mũ nan và hình ảnh cây súng. Đó là những hình ảnh quen thuộc. Tố Hữu đã tôn lên vẻ đẹp của những người lính khi nhìn và cảm nhận hình ảnh "Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan". Trong những đêm dài hành quân chiến đấu ấy, ở mỗi đầu súng của người lính ngời ngời "ánh sao".

++ Hình ảnh "ánh sao" vừa mang nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa biểu tượng:

+++ Hình ảnh tả thực: ánh sáng của những ngôi sao làm cho không gian sáng sủa hơn, làm cho hình ảnh những người lính hiện ra rõ ràng hơn, đẹp hơn, là hình ảnh của thiên nhiên hiền dịu. Thiên nhiên đó có sự giao hòa, hòa quyện với con người, vì thế mà thiên nhiên làm đẹp cho con người.

+++ Ý nghĩa tượng trưng: Đó là ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng cách mạng soi đường dẫn lối cho người chiến sĩ chiến đấu chống kẻ thù bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc. Với ý nghĩa đó khiến ta liên tưởng tới hình ảnh "đầu súng trăng treo" trong *Đồng chí* của Chính Hữu. Nhưng nếu ánh trăng trong *Đồng chí* là hình ảnh biểu tượng cho khát vọng hòa bình, cho vẻ đẹp yên ấm của quê hương thì ánh sao của bài thơ này là biểu tượng của lí tưởng, của niềm lạc quan chiến thắng trong tâm hồn người lính ra trận.

→ Bộ ba hình ảnh: "ánh sao", "đầu súng", "mũ nan" hợp thành một hình tượng khỏe khoắn, vững chãi về mặt tạo hình, phản ánh tính chất chính nghĩa của cuộc kháng chiến cũng như tinh thần lạc quan, tin tưởng vào chiến thắng tất yếu của quân dân ta.

- Nét tương đồng:

+ Cả hai bài thơ đều viết trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

+ Đều sử dụng bút pháp sử thi, lãng mạn để miêu tả đoàn quân, đặc biệt là cảm hứng lãng mạn được các nhà thơ khai thác triệt để.

- Điểm khác biệt:

+ Người lính trong thơ Quang Dũng mang vẻ đẹp vừa bi vừa hùng, vừa kiêu hùng, bi tráng vừa lãng mạn hào hoa mang chất lính tiểu tư sản không trộn lẫn. Còn Tố Hữu chủ yếu miêu tả cái đẹp toàn thể, hướng tới số đông. Tầm vóc của câu thơ lãng mạn đẩy hình ảnh người lính chống Pháp sánh ngang với vẻ đẹp của thiên nhiên, vũ trụ.

+ Quang Dũng viết bài thơ *Tây Tiến* trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp do đó hình ảnh người lính hiện lên với nhiều khó khăn, gian khổ, đói cơm, sốt rét đến xanh da, rụng tóc nhưng không vì thế mà mất đi chất thép vốn có của người lính, rất "dữ oai hùm" nhưng vẫn đỗi mơ mộng chất Hà thành. Qua đó ta thấy hồn thơ Quang Dũng thiên về miêu tả những cái phi thường trong những hoàn cảnh rất phi thường.

+ Thi phẩm *Việt Bắc* được Tố Hữu viết sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Dù có gian khổ, hi sinh, có bịn rịn, lưu luyến khi chia tay nhưng cũng là chia tay trong chiến thắng, trong khúc khải hoàn. Mặt khác, nét trữ tình chính trị thấm đẫm trong hồn thơ Tố Hữu nên ngòi bút của tác giả thiên về xu hướng ngợi ca, biểu dương nên hình ảnh thơ bay bổng, tự hào. Hình ảnh đoàn quân ra trận trong Việt Bắc vì thế mà mang tầm vóc lớn lao, kì vĩ của "Bốn mươi thế kỉ cùng ra trận".

→ Cùng miêu tả vẻ đẹp của những đoàn quân ra trận nhưng do xuất phát từ cảm hứng miêu tả khác nhau của các nhà thơ nên hình ảnh về người lính được cảm nhận trên nhiều bình diện mang những nét tiêng độc đáo.

→ Những nét riêng đó làm nổi bật tầm vóc con người Việt Nam trong kháng chiến. Năm tháng rồi cũng qua đi, mọi cuộc chiến tranh rồi sẽ kết thúc nhưng những bản anh hùng ca về người lính đã anh dũng chiến đấu vì nền hòa bình, độc lập của dân tộc sẽ không bao giờ phai mờ trong trái tim độc giả nhiều thế hệ.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Câu 1- Phần II:

Dẫn chứng minh họa:

- Hiện tượng chen lấn, xô đẩy, lén lút đổi tiền lẻ, ăn xin, ép giá tại lễ hội Đền Trần (Thành phố Nam Định); tranh cướp tại Lễ hội Gióng (Hà Nội); tục rước Tàng Thinh tại lễ hộiNá Nhèm, huyện Bắc Sơn (Lạng Sơn), tình trạng khấn thuê Đền Bà Chúa Kho (Bắc Ninh), Đền Kiếp Bạc (Hải Dương), Đền Liễu Hạnh (Quảng Bình)... làm ảnh hưởng đến các giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội.

- Điển hình, trong năm 2016, Thanh tra Sở VHTTDL tỉnh Bình Dương phát hiện và tịch thu 29.200 tờ tử vi, 22 cuốn sách bói toán; Thanh tra Sở VHTTDL tỉnh Hưng Yên xử lý vi phạm tại chỗ đối với các biểu hiện trục lợi, lừa gạt khách tham quan, mê tín dị đoan, cờ bạc; Thanh tra Sở VH-TT tỉnh Kiên Giang lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính 4 cơ sở hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa phục vụ Lễ hội kỷ niệm 148 năm ngày sinh anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực như trò chơi điện tử, bán dạo trò chơi...

- Khởi đầu mùa hội năm 2017, trên các phương tiện truyền thông tràn ngập hình ảnh chen lấn, xô đẩy, giẫm đạp lên nhau để cướp lộc ở Hội Gióng Sóc Son, ném lộc phản cảm của sư ông ở chùa Hương. Đặc biệt, Hội Phết Hiền Quan (Tam Nông, Phú Thọ) nổi bật với hình ảnh vỡ trận khi 100 bảo vệ đã phải "đầu hàng" bỏ vị trí để đám thanh niên cởi trần, lội bùn, lội mộng, xâu xé giành cho được quả phết với tâm niệm được sở hữu những vật phẩm này thì may mắn, tài lộc sẽ theo về nhà.

(theo Dân trí.com.vn)

Câu 2- Phần II:

Gợi ý phần mở bài:

Trong cuộc đời ai cũng có ít nhất một niềm thương nỗi nhớ. Có lẽ vì thế mà nỗi nhớ đã trở thành đề tài quen thuộc được các nhà văn, nhà thơ ưu ái nói đến. Nếu như trong *Tây Tiến*, Quang Dũng nhớ da diết thiên nhiên và con người miền Tây thì đến với *Việt Bắc*, nhà thơ không chỉ nhớ về con người và thiên nhiên hùng vĩ thơ mộng, nhớ về những ngày tháng kháng chiến gian khổ, hào hùng mà hơn thế nữa là những dấu ấn tươi nguyên về những ngày chiến thắng. Trong rất nhiều nỗi nhớ đó nổi bật lên là những kí ức của Quang Dũng và Tố Hữu về hình ảnh những đoàn quân ra mặt trận. Và điều đó được thể hiện rõ nhất qua hai đoạn thơ sau:

"Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá, dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm".

Và:

"Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan".

Tham khảo đoạn văn viết về lòng yêu nước:

29-9-2013. Nhân kỷ niệm 40 năm quan hệ Việt Nam - Nhật Bản, bộ phim "Người cộng sự" với câu chuyện về chuyến vượt đại dương tìm đường cứu nước của chí sĩ Phan Bội Châu đã để lại trong lòng người

xem nhiều suy ngẫm không chỉ về những sự kiện đã xảy ra trong lịch sử mà còn về câu chuyện đầy ắp tình

người giữa hai quốc gia. Xem phim xong, tôi tự hỏi: Lòng yêu nước trong thời bình là gì?

Tôi biết đến ba chữ "Lòng yêu nước" là năm lên 7, trong cuốn sách "Những tâm hồn cao thượng" của nhà văn người Ý Edmon De Amicis mà ba tôi tặng. Đó là câu chuyện kể về một cậu bé 11 tuổi người Ý, trên chuyến tàu về quê được ba người khách nước ngoài cho một số tiền để cậu kể chuyện vui cho đỡ buồn. Nhưng ngay sau đó, khi nghe được ba du khách đó bình phẩm và lăng nhục quê hương mình là bẩn thỉu, dốt nát và ăn cắp, câu đã quăng trả lại tiền và hét to "Hãy cầm lại tiền của các người. Ta không thèm nhận của bố thí của những kẻ lăng mạ nước ta!" .

Ở cái tuổi lên 7, trí óc non nớt của tôi chưa thể hiểu ngay lập tức về một khái niệm quá trừu tượng cũng như chưa hề trải qua cảm giác tự hào dân tộc để có thể hiểu được sự giận dữ khi lòng tự hào đó bị lăng mạ là như thế nào. Khi có tiền, cậu bé đã vô cùng sung sướng và định dùng số tiền đó để ăn no, mua quần áo mới, và biếu bố mẹ. Cảm giác khoan khoái đó chắc là không dễ dàng dễ đánh đổi với một đứa bé 11 tuổi. Vậy mà, cậu đã sẵn sàng vứt trả lại. Lúc đó, tôi nghĩ "Lòng yêu nước" chắc phải là một cảm xúc rất mãnh liệt.

Theo thời gian, tôi vẫn vô thức đi tìm cho mình một định nghĩa về lòng yêu nước nhưng đã không được thỏa mãn. Nó phải là một sức mạnh thôi thúc cuồn cuộn từ bên trong chứ không chỉ là cảm xúc có được khi hát quốc ca hay khi nghe kể về sự hi sinh của những người đi trước.

Sự tìm kiếm đó cứ dai dẳng cho đến năm 21 tuổi, tôi lên đường sang Nhật Bản du học. Ở đất nước này, khi gọi tên, người ta đặt vào bên cạnh tên tôi một chữ nữa: Việt Nam. Họ gọi tôi là em Oanh người Việt Nam. Khi tôi học giỏi hơn anh bạn người Đức và anh bạn người Nepal thì được cô giáo khen người Việt Nam chăm chỉ. Khi tôi mặc kimono viếng đền Ise trong dịp đầu năm mới, các cụ già hỏi con là người Okinawa à, tôi lắc đầu, không, con là người Việt Nam. Họ cười trìu mến, cầm tay tôi lắc lắc. Lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu, cảm giác tự hào khi khẳng định về nguồn gốc của mình ở một nơi xa lạ chính là Lòng yêu nước.

Bạn đã từng bao giờ có cảm giác đó chưa?

Nếu bạn chưa có dịp đi nước ngoài để trải nghiệm cảm giác đó thì cũng không sao. Cảm giác đó chắc cũng sẽ tương tự như khi bạn biết Ngô Bảo Châu là người Việt Nam đầu tiên đạt giải Fields hay chỉ đơn giản là lúc bạn xem trận bóng đá quốc tế có đội Việt Nam thi đấu, hay là khi bạn đứng trước những cánh đồng xanh rì với cánh cò trắng muốt, thấy lòng ngập tràn niềm tự hào vì mình là chủ nhân của mảnh đất xinh đẹp này. Tôi nghĩ, đó chắc chắn là Lòng yêu nước.

Thế nhưng, nếu cảm xúc đó chỉ dừng lại ở mức độ thừa nhận và tán thưởng những giá trị sẵn có mà không do chính mình tạo ra thì có thể chưa trở thành máu thịt của mình. Một người phụ nữ Nhật Bản đã dạy cho tôi điều đó. Cô là chủ của một tiệm sách cũ. Tôi hay ghé qua tiệm sách của cô để mua vài cuốn sách mỏng và lúc nào cũng được giảm giá. Ngày tôi chuẩn bị về nước, cô tặng tôi một quyển sách rất quý. Quá xúc động, tôi hỏi, cô ơi, vì sao cô tốt với con quá vậy.

Cô vuốt tóc tôi và nói "Vì con là một người Việt Nam dễ thương và vì cô là một người Nhật Bản yêu nước. Trong một năm qua, cô biết con đã trải qua nhiều điều mới lạ. Cá nhân cô muốn góp thêm một hành động tốt đẹp để nuôi dưỡng tâm hồn của con, để về nước, con sẽ nhớ và yêu Nhật Bản hơn. Biết đâu mai này con sẽ trở thành chiếc cầu nối giữa Nhật Bản và Việt Nam. Là một người Nhật Bản, cô sẽ cảm thấy hạnh phúc vì điều đó."

Tôi không khóc nhưng trong lòng lại chấn động mạnh. Một cái gì đó vượt quá sức tưởng tượng của tuổi 21. Trong một thành phố nhỏ,tại một tiệm sách nhỏ, có một người bán sách bình thường đang nỗ lực để nuôi

dưỡng và gây dựng tình yêu của một người nước ngoài dành cho quê hương của mình. Lòng yêu nước với tôi lúc đó không còn là một khái niệm trừu tượng như hồi lên 7. Nó thật sự rất cụ thể và rất cá nhân.

Bạn đã từng làm một điều tốt cho một người nước ngoài, không phải chỉ là để tạo mối quan hệ cho cá nhân bạn, mà vì bạn muốn thông qua bạn, họ sẽ tôn trọng và yêu mến người Việt Nam chưa?

Chúng ta đang sống trong thời bình. Chiến tranh chỉ còn trong ký ức của ông bà và cha mẹ. Thế hệ chúng ta không cần thể hiện lòng yêu nước bằng việc đấu tranh giành độc lập dân tộc như các thế hệ trước. Vậy thì cần thể hiện như thế nào?

Tháng 6-2013, ở Saitama, một thành phố đông dân của Nhật Bản đã đăng một tấm bảng bằng tiếng Việt, nội dung ghi rõ: "Ăn cắp vặt là phạm tội. Nếu ăn cắp vặt thì bị phạm tù dưới 10 năm". Tấm bảng đó chưa hẳn là dành cho tất cả người Việt Nam đang sống ở Nhật. Nhưng rõ ràng là, ở một đất nước tự tôn như Nhật Bản, tấm bảng đó chắc hẳn được viết sau khi được cân nhắc rất kỹ và vượt qua giới hạn của sự tôn trọng.

Chúng ta, những người Việt Nam yêu nước, phải làm gì?

Trách những người đã, đang và sẽ có ý định ăn cắp vặt ở Nhật Bản ư? Họ cũng đáng trách nhưng đáng thương nhiều hơn vì thật sự chẳng ai muốn có ngày mình sẽ rơi vào cảnh bần cùng sinh đạo tặc. Họ còn đáng thương ở chỗ đi nước ngoài mà không được trang bị đầy đủ về vật chất và kiến thức về lòng tự trọng. Chúng ta thực sự không thể đòi hỏi ở họ lòng yêu nước. Những người nào đó, đang gieo vào đầu họ ý nghĩ rằng, cứ qua Nhật, bằng cách nào đó, cũng sẽ tồn tại và có tiền, mới thực sự là những người đáng trách.

Việt Nam đang hội nhập với thế giới. Nhưng chúng ta đang hội nhập với thế giới bằng cái gì? Cà phê, phở, du học sinh và xuất khẩu lao động...? Dù là gì đi nữa, chúng ta cần chăm chút và gửi đi những sản phẩm đạt chất lượng cao, đặc biệt là những sản phẩm về con người. Những sản phẩm đó phải thể hiện được khí chất của người Việt Nam mà bao đời nay bao xương máu đã đổ ra để gìn giữ.

Có khó quá không nếu trong mọi hành động, mỗi người đều ý thức điều mình đang làm có phần nào liên quan đến quê hương xứ sở, đến giá trị của dân tộc?

(Kim Oanh: https//long yeu nuoc trong thoi binh-575575/htm)

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019
CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 32
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Một tư tưởng chuẩn bị cho một tương lai vững bền là phải bắt đầu làm điều gì đó trước, để đón nhận nó và song vì chân lí đó. Trồng cây xanh là một lẽ sống không chỉ một công việc mà là một triết lí nảy sinh từ sự phát triển cho sự nghiệp và dân tộc. Bác thể hiện tư tưởng của mình một cách giản dị khi phát động "Tết trồng cây" rằng, chúng ta sẽ có những cây vừa ăn quả, vừa có hoa, vừa có cả cây làm cột nhà. Thêm nữa, Người còn tô đậm cho một tương lai của môi trường sống; khi ấy phong cảnh nước ta sẽ ngày càng tươi đẹp hơn, khí hậu điều hòa hơn, cây gỗ đầy đủ hơn. Điều đó sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện đời sống của dân tộc ta. [...]

Tư tưởng của Bác Hồ ngày càng sâu sắc và là ngọn đuốc chỉ đường cho một tương lai của dân tộc ta trong nhiều lĩnh vực kinh tế khác. Nếu điểm lại những vụ cháy rừng, hay những trận lũ lụt liên tiếp xảy ra trên vùng cao, mới thấy triết lí của Bác trong "Tết trồng cây" thấu tình đạt lí làm sao. Sự hối hận đã trở nên muộn màng khi con người triệt phá rừng cây. Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt. Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cánh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chỉnh mình. Mỗi cây xanh bị đốn chặt là một tội ác. Hạ sát thiên nhiên bao giờ cũng để lại hậu quả lâu dài. Và máu người lại đổ xuống. Mạng người lại bị vùi lấp trong những cơn lũ tràn về bất ngờ hay những trận lở núi ập xuống đem lại tai họa khó lường.

(Chung Tử, *55 mùa xuân và "Tết trồng cây",*
Số Xuân Ất Mùi tạp chí *Tri thức và Thời đại*, 1+2/2015)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Đặt câu *"Một tư tưởng chuẩn bị cho một tương lai vững bền là phải bắt đầu làm điều gì đó trước, để đón nhận nó và sống vì chân lí đó"* trong văn bản có hàm ý gì?

Câu 3: Chỉ ra mối quan hệ giữa hai câu văn sau*: Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt. Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cánh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình.*

Câu 4: Theo anh chị, việc lạm dụng đồ gỗ trong sinh hoạt có bị coi là tòng phạm trong việc chặt phá rừng hay không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu ra ở phần đọc hiểu: *Nhưng con người nếu không cỏ trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cảnh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình*.

Câu 2 (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Ở Tnú không có vấn đề nhận đường, tìm đường như nhân vật A Phủ. Câu chuyện về Tnú được mở ra từ chính chỗ A Phủ dần khép lại.*

Anh/chị hãy so sánh hai nhân vật A Phủ (*Vợ chồng A Phủ* – Tô Hoài) và nhân vật Tnú (*Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành) để thấy được những phẩm chất mới mẻ ở Tnú.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Phương thức lập luận chính: phương thức nghị luận

Câu 2 (0,5 điểm):

Câu nói: *Một tư tưởng chuẩn bị cho một tương lai vững bền là phải bắt đầu làm điều gì đó trước, để đón nhận nó và sống vì chân lí đó.*

Có nghĩa:

– Để phát triển cuộc sống, tương lai của đất nước bao giờ cũng cần chuẩn bị vững chắc những tư tưởng lớn, có giá trị chiến lược, lâu dài: *Tết trồng cây* không chỉ là một công việc mà nó trở thành một triết lý sống nảy sinh từ sự phát triển cho sự nghiệp và dân tộc;

– Con người cần coi việc trồng, chăm sóc cây xanh trở thành một hoạt động thường niên, một phương châm sống để bảo vệ môi trường và bảo yệ chính mình.

Câu 3 (1,0 điểm):

Mối quan hệ giữa hai câu văn sau: *Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt. Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cảnh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình là*

– Hai câu văn sử dụng từ "nhưng" để kết nối quan hệ.

– Thông thường, từ "nhưng" biểu thị quan hệ tương phản, tuy nhiên trong trường hợp này "nhưng" chỉ biểu thị ý bổ sung, bổ trợ ý của câu thứ nhất (*Bọn lâm tặc là những kẻ tội đồ cần phải trừng phạt)* cho câu thứ hai *(Nhưng con người nếu không có trách nhiệm với mỗi cây xanh, mỗi cảnh rừng cũng sẽ trở nên đồng phạm phá hoại màu xanh và tàn phá sự sống của chính mình*).

Câu 4 (1,0 điểm):

- Đồ gỗ trong sinh hoạt được coi là một nhu cầu cao trong giai đoạn hiện nay bởi tính hữu dụng của nó;

- Việc khai thác gỗ đúng quy định, sản xuất đồ gỗ đúng quy trình, đáp ứng nhu cầu sử dụng một cách tối thiểu thì không được coi là tòng phạm trong việc tàn phá môi trường;

- Việc lạm dụng đồ gồ trong sinh hoạt có bị coi là tòng phạm trong việc chặt phá rừng. Vì việc sử dụng quá mức so với nhu cầu để phô trương, để khoe mẽ là động lực xấu tiếp tay cho tội phạm vì siêu lợi nhuận đã bất chấp quy định chặt phá rừng bừa bãi, khai thác quá mức cho phép gây lãng phí, thất thoát nguồn tài nguyên thiên nhiên như vậy được coi là tòng phạm, cần bị lên án, phê phán.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Nhận thức tầm quan trọng của việc trồng cây xanh để gìn giữ môi trường, bảo vệ cuộc sống của con người.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

CHÚ Ý

Hướng triển khai:
- Vai trò của cây xanh với sự sống con người
- Hậu quả của việc chặt phá cây xanh, tàn phá môi trường sống;
- Ý thức của con người trong việc bảo vệ cuộc sống của chính mình.

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần nêu lý lẽ để khẳng định tính đúng đắn và cần thiết của vấn đề nghị luận. Có thể theo hướng sau:

- Vai trò của cây xanh đối với cuộc sống:

+ Tạo nên cảm giác nhẹ nhàng và thư thái, như tìm được chốn yên bình sau khoảng thời gian ồn ào vội vã của cuộc sống.

+ Việc kết hợp hài hòa cây xanh và các công trình kiến trúc góp phần tôn tạo thêm vẻ đẹp, phát huy tác dụng của các công trình xung quanh như nhà ở cao tầng, biệt thự, bồn hoa, tượng đài...

- Hậu quả của việc chặt phá cây xanh, phá hủy môi trường sống:

+ Cây xanh được xem là một máy điều hòa không khí, máy hút bụi.. .thiếu cây xanh sẽ làm mất cân bằng hệ sinh thái;

+ Không có cây xanh thì các vấn đề thiên tai như lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất, sẽ xảy ra thường xuyên, gây thiệt hại rất lớn về người và của;

+ Chặt phá rừng thiếu quy hoạch dẫn đến vấn nạn nhiều loài động vật hoang dã cũng đang trên đà tuyệt chủng...

→ Không có cây xanh thì môi trường sống của chúng ta sẽ dần bị tàn phá, hủy hoại.

- Ý thức, trách nhiệm của con người trong việc trông cây xanh, bảo vệ môi trường sống

+ Bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp không phải là một nhiệm vụ hay một "công trình" mà đó là ý thức trách nhiệm của từng người, từng cá nhân. Mỗi chúng ta phải biết tự giữ gìn nguồn sống của chính mình. Muốn vậy, chúng ta phải ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường, cũng chính là bảo vệ sự sống của chúng ta.

+ Thanh niên là tầng lớp tiên phong, đi đầu trong mọi phong trào và hoạt động. Thanh niên hãy cùng nhau bắt tay vào hành động từ những việc làm nhỏ nhất: trồng cây, chăm sóc cây xanh; kêu gọi mọi người chung tay giữ gìn vệ sinh chung, cùng nhau bảo vệ môi trường, bảo vệ sự sống của chúng ta.

+ Môi trường là mái nhà chung của toàn nhân loại, bảo vệ môi trường không phải là một lời nói suông mà đang đòi hỏi cấp thiết và nên phải hành động ngay, bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Bởi vậy, tất cả chúng ta hãy chung tay lũy sức bảo vệ môi trường và tránh gây ô nhiễm. Vì tương lai của một trái đất xanh, sạch, đẹp và vì cuộc sống của chính chúng ta và của các thế hệ sau.

+ Vấn đề thiết kế cây xanh cần được tiến hành sớm và có kế hoạch rõ ràng ngay từ đầu. Cần nghiên cứu, bố trí hợp lí, khoa học, tránh chắp vá, sửa đổi quá nhiều sau này cũng như tránh gây trở ngại cho các công trình khác. Những phần diện tích nếu có kế hoạch cụ thể trước sẽ rất thuận lợi, chủ động cho việc thiết kế hệ thống cây xanh ở mỗi khu vực.

Thông điệp:

"Hãy đối xử tốt với thiên nhiên, sống thân thiện với môi trường, ta sẽ tận hưởng được những giây phút thư giãn, thoải mải trong bầu không khí trong lành, được tận hưởng những cảnh đẹp từ thiên nhiên. Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của chỉnh mình"

"Mỗi cây xanh được trồng sẽ là một cam kết về hành động cụ thể nhằm chống lại biến đổi khỉ hậu, là

niềm hi vọng hướng tới tương lai bền vững và tốt đẹp hơn"

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

So sánh hai nhân vật A Phủ (*Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài) và nhân vật Tnú (*Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành) để thấy được những phẩm chất mới mẻ ở Tnú.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

CHÚ Ý

Hướng triển khai:

- Giải thích vấn đề tìm đường, nhận đường: Con đường cách mạng với những lẽ sống cao đẹp.

- Phân tích những nét khái quát nhất trong cuộc đời đau khổ của A Phủ để nhận thấy rằng chỉ khi A Phủ đến với cách mạng anh mới tự giải thoát cho mình và được sống cuộc đời đích thực.

Nhân vật Tnú cần phân tích những nét chính trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tnú qua các chặng đường đời, làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng cách mạng, lý tưởng sống cao đẹp: sống gắn liền với cống hiến, đồng thời cũng rút ra những bài học cách mạng sâu sắc: kẻ thù đã cầm súng, chúng ta phải cầm giáo

Cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ.

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm (0,5 điểm):

- *Vợ chồng A Phủ* là một truyện ngắn được rút ra từ tập *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài viết vào năm 1953 ngay sau chuyến thâm nhập thực tế của tác giả. Truyện đã được tặng giải Nhất của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Đấy là truyện ngắn đặc sắc nhất của Tô Hoài nói riêng và của văn xuôi chống Pháp nói chung, tác phẩm là một bức tranh chân thực về cuộc sống và thân phận khổ đau của những người nông dân nghèo miền núi dưới ách áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến, đồng thời là bài ca về phẩm chất, sức sống, khát vọng tự do của con người lao động miền núi, là hình ảnh con đường giải phóng và sự đổi đời của họ. Tiêu biểu cho những con người ấy là A Phủ.

- Truyện ngắn *Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành: Mỗi nhà văn thường có một vùng đất riêng, với Nguyễn Trung Thành đó là Tây Nguyên. Ông đã có rất nhiều những tác phẩm viết về mảng đề tài này, đặc biệt là hình ảnh của những con người bất khuất, kiên cường nơi núi rừng Tây Nguyên. Một trong những tác phẩm nổi bật nhất trong sáng tác của Nguyễn Trung Thành là truyện ngắn *Rừng xà nu.* Tác phẩm là câu chuyện về dân làng Xô Man trong kháng chiến chống Mĩ. Trong số những con người hiên ngang bất khuất của làng Xô Man nổi bật lên là hình ảnh Tnú. Câu chuyện về cuộc đời anh đã được tái hiện cụ thể qua lời kể của già làng bên bếp lửa nhà ưng.

b. Giới thiệu vấn đề nghị luận:

- Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài được viết trong thời kì chống Pháp và *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành được viết trong thời kì chống Mĩ, nhưng cả hai tác phẩm đều đề cập đến số phận người nông dân miền núi bị áp bức dưới ách thống trị của bọn thực dân, đế quốc, tiêu biểu là nhân vật A Phủ và Tnú.

- Có ý kiến cho rằng: *Ở Tnú không có vấn đề tìm đường, nhận đường như nhân vật A Phủ. Câu chuyện về Tnú được mở ra từ chính chỗ A Phủ dần khép lại.* Điều đó có nghĩa Tnú là thế hệ nối tiếp, đi sau sẽ có những bước phát triển và phẩm chất mới mẻ hơn so với thế hệ đàn anh – A Phủ.

c. Triển khai vấn đề nghị luận: Có thể cảm nhận theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đáp ứng những nội dung sau.

- Giải thích vấn đề nghị luận: vấn đề tìm đường, nhận đường:

+ Tìm đường, nhận đường là vấn đề nhận thức về lý tưởng – mục đích cao cả nhất của cuộc sống. Trong hai tác phẩm, vấn đề tìm đường, nhận đường là tìm thấy con đường cách mạng chân chính và coi đó là lẽ sống của cuộc đời, nguyện phấn đấu hy sinh vì lý tưởng đó.

++ Nhân vật A Phủ của Tô Hoài được coi là nhân vật đang trên con đường đi tìm lý tưởng và nhận thức lý tưởng.

++ Nhân vật Tnú đã có lý tưởng ngay từ khi anh còn nhỏ, anh đã phấn đấu, hy sinh vì lý tưởng đó.

- Điểm giống nhau của hai nhân vật:

+ Đều sinh ra từ những vùng cao xa xôi, hẻo lánh.

+ Đều mồ côi, lớn lên đều là những chàng trai khỏe mạnh, cường tráng. A Phủ được ví như con trâu tốt trong làng, Tnú được ví như cây xà nu cường tráng bất chấp đạn bom, vươn thẳng lên đón ánh sáng mặt trời.

+ Cả Tnú và A Phủ đều sớm có phẩm chất dũng mãnh, căm thù cái ác, sự bất công và đi theo cách mạng.

Điểm khác nhau của hai nhân vật:

+ Nhân vật A Phủ:

++ Lai lịch, số phận: tác giả cho A Phủ xuất hiện khá đột ngột trong một hoàn cảnh là cuộc đánh nhau với A Sử, bị bắt bị đánh đập tàn nhẫn ở nhà thống lý Pá Tra rồi mới kể về lai lịch của nhân vật. Đó là một người nghèo khổ đã mất hết cả cha mẹ và anh em trong một trận dịch đậu mùa khủng khiếp, đã phải sống kiếp bơ vơ khi còn rất nhỏ và *người làng đói bụng đã bắt A Phủ đưa xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng.* Không cam chịu cuộc sống khốn khổ, mới mười tuổi đầu, A Phủ đã tự khẳng định tính cách gan góc, một mình kiếm sống, học hỏi đủ thứ nghề: *biết đúc lưỡi cày, cày giỏi và đi săn bò tót rất táo bạo.* Khi lớn lên, A Phủ chẳng những hiền lành, lao động giỏi mà còn có sức khỏe hơn người: *công việc làm, hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng.*

++ Vượt lên trên hoàn cảnh khắc nghiệt, A Phủ vẫn sống một đời sống tâm hồn phóng khoáng, hồn nhiên, yêu đời, yêu chính nghĩa, tự tin của tuổi trẻ: *đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù chẳng có quần áo mới như trai làng khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, kèn, con quay và của người Dao đi tìm người yêu ở các làng trong rừng.* Vì vậy, A Phủ đã trở thành niềm mơ ước của biết bao cô gái Mèo. Họ khác nhau *đứa nào được A Phủ cũng bằng có được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu.*

++ Tính cách của A Phủ rất đặc biệt, gan góc, có ý thức phản kháng mỗi khi không chịu nổi điều gì, tiêu biểu là việc đánh lại A Sử con quan. Chính từ sự việc này, anh bị thống lý Pá Tra bắt về đánh đập tàn nhẫn và phải trả giá bằng cả cuộc đời làm nô lệ cho nhà thống lý. Là đứa con của núi rừng tự do mà A Phủ vẫn không

sao thoát khỏi kiếp sống nô lệ. Bị đày đọa triền miên ở nhà thống lý Pá Tra khiến anh phải cam chịu kiếp sống bị khinh rẻ, bị ngược đãi và những công việc nặng nhọc, nguy hiểm như cày ruộng, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn ngựa quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò bãi, nương rừng nhưng vẫn cá tính gan góc và tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Anh bị thống lý trói đứng vào cột vì để hổ bắt mất một con bò. Nhưng với khát vọng sống mãnh liệt, bản chất gan góc, bất khuất sẵn có, anh không van xin, không cầu cứu, cũng không cam chịu chết mà tìm mọi cách tự giải thoát: *Đêm đến, A Phủ cúi xuống nhay đứt hai đầu dây, nhích dần dây trói một bên tay* và khi được Mị cứu, anh quật sức vùng chạy thoát. Cuộc giải thoát ấy chính là ý thức làm người, là tinh thần phản kháng của A Phủ.

++ Có cá tính mạnh mẽ như vậy nhưng vì sao A Phủ vẫn phải tập tễnh đi giết lợn phục dịch những kẻ vừa hành hạ mình? Vì sao anh vẫn phải nghe lời thống lý tự đi lấy cọc, đóng cọc, lấy dây để hắn trói mình? Vì sao một mình rong ruổi cùng đàn trâu, đàn ngựa ngoài rừng mà không chạy trốn? Đó là vì thói quen cam chịu, cam phận của người nông dân trên các vùng núi cao, khi ánh sáng của Đảng chưa vươn tới. Họ sống như trong đêm tối không biết đường ra, không ai chỉ đường vạch lối. Để đến khi cái chết cận kề, họ mới biết dựa vào nhau để giành giật lấy sự sống.

Tô Hoài rất biện chứng trong hai mặt đối lập của nhân vật và chỉ ra cho người đọc thấy đó là bước tìm đường, nhận đường của A Phủ để sau này sang Phiềng Sa gặp A Châu (con người của Đảng), anh được giác ngộ và sẵn sàng cầm súng trở thành du kích quay về giải phóng quê hương.

+ Nhân vật Tnú:

++ Khác với nhân vật A Phủ, câu chuyện cuộc đời Tnú *được mở ra từ chính câu chuyện về A Phủ được khép lại.* Tnú mồ côi nhưng được sống trong vòng tay yêu thương đùm bọc của dân làng Xô Man, được gần cán bộ cách mạng là anh Quyết. Cả buôn làng Xô Man đều là những người có lòng trung thành với cách mạng trong những thời điểm khốc liệt nhất, kẻ thù khủng bố gay gắt nhất, cả làng vẫn thay nhau đi nuôi giấu cán bộ, vẫn tin tưởng ở Đảng và cách mạng. Tnú có những điều kiện mà các nhân vật anh hùng miền sơn cước trước đó chưa có, hay chỉ có khi đã trải qua vô vàn đau khổ, gian truân. Vì thế, ở Tnú không còn là nhân vật tìm đường, nhận đường nữa, anh đã có những điều kiện thuận lợi và phẩm chất mới mẻ, vượt xa so với A Phủ.

++ Tính cách của Tnú bộc lộ ngay từ khi còn nhỏ, Tnú là con người gan góc, dũng cảm, mưu trí, táo bạo và đặc biệt trung thành vớ cách mạng. Từ nhỏ, Tnú đã tham gia tiếp tế, nuôi giấu cán bộ là anh Quyết. Học chữ thì Tnú hay quên nhưng đi rừng thì nó rất sáng dạ. Tnú *xé rừng mà đi, lựa chỗ thác mạnh mà bơi.* Khi bị giặc bắt, Tnú nuốt thư vào bụng, bị tra tấn Tnú nhất định không khai, giặt hỏi cộng sản ở đâu, Tnú chỉ tay vào bụng. Làm liên lạc, Tnú thông minh, nhanh nhẹn và dũng cảm, anh hội tụ đầy đủ phẩm chất của một chú bé liên lạc với quyết tâm lớn lên sẽ thay thế anh Quyết làm cách mạng. Tnú là hình ảnh của thiếu niên Việt Nam anh hùng, là hình ảnh của chú bé Lượm trong bài thơ của Tố Hữu, luôn hoàn thành tốt nghĩa phụ liên lạc, anh dũng. Đó là những đặc điểm cần thiết để tạo nên hình tượng người cách mạng Tnú trưởng thành có tính kỉ luật cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng sau này.

+ Tnú là người yêu thương, gắn bó với buôn làng, là đứa con của làng Xô Man. Khi đi bộ đội về thăm làng một đêm, Tnú *xúc động để cho vòi nước của làng mình giội lên khắp người như ngày trước.* Lòng anh trong như con suối, anh yêu làng, yêu nước, gan góc, dũng cảm, mưu trí, không sợ hi sinh, trung thành tuyệt đối với cách mạng. Phẩm chất đẹp đẽ này đã được minh chứng qua thời gian và các sự kiện: Tnú cùng Mai đi tiếp tế cho cán bộ, làm giao liên rồi bị bắt, bị tra tấn và tù đày... Khi vượt ngục trở về, Tnú đã thành chàng trai hoàn hảo, rắn chắc, cao lớn, đẹp đẽ như cây xà nu cường tráng nhất khu rừng, như tráng sĩ Đăm Săn,

Xinh Nhã thuở xưa, lãnh đạo dân làng kháng chiến.

++ Tnú có một trái tim yêu thương và sục sôi căm thù giặc, anh sống rất nghĩa tình và luôn mang trong mình ba mối thù lớn: thù của bản thân, thù của gia đình, thù của buôn làng. Khi vượt ngục về làng, Tnú mang trong mình sức mạnh của lòng căm thù và ý chí của những năm tháng được rèn luyện trong tù rồi anh có gia đình và hạnh phúc với vợ con. Giặc về làng tra tấn vợ con anh. Tnú tận mắt chứng kiến cảnh kẻ thù đánh đập vợ con: *Cây sắt thứ hai đập vào trước ngực Mai... Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng thét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc rẻ lên một tiếng rồi im bặt... Tnủ quay lại... Ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn.* Anh bứt đứt hàng chục quả vả, mắt anh thành ngọn lửa, lửa căm thù bừng cháy dữ dội, anh lao ra xông vào giữa bọn giặc nhưng chỉ với hai bàn tay không, Tnú không thể cứu sống vợ con. Kẻ thù dùng nhựa xà nu đốt mười ngón tay Tnú hòng tiêu diệt ý chí của anh nhưng chúng không thể đốt được lòng dũng cảm và sự kiên cường *Tnú không thèm, không thèm kêu van....* Bọn giặc tra tấn anh bằng chính khối nhựa của buôn làng, mười ngón tay Tnú thành mười ngọn đuốc căm thù, ngọn lửa kêu gọi đấu tranh cách mạng.

Cuộc đời bi tráng và con đường đến với cách mạng của Tnú là điển hình cho con đường sống và đến với cách mạng của người dân Tây Nguyên, góp phần làm sáng tỏ chân lí của thời đại, phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng và cũng là con dường duy nhất.

- Đánh giá:

+ Tnú – người anh hùng mà cụ Mết kể trong cái đêm dài ấy có những phẩm chất thật đáng quý. Anh may mắn hơn so với thế hệ đàn anh của mình như anh hùng núp và A Phủ, không còn phải sống kiếp tôi đòi cam phận, cam chịu và được thừa hưởng phong trào cách mạng từ cuộc kháng chiến chống pháp của dân tộc. Nhưng:

Lớp cha trước, lớp con sau

Đã thành đồng chí chung câu quân hành.

Tất cả các anh đều là những con người ưu tú của núi rừng Tây Bắc, Tây Nguyên trong các cuộc đấu tranh vệ quốc, mang trong mình chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam, mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ tiếp nối.

+ Trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ,* Tô Hoài đã rất thấu hiểu nỗi khổ của người dân miền núi, từ đó thấy được sự thức tỉnh, sự vùng dậy của họ, trước hết là thoát khỏi dây trói của cường quyền và thần quyền. Quá trình giác ngộ cách mạng của A Phủ tiêu biểu cho con đường đến với Đảng, đến với cách mạng của đồng bào các dân tộc ít người ở miền núi Tây Bắc. Tô Hoài khi tái hiện bức tranh hiện thực với những nét bản chất của nó, không thể không miêu tả quá trình vận động mang tính quy luật của cuộc sống. Đây cũng là giá trị nhân đạo và tiến bộ của *Vợ chồng Ả Phủ.*

+ Xây dựng thành công nhân vật Tnú, nhà văn đã khắc họa được hình ảnh tiêu biểu của con người mang đậm dòng máu, tính cách của núi rừng Tây Nguyên. Và qua hình tượng Tnú, Nguyễn Trung Thành còn gợi ra được số phận và phẩm chất của cả cộng đồng trong cuộc chiến đấu bảo vệ buôn làng thân yêu. Đó là tình cảm gắn bó thiết tha sâu nặng với quê hương đất nước, với núi rừng Tây Nguyên, là lòng căm thù giặc sâu sắc, một lòng một dạ đi theo cách mạng, không ngại khó khăn, gian khổ, hy sinh, tin tưởng tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng.

d. Bàn luận (0,5 điểm)

- Qua sự so sánh hai nhân vật A Phủ trong tác phẩm của Tô Hoài và Tnú trong tác phẩm của Nguyễn

Trung Thành, thấy được sự khép lại câu chuyện của A Phủ là sự mở ra câu chuyện của Tnú. Từ đó thấy được sự vận động, phát triển của thế hệ sau trong cuộc kháng chiến mang đậm chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc so với thế hệ trước.

- Khẳng định tài năng xây dựng hình tượng nhân vật sắc sảo, đậm giá trị nhân văn của Tô Hoài và Nguyễn Trung Thành. Chính tài năng nghệ thuật cũng như tấm lòng của nhà văn đã khiến cho nhân vật có sức sống trường tồn và hấp dẫn trong lòng độc giả.

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Câu 1 - Phần II:

Suy nghĩ của giới trẻ về việc chặt phá cây xanh

Không phải dĩ nhiên mà Rừng Amazon được gọi là lá phổi xanh của nhân loại. Ở đó tập hợp hàng ngàn, hàng triệu những lá phổi của nhân loại, đó chính là cây xanh. Vì vậy chúng ta có thể khẳng định chặt phá cây xanh cũng chính là phá hủy đi lá phổi của chính chúng ta. Nếu như kinh tế, hạ tầng đô thị có được nâng cao thì con người cũng sẽ chết dần trong bầu không khí ô nhiễm mà thôi. Ai cũng sẽ dễ dàng nhận thấy, không đơn thuần là tạo bóng mát mà cây xanh điều hòa khí hậu, giúp cho không khí trong lành, làm sạch bầu khí quyển. Hãy thử tưởng tượng rằng Trái Đất này không có cây xanh thì chắc chắn xung quanh chỉ là một bầu không khí bụi bặm, nắng rát, nóng nực, mưa lạnh, hạn hán, ngập lụt sẽ khiến con người khốn khổ. Không quá khi nói rằng cuộc sống con người hoàn toàn chấm dứt nếu không có cây xanh.

Phát triển kinh tế hạ tầng đô thị không có nghĩa phải phá hủy cây xanh, cuộc sống con người không chỉ hụ thuộc vào yếu tố vật chất mà nó tác động mạnh mẽ bởi chính thiên nhiên. Gần đây sự việc "Chặt 1.300 cây xanh ở Hà Nội" đang được dự luận bàn tán. Để trồng nên một cây xanh to lớn con người phải mất hàng chục năm bây giờ lại phá bỏ không phải quá đáng tiếc sao? Nếu như mưa lũ cây xanh đổ ngã, con người vẫn có thể khắc phục trong chốc lát nhưng để dựng nên con đường tràn ngập cây xanh che mát là cả một quảng thời gian dài. Con người sống, làm việc, giải trí hàng ngày trong một môi trường trong sạch là nhờ cây xanh. Nhờ không khí tươi mát mà cây xanh đem lại con người cảm thấy thoải mái hơn, thư giản sau những giờ làm việc căng thẳng. Vậy thì cây xanh phải được bảo vệ. Tại sao chúng ta lại không suy nghĩ rằng: Xây dựng hạ tầng đô thị tràn ngập bóng cây xanh. Bản thân mỗi người hãy yêu quý và biết bảo vệ cây xanh – nguồn sống của chính mình. Trong bối cảnh này, Đảng và chính quyền nhà nước cần phải có những biện pháp thích hợp và quản lí chặt chẽ cây xanh, cùng với người dân giám sát việc trồng mới. Chỉ nên chặt cây xanh khi thực sự cần thiết, tránh lạm dụng. Khi chặt cây xanh nên hết sức cẩn trọng, phải nghiên cứu, khảo sát, tham vấn kĩ và làm có sự đồng thuận của nhân dân. Cần tính toán nghiên cứu, khi chặt phải có biện pháp trồng lại.

Là học sinh, sinh viên chúng ta có thể góp sức mình trong công cuộc bảo vệ cây xanh bằng cách tuyên truyền về tầm quan trọng của cây xanh, hậu quả của việc chặt cây bừa bãi. Có thể trồng cây quanh nhà để góp phần làm trong sạch không khí, môi trường sống ở xóm làng. Bảo vệ cây xanh của thế giới nói chung và bảo vệ cây xanh của Việt Nam nói riêng đã và đang là một thông điệp của thời đại gửi tới con người. Có tốt đẹp hay không? Có phát triển hay không? Tất cả tùy thuộc vào hành động của bạn".

(Theo nguoidepvietnam.vn)

(Đề thi có 02 trang)

ĐỀ THI THỬ THPTQG NĂM 2019
CHUẨN CẤU TRÚC CỦA BỘ GIÁO DỤC – ĐỀ 33
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:

"Sẽ dối lòng nếu không thừa nhận trái tim tan vỡ, nhưng..."

Sẽ là dối lòng mình nếu nói rằng không mong chờ một chiến thắng.

Sẽ là dối lòng mình nếu không thừa nhận cảm thấy trái tim tan vỡ khi đội tuyển chịu thất bại ở những giây cuối cùng.

Nhưng tôi nghĩ kết quả như vậy thậm chí còn tuyệt vời hơn về lâu dài.

Kết quả trận chung kết này tốt ở chỗ nó nhắc nhở tất cả chúng ta công việc còn ngổn ngang những thứ phải làm. Một chiến thắng dễ đưa chúng ta đến với sự ngạo mạn nguy hiểm.

Kết quả này cũng dạy cho chúng ta cách yêu những điều không hoàn hảo. Yêu cả trong những lúc đau lòng. Trân trọng và nhìn nhận sự cống hiến, chứ không đặt điều kiện tình yêu của mình vào sự tuyệt đối – một thứ quá mong manh.

Kết quả này cũng dạy cho chúng ta phải học cách vui với những gì mình đạt được, dù không thật sự tuyệt đối. Niềm vui dựa vào chiến thắng cũng giống như một chất nghiện, nó liên tục cần những thứ lớn hơn, to tát hơn để tiếp tục vui. Nếu không biết kiểm soát nó, nó biến chúng ta thành những người đòi hỏi vô lý. Nó cũng làm chúng ta quên lý do nên vui.

Cuối cùng, điều to lớn nhất chúng ta học được ở U23 Việt Nam lần này là với những nỗ lực đến kiệt cùng, với kỷ luật sắt đá, với niềm tin tuyệt đối, và cái tôi của từng cá nhân gạt qua một bên nhường cho tinh thần đồng đội mãnh liệt, họ đã làm được điều kỳ diệu đến không tưởng.

Bao nhiêu người thấm được điều này? Tôi hy vọng là nhiều, rất nhiều. Và biến nó thành động lực cho chính mình để đặt cho mình một mục tiêu khó hơn, thách thức hơn, và có quyết tâm cao hơn để vượt qua.

Tôi mong mỏi có những cuộc tập hợp, những cuộc xuống đường trong lòng mỗi người người. Và mong rằng nó kéo dài mãi. Nó biến sự hân hoan và ngưỡng mộ thành năng lượng để chúng ta tự chiến thắng trong trận chiến của riêng mình.

Nếu được như thế, thì cái mà đội tuyển U23 đem lại không chỉ là "mua vui cũng được một vài trống canh" mà thực sự là một sự thay đổi đẹp đẽ trên dải đất chữ S này. Thế nên hãy buồn hãy khóc. Hãy ôm nhau thổn thức vì một giấc mơ vuột trôi đi. Nhưng sau đó hãy gạt nước mắt và đứng thẳng dậy. Để đất nước này đẹp hơn, không thể chỉ dựa vào các chàng trai vàng. Các em ấy đã cho chúng ta một cảm hứng mạnh mẽ, một sự tự tin chưa từng có. Nhưng chúng ta phải cùng xắn tay áo lên và hành động.

Riêng tôi, năm nay tôi sẽ quyết tâm rũ bỏ thể trạng yếu đuối mà 40 năm qua không thay đổi được. Bắt đầu bằng việc chạy. Tối sẽ chạy half marathon (cự ly chạy bộ 21 km) trong năm 2018. Và sẽ không gì làm lung lay được mục tiêu này.

Còn bạn thì sao?

*(*Trần Vinh Dự - *newzing.vn 27/01/2018)*

**Tiến sĩ Trần vinh Dự từng là Chủ tịch Trường Cao đẳng Nghề Việt – Mỹ (VATC), Chủ tịch Trung tâm Quốc tế của Đại học Broward College (Mỹ) tại Việt Nam. Hiện ông là đồng phụ trách về tư vấn M&A của Ernst & Young Vietnam.*

Câu 1: Chỉ ra biện pháp tu từ ngữ pháp được sử dụng trong hai câu văn mở đầu văn bản.

Câu 2: Vì sao tiến sĩ Trần Vinh Dự lại khẳng định: "kết quả như vậy thậm chí còn tuyệt vời hơn về lâu dài"?

Câu 3: Theo anh/chị, thế nào là "những cuộc tập hợp, những cuộc xuống đường trong lòng mỗi người"?

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với thông điệp mà tác giả đưa ra "Chúng ta phải cùng xắn tay áo lên và hành động" không? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung văn bản Đọc – hiểu và hình ảnh U23 Việt Nam được đón chào giữa rừng cờ, rừng hoa và biển người trong ngày trở về Tổ quốc, 28/1/2018, gợi cho anh/chị những bài học cuộc sống gì? Hãy trình bày suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ).

Câu 2 (5,0 điểm):

Kết lại bài thơ "Vội vàng", nhà thơ Xuân Diệu viết:

Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!

(*Vội vàng* – Xuân Diệu – SGK Ngữ văn 11 tập Hai)

Trong phần kết của bài thơ "Sóng" nữ sĩ Xuân Quỳnh viết:

Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa.

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữ biển lớn tình yêu.
Để ngàn năm còn vỗ.

(*Sóng* – Xuân Quỳnh – SGK Ngữ văn 12 tập Một)

Cảm nhận của anh/chị về khát vọng sống của hai nhà thơ qua các khổ thơ trên.

---------- HẾT ----------

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. ĐỌC-HIỂU (3,0 điểm)

Câu 1 (0,5 điểm):

Biện pháp tu từ điệp cấu trúc cú pháp/ Biện pháp điệp cấu trúc cú pháp.

Câu 2 (0,5 điểm):

Tiến sĩ Trần Vinh Dự khẳng định: "kết quả như vậy thậm chí còn tuyệt vời hơn về lâu dài" vì:

- Kết quả này nó nhắc nhở tất cả chúng ta công việc còn ngổn ngang những thứ phải làm;
- Kết quả này cũng dạy cho chúng ta cách yêu những điều không hoàn hảo.
- Kết quả này cũng dạy cho chúng ta phải học cách vui với những gì mình đạt được, dù không thật sự tuyệt đối.
- Kết quả này là động lực để chúng ta phấn đấu.

** Để đạt 0,5 điểm, câu trả lời cần nêu được ít nhất ba ý để lí giải.*

Câu 3 (1,0 điểm):

Những cuộc tập hợp, những cuộc xuống đường trong lòng người là:

- Ý thức tham gia vào những phong trào tập thể, mang tính tự nguyện thể hiện lòng cảm phục, ngưỡng mộ, sự đồng lòng nhất trí về một vấn đề nào đó; (0,25 điểm)
- Nêu cao tinh thần đoàn kết, tinh thần dân tộc, tính cộng đồng: sự gắn kết có ý thức giữa cá nhân với tập thể; giữa công dân với Tổ quốc; (0.5 điểm)
- Thể hiện tình yêu cuộc sống, tình yêu Tổ quốc; khát vọng cống hiến của mỗi người đối với xã hội. (0,25 điểm)

Câu 4 (1,0 điểm):

Đây là câu hỏi mở, Thí sinh có thể tự do bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần. Yêu cầu lí giải quan điểm một cách thuyết phục, hợp lí. Gợi ý (theo hướng đồng tình):

- Việc xây dựng xã hội không chỉ là trách nhiệm của riêng cá nhân ai, cũng không thể phó thác trông chờ vào ai. Mỗi người dù ở bất cứ vị trí, lứa tuổi nào đều phải có ý thức phấn đấu, cống hiến sức lực nhỏ bé của mình cho xã hội tùy theo năng lực của bản thân *(0,5 điểm).*
- *Cùng xắn tay áo lên và hành động*: việc cống hiến không thể nói xuông mà phải bằng những hành động thiết thực, cụ thể của bản thân *(0,25 điểm).*
- Trình bày ngắn gọn một vài hành động thiết thực, cụ thể của bản thân... *(0,25 điểm).*

II. LÀM VĂN (7,0 điểm):

Câu 1 (2,0 điểm):

1. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn (0,25 điểm)

Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách: diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành, tổng – phân – hợp...

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận(0,25 điểm):

Bài học cách sống, quan điểm sống.

3. Triển khai vấn đề nghị luận (1,0 điểm):

Có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ được suy nghĩ về những bài học cuộc sống rút ra được từ nội dung văn bản và hình ảnh cờ hoa chào đón đội tuyển U23 trở về.

Gợi ý hướng giải quyết:

- Nội dung văn bản Đọc – hiểu không chỉ là thái độ, tâm trạng của tác giả về sự kiện thi đấu của đội U23 Việt Nam vừa qua mà còn là suy ngẫm về sự thay đổi của mỗi cá nhân để đóng góp cho xã hội. Hình ảnh rừng người và cờ hoa chào đón đội tuyển ngày trở về không chỉ thể hiện tấm lòng của người hâm mộ mà còn là biểu hiện của tinh thần dân tộc, của sự đoàn kết và niềm tự hào. *(0,25 điểm)*

- Bài học cuộc sống:

+ Bài học về cách sống cống hiến, sống hết mình, ý chí vượt qua khó khăn thử thách và làm nên những thành công làm rạng danh dân tộc. Sống để có thể ngẩng cao đầu và được chào đón huy hoàng, đề ghi dấu trong lòng người khác; *(0,25 điểm)*

+ Chúng ta chỉ có thể được cộng đồng đón nhận khi biết hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, biết sống yêu thương, kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết *(0,25 điểm).*

+ Phê phán lối sống ích kỉ, cá nhân; sự suy đồi xuống cấp về đạo đức, lối sống (tham ô, tham nhũng...) đánh mất danh dự, đánh mất chính mình làm tổn hại đến quốc gia, dân tộc. *(0,25 điểm).*

Trong quá trình lập luận, cần lấy dẫn chứng liên hệ (đặc biệt đối với bản thân đã lựa chọn cách sống như thế nào? đã rèn luyện những điều gì? đã có những hành động cụ thể gì với tư cách một công dân trẻ đang *trong giai đoạn sắp bước vào ngưỡng cửa cuộc đời?).*

4. Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5. Sáng tạo (0,25 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.

Câu 2 (5,0 điểm)

1. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận (0,25 điểm):

Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Ket bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lí và nêu được vấn đề; phần Thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm sáng tỏ vấn đề; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

Niềm yêu sống, khát sống của hai nhà thơ Xuân Diệu và Xuân Quỳnh, thể hiện qua các đoạn thơ.

3. Triển khai vấn đề nghị luận:

Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, tuy nhiên cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp dẫn chứng và lí lẽ. Giám khảo tham khảo một số gợi ý sau để đánh giá chính xác bài viết:

a. Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận, trích dẫn hai đoạn thơ (0,25 điểm).

b. Cảm nhận về khát vọng sống của hai nhà thơ qua các đoạn thơ: (2,5 điểm)

**** Điểm chung: (0,5 điểm)***

- Cảm thức về sự chảy trôi của thời gian cuộc sống, sự hữu hạn của đời người trước sự vô hạn trường cửu của tự nhiên.

- Khát vọng sống mãnh liệt: sống hết mình, tận hiến, tận dâng.

**** Điểm riêng: (2,0 điểm)***

Trong sự gặp gỡ giao thoa về nhận thức sống, quan điểm sống, mỗi nhà thơ lại có cách biểu đạt khác nhau làm nên cái hay, hấp dẫn cho các bài thơ đồng thời thể hiện tài năng nghệ thuật và phong cách tác giả.

- Khát vọng sống của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội vàng" (1,0 điểm)

+ Thể hiện tình yêu cuộc sống nồng nàn tha thiết, mãnh liệt đắm say.

+ Cách ứng xử trước thời gian: là một cuộc chạy đua, sống gấp gáp, tận hưởng từng phút, từng giây, tận hưởng rộng, tận hưởng sâu ☐ thần thái, sắc điệu riêng của Xuân Diệu, một nhà thơ luôn cuống quýt, vội vàng.

+ Nghệ thuật: thể thơ tự do, nghệ thuật tăng tiến; dùng các động từ, tính từ mạnh; nhịp thơ nhanh, sôi nổi; hình ảnh thơ sáng tạo, mới mẻ, độc đáo:

++ Nhịp điệu thơ: Giục giã, hối thúc: *Mau đi thôi!*

++ Những động từ mạnh, tăng tiến chỉ động tác đắm say: *ôm, riết, say, thâu,*

++ Những danh từ chỉ vẻ đẹp thanh tân, tươi trẻ: *non nước, cây, cỏ rạng, mùi thơm, ánh sáng...*

++ Những tính từ biểu lộ cảm xúc: *no nê, đã đầy...,*

++ Những điệp từ, điệp cú pháp có tác dụng nhấn mạnh ý thể hiện sự nồng nhiệt đến vô cùng của một khát vọng được tận hưởng và tận hiến trước cuộc đời.

++ Hình ảnh thơ tươi mới, tràn trề sức sống: *Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi!*

☐ Tính triết luận của đoạn thơ: Lời giải đáp "Sống vội vàng là sống như thế nào": không kéo dài được trường độ sống thì phải tăng cường độ sống, sống nhanh, sống tận hưởng, tận hiến, trân trọng từng giây phút quý giá của cuộc sống sao cho mỗi cuộc đời đều phải có ý nghĩa. Đây cũng là quan niệm sống tiêu biểu cho quan niệm về cái "Tôi" trong thơ Mới.

- Khát vọng sống của Xuân Quỳnh qua hai khổ thơ trong bài thơ "Sóng" (1,0 điểm)

+ Nhận thức về quy luật cuộc sống, mối quan hệ giữa cái hữu hạn và cái vô hạn, từ đó xuất hiện khát vọng sống hết mình trong tình yêu.

+ Cách ứng xử trước thời gian: tan hòa cái riêng vào cái chung, trở thành con sóng nhỏ vĩnh hằng để muôn đời được sống với tình yêu.

+ Nghệ thuật: thể thơ năm chữ, sáng tạo hình ảnh biểu tượng, nhịp thơ nhịp nhàng, giọng điệu tha thiết, chân thành:

++ Các hình ảnh đối lập: cuộc đời >< năm tháng; biển >< mây.

++ Cặp quan hệ từ đối lập: tuy – vẫn, dẫu – vẫn.

++ Hình ảnh biểu tượng *sóng* – một hiện tượng tự nhiên bất tử, để vượt qua quy luật cuộc sống, để sống hết mình trong tình yêu.

☐Khát vọng cao cả muốn bất tử hóa, vĩnh viễn hóa tình yêu;

☐Một ước vọng lớn lao, một tâm hồn đẹp, chân thực được bộc lộ trong cách nói khiêm nhường giàu nữ tính *"con sóng nhỏ"* có sức mạnh làm nên cả đại dương bao la.

☐Cách ứng xử trước thời gian mang đậm dấu ấn tâm hồn nữ sĩ giàu trực cảm, luôn da diết khắc khoải trong hạnh phúc bình dị, đời thường đồng thời mang tinh thần thời đại khi con người luôn hướng tới cái ta chung, hướng tới cuộc đời chung, rộng lớn.

c. Bình giá (1,0 điểm):

- Tình yêu cuộc sống tha thiết mãnh liệt giúp con người làm nên việc có ích, có ý nghĩa trong cuộc sống: sống tận hiến, tận dâng;
- Tình yêu cuộc sống giúp con người có những các ứng xử tích cực và tiến bộ trước thời gian: trân trọng tình yêu, hạnh phúc, trân trọng từng phút giây cuộc sống;

- Nét độc đáo trong cách thể hiện làm nên phong cách nghệ thuật cho từng tác giả, đáp ứng yêu cầu sáng tạo.

4.Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,25 điểm):

Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.

5.Sáng tạo (0,5 điểm):

Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.